

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Hà Nội, tháng 9 năm 2024

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hà Nội, tháng 9 năm 2024

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM**

(Kèm theo Quyết định số 664/QĐ-ĐHKHTN ngày 12 tháng 3 năm 2024 của

Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1.	GS.TSKH. Vũ Hoàng Linh	Hiệu trưởng, Thành viên Hội đồng Trường, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Chủ tịch	
2.	PGS.TS. Trần Quốc Bình	Phó Hiệu trưởng, Thành viên Hội đồng Trường, Ủy viên thư ký Hội đồng KH&ĐT	Phó Chủ tịch	
3.	GS.TS. Nguyễn Mạnh Khải	Trưởng Khoa Môi trường, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Phó Chủ tịch	
4.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hoàng Liên	Trưởng Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng, Thành viên Hội đồng Trường, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Thư ký	
5.	TS. Bùi Thanh Tú	Phó Trưởng Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Thành viên	
6.	TS. Nguyễn Thanh Bình	Trưởng Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	Thành viên	
7.	TS. Trần Mạnh Cường	Trưởng Phòng Tổ chức Cán bộ - Hành chính, Thư ký Hội đồng Trường, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Thành viên	
8.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	Trưởng Phòng Đào tạo, Thành viên Hội đồng Trường,	Thành viên	

		Thành viên Hội đồng KH&ĐT		
9.	PGS.TS. Hoàng Thị Minh Thảo	Trưởng Phòng Khoa học - Công nghệ, Thành viên Hội đồng Trường, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Thành viên	
10.	TS. Lê Hữu Tuyển	Phó Trưởng Phòng Hợp tác và Phát triển, Phụ trách phòng	Thành viên	
11.	ThS. Trần Tùng	Trưởng Phòng Quản trị - Bảo vệ	Thành viên	
12.	ThS. Lê Thị Vân	Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính, Thành viên Hội đồng Trường	Thành viên	
13.	PGS.TS. Lê Trọng Vĩnh	Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	Thành viên	
14.	TS. Trần Thiện Cường	Phó Trưởng Khoa Môi trường	Thành viên	
15.	PGS.TS. Phạm Thị Thúy	Phó Trưởng Khoa Môi trường	Thành viên	
16.	PGS.TS. Nguyễn Văn Lợi	Trưởng Bộ môn Khoa học và Công nghệ Thực phẩm, Khoa Môi trường	Thành viên	
17.	TS. Trần Thị Huyền Nga	Phó trưởng Bộ môn Khoa học và Công nghệ Thực phẩm, Khoa Môi trường	Thành viên	
18.	TS. Lê Anh Tuấn	Giảng viên Bộ môn Khoa học và Công nghệ Thực phẩm, Khoa Môi trường	Thành viên	
19.	TS. Đỗ Hữu Tuấn	Giảng viên Bộ môn Quản lý Môi trường, Khoa Môi trường	Thành viên	
20.	TS. Trần Thị Minh Hằng	Phó trưởng Bộ môn Môi trường và Phát triển bền vững, Khoa Môi trường	Thành viên	
21.	Hoàng Thảo Ngân	Sinh viên K66 KH&CNTP	Thành viên	

(Danh sách gồm có 21 người).

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM**

*(Kèm theo Quyết định số 664/QĐ-ĐHKHTN ngày 12 tháng 3 năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hoàng Liên	Trưởng phòng, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Trưởng ban	
2.	TS. Bùi Thanh Tú	Phó Trưởng phòng, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Thành viên	
3.	ThS. Đinh Thị Hương	Chuyên viên chính, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Thành viên	
4.	ThS. Bùi Minh Đức	Chuyên viên, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Thành viên	
5.	ThS. Vũ Hải Uyên	Chuyên viên, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Thành viên	
6.	TS. Nguyễn Thuỳ Linh	Chuyên viên, Khoa Môi trường	Thành viên	

(Danh sách gồm có 06 người)

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM**

*(Kèm theo Quyết định số 664/QĐ-ĐHKHTN ngày 12 tháng 3 năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
Nhóm tiêu chuẩn 1, 2				
1.	GS. TS. Nguyễn Mạnh Khải	Trưởng Khoa Môi trường	Trưởng nhóm	
2.	TS. Đỗ Hữu Tuấn	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên	
3.	PGS.TS. Nguyễn Văn Lợi	Trưởng Bộ môn Khoa học và Công nghệ Thực phẩm, Khoa Môi trường	Thành viên	
4.	Nguyễn Thị Lợi	Trợ lý đào tạo đại học, Khoa Môi trường	Thành viên	
Nhóm tiêu chuẩn 3, 4				
5.	GS. TS. Nguyễn Mạnh Khải	Trưởng Khoa Môi trường	Trưởng nhóm	
6.	TS. Lê Anh Tuấn	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên	
7.	PGS.TS. Nguyễn Thị Lâm Đoàn	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên	
8.	Nguyễn Thị Lợi	Trợ lý đào tạo đại học, Khoa Môi trường	Thành viên	
Nhóm tiêu chuẩn 5, 6				
9.	GS. TS. Nguyễn Mạnh Khải	Trưởng Khoa Môi trường	Trưởng nhóm	
10.	PGS.TS. Ngô Thị Tường Châu	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên	
11.	TS. Trần Thị Minh Hằng	Phó trưởng Bộ môn Môi trường và Phát triển bền vững, Khoa	Thành viên	

		Môi trường		
12.	Nguyễn Thị Lợi	Trợ lý đào tạo đại học, Khoa Môi trường	Thành viên	
Nhóm tiêu chuẩn 7, 8				
13.	TS. Trần Thiện Cường	Phó trưởng Khoa Môi trường	Trưởng nhóm	
14.	TS. Nguyễn Thị Phương Mai	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên	
15.	TS. Nguyễn Thuỳ Linh	Trợ lý sinh viên và đảm bảo chất lượng, Khoa Môi trường	Thành viên	
16.	Nguyễn Thị Lợi	Trợ lý đào tạo đại học, Khoa Môi trường	Thành viên	
Nhóm tiêu chuẩn 9, 10				
17.	PGS.TS. Phạm Thị Thuý	Phó trưởng Khoa Môi trường	Trưởng nhóm	
18.	TS. Trần Thị Huyền Nga	Phó trưởng Bộ môn Khoa học và Công nghệ Thực phẩm, Khoa Môi trường	Thành viên	
19.	TS. Hoàng Minh Trang	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên	
20.	TS. Nguyễn Thuỳ Linh	Trợ lý sinh viên và đảm bảo chất lượng, Khoa Môi trường	Thành viên	
Nhóm tiêu chuẩn 11				
21.	PGS.TS. Phạm Thị Thuý	Phó trưởng Khoa Môi trường	Trưởng nhóm	
22.	PGS.TS. Trần Văn Quy	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên	
23.	TS. Nguyễn Thuỳ Linh	Trợ lý sinh viên và đảm bảo chất lượng, Khoa Môi trường	Thành viên	
24.	TS. Hoàng Minh Trang	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên	

Danh mục các chữ viết tắt	x
PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
1. Đặt vấn đề.....	1
2. Tổng quan chung.....	4
2.1. Tổng quan về trường Đại học Khoa học Tự nhiên	4
2.2. Giới thiệu về Khoa Môi trường	8
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	12
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	12
Mở đầu	12
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học.....	12
Tiêu chí 1.2. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT	17
Tiêu chí 1.3. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai	22
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	26
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo	27
Mở đầu	27
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.....	27
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật	30
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.....	32
Kết luận về tiêu chuẩn 2	34
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	34
Mở đầu	34
Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.....	35
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng	38
Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.....	42
Kết luận chung về Tiêu chuẩn 3.....	46
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	46
Mở đầu	46
Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan	47
Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.....	51

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học	56
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	60
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	46
Mở đầu	60
Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra	61
<i>Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học</i>	<i>65</i>
<i>Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng</i>	<i>69</i>
<i>Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập</i>	<i>71</i>
Kết luận về Tiêu chuẩn 5.....	76
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ GV, NCV	76
Mở đầu.....	76
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	77
Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	82
Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....	86
Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá. ..	88
Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....	90
Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	94
Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	97
Kết luận về Tiêu chuẩn 6.....	100
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên.....	101
Mở đầu.....	101
Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng	102

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....	108
Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá 1) Mô tả hiện trạng.....	111
Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....	113
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	116
Kết luận về Tiêu chuẩn 7	119
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	119
Mở đầu.....	119
Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.....	120
Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá	122
Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học	125
Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học	128
Tiêu chí 8.5. Có môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.....	131
Kết luận về Tiêu chuẩn 8	135
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	136
Mở đầu	136
Tiêu chí: 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	137
Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	140
Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	142
Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	145
Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật	148
Kết luận tiêu chuẩn 9.....	151
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng.....	152
Mở đầu	152

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH	153
Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến 1) Mô tả hiện trạng	155
Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp CDR	158
Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học	161
Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.....	170
Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến	175
Kết luận về Tiêu chuẩn 10	179
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra.....	180
Mở đầu	180
Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	181
Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	184
Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	187
Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	189
Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	192
Kết luận về Tiêu chuẩn 11	194
PHẦN III. KẾT LUẬN	196
PHỤ LỤC	i
Phụ lục 6a: Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	i
Phụ lục 7. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.....	1

Danh mục các chữ viết tắt

CTDH	Chương trình dạy học
CĐR	Chuẩn đầu ra
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐH	Đại học
ĐHKHTN	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên
ĐHQGHN	Đại học Quốc gia Hà Nội
FES	Khoa Môi trường
HUS	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên
HP	Học phần
GV	Giảng viên
KH&CNTP	Khoa học và Công nghệ thực phẩm
KLTN	Khóa luận tốt nghiệp
KQHT	Kết quả học tập
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCV	Nghiên cứu viên
THPT	Trung học phổ thông
SV	Sinh viên
VNU	Đại học Quốc gia Hà Nội

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Chất lượng đào tạo luôn là vấn đề quan trọng nhất của tất cả các trường đại học và hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo luôn là nhiệm vụ quan trọng nhất của ngành giáo dục Việt Nam. Hiện nay, công tác kiểm định chất lượng chương trình đào tạo là một trong những hoạt động được quan tâm hàng đầu của các cơ sở giáo dục đại học. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội đã có truyền thống trên 65 năm đào tạo trình độ đại học, đào tạo sau đại học. Nhà trường luôn xác định chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng, quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Nhà trường; luôn coi công tác kiểm định chất lượng chương trình đào tạo là một nhiệm vụ chiến lược. Nhà trường là trường đại học đầu tiên trong khu vực kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo bộ tiêu chuẩn mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA).

Tự đánh giá chương trình đào tạo là một hoạt động quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng và xây dựng văn hóa chất lượng bên trong Nhà trường. Quá trình tự đánh giá chương trình đào tạo với việc tự rà soát, tự xem xét, đánh giá thực trạng chất lượng đào tạo và hiệu quả của các hoạt động, Nhà trường đã xác định được những điểm mạnh, những vấn đề còn tồn tại, từ đó thực hiện các hoạt động nhằm phát huy điểm mạnh, khắc phục tồn tại, cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo. Đồng thời, kết quả kiểm định chất lượng chương trình đào tạo cũng là cơ sở để Nhà trường khẳng định sự cam kết cải tiến chất lượng với xã hội.

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Khoa học và Công nghệ thực phẩm Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT, Công văn 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về điều chỉnh, thay thế một số phụ lục của Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020. Nội dung tự đánh giá chương trình đào tạo bao gồm 11 nội dung: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; Bản mô tả chương trình đào tạo; Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học; Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Đánh giá kết quả học tập của người học; Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên; Đội ngũ nhân viên; Người

học và hoạt động hỗ trợ người học; Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Nâng cao chất lượng; Kết quả đầu ra.

Mục đích tự đánh giá: Nhà trường thực hiện tự rà soát, tự xem xét, đánh giá thực trạng chất lượng đào tạo và hiệu quả của các hoạt động cải tiến chất lượng, nhằm cải tiến hiệu quả, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học Ngành Khoa học và Công nghệ thực phẩm.

Phạm vi tự đánh giá: Nhà trường triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Khoa học và Công nghệ thực phẩm thuộc Khoa Môi trường theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hội đồng tự đánh giá: Để triển khai hoạt động tự đánh giá, Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân Khoa học và Công nghệ thực phẩm theo Quyết định số 664/QĐ-ĐHKHTN ngày 12 tháng 3 năm 2024 (về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo cử nhân ngành Khoa học và Công nghệ thực phẩm). Hội đồng tự đánh giá gồm có 21 thành viên, giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá là Ban Thư ký gồm có 06 thành viên và nhóm công tác chuyên trách gồm có 24 thành viên.

Quy trình tự đánh giá:

- Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá;
- Bước 2: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký, các nhóm chuyên trách;
- Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể từng nhóm;
- Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng;
- Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;
- Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá;
- Bước 7: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tổng thể;
- Bước 8: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Nhà trường để đọc và đóng góp ý kiến;
- Bước 9: Triển khai các hoạt động cải tiến sau khi hoàn thiện tự đánh giá.

Phương pháp và công cụ đánh giá: Hoạt động tự đánh giá được thực hiện theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học gồm 11 tiêu chuẩn (50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH và Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng; Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT; Công văn 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về điều chỉnh, thay thế một số phụ lục của Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020.

Phương pháp mã hóa minh chứng:

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef.

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10).

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...).

Ví dụ:

H1.01.02.01: là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1.

H11.11.01.08: là minh chứng thứ 8 của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 11, được đặt ở hộp 11.

2. Tổng quan chung

2.1. Tổng quan về trường Đại học Khoa học Tự nhiên

Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) là một trung tâm đào tạo đại học, sau đại học, nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, giữ vai trò nòng cốt trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, Đại học Đông Dương (1906), Đại học Quốc gia Việt Nam (1945), Đại học Tổng hợp Hà Nội (1956) và tháng 12 năm 1993, ĐHQGHN được tái cơ cấu tổ chức dựa vào sự hợp nhất của Đại học Tổng hợp Hà Nội và các đại học hàng đầu khác ở Hà Nội. Ngày nay, ĐHQGHN giữ một vị trí đặc biệt trong hệ thống giáo dục đại học và sau đại học ở Việt Nam, hoạt động theo cơ chế đặc biệt được ban hành bởi Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

ĐHQGHN ngoài cơ quan Đại học Quốc gia còn có 8 trường đại học thành viên (do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập), 3 trường (do Giám đốc ĐHQGHN quyết định thành lập), 1 khoa trực thuộc, 7 viện nghiên cứu, 2 trung tâm đào tạo và nghiên cứu, 16 đơn vị phục vụ. Mục tiêu của ĐHQGHN là phát triển các trường đại học đa ngành chất lượng cao và kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng. ĐHQGHN hiện được xếp hạng top 801-1000 trong bảng đánh giá xếp hạng các trường đại học trên thế giới theo tiêu chuẩn QS (QS World University Ranking). Trong những năm qua, ĐHQGHN liên tục đứng đầu trong danh sách các trường đại học xếp hạng ở Việt Nam. Điểm xếp hạng của ĐHQGHN ngày càng gia tăng, thứ hạng tuyệt đối trong bảng xếp hạng trên thế giới cũng liên tục được nâng cao. ĐHQGHN có vị trí xếp hạng trong nhóm 301-350 Châu Á trong tổng số 616 cơ sở giáo dục đại học tham gia xếp hạng theo tạp chí Times Higher Education năm 2022. Trong công bố kết quả xếp hạng Webometrics lần thứ hai của năm 2022, tiếp tục duy trì đà gia tăng trong các kỳ xếp hạng trước, ĐHQGHN đã ở trong tốp 800 cơ sở giáo dục đại học xuất sắc nhất với vị trí 758. Theo bảng xếp hạng đại học thế giới QS World University Rankings 2023 thì ĐHQGHN có năm thứ 5 liên tiếp được xếp hạng trong top 1000 các cơ sở giáo dục đại học tốt nhất thế giới. Dẫn đầu trong xu thế chuyển đổi số trong giáo dục ở Việt Nam, ĐHQGHN được tổ chức xếp hạng Webometrics của Tây Ban Nha xếp thứ 1 ở Việt Nam, thứ 141 ở Châu Á và thứ 758 thế giới. ĐHQGHN đã giành

được giải thưởng Công nhận về sự cải tiến chất lượng của tổ chức xếp hạng đại học thế giới QS năm 2022.

Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của ĐHQGHN:

- Sứ mệnh của ĐHQGHN là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức đa ngành, đa lĩnh vực; góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước; làm nòng cốt và đầu tàu trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.
- Tầm nhìn đến năm 2045 của ĐHQGHN là Trở thành đại học nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, đa ngành, đa lĩnh vực, trong nhóm các đại học hàng đầu châu Á và thế giới.
- Giá trị cốt lõi: Đổi mới sáng tạo - Trách nhiệm quốc gia - Phát triển bền vững;
- Khẩu hiệu hành động: Đạt đỉnh cao dựa vào tri thức (Excellence through Knowledge)

Trường ĐHKHTN là một đơn vị thành viên của ĐHQGHN. Năm 2017, Trường ĐHKHTN được công nhận là trường đại học đầu tiên trong khu vực đạt chuẩn chất lượng cấp Trường theo bộ tiêu chuẩn đánh giá kiểm định chất lượng AUN-QA. Năm 2023, hầu hết các lĩnh vực của Trường ĐHKHTN có đóng góp chính đều duy trì thứ hạng so với năm 2022 trong các bảng xếp hạng đại học uy tín trên thế giới của QS và THE theo lĩnh vực. Đáng lưu ý là năm 2023, Trường ĐHKHTN đã có thêm 01 lĩnh vực “**Life Sciences**” được xếp hạng trong bảng xếp hạng THE so với 2022. Kết quả xếp hạng cụ thể như sau:

Bảng xếp hạng năm 2022:

- Bảng xếp hạng QS về lĩnh vực: Trường ĐHKHTN đóng góp chính trong 03 lĩnh vực được xếp hạng (Computer Science and Information Systems: 501-550, Mathematics: 351-400, Physics & Astronomy: 451-500);

- Bảng xếp hạng THE về lĩnh vực: Trường ĐHKHTN đóng góp chính trong 02 lĩnh vực được xếp hạng (Computer Science: 601-800, Physical Sciences: 601-800).

Bảng xếp hạng năm 2023:

- Bảng xếp hạng QS về lĩnh vực: Trường ĐHKHTN đóng góp chính trong 03 lĩnh vực được xếp hạng (Computer Science and Information Systems: 501-550, Mathematics: 351-400, Physics & Astronomy: 551-600)

- Bảng xếp hạng THE về lĩnh vực: Trường ĐHKHTN đóng góp chính trong 03 lĩnh vực được xếp hạng (Life Sciences: 501-600, Computer Science: 601-800, Physical Sciences: 801-1000)

Trường đảm bảo kế tục, tiếp nối và phát huy truyền thống của gần 70 năm của Đại học Tổng hợp Hà Nội. Đây là nơi nhiều nhà khoa học tài năng và danh tiếng của Việt Nam đã được đào tạo. Hiện tại Trường có 8 Khoa, 1 trường THPT chuyên Khoa học Tự nhiên, nhiều đơn vị nghiên cứu, hơn 100 phòng thí nghiệm. Trường hiện có ba cơ sở chính: số 334 Nguyễn Trãi, số 19 Lê Thánh Tông và số 182 Lương Thế Vinh, Hà Nội. Cán bộ cơ hữu của Trường ĐHKHTN hiện có 678 cán bộ, trong đó có 81 giảng viên, 90 nghiên cứu viên, 51 giáo viên trung học phổ thông chuyên, 21 trợ giảng, 10 kỹ thuật viên, 125 cán bộ hành chính. Về trình độ chuyên môn, trình độ đào tạo có 18 GS, 125 PGS, 259 TS, 184 thạc sĩ, 2 Nhà giáo Nhân dân, 8 Nhà giáo ưu tú. Số giảng viên cơ hữu có trình độ Tiến sĩ chiếm trên 97%, giáo sư/phó giáo sư chiếm trên 37%. Trường đang tổ chức đào tạo 42 chương trình đào tạo bậc đại học, 29 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ và 40 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên luôn được chú trọng và đẩy mạnh (Bảng 0.1). Trong 5 năm từ 2019 đến 2023, trường đã thực hiện 340 đề tài, trong đó có khoảng 25% đề tài cấp quốc gia, 46% đề tài cấp Bộ và 29% đề tài cấp cơ sở.

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên có số lượng lớn các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín ISI, Scopus và khác. Trong 05 năm gần đây, cán bộ giảng viên Nhà trường đã công bố hơn 3500 bài báo, trong đó có 2624 bài báo thuộc danh mục ISI/Scopus và 13 bài báo thuộc tạp chí quốc tế khác, chiếm khoảng 74% so với tổng lượng

bài báo công bố của Nhà trường. Các bài báo đăng ở các tạp chí trong nước có 933 bài chiếm khoảng 26%.

Bảng 0.1: Số lượng đề tài các cấp từ năm 2019-2023

STT	Loại đề tài	Số lượng					Tổng
		2019	2020	2021	2022	2023	
1.	Đề tài cấp Nhà nước	7	1	8	1	6	23
2.	Đề tài Quỹ Nafosted	12	25	6	-	16	59
3.	Đề tài cấp Bộ	0	1	0	1	3	5
4.	Đề tài cấp Tỉnh	12	10	11	5	2	40
5.	Đề tài cấp ĐHQG	5	31	24	24	29	113
6.	Đề tài cấp Cơ sở (TN)	22	20	20	18	20	100
	Tổng	58	88	69	49	76	340

Bảng 0.2: Số lượng bài báo trong nước và quốc tế từ năm 2019-2023

STT	Loại bài báo	Số lượng					Tổng
		2019	2020	2021	2022	2023	
1.	Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành quốc tế (thuộc danh mục ISI/SCOPUS)	480	516	520	544	564	2624
2.	Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành quốc tế khác	09	0	0	2	2	13
3.	Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước	170	152	222	205	184	933
	Tổng	659	668	742	751	750	3570

- Sứ mệnh Trường ĐHKHTN là: *Trường ĐHKHTN là trường đại học nghiên cứu, có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu sáng tạo và chuyển giao tri thức thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.*

- Tầm nhìn: *Trở thành trường đại học nghiên cứu tiên tiến ở châu Á vào năm 2035.*

- Giá trị cốt lõi: *Chất lượng xuất sắc; Đổi mới và sáng tạo; Trách nhiệm xã hội cao; Hợp tác và thân thiện.*

- Khẩu hiệu hành động: *Sáng tạo, Tiên phong, Trách nhiệm xã hội.*

2.2. Giới thiệu về Khoa Môi trường

Khoa Môi trường được thành lập năm 1995, là đơn vị đào tạo cấp Khoa chính thức đầu tiên trong cả nước và khu vực đào tạo bậc đại học và sau đại học về khoa học môi trường. Qua 27 năm xây dựng và phát triển, Khoa Môi trường đã trở thành đơn vị cấp Khoa hàng đầu trong cả nước về đào tạo cán bộ từ trình độ đại học, thạc sĩ đến tiến sĩ cũng như về nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực khoa học môi trường, công nghệ môi trường, khoa học và công nghệ thực phẩm, môi trường và an toàn lao động... Khi mới thành lập, Khoa chỉ có 18 cán bộ (trong đó có 1 giáo sư, 3 phó giáo sư, 8 tiến sĩ), đến nay Khoa Môi trường có 57 cán bộ cơ hữu, phân bổ trong 6 bộ môn, 1 phòng thí nghiệm chung, 1 phòng thí nghiệm trọng điểm và 5 phòng thí nghiệm chuyên đề. Trong số 57 cán bộ cơ hữu hiện tại, Khoa có 02 Giáo sư, 16 Phó giáo sư, 24 Tiến sĩ, 12 Thạc sĩ và 03 cử nhân.

Từ khi thành lập đến nay, Khoa đã đào tạo cho xã hội một nguồn nhân lực lớn với chất lượng cao gồm: hơn 4000 cử nhân, 1400 thạc sĩ, gần 100 tiến sĩ. Trong những năm gần đây, quy mô đào tạo 600-1000 sinh viên, 50-100 học viên cao học và 30-50 nghiên cứu sinh.

Năm 2020, chương trình đào tạo cử nhân Khoa học và Công nghệ thực phẩm được bắt đầu đào tạo. Mỗi năm có số lượng sinh viên nhập học dao động từ 87-95 sinh viên. Chương trình đào tạo có các định hướng chuyên sâu gồm: Công nghệ chế biến thực phẩm; Công nghệ bảo quản thực phẩm; Kiểm nghiệm, kiểm soát và đảm bảo an toàn thực phẩm; Dinh dưỡng thực phẩm; Văn hóa ẩm thực và dịch vụ lễ hành.

Với tiềm lực mạnh về đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất nên trong nhiều năm qua cán bộ Khoa Môi trường được Nhà nước, các cấp, các ngành giao cho chủ trì triển khai nhiều đề tài nghiên cứu khoa học. Chi tính từ năm 2010 đến nay, Khoa Môi trường đã và đang chủ trì thực hiện nhiều đề tài các cấp từ cơ sở đến cấp Nhà nước, với tổng kinh phí mỗi

năm khoảng từ 20 - 25 tỷ đồng (năm 2023 tổng kinh phí từ các hoạt động nghiên cứu đề tài các cấp, hợp đồng tư vấn, chuyển giao NCKH,... đạt trên 40 tỷ đồng). Hàng năm, Khoa Môi trường công bố trên dưới 70 bài báo trên các tạp chí quốc tế, 30-70 báo cáo khoa học trong nước và nhiều bài đăng tại các hội nghị khoa học quốc tế và trong nước, 2-5 sở hữu trí tuệ/giải pháp hữu ích. Khoa Môi trường đã thiết lập được mối quan hệ chặt chẽ với nhiều Trường Đại học và Viện nghiên cứu trong nước và quốc tế (Hoa Kỳ, Thụy Điển, Đức, Tây Ban Nha, Đan Mạch, Phần Lan, Hungary, Bỉ, Nga, Úc, Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Indonesia, Thái Lan...).

Trong quá trình phát triển, các cán bộ trong Khoa Môi trường đã được nhiều khen thưởng, bao gồm:

- Về tập thể: Huân chương Lao động hạng Nhất (2020), Nhì (2015), Ba (2010), Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, Bằng khen Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Bộ KH&CN; Bộ TN&MT; Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN; Cờ thi đua của Chính phủ/ĐHQGHN/Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giải thưởng môi trường quốc gia... và liên tục là tập thể lao động xuất sắc. Nhiều bộ môn, đơn vị trong Khoa được công nhận là tập thể Lao động xuất sắc, được tặng Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN.

- Cá nhân: 1 Giáo sư nguyên là cán bộ của Khoa được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân và 7 cán bộ ở Khoa được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Ưu tú. Nhiều cán bộ trong Khoa được tặng thưởng Huân chương lao động, Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, Bộ GD&ĐT, Bộ KH&CN, Bộ TN&MT, ĐHQGHN.

Cơ cấu tổ chức của Khoa Môi trường được mô tả ở Hình 0.1.

- Trưởng Khoa: GS.TS. Nguyễn Mạnh Khải; Các phó trưởng Khoa: TS. Trần Thiện Cường, PGS.TS. Phạm Thị Thúy.

- Các đơn vị Bộ môn gồm: Bộ môn Quản lý môi trường: 5 cán bộ, Bộ môn Tài nguyên và Môi trường đất: 9 cán bộ, Bộ môn Sinh thái môi trường: 9 cán bộ, Bộ môn Công nghệ môi trường: 12 cán bộ, Bộ môn Môi trường và Phát triển bền vững: 6 cán bộ, Bộ môn Khoa học và Công nghệ thực phẩm: 8 cán bộ, Văn phòng Khoa: 3 cán bộ và Phòng thí nghiệm Nghiên cứu môi trường: 5 cán bộ, Phòng thí nghiệm trọng điểm Công nghệ môi

trường xanh và tái chế chất thải: 01 cán bộ kiêm nhiệm.



Hình 0.1. Sơ đồ tổ chức của Khoa Môi trường

Các lĩnh vực nghiên cứu khoa học chính: Môi trường nước, quản lý các nguồn nước và xử lý nước ô nhiễm; Môi trường không khí, quản lý và xử lý khí thải - tiếng ồn; Các chất thải, xử lý và quản lý chất thải hướng tới kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn; Công nghệ môi trường xanh; Mô hình quản lý môi trường; Kiểm toán, quy hoạch, quan trắc, đánh giá tác động môi trường; Quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên đất, các biện pháp xử lý và cải tạo đất ô nhiễm; Biến đổi khí hậu và an ninh môi trường; Hệ sinh thái và đa dạng sinh học; Phát triển bền vững và mô hình phát triển bền vững; Mô hình hoá môi trường; Năng lượng, kiểm soát chất phóng xạ trong môi trường; Biến đổi khí hậu và thích ứng với biến đổi khí hậu; Khoa học đất; Công nghệ chế biến thực phẩm; Công nghệ bảo quản thực phẩm; Kiểm nghiệm, kiểm soát và đảm bảo an toàn thực phẩm; Dinh dưỡng thực phẩm; Văn hóa ẩm thực và dịch vụ lễ hành; Kiểm soát an toàn môi trường, an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp.

Hợp tác đào tạo: Khoa đã có sự hợp tác trong công tác đào tạo với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước như Đại học Indiana (Hoa Kỳ), Đại học Kitakyushu, (Nhật

Bản), Đại học Moscow State (Nga), Mahasarakham (Thái Lan),... Khoa phối hợp với nhiều đơn vị trong nước hỗ trợ, hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu khoa học như: Khoa Môi trường thuộc Học viện Cảnh sát nhân dân, Viện Công nghệ môi trường, Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ - CRETECH (Viện Hàn lâm khoa học và Công nghệ Việt Nam), Sở TN&MT các tỉnh, thành phố...

Sứ mệnh: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển và chuyển giao tri thức hiện đại, khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực tài nguyên đất, môi trường, an toàn và thực phẩm.

Tầm nhìn: Đến năm 2030 Khoa môi trường là đơn vị đào tạo và nghiên cứu khoa học hàng đầu quốc gia về lĩnh vực tài nguyên đất, môi trường, kỹ thuật môi trường, môi trường và an toàn lao động, phát triển bền vững, khoa học và công nghệ thực phẩm có uy tín và đạt trình độ tiên tiến khu vực Đông Nam Á.

Triết lý giáo dục:

Học để ứng dụng - Học từ thực tiễn/Learn to Apply - Learn from Practice

Khoa Môi trường đã và đang xây dựng chiến lược dạy và học tiên tiến, sáng tạo và cập nhật liên tục để đảm bảo chất lượng đào tạo; đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội và sự phát triển bền vững.

Khẩu hiệu hành động: Chất lượng cao/High quality và Trách nhiệm xã hội/Social responsibility.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Chương trình đào tạo ngành KH&CNTP được hình thành và phát triển dựa trên nhu cầu thực tế của xã hội về thực phẩm hiện nay không còn chỉ là ăn no, ăn ngon mà là an toàn, khỏe mạnh. Với nhiệm vụ đặc biệt được ĐHQGHN giao phó là xây dựng và phát triển một chương trình đào tạo uy tín, tiên phong và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực thực phẩm; bồi dưỡng được đội ngũ nhân lực chất lượng cao đáp ứng được yêu cầu thực tiễn về bảo vệ sức khỏe nhân dân trong lĩnh vực thực phẩm. Với tinh thần đó, Khoa Môi trường – Trường ĐHKHTN thực hiện nghiêm túc và có trách nhiệm đối với việc xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR); coi mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành KH&CNTP là nền tảng để xây dựng chương trình và công tác điều chỉnh để chương trình đào tạo ngày càng hoàn thiện hơn.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học

1) Mô tả hiện trạng

Trước những thay đổi to lớn về kinh tế và sự phát triển của đất nước, yêu cầu đối với thực phẩm không chỉ còn là để ăn no, ăn ngon mà chuyển sang xu hướng ăn đủ chất, an toàn, khỏe mạnh. Các vấn đề về sức khỏe con người liên quan đến thực phẩm hiện nay là yêu cầu cấp thiết từ thực tế xã hội. Trước các vấn đề về vệ sinh an toàn thực phẩm, yêu cầu về chất lượng thực phẩm ngày càng cao, kiểm soát chất lượng thực phẩm từ nông trại đến bàn ăn là một xu hướng tất yếu. Do đó việc phát triển chương trình đào tạo ngành KH&CNTP để xây dựng nguồn nhân lực, có trình độ chuyên môn chất lượng cao, để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực thực phẩm là vô cùng cấp thiết.

Với thế mạnh là một đơn vị nghiên cứu truyền thống, đi đầu trong các chuyên môn có liên quan đến thực phẩm, ví dụ như: sinh học, hóa học, khoa học đất, các hướng nghiên cứu về kiểm soát an toàn thực phẩm, độc học thực phẩm, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHKHTN), ĐHQGHN đã xây dựng chương trình đào tạo ngành KH&CNTP. Từ khi được

ĐHQGHN ban hành năm 2020, chương trình đã được điều chỉnh năm 2022 để kịp thời có những thay đổi đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan về chương trình đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu ra và ngày càng hoàn thiện hơn phù hợp với yêu cầu xã hội theo từng giai đoạn, phát huy tốt hơn sứ mạng của Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN và tiến tới đạt chuẩn Châu Á [H1.01.01.01]. Trong những lần điều chỉnh, các mục tiêu của CTĐT ngành KH&CNTTP cũng được điều chỉnh và phản ánh chi tiết trong khung chương trình trong các giai đoạn khác nhau [H1.01.01.02], được đăng tải trên trang web của Trường/Khoa [H1.01.01.03], được lưu hành trong xã hội [H1.01.01.04] và thường xuyên được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H1.01.01.05].

Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm có mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng đổi mới sáng tạo, trách nhiệm xã hội; có kiến thức chuyên môn sâu, toàn diện, nắm vững nguyên lí, quy luật tự nhiên, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật. Sinh viên có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, làm việc độc lập, sáng tạo, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm, có khả năng hướng dẫn, phổ biến kiến thức và giải quyết những vấn đề thuộc ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm.

Mục tiêu cụ thể

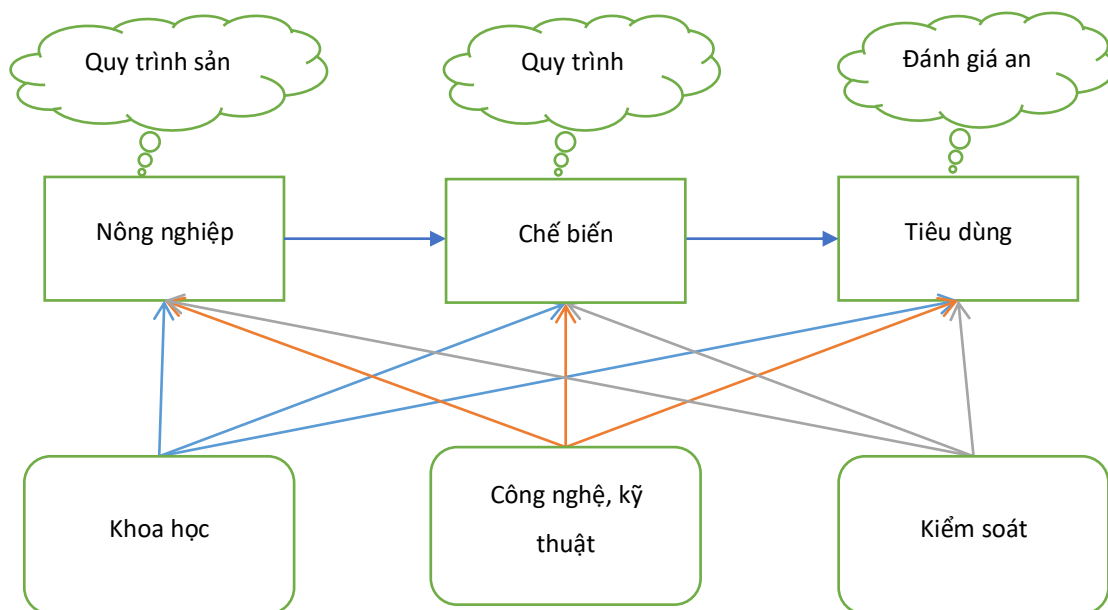
Về kiến thức: Chương trình đào tạo trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn toàn diện của ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm để áp dụng cho công tác về quản lý giám sát, kiểm định chất lượng, kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng thực phẩm từ nguyên liệu đến chế biến và tiêu dùng, quá trình chế biến và bảo quản và tiêu dùng thực phẩm. Ngoài ra, chương trình đào cũng trang bị cho sinh viên các kiến thức về dinh dưỡng thực phẩm, văn hóa ẩm thực của con người.

Về kỹ năng: Trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hành, phân tích và đánh giá, chế biến và bảo quản thực phẩm. Tư duy phân tích đa chiều, logic để đưa ra các giải pháp chuyên môn; vận dụng kiến thức vào thực tế, phát triển bản thân, khởi nghiệp. Kỹ năng quản lý lãnh đạo, giao tiếp, khả năng ngoại ngữ đạt chuẩn bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ

6 bậc dùng cho Việt Nam để phục vụ cho các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Khoa học và công nghệ thực phẩm.

Mức tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên được rèn luyện để có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, tự chủ, sáng tạo, giải quyết được những vấn đề phức tạp, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm, có phẩm chất chính trị, sức khỏe tốt, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp, sẵn sàng phục vụ cộng đồng.

Với các mục tiêu nêu trên, sinh viên ngành KH&CNTP sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực công tác tại các doanh nghiệp, nhà máy, khu công nghiệp, cơ sở sản xuất... hoặc công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước; giảng dạy và nghiên cứu tại các trường Đại học, các viện nghiên cứu, các tổ chức quốc tế, tập đoàn đa quốc gia, trung tâm/doanh nghiệp về lĩnh vực Khoa học và công nghệ thực phẩm. Bên cạnh đó, sau khi tốt nghiệp sinh viên ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm đủ điều kiện để học sau đại học tại các trường đại học uy tín trong nước cũng như trên thế giới. Có khả năng tự cập nhật, bổ sung kiến thức mới thông qua tự học để đào tạo nâng cao, trình độ và học tập suốt đời. Mục tiêu đào tạo của ngành KHCNTP tiếp cận trên quan điểm hệ thống, ngoài mục tiêu về kiến thức về lĩnh vực chế biến thực phẩm, còn đi sâu vào các mục tiêu về đảm bảo an toàn thực phẩm, sức khỏe người tiêu dùng.



Hình 1. Khung logic xây dựng CTĐT ngành KH&CNTP

Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu tham chiếu của Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN và của Luật Giáo dục đại học (2019). Các mục tiêu của CTĐT đại học ngành KH&CNTP đã được xây dựng trên cơ sở tầm nhìn và chiến lược phát triển của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN. Trong những năm vừa qua, hàng loạt các văn kiện có tính chất bước ngoặt đã được ban hành và áp dụng trong ĐHQGHN nhằm tiến tới một hệ thống giáo dục tiên tiến, đạt chuẩn khu vực và duy trì vị thế là đại học số 1 tại Việt Nam. Với sứ mạng “*Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức đa ngành, đa lĩnh vực; góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước; làm nòng cốt và đầu tàu trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam*” [H1.01.01.06], ĐHQGHN đã hoàn tất quá trình chuyển đổi từ hệ thống đào tạo cũ sang hệ thống giáo dục mới theo chuẩn đầu ra - lấy người học là trung tâm và hướng đến mục tiêu đào tạo ra những cử nhân khoa học có năng lực toàn diện. Những mục tiêu này cũng hoàn toàn phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHKHTN là “*Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu sáng tạo và chuyển giao tri thức thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước; Khẩu hiệu hành động: sáng tạo, tiên phong, trách nhiệm xã hội*” [H1.01.01.07]. Sứ mạng, tầm nhìn của Khoa Môi trường được đưa ra nhằm góp phần cụ thể hóa đặc thù của các ngành trong Khoa Môi trường là tính cơ bản, liên ngành và định hướng ứng dụng cũng như thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và khẩu hiệu hành động cụ thể, có tính chất đặc thù riêng “*Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển và chuyển giao tri thức hiện đại, khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực môi trường, bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe con người và sử dụng hợp lý tài nguyên môi trường phục vụ phát triển bền vững.*” “*Đến năm 2030 Khoa môi trường sẽ là đơn vị đào tạo và nghiên cứu khoa học về môi trường, kỹ thuật môi trường, phát triển bền vững có uy tín và đạt trình độ tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á.*” Với triết lý giáo dục “**Học để ứng dụng – Học từ thực tiễn**” và **khẩu hiệu hành động “Chất lượng cao, Trách nhiệm xã hội**” [H1.01.01.08] Những mục tiêu của CTĐT ngành KH&CNTP cũng được xây dựng trên cơ sở thực hiện mục tiêu cụ thể của giáo dục đại học theo Điều 39 Luật Giáo dục đại học (2019) “*Đào tạo nhân lực trình độ cao, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc*

tế.”, nguyên tắc đảm bảo yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu và năng lực nghiên cứu, sáng tạo mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp theo các Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT và 04/2016/TT-BGDĐT và Quyết định số 1982/QĐ-TTg phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam. Bên cạnh đó, mục tiêu của CTĐT ngành KH&CNTTP hiện nay hoàn toàn logic, phù hợp với Luật Giáo dục hiện hành “*Đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ Nhân dân*”. [H1.01.01.09]. Như vậy, có thể thấy khung chương trình đào tạo ngành KH&CNTTP đảm bảo phù hợp với Luật Giáo dục, phản ánh đầy đủ sứ mạng, tầm nhìn của ĐHQGHN nói chung và Trường ĐHKHTN nói riêng. Trong quá trình xây dựng và thực hiện, mục tiêu của CTĐT được định kỳ lấy ý kiến của các bên liên quan nhằm khảo sát, đánh giá, dự báo nhu cầu của thị trường lao động đối với nhân lực trong lĩnh vực thực phẩm. Những yêu cầu của thị trường lao động được phản ánh trong mục tiêu đào tạo của Khoa và của CTĐT. Khoa Môi trường cũng thường xuyên tiếp thu ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là các nhà tuyển dụng để điều chỉnh, bổ sung mục tiêu của CTĐT nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

2) Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành KH&CNTTP được xây dựng rõ ràng, được cập nhật, điều chỉnh (2022) phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học (2019). Việc rà soát, điều chỉnh có kế hoạch, công khai và tuân thủ đầy đủ các quy định chặt chẽ và nhất quán của Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN, với động lực phát triển mạnh mẽ, hướng tới đạt chuẩn khu vực/quốc tế.

3) Điểm tồn tại

CTĐT ngành KH&CNTTP đang đào tạo thí điểm, do đó để đánh giá các mục tiêu đào tạo, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan còn hạn chế do sinh viên đi làm chưa đủ dài để các bên cho ý kiến điều chỉnh mục tiêu.

4) Kế hoạch hành động

Tiếp tục định kỳ rà soát, chỉnh sửa và bổ sung mục tiêu đào tạo phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn và chiến lược phát triển của Trường ĐHKHTN và ĐHQGHN. Lấy ý kiến các bên liên quan để điều chỉnh phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển của Trường và của ngành đào tạo theo triết lý giáo dục của Khoa đã ban hành. Tiếp tục chuẩn hóa quy trình và phương thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Trong những lần điều chỉnh 2024-2026 và các năm tiếp theo sẽ tăng cường hơn nữa việc lấy ý kiến của các bên liên quan. Định kỳ theo từng học kỳ, tổ đảm bảo chất lượng, lãnh đạo khoa căn cứ vào kế hoạch hành động và kết quả đạt được điều chỉnh kế hoạch công tác để nâng cao chất lượng và mục tiêu đề ra.

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 6/7.

Tiêu chí 1.2. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT

1) Mô tả hiện trạng

Xây dựng CĐR của CTĐT đại học ngành KH&CNTTP là một trong những nội dung đặc biệt quan trọng được đầu tư xây dựng dựa trên những kinh nghiệm khi xây dựng các CTĐT đại học đã thành công tại Khoa Môi trường. Bằng việc tổ chức hội thảo, qua việc khảo sát xin ý kiến phản hồi của các bên liên quan có cập nhật những chương trình tiên tiến với sự điều chỉnh cho phù hợp với chuyển biến của xã hội về nhu cầu nguồn nhân lực. Từ khi ban hành CTĐT năm 2020, CTĐT đã được điều chỉnh, cập nhật năm 2022 để phù hợp với yêu cầu của xã hội và các bên liên quan [H1.01.02.01], [H1.01.02.02]. Từ khi CĐR của CTĐT đã được xây dựng rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT ngành KH&CNTTP được mô tả chi tiết trong Phần II của CTĐT và được chi tiết hóa thành các nhóm: CĐR về kiến thức (gồm 5 CĐR); CĐR về kỹ năng (gồm 6 CĐR); CĐR về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm (gồm 3 CĐR); CĐR về vị trí việc làm có thể đảm nhận sau tốt nghiệp; và CĐR Khả năng học tập, nâng cao trình độ [H1.01.02.02]. Nội dung cụ thể của các CĐR được thể hiện ở Bảng 1.1.

Bảng 1.1 Nội dung CDR của CTĐT KH&CNTP

Chuẩn đầu ra	Nội dung
1. Chuẩn đầu ra về kiến thức	Hiểu bối cảnh và tư tưởng đường lối của Nhà nước Việt Nam, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật;
	Hiểu kiến thức trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, văn hóa, công nghệ thông tin làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho khối ngành khoa học trái đất và môi trường, khoa học và công nghệ thực phẩm, ứng dụng vào thực tiễn cuộc sống, đáp ứng yêu cầu công việc;
	Áp dụng các kiến thức của khối ngành khoa học tự nhiên, xã hội và môi trường làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm;
	Áp dụng kiến thức ngành như vi sinh thực phẩm, hóa sinh thực phẩm, hóa học thực phẩm, các kiến thức cơ bản về hệ thống nông nghiệp, an ninh lương thực, kiểm soát ô nhiễm môi trường trong lĩnh vực thực phẩm để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ thực phẩm;
	Phân tích và tư vấn sức khỏe, rủi ro, dinh dưỡng, quản lý chất lượng thực phẩm, bảo quản, chế biến và sử dụng thực phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất, lưu thông và tiêu dùng.
2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng	Phát hiện vấn đề, tìm kiếm tài liệu, thu thập thông tin, triển khai nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp

	<p>trong lĩnh vực chuyên môn về khoa học và công nghệ thực phẩm;</p>
	<p>Làm việc nhóm, dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác, hướng dẫn, giám sát người khác làm các công việc cụ thể thuộc lĩnh vực chuyên môn về khoa học và công nghệ thực phẩm;</p>
	<p>Thực hành tư duy phân biện và sử dụng các giải pháp thay thế, thích ứng với điều kiện thực tế;</p>
	<p>Thích ứng và đánh giá được chất lượng công việc sau khi hoàn thành cũng như kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;</p>
	<p>Giao tiếp thành thạo bằng văn bản, qua thư điện tử/phương tiện truyền thông, truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; thuyết trình, truyền tải, phổ biến kiến thức tới người khác, thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp;</p>
	<p>Sử dụng ngoại ngữ cơ bản và chuyên ngành với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết đạt chuẩn bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p>
3. Về mức tự chủ và trách nhiệm	<p>Đáp ứng năng lực tự chủ cao, có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;</p>
	<p>Tiếp thu kiến thức và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân;</p>

	Thực hiện lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.
4. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp	Sinh viên ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực nhận công tác tại các doanh nghiệp, nhà máy, khu công nghiệp, cơ sở sản xuất... hoặc công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước; giảng dạy và nghiên cứu tại các trường Đại học, các viện nghiên cứu, các tổ chức quốc tế, tập đoàn đa quốc gia, trung tâm/doanh nghiệp về lĩnh vực Khoa học và công nghệ thực phẩm.
5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	Sau khi tốt nghiệp sinh viên ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm đủ điều kiện để học sau đại học tại các trường đại học uy tín trong nước cũng như trên thế giới; Có khả năng tự cập nhật, bổ sung kiến thức mới thông qua tự học để đào tạo nâng cao, trình độ.

Nội dung CTĐT đại học ngành KH&CNTP được thiết kế để hướng người học đến các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm, đồng thời giúp người học có năng lực giải quyết khó khăn, thích ứng với công việc sau khi tốt nghiệp và có khả năng khởi nghiệp. Vì vậy, CDR bao hàm đầy đủ các phương diện, từ kiến thức đến kỹ năng, từ phẩm chất đạo đức đến năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm, từ vị trí nghề nghiệp đến khuyến khích học tập suốt đời [H1.01.02.02]. Các CDR được chi tiết hóa nhằm bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CDR về kiến thức được chuyên biệt hóa theo cấu trúc CTĐT với các mô đun riêng biệt: kiến thức chung, kiến thức theo lĩnh vực, kiến thức theo khối ngành, kiến thức nhóm ngành và kiến thức ngành (đây là cấu trúc CTĐT chung ở ĐHQGHN). CDR về kiến thức được thiết kế với mức độ yêu cầu tăng dần (theo thang phân loại Bloom). Song hành với

các kỹ năng về kiến thức là việc bổ trợ các kỹ năng nghề nghiệp giúp người học phát triển toàn diện hơn. CĐR của CTĐT đã được đối sánh với CTĐT ngành Khoa học và Công nghệ thực phẩm của Đại học Monash Úc, đặc biệt là CĐR về kiến thức [H1.01.02.01] . Nhóm CĐR về kỹ năng này gồm có 6 kỹ năng cụ thể hướng tới việc hoàn thiện người học một cách toàn diện. Những kỹ năng này được mô tả sẽ góp phần giúp người học tăng cường khả năng tiếp thu kiến thức, có khả năng kết nối kiến thức được học với thực tiễn, có khả năng chuyển hóa, phát triển bản thân để nắm bắt được các cơ hội phát triển nghề nghiệp và sự nghiệp trong tương lai, có năng lực và khát vọng cống hiến cho lĩnh vực học tập. Bên cạnh đó, CTĐT cũng bao gồm cả các CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm. Những CĐR này nhằm hỗ trợ tạo ra một thế hệ người học không chỉ có năng lực chuyên môn tốt, mà còn có kỹ năng bổ trợ, tự chủ, có đạo đức và trách nhiệm xã hội. Toàn bộ các CĐR nêu trên đều được tích hợp đến toàn bộ các học phần trong CTĐT (ma trận CĐR) [H1.01.02.02]. Vì thế, mỗi một học phần đều có đóng góp để đạt được CĐR, mặt khác CĐR chi phối đến các hoạt động chi tiết của từng học phần trong CTĐT.

2) Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành KH&CNTP có tính bao quát, súc tích, đa diện. Các CĐR được tích hợp vào từng học phần và được đánh giá ở nhiều mức độ khác nhau (theo thang Bloom) với đích đến cuối cùng là giúp người học có năng lực toàn diện, có khả năng thích ứng tốt trong môi trường làm việc đa dạng, đáp ứng nhu cầu xã hội.

3) Tôn tại

Mặc dù việc đánh giá CĐR được thực hiện liên tục thông qua việc đánh giá CĐR các học phần và đánh giá chung cho toàn bộ CTĐT, CTĐT ngành KH&CNTP vẫn đang đào tạo thí điểm và đến 6/2024 mới có khóa sinh viên đầu tiên tốt nghiệp. Do đó việc đánh giá, phân tích CĐR để đưa vào đợt điều chỉnh năm 2022 còn hạn chế cần bổ sung đánh giá từ các đợt điều chỉnh tiếp theo.

4) Kế hoạch hành động

Các CĐR thường xuyên được rà soát theo năm học, theo từng học phần để có phương hướng cải tiến cho phù hợp với điều kiện thực tế. Thường xuyên thu thập thông tin của

người học, nhà tuyển dụng, cán bộ quản lý... về tính hiệu quả và mức độ đạt được của CĐR để làm căn cứ cho các lần điều chỉnh tiếp theo. Liên tục thực hiện rà soát, điều chỉnh và bắt đầu từ năm học 2024-2026. Khoa Môi trường sẽ tăng cường thảo luận, khảo sát và phân tích mức độ đạt được CĐR của các sinh viên tốt nghiệp để điều chỉnh các CĐR cho phù hợp với quy định và yêu cầu thực tế, đồng thời khảo sát cập nhật nhu cầu xã hội để làm tốt hơn nữa việc gắn kết giữa nhu cầu xã hội và khả năng đáp ứng trên CĐR của chương trình. Định kỳ theo từng học kỳ, tổ đảm bảo chất lượng, lãnh đạo khoa căn cứ vào kế hoạch hành động và kết quả đạt được điều chỉnh kế hoạch công tác để nâng cao chất lượng và mục tiêu đề ra.

5) *Tự đánh giá*: Đạt, mức: 6/7.

Tiêu chí 1.3. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1) Mô tả hiện trạng

Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành KH&CNTP được thiết kế một cách rõ ràng, có hệ thống từ việc xác định mục tiêu, xây dựng CĐR đến xây dựng nội dung của CTĐT để đáp ứng chuẩn đầu ra, xây dựng trên các quy định và yêu cầu của các bên liên quan [H1.01.03.01]. CTĐT đại học ngành KH&CNTP được ban hành và triển khai đào tạo lần đầu tiên từ năm 2020. Khi xây dựng chương trình đào tạo, các hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan đã được tổ chức, phiếu khảo sát xin ý kiến về CĐR của CTĐT đã được thực hiện làm căn cứ xây dựng các CĐR [H1.01.03.02]. Dựa trên các phản hồi của các bên liên quan CĐR của CTĐT đã được xây dựng, phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan tại thời điểm xây dựng [H1.01.03.03].

Năm 2022 theo kế hoạch định kỳ rà soát điều chỉnh các CTĐT của ĐHQGHN, CTĐT ngành KH&CNTP được định kỳ điều chỉnh. CĐR của CTĐT cũng được rà soát, lấy ý kiến của các bên liên quan để cập nhật cho phù hợp với yêu cầu thực tế [H1.01.03.04]. Các nội dung thay đổi chính CĐR của khung CTĐT 2022 so với khung CTĐT được ban hành năm 2020 như sau:

- Trước những phản hồi của các bên liên quan về số CĐR năm 2020 khó nhớ, khó thực hiện và đo lường bao gồm: 13 CĐR về kiến thức; 27 CĐR về kỹ năng; 3 CĐR về phẩm chất đạo đức; 3 CĐR về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm; CĐR về vị trí việc làm có thể đảm nhận sau tốt nghiệp; và CĐR Khả năng học tập, nâng cao trình độ. CĐR của CTĐT ngành KH&CNTP năm 2022 đã điều chỉnh tích hợp lại cho súc tích: CĐR về kiến thức (gồm 5 CĐR); CĐR về kỹ năng (gồm 6 CĐR); CĐR về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm (gồm 3 CĐR); CĐR về vị trí việc làm có thể đảm nhận sau tốt nghiệp; và CĐR khả năng học tập, nâng cao trình độ. Như vậy có thể thấy, CĐR năm 2022 tinh gọn hơn (16 CĐR) so với năm 2020 (48 CĐR) **[H1.01.03.05]**.
- Đối với CĐR về kiến thức năm 2020 có 13 CĐR chia thành 5 nhóm: CĐR về kiến thức chung; CĐR kiến thức theo lĩnh vực; CĐR kiến thức theo khối ngành; CĐR kiến thức theo nhóm ngành, CĐR kiến thức ngành. Năm 2022, tiếp thu phản hồi của các bên liên quan CĐR về kiến thức đã được mô tả đầy đủ, súc tích trong 5 CĐR để thuận lợi trong việc thực hiện và đo lường. Các CĐR điều chỉnh tập trung vào yêu cầu kiến thức về tư tưởng đường lối của Nhà nước Việt Nam, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật; Kiến thức trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, văn hóa, công nghệ thông tin; Kiến thức của khối ngành khoa học tự nhiên, xã hội và môi trường; Kiến thức ngành như vi sinh thực phẩm, hóa sinh thực phẩm, hóa học thực phẩm, các kiến thức cơ bản về hệ thống nông nghiệp, an ninh lương thực, kiểm soát ô nhiễm môi trường trong lĩnh vực thực phẩm; Phân tích và tư vấn sức khỏe, rủi ro, dinh dưỡng, quản lý chất lượng thực phẩm, bảo quản, chế biến và sử dụng thực phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất, lưu thông và tiêu dùng.
- CĐR về kỹ năng năm 2020 bao gồm 27 CĐR được chia thành 2 nhóm chính là kỹ năng chuyên môn và kỹ năng bổ trợ. Trong kỹ năng chuyên môn được cụ thể bằng 8 kỹ năng: Các kỹ năng nghề nghiệp; Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề; Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức; Khả năng tư duy theo hệ thống; Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh; Bối cảnh tổ chức; Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề

nghiệp. Kỹ năng bổ trợ gồm 6 kỹ năng: Các kỹ năng cá nhân; Làm việc theo nhóm; Quản lý và lãnh đạo; Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ; Các kỹ năng mềm khác. Đợt điều chỉnh CTĐT năm 2022, CĐR về kỹ năng được điều chỉnh tích hợp lại còn 6 CĐR bao gồm: Phát hiện vấn đề, tìm kiếm tài liệu, thu thập thông tin, triển khai nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực chuyên môn về khoa học và công nghệ thực phẩm; Làm việc nhóm, dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác, hướng dẫn, giám sát người khác làm các công việc cụ thể thuộc lĩnh vực chuyên môn về khoa học và công nghệ thực phẩm; Thực hành tư duy phản biện và sử dụng các giải pháp thay thế, thích ứng với điều kiện thực tế; Thích ứng và đánh giá được chất lượng công việc sau khi hoàn thành cũng như kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; Giao tiếp thành thạo bằng văn bản, qua thư điện tử/phương tiện truyền thông, truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; thuyết trình, truyền tải, phổ biến kiến thức tới người khác, thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp; Sử dụng ngoại ngữ cơ bản và chuyên ngành với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết đạt chuẩn bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Như vậy có thể thấy, qua phản hồi của các bên liên quan, CĐR về kỹ năng đã được điều chỉnh lại ngắn gọn, súc tích, dễ theo dõi và đo lường hơn.

- Đối với CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm, số CĐR được giữ nguyên là 3 CĐR tuy nhiên nội dung yêu cầu của CĐR đã được chi tiết hóa hơn so với năm 2020 như: Đáp ứng năng lực tự chủ cao, có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Tiếp thu kiến thức và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân; Thực hiện lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.
- Cũng trong lần điều chỉnh năm 2022, CĐR về phẩm chất đạo đức đã được bỏ ra theo yêu cầu mới.

Những điều chỉnh CĐR của CTĐT đã thực hiện có thể xuất phát từ chỉ đạo của ĐHQGHN/ĐHKHTN, từ yêu cầu đổi mới trong nội tại Khoa Môi trường (giảng viên hoặc thảo luận tại các cuộc họp/hội thảo nội bộ) hoặc xuất phát từ phản ánh trực tiếp hay gián

tiếp từ các bên liên quan, và đặc biệt là các khuyến nghị cải tiến nâng cao chất lượng của hoạt động kiểm định, chuyên gia giáo dục. Để nâng cao tính thực tiễn của chương trình đào tạo, CDR của CTĐT thường xuyên được tham khảo ý kiến đánh giá của các nhà khoa học ở các cơ quan bên ngoài và các nhà tuyển dụng [H1.01.03.06]. Với tư duy cởi mở, Khoa Môi trường đã thúc đẩy việc thực thi định kỳ việc điều chỉnh CTĐT, trong đó luôn chú trọng vào điều chỉnh CDR, dựa trên những phản hồi từ các bên liên quan. Trong suốt quá trình tổ chức đào tạo, CTĐT đã nhận được rất nhiều phản hồi tích cực từ các bên liên quan [H1.01.03.06] và đây là minh chứng rõ nét về sự linh hoạt của khung chương trình (Khoa và Nhà trường) nhằm thích ứng tốt với những chuyển biến trong xã hội nói chung và lĩnh vực giáo dục nói riêng. Việc điều chỉnh CTĐT nói chung và CDR của CTĐT về cơ bản được thực hiện để phù hợp với những thay đổi của Luật Giáo dục hay các quy định mới của ĐHQGHN và dựa trên phản hồi từ các bên liên quan.

Các CDR sau khi điều chỉnh được công bố công khai trên các website của Khoa và ĐHKHTN cùng với bản mô tả CTĐT tạo điều kiện cho các bên liên quan có thể tiếp tục đóng góp ý kiến nhằm cải tiến CTĐT ngày một tốt hơn. Bên cạnh đó các hội nghị, hội thảo khoa học và đào tạo, hoạt động quảng bá tuyển sinh, khảo sát ý kiến các bên liên quan thì CDR và bản mô tả CTĐT đều được giới thiệu cho các bên liên quan [H1.01.03.07]. Mặc dù CDR của CTĐT thường xuyên được tham khảo lấy ý kiến đánh giá của các bên liên quan, tuy nhiên việc lấy ý kiến còn gặp nhiều khó khăn và hạn chế, đặc biệt là ý kiến từ đại diện của các tổ chức nghề nghiệp, hiệp hội đối với CDR của CTĐT.

2) Điểm mạnh

CDR được xây dựng trên nền tảng kinh nghiệm và thực tế trong xây dựng, triển khai các CĐT trong ĐHQGHN và đặc biệt Trường ĐHKHTN đã đạt chuẩn kiểm định AUN-QA cấp trường. CDR được định kỳ điều chỉnh cho phù hợp với ý kiến phản hồi của các bên liên quan và yêu cầu thực tế. CDR được tham chiếu định kỳ từ các CTĐT của các cơ sở đào tạo uy tín quốc tế tại Úc (ĐH Monash), vì vậy CDR của CTĐT có tính, đa dạng, hiện đại và tính quốc tế hóa.

3) Điểm tồn tại

Mẫu phiếu lấy ý kiến các bên liên quan được thiết kế chưa chuyên biệt cho từng đối tượng cụ thể. Ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên về CĐR cần tiếp tục cập nhật bổ sung qua quá trình đào tạo.

4) Kế hoạch hành động

- Năm học 2025-2026, Khoa Môi trường sẽ tiếp tục rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT theo một quy trình chặt chẽ, hợp lý và thống nhất giữa các cấp quản lý của ĐHQGHN dựa trên tham khảo thường xuyên ý kiến của tất cả các bên liên quan, các yêu cầu về đảm bảo chất lượng giáo dục, nhu cầu của thị trường lao động cũng như phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam.

- Thường xuyên hàng năm tham vấn ý kiến các bên liên quan bằng các mẫu phiếu được thiết kế phù hợp cho từng đối tượng, đặc biệt là các nhà tuyển dụng, các hiệp hội, tổ chức và các cơ quan ban ngành sử dụng nguồn lực lao động là sản phẩm đào tạo của ngành KH&CNTP, đa dạng hình thức tham vấn về các nội dung cụ thể CĐR của CTĐT làm cơ sở để hoàn thiện CĐR với mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Định kỳ theo từng học kỳ, tổ đảm bảo chất lượng, lãnh đạo khoa căn cứ vào kế hoạch hành động và kết quả đạt được điều chỉnh kế hoạch công tác để nâng cao chất lượng và mục tiêu đề ra.

5) *Tự đánh giá*: Đạt, mức: 6/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Điểm mạnh: Mục tiêu của CTĐT ngành KH&CNTP được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của ĐHQGHN/ĐHKHTN/Khoa Môi trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt, phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan từ khi xây dựng CTĐT năm 2020 đến lần điều chỉnh năm 2022, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai để tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Tồn tại: CTĐT đang đào tạo thí điểm, do đó việc thu thập ý kiến của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp còn hạn chế. Vì thế việc cập nhật mục tiêu, CĐR chương trình đào

tạo sẽ chỉ được cập nhật qua quá trình đào tạo và trong những lần điều chỉnh CTĐT tiếp theo.

Tuy vẫn còn một số hạn chế trong công tác thu thập phản hồi từ các bên liên quan nhưng Khoa Môi trường đã có những giải pháp chủ động để giải quyết trong thời gian tới. Định kỳ theo từng học kỳ, tổ đảm bảo chất lượng, lãnh đạo khoa căn cứ vào kế hoạch hành động và kết quả đạt được điều chỉnh kế hoạch công tác để nâng cao chất lượng và mục tiêu đề ra

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Việc cập nhật và công bố công khai các thông tin về chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Khoa học và Công nghệ thực phẩm (KH&CNTP), phục vụ nhu cầu tìm hiểu của người học trước khi đăng ký tham gia hoặc để người đang học chủ động trong học tập và nghiên cứu, do vậy, việc mô tả đầy đủ, rõ ràng và logic CTĐT này là rất cần thiết. Các bên có liên quan dễ dàng tiếp cận CTĐT qua các trang thông tin điện tử chính thức của khoa, của trường, hoặc trong sổ tay sinh viên. CTĐT và đề cương các học phần định kỳ được rà soát, điều chỉnh và bổ sung cập nhật theo quy định cũng như yêu cầu của thực tế. Những chuyển biến trong chiến lược dạy và học, trong đổi mới sáng tạo được phản ánh rõ nét trong CTĐT, được xây dựng công phu, chi tiết, có tính mới, tính mở. CTĐT được xây dựng trên cơ sở năng lực đào tạo vốn có của trường, đồng thời tham khảo các CTĐT từ các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước. Việc rà soát, chỉnh sửa CTĐT có sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan (các nhà tuyển dụng, sinh viên, các giảng viên, các nhà quản lý, các nhà khoa học trong và ngoài trường có kinh nghiệm và chuyên môn cao trong lĩnh vực thực phẩm).

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

1) Mô tả hiện trạng

Chương trình đào tạo Đại học ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm (KH&CNTP) được ban hành theo QĐ số: 721/QĐ-ĐHQGHN ngày 06/3/2020 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội và giao cho Khoa Môi trường, Trường ĐHKHTN tổ chức đào tạo thí

điểm từ năm học 2020-2021; đến 18/10/2023 theo QĐ số 3532/QĐ-ĐHKHTN của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên về việc Ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh) ngành KH&CNTP và được áp dụng từ khóa học 2022-2023, Vì vậy, Chương trình đào tạo ngành KH&CNTP hiện nay có 02 chương trình bao gồm: CTĐT năm 2020 và CTĐT năm 2022.

CTĐT đại học ngành KH&CNTP được cấu trúc thành 3 phần chính: 1) giới thiệu chung về chương trình đào tạo: Thông tin, mục tiêu và thông tin tuyển sinh của CTĐT, trong đó bản mô tả cung cấp các thông tin cụ thể: tên CTĐT, ngành đào tạo, mã số ngành đào tạo, cơ sở đào tạo, danh hiệu tốt nghiệp, thời gian đào tạo; 2) Cung cấp thông tin về các chuẩn đầu ra về năng lực mà người học có thể đạt được sau khi hoàn thành khóa học trong đó thể hiện rõ trong ba tiêu chí quan trọng gồm CDR về kiến thức, về kỹ năng và về năng lực tự chủ và trách nhiệm. Ngoài ra CTĐT cũng cung cấp các thông tin về vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp; 3) Cấu trúc, nội dung CTĐT: cung cấp các thông tin chi tiết cho sinh viên, giảng viên và các bên liên quan khác về tổng số tín chỉ phải tích lũy, khung CTĐT, cung cấp tóm tắt nội dung các học phần trong đó chia thành các học phần hình thành kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức và thái độ theo chuẩn đầu ra đã công bố. CTĐT thường xuyên được cập nhật những vấn đề mới có liên quan. Thông tin cập nhật, thông tin về CTĐT được thông báo trên cả trang web của trường [H1.02.01.01] và trang web của Khoa Môi trường [H1.02.01.02]. Bên cạnh đó, CTĐT còn được truyền thông rộng rãi bằng các bản in tờ rơi [H1.02.01.03], các sự kiện, triển lãm giáo dục hay các hoạt động quảng bá tuyển sinh ở các trường THPT [H1.02.01.04]. Các hoạt động quảng bá này giúp cho người học và các bên liên quan có thêm nhiều thông tin chi tiết về CTĐT ngành KH&CNTP. Bên cạnh đó còn tham khảo, đối sánh CTĐT của một số trường đào tạo ngành KH&CNTP trong và ngoài nước như Trường Đại học Monash, Úc [H1.02.01.05], Trường Đại học Khoa học và Công nghệ thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam [H1.02.01.06]. CTĐT ban hành năm 2020 có 140 tín chỉ [H1.02.01.07], CTĐT được điều chỉnh và ban hành năm 2022 có 131 tín chỉ [H1.02.01.08].

Các nội dung rà soát tại các thời điểm, điều chỉnh khung CTĐT đều được tổ chức họp thông qua Hội đồng khoa học cấp khoa, sự đồng ý phê duyệt của trường ĐHKHTN, ĐHQGHN, có thư ký Hội đồng KH&ĐT ghi chép và lưu lại các biên bản họp, biên bản lấy ý kiến cán bộ. Kế hoạch điều chỉnh và báo cáo kết quả điều chỉnh CTĐT sau khi được đối sánh, xét duyệt chỉnh sửa đều được sử dụng làm căn cứ triển khai các hoạt động dạy và

học theo hướng đã cập nhật. Sau khi CTĐT được chỉnh sửa, được gửi đến các bên liên quan. Kết quả ý kiến phản hồi thống nhất với các điều chỉnh của khung CTĐT, ngoài ra cũng bổ sung thêm một số ý kiến về việc tăng cường các khối kiến thức về thực hành, thực tập; khởi nghiệp, nâng cao kỹ năng về thực tế tại các doanh nghiệp, các viện nghiên cứu và nâng cao kỹ năng về tiếng Anh. Toàn bộ quá trình điều chỉnh CTĐT được thực hiện theo hướng dẫn của VNU-HUS.

Các nội dung được cập nhật trong bản mô tả CTĐT:

1) Về phần giới thiệu chung của CTĐT: bản mô tả CTĐT luôn được thay đổi theo các cập nhật mới nhất của VNU-HUS, mục tiêu cụ thể về thái độ đã được lồng ghép vào mục tiêu mức tự chủ và trách nhiệm.

2) Chuẩn đầu ra của CTĐT: Được chỉnh sửa, cập nhật theo hướng dẫn của VNU-HUS, việc cập nhật chuẩn đầu ra giúp người học có thể tìm hiểu và xác định được mục tiêu học tập của mình. Bên cạnh đó cũng giúp cho việc thực hiện CTĐT được đảm bảo theo đúng quy định

3) Về cấu trúc, nội dung đào tạo: So với năm 2020, bản mô tả CTĐT ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm năm 2022 không có sự thay đổi nhiều, giảm 09 tín chỉ bởi một số học phần có kiến thức gần nhau được tích hợp, cập nhật và phù hợp với yêu cầu và đòi hỏi của xã hội.

2) Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT cử nhân ngành KH&CNTP có đầy đủ các thông tin: Tên cơ sở đào tạo, tên gọi của văn bằng, tên CTĐT, thời gian đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT, tiêu chí tuyển sinh, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, cấu trúc CTĐT bao gồm mã học phần, tên học phần, số tín chỉ, ... Bản mô tả CTĐT có tính logic, được cập nhật những vấn đề mới về lĩnh vực KH&CNTP theo định kỳ giúp cho người học và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, để chủ động bố trí lộ trình học tập của mình.

3) Điểm tồn tại

Chưa đa dạng hóa hình thức cung cấp bản mô tả CTĐT đến các bên liên quan, đặc biệt trong bối cảnh có thể tận dụng lợi thế của công nghệ thông tin. Bản mô tả CTĐT còn đơn điệu, chưa áp dụng công nghệ mới hoặc các nền tảng động và trực quan. Bản mô tả đăng tải trên website chưa được thiết kế bắt mắt với các từ khóa để người học dễ dàng tiếp cận với các nội dung cần quan tâm, tìm kiếm. Người học và các bên liên quan muốn tiếp

cận bản mô tả phải tải về cả file với rất nhiều nội dung, gây khó khăn cho việc tìm kiếm thông tin.

4) Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa xây dựng kế hoạch, đa dạng hóa phương thức quảng bá CTĐT đến các bên liên quan. Tiếp tục cải tiến website và hệ thống lưu trữ, tương tác để tăng tính trực quan và tiện dụng.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức: 6/7

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1) Mô tả hiện trạng

Đề cương các học phần có trong Khung CTĐT ngành KH&CNTP được xây dựng chi tiết theo quy định của ĐHQGHN và của trường ĐHKHTN [H1.02.02.01]. Đề cương các học phần trong CTĐT có đầy đủ các thông tin và cập nhật như tên đơn vị/tên giảng viên đảm nhận giảng dạy, tên học phần, số tín chỉ, mục tiêu và CDR của học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR, tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, cấu trúc học phần, phương pháp dạy - học, phương thức kiểm tra/đánh giá. Đề cương học phần được xây dựng bởi đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm và có trình độ chuyên môn cao. Đề cương các học phần được công bố cùng bản mô tả CTĐT trên website của trường ĐHKHTN và khoa Môi trường [H1.02.02.02], đồng thời được các giảng viên trực tiếp cung cấp cho người học vào đầu mỗi học kỳ. Trong đề cương ghi rõ các nội dung kiến thức sinh viên được giảng dạy, trong đó, các học phần chi tiết rõ nội dung học theo tuần. Cuối mỗi học kỳ các giảng viên sẽ rà soát và cập nhật lại các nội dung học phần và đề xuất điều chỉnh đề cương nếu cần thiết dựa trên các kết quả nghiên cứu và giảng dạy thực tiễn. Bên cạnh đó, ý kiến phản hồi của người học cũng sẽ được quan tâm để cải thiện chất lượng [H1.02.02.03]. Phản hồi từ giảng viên và người học sẽ được xem xét tại các cuộc họp đào tạo tổng kết học kỳ và việc điều chỉnh được thông qua bởi Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa Môi trường [H1.02.02.04]. Ngoài ra, còn có sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, các chuyên gia trong lĩnh vực thực phẩm và nhà tuyển dụng thông qua các buổi gặp gỡ trao đổi. Tại mỗi thời điểm điều chỉnh lớn hay nhỏ, đề cương các học phần trong CTĐT được rà soát theo định kỳ, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của Khoa và Nhà trường. Các học phần đều đóng góp chung vào việc đạt được CDR của CTĐT thông qua

hoạt động giảng dạy, học, kiểm tra đánh giá, được thiết kế và cập nhật chi tiết trong đề cương học phần và sự sáng tạo trong các hoạt động trên lớp của giảng viên. Đề cương chi tiết học phần được cập nhật trên cơ sở xây dựng ma trận phát triển kiến thức kỹ năng [H1.02.02.05]. Đáp ứng CĐR đã công bố [H1.02.02.06] và CTĐT theo khung năng lực 6 bậc của Việt Nam [H1.02.02.07]. Vì vậy bản mô tả đề cương các học phần năm 2022 được cập nhật, bổ sung, đổi mới phương pháp giảng dạy, cách thức kiểm tra, đánh giá học phần hướng tới năng lực của người học. Cụ thể, những điểm khác biệt so với đề cương học phần năm 2020 là:

- Căn cứ vào yêu cầu thực tiễn đầu ra, xây dựng ma trận kỹ năng phù hợp với năng lực của người học.
- Các nội dung trong đề cương học phần tuân thủ chặt chẽ các CĐR của học phần và CĐR của CTĐT.
- Việc đánh giá học phần phù hợp với năng lực và các CĐR của học phần đã được xây dựng.
- Thay đổi về thời lượng học lý thuyết và thực hành của một số học phần để đáp ứng mục tiêu học phần.
- Thay đổi nội dung, kết cấu, phân bố thời lượng trong các chương của học phần đáp ứng phù hợp với thực tiễn dạy học.

2) Điểm mạnh

- Đề cương học phần được xây dựng bởi đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn cao và tuân thủ theo hướng dẫn chung của ĐHQGHN. Các học phần được cập nhật, nâng cấp thường xuyên nhờ những thành tựu nghiên cứu khoa học và thực tiễn, kinh nghiệm giảng dạy và hợp tác khoa học của các giảng viên, ý kiến góp ý của các bên liên quan. Vì vậy, nội dung của các học phần nhìn chung hiện đại, có tính kết nối và bám sát với thực tiễn trong lĩnh vực thực phẩm hiện nay. Các kênh truyền thông được hỗ trợ cũng góp phần đa dạng các phương thức chuyển tải thông tin về đề cương học phần.
- Bản mô tả đề cương các học phần được thiết kế theo quy định, hướng dẫn của ĐHQGHN và của trường ĐHKHTN, cung cấp đầy đủ thông tin và cập nhật cho sinh viên đang học tập tại Khoa, giúp sinh viên có lộ trình, kế hoạch học tập hiệu quả trong từng học kỳ, từng năm học và trong toàn khóa học.
- Tất cả đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo kế hoạch rà soát, điều chỉnh CTĐT của nhà trường.

3) Điểm tồn tại

Một số đề cương học phần chưa thể hiện được chi tiết các hoạt động dạy học đến từng tuần của học kỳ.

4) Kế hoạch hành động

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, cập nhật nội dung đề cương chi tiết các học phần nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo và làm hài lòng tất cả các bên liên quan.

- Thường xuyên khảo sát, lấy ý kiến đánh giá của sinh viên và các bên liên quan về mức độ hài lòng đối với các học phần của khung CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức: 6/7.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1) Mô tả hiện trạng

- Bản mô tả CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

Nhận thấy được tầm quan trọng của việc công bố công khai CTĐT một cách rộng rãi, sau khi Nhà trường ban hành CTĐT [H1.02.03.01], sẽ công bố bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố công khai trên website của nhà trường, trên website của khoa [H1.02.03.02; trong các tài liệu giới thiệu về trường, các tờ rơi tuyển sinh của khoa, của nhà trường [H1.02.03.03]; tại các buổi tư vấn tuyển sinh cho học sinh trung học phổ thông, giới thiệu cho SV mới nhập học trong các tuần sinh hoạt công dân đầu khóa và các buổi gặp mặt tân SV đầu khóa của khoa, trong các buổi hội thảo, ngày hội việc làm... [H1.02.03.04]. Bản mô tả chi tiết chương trình đào tạo và các đề cương học phần được truyền đạt và cung cấp cho các bên liên quan để chắc chắn các bên liên quan có được các thông tin mới nhất

- Đề cương các học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau:

Cũng như CTĐT, 100% đề cương các học phần trong CTĐT đã được phê duyệt [H1.02.03.05] đều được công bố công khai bằng các hình thức khác nhau, trên cổng thông tin đào tạo của nhà trường, trên trang website của khoa [H1.02.03.06]. Người học và những bên liên quan có thể dễ dàng tìm kiếm, tiếp cận được các nội dung và thông tin liên quan đến CTĐT và nội dung học. Tại buổi gặp gỡ sinh viên đầu khóa, đầu kỳ học đề cương học phần và các tài liệu hỗ trợ được giảng viên/giáo viên chủ nhiệm cung cấp cho sinh viên. Trong vòng 2 tuần đầu tiên của học kỳ, đề cương học phần tiếp tục được các giảng viên

phụ trách môn học giới thiệu, cung cấp và giải thích chi tiết cho người học. Cuối khóa các công văn liên quan đến hướng dẫn sinh viên làm KLTN và học phần thay thế KLTN cũng được gửi đến người học thông qua giáo viên chủ nhiệm, trợ lý đào tạo Khoa qua email cũng như bằng văn bản

- Các bên liên quan dễ dàng tiếp cận với CTĐT và đề cương chi tiết các học phần:

Qua việc công bố CTĐT, đề cương chi tiết các học phần qua nhiều kênh như qua website của nhà trường, qua website của khoa, trong các tài liệu giới thiệu về trường, các tờ rơi tuyển sinh của khoa, của nhà trường [H1.02.03.07]; tại các buổi tư vấn tuyển sinh cho học sinh trung học phổ thông, giới thiệu cho sinh viên mới nhập học trong các tuần sinh hoạt công dân đầu khóa và các buổi gặp mặt tân sinh viên của khoa [H1.02.03.08]. CTĐT sau mỗi lần rà soát, điều chỉnh đều được cập nhật trên website của trường, website của khoa để cán bộ, SV và những người có nhu cầu tìm hiểu về ngành học biết và thực hiện. Bên cạnh đó, các sinh viên/cựu sinh viên và các bên liên quan khác gồm các cơ quan quản lý, nhà tuyển dụng lao động, giảng viên... đều có thể dễ dàng tiếp cận những thông tin này theo nhiều hình thức khác nhau.

Trong các đợt giao lưu sinh viên với các cơ sở đào tạo khác cũng như các đối tác của Khoa Môi trường, HUS và VNU, bản mô tả CTĐT tiếp tục được giới thiệu đến các cơ quan quản lý, các nhà tuyển dụng lao động nhằm giúp cho những bên liên quan có thể tiếp cận các CTĐT của Khoa một cách trực tiếp, nhanh chóng

2) Điểm mạnh

Trong kỷ nguyên 4.0, vai trò của internet và các phương tiện truyền thông đã góp phần quan trọng thúc đẩy công tác quảng bá tuyển sinh và dẫn truyền mọi thông tin một cách nhanh nhất đến các bên liên quan. Trang Web của khoa và của trường thường xuyên được cập nhật, là địa chỉ tin cậy giúp các bên liên quan dễ dàng tra cứu, tiếp cận thông tin (trong đó bao gồm cả bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần). Tài liệu hướng dẫn học tập, cố vấn học tập, hệ thống LMS, đảm bảo các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, 100% người học nhận được đề cương chi tiết học phần và CTĐT đại học trước khi học tập.

3) Điểm tồn tại

Chưa thường xuyên đánh giá hiệu quả công khai phổ biến CTĐT và đề cương học phần theo đối tượng.

4) Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024-2025, khoa tiếp tục sử dụng công nghệ để quảng bá tuyển sinh, truyền tải các thông tin liên quan đến CĐR, CTĐT đến được đông đảo đối tượng tuyển sinh và các bên liên quan. Ngoài ra, sẽ tiến hành đánh giá hiệu quả tính phổ biến và có phương pháp truyền thông phù hợp và hiệu quả.

5. *Tự đánh giá*: Đạt, mức: 6/7.

Kết luận về tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT ngành KH&CNTP đã phản ánh đầy đủ thông tin và cập nhật được định kỳ bổ sung, điều chỉnh và cập nhật, được chuẩn hóa trong toàn bộ chương trình. Quá trình điều chỉnh, bổ sung CTĐT ngành KH&CNTP của khoa đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như từ đóng góp, xây dựng của hội đồng KHĐT khoa, giảng viên, các nhà khoa học, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn, các nhà quản lý và các sinh viên. Bản mô tả CTĐT được cấu trúc gồm 3 phần chính là giới thiệu chung về chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của CTĐT và nội dung của CTĐT. Đề cương các học phần đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định của ĐHQGHN và của trường ĐHKHTN, được cập nhật, rà soát điều chỉnh thường xuyên trên cơ sở lấy ý kiến của các bên liên quan. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần đã được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận bằng cả hình thức truy cập qua internet hoặc ở dạng bản in. Mặc dù vậy, vẫn còn một số tồn tại như: một số học liệu tham khảo trong một số đề cương học phần, có năm xuất bản quá cũ; hiện chưa có bản mô tả CTĐT bằng tiếng Anh nên gây khó khăn cho các đối tác nước ngoài muốn tiếp cận. Vấn đề này sẽ sớm được giải quyết trong thời gian tới để góp phần nâng cao hiệu quả truyền thông và phổ biến thông tin đến mọi đối tượng liên quan. Tháng 6 năm 2024 sẽ có khoá sinh viên đầu tiên của ngành KH&CNTP tốt nghiệp ra trường, do đó bản mô tả này chưa thể có ý kiến góp ý của cựu SV.

Tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí, 3 tiêu chí đạt 6/7.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Chất lượng đào tạo của ngành học phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (CTDH) là một yếu tố quan trọng. Chương trình dạy học được thiết kế, xây dựng dựa trên các yêu cầu của: quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; quy chế đào tạo Đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội và Chuẩn đầu ra (CĐR) về kiến thức, kỹ năng, mức tự tự chủ và trách nhiệm. CTDH của ngành được thiết kế với hệ thống

phương pháp giảng dạy, học tập và phương pháp đánh giá nhằm đảm bảo sinh viên đạt được CĐR của CTĐT. Mỗi học phần có đóng góp rõ ràng cho việc đạt được CĐR; có sự tương thích về nội dung và thể hiện sự đóng góp cụ thể nhằm đạt được CĐR; có tổ hợp các phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá phù hợp; nội dung các học phần thể hiện rõ được việc đạt CĐR và định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. CTDH có cấu trúc và trình tự hợp lý, được thiết kế một cách logic có hệ thống dựa trên các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm. CTDH bao gồm các học phần được thiết kế theo 5 khối kiến thức, bao gồm: Khối kiến thức chung, kiến thức theo lĩnh vực, kiến thức của khối ngành, kiến thức theo nhóm ngành và kiến thức ngành. Các học phần tiên quyết làm nền tảng cho các học phần tiếp theo. CTDH có chú trọng đến số giờ tín chỉ của phần thực hành và tự học so với số giờ tín chỉ lý thuyết.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1) Mô tả hiện trạng

CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm, được xây dựng theo CTĐT ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm ban hành năm 2020 và CTĐT điều chỉnh năm 2022 [H1.03.01.01] và các quy định, hướng dẫn của ĐHQGHN [H1.03.01.02]. Bên cạnh đó cấu trúc và nội dung của CTDH được phát triển và thiết kế phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN, phù hợp với triết lý giáo dục của Khoa Môi trường [H1.03.01.03]. Nội dung và cấu trúc của chương trình được tham khảo và đối sánh với CTĐT của trường Đại học uy tín trên thế giới (ngoài các học phần theo yêu cầu chung của VNU và đặc thù riêng của FES-HUS, tất cả các học phần còn lại của 2 chương trình có sự tương đương 70-80%) [H1.03.01.04]. Từ năm 2020 đến nay, sau lần điều chỉnh CĐR của CTĐT năm 2022 ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm có một số thay đổi từ 46 CĐR về: 1. Kiến thức; 2. Kỹ năng; 3. Phẩm chất đạo đức; 4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm, đã được cụ thể hóa thành 14 CĐR theo 3 nhóm rõ ràng: 1. Kiến thức; 2. Kỹ năng; 3. Về mức tự chủ và trách nhiệm. Do vậy, để đáp ứng sự thay đổi CĐR của CTĐT thì CTDH cũng có những điều chỉnh như sau: Cụ thể về cấu trúc CTĐT hiện nay bao gồm 131 tín chỉ thay vì 140 tín chỉ như năm 2020, với 5 định hướng chuyên môn đã được công bố rộng rãi: Công nghệ chế biến thực phẩm; Công nghệ

bảo quản thực phẩm; Kiểm nghiệm, kiểm soát và đảm bảo an toàn thực phẩm; Dinh dưỡng thực phẩm; Văn hóa ẩm thực và dịch vụ lễ hành [H1.03.01.05].

CTDH cử nhân ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm hiện hành sau nhiều lần rà soát, điều chỉnh đã được xây dựng đảm bảo cấu trúc của các khối kiến thức theo trình tự từ cơ bản, cơ sở đến chuyên sâu. Việc sắp xếp các học phần theo trình tự logic và khoa học đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu. Mỗi học phần được thiết kế với tỉ lệ kiến thức lí thuyết, bài tập, thực hành thí nghiệm cân đối, logic và chặt chẽ nhằm đạt được CĐR.

CTDH được thiết kế nhằm đảm bảo các học phần không có sự trùng lặp, có sự hỗ trợ cho nhau, bổ sung cho nhau, lồng ghép quá trình học tập chuyên môn với rèn luyện kỹ năng, thái độ. Dựa vào các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, các hoạt động giảng dạy, học tập, các phương pháp đánh giá thích hợp được xây dựng để đo lường, đánh giá mức độ đạt được của người học đồng thời đưa ra những khuyến nghị cho người học. Mỗi khối kiến thức đều có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn thể hiện tính mềm dẻo, linh hoạt của CTDH. Trong hầu hết các học phần, phần lý thuyết tương ứng với CĐR về kiến thức, được thực hiện thông qua các bài giảng, các buổi thảo luận và bài tập cá nhân hoặc nhóm. Các yêu cầu cụ thể đối với CĐR của kiến thức trong chương trình được đặt ra và đo lường theo thang Bloom về mặt nhận thức [H1.03.01.06]. Việc đánh giá mức độ đạt được của các CĐR này thường theo các phương pháp như kiểm tra viết, kiểm tra trắc nghiệm hoặc kết hợp các loại câu hỏi khác nhau, hoặc báo cáo tiểu luận của các cá nhân hoặc nhóm. Các chuẩn đầu ra về kỹ năng được đánh giá thông qua kỹ năng thao tác thực hành của sinh viên qua các bài thực hành được xây dựng trong các học phần. Các CĐR về mức tự chủ và chịu trách nhiệm được đánh giá dựa trên khả năng hiểu và thực hành, thái độ và đạo đức của sinh viên, có nhiều hình thức đánh giá CĐR về đạo đức, thái độ, mức tự chủ khác nhau, như bài kiểm tra viết, báo cáo tiểu luận, thuyết trình và khóa luận tốt nghiệp.

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của 100% các học phần trong chương trình dạy học phù hợp góp phần đạt được CĐR. Mỗi học phần có vai trò riêng trong việc trang bị kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức là thành phần của CĐR của cả chương trình. Các CĐR được xác định rõ ràng

và truyền đạt thông qua các hình thức dạy học như thuyết trình, tình huống, mô phỏng, lớp học đảo ngược... và kết hợp nhiều hoạt động, cách thức khác nhau như dạy trên lớp, trong phòng thí nghiệm, ngoài hiện trường, online... Sự kết hợp của các phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá được xem xét dựa trên mức độ phù hợp của chúng với các mục tiêu của mỗi học phần và mối quan hệ của chúng với các học phần khác. Ngoài ra, các buổi hội thảo và thảo luận về các chủ đề được giao cho sinh viên dưới dạng làm việc nhóm. Mặt khác, các phương pháp đánh giá được giảng viên lựa chọn tùy theo tính chất của từng học phần.

Bên cạnh đó, 100% các học phần trong CTDH đã xác định phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp. Các hình thức kiểm tra, đánh giá có sự đa dạng như thi vấn đáp, viết tiểu luận, thi viết, thi trắc nghiệm, thi thực hành... đảm bảo phù hợp với nội dung của học phần. Phương pháp kiểm tra đánh giá của mỗi học phần được nêu trong bản mô tả đề cương chi tiết học phần cũng được thông tin một lần nữa tới người học thông qua các buổi học đầu tiên của học phần bởi giảng viên phụ trách [H1.03.01.07]. Việc đánh giá sinh viên được thực hiện bằng nhiều phương pháp, để đảm bảo được các CDR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm thì sinh viên cần đạt được các điểm thành phần gồm: Điểm thường xuyên tỉ trọng 20% (có thể đánh giá bao gồm thái độ học tập - sự tập trung trong giờ học, phát biểu ý kiến, điểm kỹ năng trong các giờ thực hành, viết báo cáo thực hành, bài tập cá nhân). Điểm kiểm tra giữa kỳ chiếm tỷ trọng 20% thường thông qua các bài thi viết ngắn, thi trắc nghiệm hoặc báo cáo tiểu luận. Điểm kiểm tra cuối kỳ thường là hình thức thi viết hoặc trắc nghiệm hoặc vấn đáp với trọng số thường là 60%.

2) Điểm mạnh

Chương trình dạy học được xây dựng phù hợp với CDR của ngành, được thiết kế đảm bảo tỉ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức, từng học phần trong chương trình đào tạo đều thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương thức dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá, đặc biệt phần bài tập, thực hành, thực tập thực tế đã được chú trọng và nâng cao.

Các phương pháp dạy-học, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của SV của tất cả các học phần trong CTDH được thiết kế phù hợp với nội dung, yêu cầu CDR của học

phần. Tất cả các học phần có trong CTĐT đều có một mức độ đóng góp nhất định để đạt được CDR của CTĐT.

3) Tồn tại

Phương pháp kiểm tra đánh giá cần đa dạng hơn ở một số học phần

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa tăng cường giám sát, đánh giá các phương pháp kiểm tra của các học phần nhằm đảm bảo tính thống nhất trong toàn CTĐT.	Khoa MT	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên chỉnh sửa CTDH đảm bảo phù hợp với sự cập nhật của chuẩn đầu ra CTĐT. Tiếp tục cải tiến các hoạt động dạy, học và kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng CTĐT	Khoa MT	Hàng năm	

5) Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (7/7)

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR là rõ ràng

Dựa trên các CDR tổng thể của chương trình đào tạo [H1.03.01.01], mỗi học phần trong chương trình được xây dựng đều cung cấp các CDR cụ thể, thể hiện sự đóng góp rõ ràng trong việc đạt được CDR của CTĐT. Ở mỗi đề cương học phần, giảng viên của Khoa đều xác định và mô tả sự đóng góp của học phần giúp người học đạt được CDR của CTĐT [H1.03.01.07] cụ thể như sau:

Bảng 3.1: Chuẩn đầu ra của học phần

<i>CDR CTĐT</i>	<i>PK1</i>	<i>PK..</i>	<i>PS1</i>	<i>PS...</i>	<i>PR1</i>	<i>PR2</i>	<i>PR..</i>
<i>CDR Học phần</i>							
8.1. Kiến thức (<i>Course Knowledge – CK</i>)							
CK1; CK2; CK3; CK4; CK5	x						
8.2. Kỹ năng (<i>Course Skill – CS</i>)							
CS1; CS2; CS3; CS4; CS5; CS6; CS7				x			
8.3. Mức tự chủ và trách nhiệm (<i>Course Responsibility – CR</i>)							
CR1; CR2; CR3					x	x	

Bảng 3.2: Ma trận liên kết chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT

CDR CTĐT	PK1	PK2	...	PS1	PS2	PR1	PR2
Mức đóng góp của học phần	3	3	4	3	2		3	4	

Sự đóng góp của mỗi học phần trong việc giúp người học đạt được CDR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm thể hiện rõ ở bảng ma trận thể hiện CDR của CTĐT và các CDR của các học phần. Mỗi học phần trong CTĐT đều xác định rõ mục tiêu chi tiết của học phần, từng mục tiêu của học phần được cụ thể hóa thành một hoặc một số CDR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Các CDR của học phần đều liên kết với CDR của CTĐT để cho thấy sự đóng góp rõ ràng của học phần trong việc giúp người học đạt được CDR của CTĐT [H1.03.01.06] Trước khi công bố chính thức, khung CTDH

và đề cương chi tiết các học phần đều được thông qua ở tổ điều chỉnh chương trình đào tạo, Ban chủ nhiệm Khoa [H1.03.02.01]. Mức đóng góp của từng học phần, cụ thể như sau:

	PK1	PK2	PK3	PK4	PK5	PS1	PS2	PS3	PS4	PS5	PS6	PR1	PR2	PR3	Tổng
Mức 2	5	11	9	7	0	6	6	1	3	6	2	1	1	1	59
Mức 3	2	7	42	18	15	31	10	19	24	15	10	27	13	21	254
Mức 4	0	1	1	15	8	1	17	9	9	5	1	17	31	0	115
Mức 5	0	0	0	1	1	1	0	1	0	1	0	0	1	1	7
Tổng học phần	7	19	52	41	24	39	33	30	36	27	13	45	46	23	

Trong khung chương trình, các học phần thuộc khối kiến thức chung cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, luật, tin học và ngoại ngữ; Các học phần liên quan đến khoa học tự nhiên như toán học, vật lý và hóa học giúp bổ sung và hỗ trợ kiến thức về khoa học tự nhiên, đồng thời cũng để củng cố, phát triển các kỹ năng khác nhau, ví dụ: kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy phản biện, tư duy logic, Các học phần liên quan đến khoa học và công nghệ thực phẩm, gồm cơ bản và chuyên ngành là các học phần chính của khung chương trình Khoa học và công nghệ thực phẩm giúp cung cấp kiến thức chuyên ngành và củng cố các kỹ năng liên quan đến các hướng cụ thể của lĩnh vực Khoa học và công nghệ thực phẩm.

Trong chương trình dạy học, 100% các học phần đã được xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đạt được các CDR, 100% các học phần trong CTDH đã xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR. Cụ thể, việc thực hiện giảng dạy, tổ chức lớp học, kiểm tra đánh giá đều được giảng viên của Khoa thực hiện theo quy chế đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội. [H1.03.02.02]. Các học phần đều xác định rõ phương pháp, hình thức tổ chức dạy học giúp người học hiểu rõ: giảng viên sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nào, ở nội dung gì, nhằm mục đích gì và giúp người học đạt được CDR nào của học phần về kiến thức, rèn luyện các kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp sinh viên nâng cao khả năng học tập suốt đời. Từ đó, sinh viên hiểu được nhiệm vụ và xác định các phương pháp học tập phù hợp.

Các đề cương học phần đều chú ý đến phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên gồm thang điểm đánh giá, hình thức, tiêu chí đánh giá, trọng số điểm và sự đóng góp cụ thể đối với CĐR của học phần. Các điểm đánh giá cho mỗi học phần gồm 3 loại điểm là điểm thường xuyên, điểm kiểm tra giữa học phần, điểm thi hết học phần (theo thang điểm 10). Các hình thức đánh giá được giảng viên sử dụng linh hoạt nhằm phát huy năng lực của người học (bài tập cá nhân, bài tập nhóm, seminar, tiểu luận, thực hành...). Hình thức thi kết thúc học phần cũng phong phú, đa dạng: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, tiểu luận, bài tập lớn... Khóa luận tốt nghiệp gồm 7 tín chỉ được tổ chức chấm nhằm đánh giá kiến thức tổng hợp, xử lý vấn đề chuyên môn trong thực tế, tạo kỹ năng làm việc độc lập, khả năng tổng hợp, giải quyết vấn đề.... [H1.03.01.07]

Việc xác định phương pháp giảng dạy, học tập và phương pháp kiểm tra, đánh giá có sự phù hợp nhằm hỗ trợ tốt nhất cho người học trong việc đạt CĐR của học phần và CĐR của CTĐT. Sau mỗi học kỳ, Nhà trường đều tiến hành khảo sát đối với sinh viên về chất lượng và phương pháp dạy học của giảng viên, giúp giảng viên cải thiện phương pháp giảng dạy đảm bảo chất lượng đào tạo, góp phần đảm bảo đạt được CĐR [H1.03.02.03]

Nội dung của 100% các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan bao gồm sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng và các đơn vị đối tác, ngoài ra còn có các hoạt động như tổ chức hội thảo lấy ý kiến nhằm thể hiện sự gắn kết và tôn trọng ý kiến của các bên liên quan với việc hoàn thiện CĐR [H1.03.02.04]. Đề cương các học phần được rà soát chỉnh sửa trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan cũng như dựa trên ý kiến khảo sát định kỳ người học vào cuối mỗi học kỳ về nội dung của học phần và hoạt động giảng dạy của giảng viên để làm căn cứ điều chỉnh đổi mới phương pháp giảng dạy và nội dung của các học phần [H1.03.02.03] Khoa chủ trì và Bộ môn chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức rà soát khối lượng, nội dung kiến thức thể hiện tại đề cương các học phần [H1.03.02.01], đảm bảo tiến độ trong việc thực hiện chương trình dạy học [H1.03.02.05], đồng thời tiến hành phổ biến CTĐT, cập nhật các báo cáo về KĐCLGD và đối sánh.

2) Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH đều được thiết kế nội dung có sự tương thích và thể hiện được sự đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ

và chịu trách nhiệm. Phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp được sử dụng linh hoạt, nhằm hỗ trợ tốt cho việc đảm bảo đạt được CĐR. Trong các khối kiến thức đều có các học phần tự chọn giúp sinh viên có đủ năng lực đáp ứng nhu cầu linh hoạt của xã hội và nhà tuyển dụng.

3) Điểm tồn tại

Cần tăng cường sự hiểu biết của sinh viên về CĐR học phần và sự chủ động đóng góp cụ thể vào CĐR của CTĐT.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cung cấp thông tin rõ ràng và hữu ích để nâng cao sự hiểu biết của sinh viên về CĐR học phần và mối quan hệ với CĐR của CTĐT	Phòng ĐT; Khoa MT; Phòng TTPC&ĐBCL	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện rà soát CTDH theo kế hoạch của Trường, lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan để hoàn thiện CTĐT theo định kỳ 2 năm 1 lần nhằm đáp ứng tốt nhất CĐR, tiệm cận với các chương trình tiên tiến trên thế giới	Khoa MT	Hàng năm	

5) Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (6/7)

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1) Mô tả hiện trạng

Các học phần trong CTDH cử nhân ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm có cấu trúc đảm bảo tính liên kết, liền mạch và liên thông giữa các học phần thuộc khối kiến

thức chung, lĩnh vực, khối ngành, nhóm ngành và ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. CTDH cử nhân ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm được xây dựng dựa trên CĐR của CTĐT, tương ứng với lần xây dựng và điều chỉnh gần nhất với CĐR năm 2020 và 2022 [H1.03.01.01]. Bản mô tả CTDH đã thể hiện rõ tỷ lệ giữa các khối kiến thức, kỹ năng, số tín chỉ bắt buộc và tự chọn trong CTDH

Tỷ lệ các khối kiến thức trong CTDH năm 2020

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Chung	16	0	16	11,5
2	Lĩnh vực	5	5	10	7,5
3	Khối ngành	24	3	27	19
4	Nhóm ngành	5	3	8	5,5
5	Ngành	67	12	79	56,5
Tổng		117	33	140	100

Tỷ lệ các khối kiến thức trong CTDH năm 2022

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Chung	21	0	21	16
2	Lĩnh vực	5	0	6	4,5
3	Khối ngành	18	3	21	16
4	Nhóm ngành	3	3	6	4,5
5	Ngành	66	12	78	59
Tổng		113	18	131	100

Từ khi xây dựng, CTDH cử nhân ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm đã có tỷ lệ hợp lý, cân đối giữa các khối kiến thức, trong đó ưu tiên cho khối kiến thức ngành, đảm bảo hướng tới đạt được CĐR và đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan.

Các học phần trong khối kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực cung cấp cho sinh viên kiến thức về khoa học xã hội, chính trị, tin học và ngoại ngữ, nhằm giúp sinh viên

áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và tin học trong sự nghiệp và cuộc sống tương lai của họ, cũng như kiến thức về ngoại ngữ trong giao tiếp và công việc (chiếm khoảng 20% tổng số tín chỉ của CTĐT).

Các học phần về khoa học tự nhiên (khối kiến thức theo khối ngành): Các học phần này giúp sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản của các ngành khoa học liên quan, chẳng hạn như toán học, vật lý và hóa học, làm nền tảng và bổ sung kiến thức cho việc học các học phần về khoa học và công nghệ thực phẩm (chiếm khoảng 16% tổng số tín chỉ của CTĐT).

Đặc biệt các học phần về chuyên ngành thực phẩm giúp sinh viên phân tích và tổng hợp kiến thức về khoa học và công nghệ thực phẩm, hiểu được các vấn đề thực tiễn và hình thành ý tưởng, phát triển, tổ chức, thực hiện và đánh giá các phương pháp, kỹ thuật, dự án trong lĩnh vực thực phẩm. Các học phần này cũng giúp sinh viên có khả năng tiếp cận và hội nhập tốt với môi trường làm việc trong nước và quốc tế trong tương lai.

CTDH hiện hành được thiết kế theo trật tự kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (cơ sở ngành và kiến thức ngành), khóa luận và các học phần thay thế được giảng dạy trong 4 năm, phân bố hợp lý theo trình tự nội dung CTDH [H1.03.02.05] bao gồm các kiến thức về Khoa học thực phẩm và Công nghệ thực phẩm. Mỗi khối kiến thức đều có học phần bắt buộc và tự chọn thể hiện tính mềm dẻo, linh hoạt của CTDH. Các học phần tự chọn được thiết kế theo năm định hướng chuyên môn như đã nêu tại tiêu chí 3.1.

100% các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. Những học phần nào có mức độ đóng góp nhiều đối với CDR là học phần bắt buộc, nhiều tín chỉ, đóng góp ít hơn là học phần tự chọn, ít tín chỉ hơn [H1.03.01.01]. Đề cương chi tiết mỗi học phần ngoài việc được ghi rõ số tín chỉ, số tiết lý thuyết, tiết thực hành, tiết thảo luận/bài tập, tự học, thì còn thể hiện sự logic giữa các học phần với các học phần tiên quyết, học phần điều kiện. Mối liên hệ giữa các khối kiến thức và các học phần bắt buộc và tự chọn được điều chỉnh hợp lý.

Mặc dù ngành được xây dựng và được phép đào tạo từ năm 2020, nhưng đến năm 2022 đơn vị đào tạo cũng đã rà soát và có một số điều chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu thực

tế hiện nay. Trước khi ban hành CTĐT và CTDH hiện hành, Khoa đã tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về CĐR và CTDH [H1.03.02.04], Khoa đã tiếp thu ý kiến của các bên liên quan và chỉnh sửa CTDH theo hướng tích cực đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

Trong quá trình rà soát, chỉnh sửa, cập nhật CTDH, Khoa có tham khảo các CTĐT của các trường Đại học uy tín trong và ngoài nước đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. CTĐT ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm đã được chỉnh sửa, hoàn thiện trên cơ sở nghiên cứu, tham khảo các CTĐT ngành thực phẩm của một số trường Đại học trong nước như Đại học Bách Khoa, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Trường Đại học Khoa học và công nghệ Hà Nội và các nước trong khu vực và trên thế giới như Trường Đại học Monash, Inillois, Florida [H1.03.03.01]. Kết quả cho thấy, nhiều học phần trong CTĐT của ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm tương đương với chương trình đối sánh, Bên cạnh đó, CTĐT cũng đã giảm tải một số nội dung thuộc các khối kiến thức, nhưng vẫn đảm bảo chuẩn kiến thức cho sinh viên. Tính tích hợp, cập nhật các CTĐT tiên tiến của khu vực và trên thế giới của CTDH sẽ được thực hiện mạnh mẽ hơn nữa.

2) Điểm mạnh

CTDH đã phản ánh rõ ràng mục tiêu đào tạo và yêu cầu của chuẩn đào tạo đại học nhằm đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT. Chương trình có cấu trúc hợp lí và logic giữa các khối kiến thức chung, lĩnh vực, khối ngành, nhóm ngành và ngành. Chương trình có sự cập nhật, bổ sung điều chỉnh theo yêu cầu của thực tế

3) Điểm tồn tại

Phương thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTDH cần được thực hiện một cách đa dạng hơn.

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Cải tiến quy trình và định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các tổ chức xã hội nghề nghiệp về CTDH	Phòng ĐT; Khoa MT; Phòng TTPC&ĐBCL	Hàng năm	

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện rà soát CTDH theo kế hoạch của Trường, lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan để hoàn thiện CTĐT theo định kỳ 2 năm 1 lần nhằm đáp ứng tốt nhất CĐR, tiệm cận với các chương trình tiên tiến trên thế giới	Khoa MT	Hàng năm	
---	--------------------	--	---------	----------	--

5) Tự đánh giá tiêu chí: Đạt (6/7)

Kết luận chung về Tiêu chuẩn 3

Điểm mạnh nổi bật

- CTDH cử nhân ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm đã phản ánh rõ ràng mục tiêu đào tạo và yêu cầu của chuẩn đào tạo đại học nhằm đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT. Chương trình dạy học được thiết kế đảm bảo tỉ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức và phù hợp với CĐR của ngành và có sự cập nhật, bổ sung điều chỉnh theo yêu cầu của thực tế. Chương trình đào tạo được xây dựng thành một khối thống nhất, có cấu trúc rõ ràng, chặt chẽ và logic. Tỷ lệ giữa kiến thức thực hành và lý thuyết tương đối cao, đảm bảo sinh viên vừa có kiến thức vừa có kỹ năng thực hành, thực tế, Chương trình đào tạo có 5 hướng chuyên môn tạo điều kiện cho người học được quyền lựa chọn hướng chuyên môn phù hợp với sở trường của bản thân.

- Đề cương chi tiết của từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần và thể hiện được sự gắn kết tương ứng giữa các khối kiến thức đảm bảo quá trình dạy, học và đánh giá đạt được mục tiêu của CĐR.

- Việc lấy ý kiến phản hồi của các tổ chức xã hội-nghề nghiệp về CTDH được thực hiện thường xuyên.

Tồn tại chủ yếu

- Phương pháp kiểm tra đánh giá cần đa dạng hơn ở một số học phần.
- Sự hiểu biết của sinh viên về CĐR học phần và sự đóng góp cụ thể vào chuẩn đầu ra của CTĐT cần được tăng cường hơn nữa.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Ở bậc đại học, việc hình thành, phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên phụ thuộc rất nhiều vào phương pháp tiếp cận dạy và học. CTĐT ngành KH&CNTTP cũng như các ngành đào tạo khác trong Khoa Môi trường chọn cách tiếp cận “Học để ứng dụng, Học từ thực tiễn” [H1.04.01.01]. Với cách tiếp cận này hướng tới làm cho người học có tư duy sáng tạo biết cách áp dụng, vận dụng tốt và sẵn sàng nền tảng kiến thức cho việc luôn phải thích ứng với sự thay đổi của xã hội và học từ thực tiễn vì thực tiễn luôn mang lại bài học sinh động, đa dạng và tạo điều kiện thuận lợi cho người học có khả năng vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn nghề nghiệp trong tương lai. Các hoạt động dạy và học trong CTĐT của ngành KH&CNTTP được thiết kế khoa học, rõ ràng, nhằm đạt được CDR đã được công bố [H1.04.01.01]. Bên cạnh đó, Khoa Môi trường đã sử dụng các hoạt động dạy và học tiên tiến, sáng tạo và cập nhật liên tục để đảm bảo chất lượng giảng dạy và học tập; đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội và sự phát triển bền vững [H1.04.01.01]. Các chiến lược giảng dạy và học tập của chương trình luôn khẳng định trong các giá trị cốt lõi của Trường: "Chất lượng xuất sắc, Đổi mới và sáng tạo, Trách nhiệm xã hội cao, Hợp tác và thân thiện" [H1.04.01.01]. Ngay từ khi xây dựng CTĐT, khoa đã xác định rõ mục tiêu đào tạo và CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm của người học thể hiện trong việc thiết kế chương trình với các học phần kế tiếp nhau một cách hệ thống, logic các hoạt động dạy và học đều cùng hướng đến CDR [H1.04.01.01].

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1) Mô tả hiện trạng

Trường ĐHKHTN đã xác định và tuyên bố sứ mệnh là “trường đại học nghiên cứu, có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu sáng tạo và chuyển giao tri thức thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước” [H1.04.01.01]. Sứ mệnh này được xây dựng và xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu chung của Trường được ban hành trong Chiến lược phát triển Trường ĐHKHTN là trở thành trường đại học nghiên cứu ngang tầm với các đại học nghiên cứu tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á và có một số ngành, lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến

châu Á, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước [H1.04.01.01]. Ngoài ra, sứ mệnh của Trường ĐHKHTN phù hợp với Điều 39, luật giáo dục năm 2019, đã được tuyên bố và xác định rõ “Đào tạo nhân lực trình độ cao; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp; có tinh thần thái độ tận tâm và sự sáng tạo trong công việc, làm chủ tri thức KH&CN hiện đại, có tư duy sáng tạo, khả năng tự học, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội” [H1.04.01.02].

Thẩm nhuần sứ mệnh của Trường ĐHKHTN, khoa Môi trường đã truyền tải vào triết lý giáo dục của khoa “**Học để ứng dụng – Học từ thực tiễn**” cho các bậc đào tạo, đặc biệt là bậc đại học [H1.04.01.01]. Triết lý giáo dục này được Khoa Môi trường chuẩn bị, tham vấn các bên liên quan, họp lấy ý kiến, hoàn thiện và thông qua cuộc họp cán bộ chủ chốt và Hội đồng khoa học đào tạo của Khoa [H1.04.01.03]. Sau khi đã thống nhất, triết lý giáo dục được công bố công khai trên website của Khoa và liên kết trong website của Trường [H1.04.01.04]

Triết lý này hoàn toàn phù hợp với khẩu hiệu hành động Trường ĐHKHTN đã đưa ra: "Sáng tạo, Tiên phong, Trách nhiệm xã hội". Điều này được khẳng định trong các giá trị cốt lõi của Trường ĐHKHTN: "*Chất lượng xuất sắc, Đổi mới và sáng tạo, Trách nhiệm xã hội cao, Hợp tác và thân thiện*" [H1.04.01.01].

Triết lý này cũng được thể hiện rõ trong mục tiêu của chương trình đào tạo ngành KH&CNTN là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng đổi mới sáng tạo, trách nhiệm xã hội: có kiến thức chuyên môn sâu, toàn diện, nắm vững nguyên lí, quy luật tự nhiên, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật. Sinh viên có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, làm việc độc lập, sáng tạo chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm, có khả năng hướng dẫn, phổ biến kiến thức và giải quyết những vấn đề thuộc ngành KH&CNTN [H1.04.01.05]. Gắn với mục tiêu giáo dục của Trường ĐHKHTN, nội dung CTĐT, cách thức dạy, học và các hoạt động ngoại khóa của ngành KH&CNTN đều được thiết kế và thực hiện hướng tới đạt được mục tiêu giáo dục mà Trường đã đề ra, nhằm đào tạo nhân lực có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

Mục tiêu giáo dục của Trường, triết lý giáo dục của Khoa Môi trường đã và đang luôn được phổ biến tới tất cả các bên liên quan để hiểu rõ và thực hiện, cụ thể:

- Đối với cán bộ, giảng viên, người học:

Triết lý giáo dục của Khoa đã được thấm nhuần trong tất cả các cán bộ, giảng viên và sinh viên của Khoa và được cụ thể hóa trong xây dựng chương trình đào tạo ngành KH&CNTPT bao gồm các học phần thuộc khối kiến thức chung, học phần khối kiến thức theo lĩnh vực, học phần thuộc khối kiến thức theo khối ngành, nhóm ngành, ngành nhằm giúp SV được trang bị các kiến thức sâu và rộng về khoa học và công nghệ thực phẩm [H1.04.01.05]. Nhờ đó các em hiểu được để áp dụng cho công tác về quản lý giám sát, kiểm định chất lượng, đánh giá chất lượng thực phẩm từ nguyên liệu đến chế biến, bảo quản và tiêu dùng thực phẩm và các kiến thức về dinh dưỡng thực phẩm, văn hóa ẩm thực con người. Đây là những kiến thức nền tảng tốt cho sự nghiệp sau này. Ngoài ra, triết lý giáo dục được cụ thể hóa trong các kế hoạch, hoạt động giảng dạy theo chương trình hành động của Trường, Khoa [H1.04.01.06]. Đặc biệt, khi triển khai CTĐT, xây dựng đề cương học phần, phương pháp dạy và học tích cực, kiểm tra, đánh giá, triết lý giáo dục của Khoa được các cán bộ, giảng viên quán triệt đưa vào các ĐCCT học phần các nội dung thực tiễn, thực hiện hoạt động giảng dạy với SV là trung tâm, học tập trên cơ sở áp dụng, khuyến khích học tập thông qua làm việc nhóm, kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành thực tập nhằm đạt được kết quả học tập cao nhất và kỹ năng nghề nghiệp tốt nhất cho SV [H1.04.01.07]. Hơn nữa, sinh viên trước khi tốt nghiệp có thể hoàn thành khóa luận tốt nghiệp bằng việc thực hiện 1 đề tài nghiên cứu tại Trường hoặc tại Viện nghiên cứu, doanh nghiệp, do giảng viên hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn với cán bộ tại cơ sở [H1.04.01.08] hoặc các em có thể học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp như học phần Đồ án khoa học và công nghệ thực phẩm và chọn các học phần tự chọn chưa tích lũy [H1.04.01.05]. Đây là cơ hội để các em nghiên cứu sâu kiến thức liên quan đến chuyên môn trong thực tiễn. Ngoài ra, việc tham gia vào các các chuyến đi thực tập sản xuất, thực tập thực tế, thực tập công nghiệp tại doanh nghiệp và tham gia lớp học bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ về chế biến và kiểm nghiệm thực phẩm đã giúp SV quan sát và áp dụng lý thuyết vào thực tế, giúp SV nâng

cao kiến thức và các kỹ năng nghề nghiệp [H1.04.01.09]. Ngoài ra, SV được khích lệ khởi nghiệp thông qua những học phần như “khởi nghiệp”, “thực hành khởi nghiệp” [H1.04.01.10].

Đối với SV/người học, ngay từ khi đăng ký dự thi vào Trường đã được giới thiệu, tìm hiểu, được tiếp cận triết lý giáo dục của Khoa trên trang web Khoa và trong tờ rơi tuyển sinh hàng năm [H1.04.01.11]. Khi SV nhập học, triết lý giáo dục của Khoa được chính thức phổ biến đến SV ở buổi gặp mặt sinh viên và trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm [H1.04.01.12].

- Đối với các bên liên quan bên ngoài:

Ngoài ra, triết lý giáo dục của Khoa còn được giới thiệu đến các bên liên quan bên ngoài trường (nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, đối tác, bộ phận truyền thông của Trường, Khoa,...) trong các cuộc họp thường niên, hội thảo, hội nghị và qua trang web của Khoa và Trường [H1.04.01.13] hay các tờ rơi quảng bá tuyển sinh, đề án tuyển sinh, cảm nang sinh viên đều có phổ biến về triết lý giáo dục, mục tiêu đào tạo của Khoa, Trường [H1.04.01.14]. Một số chuyên gia làm việc tại các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, cơ quan quản lý được mời tham gia, trao đổi trực tiếp trong các buổi họp của Hội đồng Khoa học Đào tạo, trong xây dựng, chỉnh sửa chương trình, đánh giá CTĐT của Khoa, tham gia giảng dạy một số học phần cũng nắm rõ triết lý giáo dục của Khoa [H1.04.01.15]

2) Điểm mạnh

Triết lý giáo dục của Khoa, mục tiêu của CTĐT được xác định phù hợp với sứ mạng của Trường ĐH KHTN và được tuyên bố rõ ràng trên trang web của khoa và các ấn phẩm khác phổ biến rộng rãi tới tất cả cán bộ, GV, SV. Đặc biệt, tất cả cán bộ, GV, SV đều hiểu rõ và thực hiện một cách nghiêm túc thể hiện ở các nội dung, vấn đề thực tiễn được lồng ghép trong các học phần. Các hoạt động dạy và học thực hiện theo đúng triết lý giáo dục đã đề ra, đáp ứng các CDR.

3) Điểm tồn tại

Trong các buổi tọa đàm, hội thảo có sự tham gia của doanh nghiệp, đa số các doanh nghiệp được mời đã có mối quan hệ lâu năm với Khoa. Do đó, triết lý giáo dục cần được phổ biến tới các doanh nghiệp mới thành lập.

Bên cạnh đó, triết lý giáo dục của Khoa mặc dù đã được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông, các tài liệu truyền thông mới chỉ tập trung cao vào thời điểm các mùa tuyển sinh, nhập học đầu khóa của sinh viên.

4) Kế hoạch hành động

Để phát huy điểm mạnh, Trường ĐHKHTN, Khoa Môi trường, Phòng CT&CTSV, Trung tâm CNTT&TT qua nhiều kênh thông tin khác nhau tiếp tục việc tuyên truyền về triết lý giáo dục của Trường, Khoa đến toàn bộ cán bộ, GV và SV và đặc biệt là các cơ quan, doanh nghiệp thường xuyên hơn. Đẩy mạnh tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo để giới thiệu và tăng cường quảng bá triết lý giáo dục của Khoa và mục tiêu của chương trình đến các nhà tuyển dụng, các doanh nghiệp mới thành lập và mở rộng liên kết với mạng lưới các nhà tuyển dụng, các doanh nghiệp (bắt đầu từ tháng 1/2025 – 12/2025).

5) Tự đánh giá: tiêu chí đạt (mức 6/7)

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1) Mô tả hiện trạng

Bộ chuẩn đầu ra bao gồm những yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, trách nhiệm. Để giúp sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra này, và đặc biệt đối với lĩnh vực công nghệ thực phẩm là lĩnh vực thường xuyên cập nhật các công nghệ mới, chương trình triển khai nhiều phương pháp dạy và học đa dạng kết hợp với môi trường thực tiễn của doanh nghiệp cũng như các hoạt động ngoại khóa, đoàn thể.

i) Khoa/Bộ môn, giảng viên xây dựng hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt được CDR:

Các hoạt động dạy và học luôn được Khoa/Bộ môn chú trọng thiết kế phù hợp nhằm đạt được CDR, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội dựa trên các văn bản hướng dẫn triển khai Chương trình đào tạo [H1.04.02.01]. Hoạt động dạy và học giúp người học tích lũy kiến thức, có năng lực suy duy logic, có tay nghề vững vàng và có thái độ đúng đắn với ngành

nghe. Một phương pháp dạy học hiệu quả là phương pháp xây dựng được liên kết chặt chẽ giữa sinh viên và giáo viên, không chỉ giới hạn ở việc giáo viên truyền đạt kiến thức mà bao gồm cả việc kích thích sự tò mò và khám phá của sinh viên thông qua việc sử dụng các nguồn tri thức hấp dẫn. Chính vì vậy, sự đa dạng về các PPGD là hết sức cần thiết. Chính vì vậy, giảng viên trong khoa đưa ra các hoạt động dạy học đa dạng, linh hoạt không chỉ sử dụng phương pháp dạy thuyết giảng có tương tác mà đồng thời kết hợp với nhiều các phương pháp dạy đại học hiện đại như phương pháp dạy học theo nhóm, dạy học theo tình huống, phương pháp dạy học dự án, dạy học thảo luận, phương pháp mô phỏng... [H1.04.02.02] hướng tới phát huy tính chủ động trong nghiên cứu học tập của sinh[H04.04.02.02]. Theo nghiên cứu của Michelene & Ruth, 2014 đã chỉ ra trong các bài giảng truyền thống, sinh viên hầu hết là thụ động và khoảng thời gian tập trung chú ý của các em giảm đáng kể sau 15 đến 20 phút. Bài giảng truyền thống có thể không phù hợp với mức độ nhận thức cao hơn, cụ thể là cấp độ áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo. Nghiên cứu trong giảng dạy và học tập cho thấy SV học tốt nhất bằng cách tham gia học tập chủ động hơn là các hoạt động học tập thụ động [H1.04.02.03]. Phương pháp dạy học theo nhóm, phương pháp thảo luận được GV giảng dạy triển khai thường xuyên ở nhiều các học phần khác nhau [H1.04.02.02]. yêu cầu các nhóm SV thảo luận và làm tiểu luận nhóm trình bày về 1 chủ đề nằm trong nội dung bài giảng của học phần [H1.04.02.04]. Trong quá trình trình bày tiểu luận hoặc thực hành, GV đặt ra nhiều câu hỏi gợi mở để SV tự suy luận, phát triển ý tưởng, liên hệ thực tế [H1.04.02.05; H1.04.02.06]. Phương pháp học tập theo nhóm thường được sử dụng để khuyến khích sự tương tác xã hội, phát triển kỹ năng làm việc nhóm và giúp sinh viên xây dựng kiến thức một cách chủ động hơn. Sinh viên trong nhóm phải tự quản lý thời gian và xây dựng kế hoạch để đảm bảo tiến độ và hoàn thành công việc theo yêu cầu. Trong phương pháp này, giảng viên thường đóng vai trò của người hỗ trợ và hướng dẫn, chứ không phải là người truyền đạt kiến thức chính. Phương pháp thảo luận là một phương pháp dạy học tập trung vào việc tạo môi trường thảo luận và trao đổi đây là một phương pháp giảng dạy phổ biến và hiệu quả để khuyến khích sự tương tác, trao đổi ý kiến giữa giảng viên và sinh viên và giữa các sinh viên với nhau tạo cơ hội cho sinh viên giảng cho nhau phá vỡ sự thụ động và thu hút SV suy nghĩ, định hình lại và giải thích các khái niệm bài học bằng từ ngữ của chính các em. Thông qua việc thảo luận và phân tích, sinh viên sẽ hiểu nội dung một cách sâu sắc hơn. Ngoài ra, một học phần có thể là sự kết hợp của nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau như học phần khởi nghiệp và thực hành khởi nghiệp [H1.04.02.02]. Hơn thế nữa,, để giúp SV nắm chắc kiến thức sau mỗi chương GV tổng kết lại và củng cố toàn bộ kiến thức bằng những bài tập [H1.04.02.07]. Bên cạnh đó, các học phần còn sử dụng đa phương tiện và công nghệ phong phú khác nhau để hỗ trợ bài giảng như để người học nhiệt huyết và vui vẻ và nắm vững các kiến thức cũ và chuẩn bị tiếp thu và hiểu những kiến thức mới như thực hiện ôn bài bằng Quizizz Game với câu hỏi trắc nghiệm [H1.04.02.08]. Trong quá trình giảng dạy, GV đưa vào nhiều hình ảnh liên hệ thực tế, hoặc biểu đồ, sơ đồ, video, để bài giảng sinh động, thu hút với SV [H1.04.02.04]. Áp dụng các phương pháp trên đã giúp SV hiểu rõ lý thuyết, tích lũy kinh nghiệm, hoàn thiện thái độ/phẩm chất nghề nghiệp, rèn luyện những kỹ năng học tập phù hợp như kỹ năng phân tích và tổng hợp tài liệu, vận dụng lý thuyết, phát hiện vấn đề, trình bày và giải quyết vấn đề, các kỹ năng và kiến thức cụ thể cần đạt được của từng học phần nhằm đạt được CDR [H1.04.02.01]. Với mỗi học phần đều ghi rõ số giờ tín chỉ đối với lý thuyết, thực hành và tự học trong đề cương chi tiết [H1.04.02.02]. ĐHQGHN cũng như Trường ĐHKHTN luôn xác định đổi mới phương pháp dạy và học là một trong những khâu đột

phá nâng cao chất lượng đào tạo. Giám đốc ĐHQGHN giao cho Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục (ĐBCLGD) xây dựng và triển khai tổ chức Chương trình tập huấn “Phương pháp giảng dạy mới và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy cho giảng viên, giáo viên tại ĐHQGHN” [H1.04.02.09]. Ngoài ra, hình thức học trực tuyến nhằm hỗ trợ học tập từ xa và học tập trong các hoàn cảnh đặc biệt (dịch Covid 19) được ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN có hướng dẫn cụ thể đảm bảo hiệu quả và chất lượng giảng dạy [H1.04.02.10, H1.04.02.11].

Hoạt động dạy học tích cực theo triết lý giáo dục của Khoa “Học để ứng dụng, Học từ thực tiễn” còn được thể hiện rõ chương trình ngành KH & CNTP tổ chức cho SV đi thực tập sản xuất, thực tập thực tế, thực tập công nghiệp. Sau mỗi đợt thực tập sinh viên nộp báo cáo và được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn của khoa [H1.04.02.12] nhờ đó SV có thể thực hành những kiến thức lý luận đã có, tiếp cận và hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp. Sinh viên cũng được gửi đến các viện nghiên cứu, công ty, đơn vị/cơ quan quản lý nhà nước để thực tập, nghiên cứu tiếp cận các vấn đề thực tiễn phục vụ cho khóa luận tốt nghiệp [H1.04.02.13]. Sinh viên năm 4 được thực hiện khóa luận tốt nghiệp tại Trường hoặc doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu và được hướng dẫn bởi giảng viên trong Khoa và bởi cán bộ ở các Viện/Trường/Doanh nghiệp [H1.04.02.14] hoặc các em có thể học các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp như học phần Đồ án Khoa học và công nghệ thực phẩm và chọn các học phần tự chọn chưa tích lũy [H1.04.02.01; H1.04.02.02]. Mục đích của các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp như học phần Đồ án Khoa học và công nghệ thực phẩm giúp sinh viên tiếp cận các vấn đề thực tiễn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phương pháp phân tích lựa chọn công nghệ, thiết bị nắm bắt được các nguyên tắc làm việc cơ bản của các dây chuyền, thiết bị sản xuất từ đó có thể thiết kế và vận hành dây chuyền theo yêu cầu. Ngoài ra, Khoa Môi trường còn kết hợp với các Trường khác như Trường Đại học Du lịch mở lớp Bồi dưỡng Nghiệp vụ chế biến món ăn – Pha chế đồ uống cho SV ngành KH&CNTP các em học qua trải nghiệm thực tế tăng sự hiểu biết và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp [H1.04.02.15].

Ngoài ra, hoạt động dạy học tích cực còn thể hiện dạy và học thông qua nghiên cứu khoa học. Việc khuyến khích SV tiến hành NCKH từ năm thứ hai giúp SV bắt đầu làm quen với hoạt động nghiên cứu, gắn thực tiễn với lý thuyết, vận dụng kiến thức đã học để giải

quyết vấn đề của thực tiễn [H1.04.02.16]. Số báo cáo khoa học SV NCKH năm 2024 tăng lên với số lượng lớn so với năm 2023. Nhóm sinh viên có ý tưởng, kết quả tốt, khả thi được vinh danh ở cấp Khoa, cấp Trường nhằm tạo động lực phát huy tính sáng tạo và khơi gợi niềm đam mê khoa học/ngành học của sinh viên [H1.04.02.17].

Hoạt động dạy học tích cực luôn được Khoa Môi trường quan tâm không chỉ là các hoạt động chính khóa mà còn học thông qua các hoạt động ngoại khóa. Các hoạt động ngoại khóa như tình nguyện, câu lạc bộ, hoạt động đoàn thanh niên hội sinh viên, mùa hè xanh... giúp nâng cao kỹ năng mềm, sự hiểu biết về các vấn đề xã hội và cung cấp các cơ hội thực hiện trách nhiệm xã hội cho sinh viên [H1.04.02.18]. Các kết quả rèn luyện kỹ năng mềm, sự hiểu biết về xã hội và thực hiện trách nhiệm xã hội của sinh viên thông qua các hoạt động này được cộng vào điểm rèn luyện học kỳ của các em [H1.04.02.19].

ii) Khoa/GV hướng dẫn người học/sinh viên sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp người học tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR:

Việc xây dựng kế hoạch học tập phù hợp nhằm giúp NH tiếp thu và lĩnh hội kiến thức đạt được CĐR: Hướng dẫn người học xác định mục tiêu học tập cụ thể và xây dựng kế hoạch học tập chi tiết để đạt được mục tiêu đó. Ngay những ngày đầu sau khi nhập học mỗi lớp sẽ có giáo viên chủ nhiệm với vai trò vừa là giáo viên chủ nhiệm, vừa là cố vấn học tập có nhiệm vụ tư vấn cho SV xây dựng kế hoạch học tập, phương pháp học tập, phương pháp NCKH phù hợp [H1.04.02.20].

Với mỗi học phần, các giảng viên luôn giới thiệu cho SV về đề cương chi tiết của học phần cụ thể giới thiệu nội dung của học phần, phương pháp dạy-học, phương pháp kiểm tra đánh giá và CĐR của học phần [H1.04.02.02]. Ngoài ra, SV được hướng dẫn đến các nguồn tài liệu học tập đa dạng phù hợp như sách tham khảo, danh mục giáo trình, bài báo, tài liệu nghiên cứu và tài liệu tham khảo đặc biệt hệ thống thư viện trực tuyến và các quyền truy cập một số nguồn dữ liệu đã hỗ trợ rất hiệu quả SV để họ có thể tiếp cận kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau nhằm đạt CĐR [H1.04.02.02; H1.04.02.21].

Trong giai đoạn ảnh hưởng của dịch bệnh Covid, Trường và Khoa đã có các văn bản hướng dẫn cụ thể cho SV để sử dụng các ứng dụng học tập trực tuyến. Các hướng dẫn được

đăng tải trên nhiều kênh thông tin khác nhau giúp SV dễ dàng tiếp cận [H1.04.02.10]. Ngoài ra, ĐHQGHN cũng đã biên soạn các hướng dẫn chi tiết về cách thức kiểm tra, thi trực tuyến để hỗ trợ SV [H1.04.02.11]. Khoa và Liên chi đoàn thường tổ chức các chương trình tọa đàm, hội thảo về phương pháp học tập, phương pháp NCKH, đây là diễn đàn thường niên để các giảng viên, SV trao đổi kinh nghiệm, phương pháp học tập hiệu quả [H1.04.02.18].

Các hoạt động học tập gắn với thực tế như khóa luận tốt nghiệp đã được Khoa Môi trường xây dựng rubric đánh giá khóa luận tốt nghiệp và là một tài liệu quan trọng để giảng viên hướng dẫn SV cũng như định hướng quá trình nghiên cứu và viết báo cáo [H4.04.02.22].

iii) GV/NH hài lòng với các hoạt động dạy và học/các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT:

Sau mỗi học kỳ, phương pháp dạy và học được người dạy và người học đánh giá [H1.04.02.23, H1.04.02.24]. Những thông tin phản hồi được tóm tắt và gửi lại cho giảng viên để điều chỉnh và cải thiện phương pháp cũng như nội dung giảng dạy trong học kỳ tiếp theo. Kết quả khảo sát cũng chỉ ra rằng SV đánh giá giảng viên có kiến thức chuyên môn phù hợp, nội dung bài giảng thường xuyên được cập nhật; các hoạt động tư vấn học tập, cơ hội nghề nghiệp cung cấp tương đối đầy đủ thông tin, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, chọn lựa và học tập của SV. Hầu hết SV đều hài lòng và đánh giá cao trình độ, kỹ năng, phương pháp giảng dạy của giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT [H1.04.02.25; H1.04.02.26]. Tỷ lệ giảng viên của Khoa Môi trường được đánh giá trung bình ở mức > 4,0/5,0 và thường cao hơn mức trung bình toàn trường [H1.04.02.25]. Về kết quả giảng viên tự đánh giá chất lượng các nhiệm vụ đã thực hiện trong năm học kết quả chung đánh giá ở mức tốt đến rất tốt. Về kết quả giảng viên đánh giá các hoạt động giảng dạy và hỗ trợ giảng dạy như thông tin về học phần và chương trình đào tạo; việc kiểm tra, đánh giá đều đạt mức đồng ý đến hoàn toàn đồng ý [H1.04.02.26].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp, đa dạng kích lệ tinh thần học tập chủ động trong sinh viên nhằm đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. SV được tiếp cận với hoạt động NCKH từ sớm và được tham gia các hoạt động thực tế, thực tập và ngoại khóa đa dạng. Giảng viên, SV đều có phản hồi tích cực đối với các hoạt động/phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức hoạt động dạy học chưa đạt hiệu quả tối đa do hạn chế về điều kiện giảng dạy như cơ sở vật chất phòng thí nghiệm và không gian cho phòng thực hành và nghiên cứu còn nhỏ nên giảm số sinh viên tối đa trên nhóm sinh viên thực hành nhỏ hơn 15 để phù hợp với sức chứa của phòng học thực hành. Một số lớp học phần số lượng sinh viên còn đông do vậy việc tổ chức hoạt động giảng dạy tích cực bị hạn chế dẫn đến giảm khả năng tương tác giữa GV và SV trong giờ học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024-2025, khoa tiếp tục cải thiện các hoạt động dạy – học cho phù hợp với thực tế. Ban hành hướng dẫn xây dựng bộ phương pháp dạy-học, chi tiết, cụ thể. Hàng kỳ sẽ đánh giá lại hiệu quả để kỳ sau được tốt hơn. Ngoài ra, Trường ĐHKHTN, ban QLĐT, khoa cân nhắc và điều chỉnh số lượng SV trong nhóm thực hành phù hợp không gian phòng thực hành, thực tập ngành Khoa học và CNTT. Một số học phần lý thuyết cũng nên cân nhắc và điều chỉnh giảm số lượng SV nhằm tạo điều kiện cho GV và SV được tương tác nhiều hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt (6/7)

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT và nội dung của các học phần ngành KH&CNTP được xây dựng và thiết kế các hoạt động dạy và học thúc đẩy khả năng nhận thức, tư duy, sáng tạo, kỹ năng nghề nghiệp cho SV và kích thích khả năng tìm tòi học hỏi của SV và nâng cao khả năng học tập suốt đời [H1.04.03.01]. Kỹ năng tự nghiên cứu/tự học của người học luôn được chú trọng và

được phản ánh trong hầu hết các đề cương chi tiết của học phần [H1.04.03.02]. Cụ thể các đề cương chi tiết các học phần đều có giờ tự học và theo quy chế đào tạo của ĐHQGHN 1 giờ tín chỉ trên lớp cần có 3 giờ tự học [H1.04.03.03]. Ngoài ra, đề cương chi tiết học phần còn được thiết kế với kiến thức lý thuyết kết hợp với thực hành hoặc thảo luận/bài tập để người học có thể tự tiến hành các thí nghiệm hoặc tự nghiên cứu và trình bày vấn đề theo cách hiểu của mình trong những tiết thảo luận, bài tập [H1.04.03.04].

Bên cạnh đó, chương trình đào tạo của ngành KH&CNTTP còn xen kẽ những học phần thực tập sản xuất, thực tập thực tế và thực tập công nghiệp để SV vận dụng kiến thức đã học vào thực tế sản xuất [H1.04.03.01; H1.04.03.05] điều này đã kích thích người học ham học hỏi, rèn luyện kỹ năng tự học để nâng cao khả năng học tập suốt đời. GV có thể đánh giá hiệu quả của các hoạt động dạy và học đối với việc rèn luyện kỹ năng và năng lực tự học của sinh viên thông qua việc đánh giá các nội dung học tập mà sinh viên được giao bằng các hình thức khác nhau như đánh giá báo cáo, thuyết trình, hỏi đáp đã tạo điều kiện cải thiện kỹ năng tự học tập của người học [H1.04.03.06]. Nhiều phương pháp giảng dạy và học tập khác nhau, phù hợp đã được áp dụng để tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội thực hành các kiến thức đã học và đảm bảo đạt được các mục tiêu và CDR của CTĐT [H1.04.03.02]. Ngoài ra, trong chương trình đào tạo cử nhân KH&CNTTP không chỉ giúp SV lĩnh hội kiến thức chuyên môn về thực phẩm mà còn có học phần khởi nghiệp và thực hành khởi nghiệp thể hiện sự học tập suốt đời bằng cách khuyến khích NH khám phá ý tưởng mới, tìm hiểu về quy trình khởi nghiệp, thực hành và tích lũy kinh nghiệm. Những yếu tố này đóng vai trò quan trọng trong việc rèn luyện khả năng học tập suốt đời và khám phá liên tục trong lĩnh vực kinh doanh, khởi nghiệp [H1.04.03.07].

Ngoài ra, NCKH của SV luôn được khoa quan tâm. Sinh viên có thể bắt đầu tham gia nghiên cứu khoa học từ năm thứ hai. Mặc dù không phải tất cả các sinh viên đều tham gia nghiên cứu khoa học nhưng các nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học của khoa Môi trường nói chung và của ngành KH&CNTTP nói riêng qua mỗi năm tăng lên với số lượng lớn và có nhiều thành tích [H1.04.03.08; H1.04.03.09]. Việc tham gia vào nghiên cứu khoa học không chỉ giúp SV phát triển các kỹ năng nghiên cứu cụ thể, mà còn khuyến khích tư duy phản chứng, tìm hiểu liên tục, phân tích và đánh giá thông tin, cũng như kỹ năng giao tiếp

và trình bày. Đây cũng là một trong các môi trường thúc đẩy sự phát triển cá nhân và khám phá liên tục trong quá trình học tập và phát triển suốt đời.

Ngoài ra, góp phần phục vụ cho hoạt động dạy và học đáp ứng CĐR, nâng cao kỹ năng và khả năng học tập suốt đời hệ thống học liệu phục vụ dạy và học bao gồm danh mục tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo trong từng đề cương học phần cũng là một hình thức tăng cường hoạt động tự học của người học. Danh mục giáo trình, sách tham khảo... có thể tiếp cận học liệu tại thư viện [H4.04.03.02; H4.04.03.10]. Trong công tác tổ chức dạy học của GV, ngoài các nội dung chi tiết về tài liệu tham khảo của học phần, giảng viên giới thiệu về các tài liệu học tập cho mỗi chương giúp người học nâng cao khả năng tự học rèn luyện các khả năng tự phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng ngoài việc giúp đạt CĐR còn giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học [H1.04.03.02; H1.04.03.11].

Để phát triển và hỗ trợ việc tự học, giảng dạy trực tuyến, ĐHQGHN, Trường ĐHKHTN và Khoa Môi trường cũng đã triển khai các công cụ trực tuyến hỗ trợ cho việc dạy và học như phát triển kho học liệu trực tuyến [H1.04.03.10].

Ngoài ra, để hỗ trợ cho các SV trong việc tìm kiếm các phương pháp học tập hiệu quả, Khoa đã phân công các giảng viên có kinh nghiệm và nhiệt tình để đảm trách vị trí giáo viên chủ nhiệm [H1.04.03.12].

Ngoài các chương trình dạy và học chính khoá, các chương trình và hoạt động ngoại khoá giúp thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp của SV. Khoa phối hợp với liên chi đoàn tổ chức các chương trình thiện nguyện, nhiều sân chơi bổ ích, sáng tạo, góp phần định hướng cho SV các kiến thức, kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp cần có để thành công trong tương lai, cũng như góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học [H1.04.03.13]. Ngoài ra, Khoa Môi trường kết hợp với Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội mở lớp Bồi dưỡng Nghiệp vụ chế biến món ăn – Pha chế đồ uống cho SV ngành KH&CNTTP [H1.04.03.14].

Các hoạt động này sẽ giúp SV tiếp cận môi trường học tập một cách chủ động và có thể duy trì việc học suốt đời một cách dễ dàng hơn. Tuy nhiên, không phải 100% sinh viên

đều tích cực với những sự hỗ trợ trên, vẫn còn một số sinh viên chưa tham gia tích cực vào các hoạt động tổ chức của Khoa, Trường.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học của Trường và Khoa đã tạo động lực và hiệu quả cho SV rèn luyện các kỹ năng, nâng cao kiến thức, năng lực tự học, tự nghiên cứu, khả năng tư duy tự giải quyết các vấn đề phức tạp trong quá trình học tập và làm việc. Cấu trúc các học phần trong khung CTĐT và tỷ lệ giữa giờ giảng lý thuyết, thảo luận, bài tập, thuyết trình trong từng học phần giúp SV rèn luyện các kỹ năng lập luận và giải quyết vấn đề, suy luận, thu nhận, xử lý và truyền đạt thông tin. Phương pháp giảng dạy của giảng viên với chuyên môn nghiệp vụ phù hợp, thường xuyên được trau dồi đã áp dụng các biện pháp linh hoạt phong phú, tạo điều kiện cho SV có một môi trường học tập và rèn luyện tích cực giúp phát triển các kỹ năng cứng, mềm cho người học.

3. Điểm tồn tại

- Mặc dù hoạt động SV NCKH có tăng nhưng số lượng SV tham gia chưa nhiều và vẫn còn một số SV chưa chủ động trong học tập, đặc biệt là tự học và tham gia các hoạt động của Trường/Khoa để rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

4. Kế hoạch hành động

Khoa và giảng viên tăng cường hơn nữa trong việc tìm kiếm thêm các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên giúp người học chủ động, tự học, tự nghiên cứu, từ đó khám phá những kiến thức, kỹ năng mới, phát huy tính sáng tạo, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Từ năm học 2024 – 2025, các giảng viên đặc biệt là giáo viên chủ nhiệm cần tích cực hơn nữa trong động viên, khuyến khích tinh thần chủ động của người học, theo dõi quá trình phát triển tiến bộ của người học để có những động viên nhận xét kịp thời. Sau mỗi kỳ sẽ xem xét, đánh giá lại học tập của từng sinh viên từ đó có phương hướng, kế hoạch học tập cho các kỳ tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt (6/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Triết lý giáo dục của Trường và Khoa được tuyên bố rõ ràng trên trang thông tin điện tử và được phổ biến tới tất cả các bên liên quan. Tất cả cán bộ, GV, SV đều hiểu rõ và thực hiện một cách nghiêm túc các mục tiêu giáo dục đã đề ra. Khoa Môi trường đã xây dựng chiến lược dạy và học tiên tiến, sáng tạo, linh hoạt và cập nhật liên tục để đảm bảo chất lượng giảng dạy và học tập; đáp ứng nhu cầu xã hội về đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao ngành KH&CNTĐ, đóng góp cho công cuộc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. CTĐT có những hoạt động thực tế và các hoạt động chuyên môn đa dạng. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ và cởi mở. Tuy nhiên vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục đó là:

- (i) Triết lý giáo dục của Khoa còn bị giới hạn trong việc phổ biến đến các bên liên quan, chủ yếu tập trung ở các nhóm đơn vị đã có mối liên hệ, phối hợp trực tiếp với khoa, Trường.
- (ii) Mặc dù đã có nhiều phương pháp giảng dạy và học tập linh hoạt, đa dạng giúp SV có thể tiếp thu kiến thức, kỹ năng, thái độ đạt CĐR của CTĐT, Khoa và Trường nên cân nhắc về sự phù hợp giữa số lượng các nhóm SV tham gia trong một nhóm thực hành nên nhỏ hơn 15 để phù hợp với không gian phòng thực hành.
- (iii) Một số SV chưa chủ động trong học tập, tự học, nghiên cứu khoa học để rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, CTĐT ngành KH và CNTĐ đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí trong đó tiêu chí 4.1, 4.2 và 4.3 đạt 6/7 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất của giáo dục đại học. Kết quả đánh giá ảnh hưởng sâu sắc đến nghề nghiệp tương lai của người học. Do đó, hoạt động đánh giá KQHT của người học được tập thể GV Khoa Môi trường chú trọng và thực hiện một cách chuyên nghiệp, các kiến thức được cập

nhập vào quá trình kiểm tra, đánh giá. KQHT của người học phản ánh mức độ tiếp thu và lĩnh hội các kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm của người học; giúp đưa ra căn cứ để phân loại KQHT của người học, đồng thời cũng phản ánh mức độ đáp ứng CĐR HP của người học. Việc đánh giá KQHT của người học giúp xây dựng, củng cố và phát huy khả năng tự học của người học; tự bồi dưỡng, nâng cao chất lượng giảng dạy của GV và tự hoàn thiện công tác phục vụ quá trình dạy và học (như công tác sinh viên, công tác khảo thí, công tác thanh tra, công tác đào tạo...) của cán bộ, chuyên viên trong toàn bộ Nhà trường. Đây là nhiệm vụ nòng cốt giúp cải tiến hoạt động dạy, học và quản lý dạy học. Bên cạnh đó, hiệu quả từ công tác này giúp chuẩn hóa thước đo năng lực và trình độ chuyên môn của sinh viên tốt nghiệp ngành KH&CNTTP trước nhà tuyển dụng. Để đạt hiệu quả mong muốn, công tác đánh giá KQHT của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR, bao gồm các học phần thuộc khối kiến thức chung (kể cả giáo dục thể chất, GDQP-AN và kỹ năng bổ trợ), kiến thức theo lĩnh vực, khối ngành, nhóm ngành và ngành. Từ đó các quy định về đánh giá KQHT của người học phải thật sự rõ ràng và được thông báo công khai tới người học trong suốt quá trình dạy học để người học đạt được CĐR. Việc đánh giá KQHT được thực hiện bằng cách kết hợp, sử dụng linh hoạt và đa dạng các phương pháp có độ tin cậy, giá trị sử dụng cao, đồng thời vận dụng, thực hành các phương pháp mới, sáng tạo. Bên cạnh đó, kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và/hoặc tiến hành khiếu nại về KQHT nếu thấy có sai sót. Như vậy, bằng việc thiết kế định mức CĐR; công khai các quy định đánh giá; thiết lập các phương pháp đánh giá có giá trị, có độ tin cậy, có sự công bằng; thiết lập cơ chế khuyến khích người học phản hồi; và xây dựng quy trình khiếu nại về KQHT dễ dàng tiếp cận, công tác đánh giá KQHT của người học đã, đang và tiếp tục đạt hiệu quả cao.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1) Mô tả hiện trạng

Hoạt động đánh giá KQHT của người học được thiết kế theo hướng gắn liền với CĐR và đo lường mức độ đạt được CĐR của người học. Căn cứ vào quy chế tuyển sinh

của Bộ GD&ĐT, quy chế đào tạo đại học của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN và hướng dẫn của Trường ĐHKHTN về tổ chức quản lý, giảng dạy, học tập [H1.05.01.01, H1.05.01.02, H1.05.01.03], việc đánh giá KQHT của người học CTĐT ngành KH&CNTP được thực hiện phù hợp và hướng tới CĐR của CTĐT từ lúc tuyển sinh [H1.05.01.04], trong suốt quá trình học và cho đến khi tốt nghiệp với quy trình **đánh giá quá trình**. Để nâng cao hiệu quả đánh giá KQHT của người học, các GV Khoa Môi trường được tham gia tập huấn về cách thiết kế và sử dụng các phương pháp đánh giá người học khác nhau [H1.05.01.05] và hiện nay ĐHQGHN đã ban hành Khung năng lực giảng dạy của GV tại ĐHQGHN, trong đó có hướng dẫn rõ ràng về hoạt động đánh giá người học, giúp GV đánh giá KQHT của người học tốt hơn [H1.05.01.06]. Bên cạnh đó, đánh giá KQHT của người học còn được đánh giá thông qua các hoạt động NCKH. Công tác **đánh giá tổng kết** căn cứ trên tổng số tín chỉ tích lũy, điểm trung bình chung tích lũy của người học trong toàn khóa học, điểm rèn luyện và các điều kiện CĐR về Ngoại ngữ, tin học, GDQP-AN và kỹ năng bổ trợ theo quy định của Nhà trường.

- Về đánh giá quá trình

+ Đánh giá theo HP: sử dụng quy trình đánh giá gồm kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ và cuối kỳ, với nhiều hình thức khác nhau và bám sát theo CĐR của CTĐT nói chung và mỗi HP nói riêng [H1.05.01.07, H1.05.01.08]. Đề cương chi tiết của các HP trong CTĐT năm 2020 và CTĐT được điều chỉnh năm 2022 đều đã mô tả chi tiết, rõ ràng về phương pháp kiểm tra và đánh giá KQHT của người học (bao gồm viết, trắc nghiệm, tiểu luận, bài tập, thuyết trình và vấn đáp), có xác định các đầu điểm và tỷ trọng điểm đánh giá HP, để có thể đo lường được mức độ đạt được CĐR về cả kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, vị trí việc làm có thể đảm nhận và CĐR về học tập suốt đời [H1.05.01.08]. Riêng với các HP Khởi nghiệp/Thực hành khởi nghiệp, niên luận, thực hành, thực tập thực tế và thực tập công nghiệp đều có các tiêu chí (rubric) chi tiết cho việc đánh giá KQHT của người học [H1.05.01.08]. Đây chính là tiêu chuẩn để kiểm tra quá trình thu nhận tri thức và rèn luyện của người học theo các thang nhận thức BLOOM (biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá). Từ mục tiêu của HP, GV xác định các nội dung, cách thức kiểm tra, đánh giá và những yêu cầu cụ thể việc kiểm tra, đánh giá phù hợp với CĐR của HP [H1.05.01.08]. Ngoài ra, trong quá trình giảng dạy, GV cũng luôn có sự điều chỉnh kịp thời, đa dạng hoá

hình thức kiểm tra, đánh giá cho phù hợp với năng lực của người học, qua đó giúp người học theo sát và lĩnh hội đầy đủ các nội dung học tập. So với CTĐT năm 2020 [H1.05.01.07], thì ở CTĐT năm 2022, người học được tăng cường hướng dẫn cách học theo nhóm và tự nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp [H1.05.01.09]. Do đó, việc đánh giá điểm thường xuyên và giữa kỳ của người học cũng được GV căn cứ vào kết quả làm việc theo nhóm, việc tổng hợp và nghiên cứu tài liệu, khả năng thuyết trình, cũng như quá trình thực hành trong PTN và viết báo cáo cho các bài thực hành để đảm bảo cho người học có được kiến thức tổng hợp và kỹ năng tốt sau mỗi HP. Điểm tổng hợp đánh giá HP (điểm HP) bao gồm 3 loại điểm bộ phận (điểm thường xuyên, điểm giữa kỳ và điểm cuối kỳ), trong đó trọng số điểm cuối kỳ tối thiểu 60% [H1.05.01.08, H1.05.01.10].

Về **kiến thức**, các bài kiểm tra đánh giá được thực hiện theo đúng yêu cầu đề cương HP và quy định trong các quy chế đào tạo đại học của ĐHQGHN nhằm đáp ứng được CDR của từng HP [H1.05.01.03, H1.05.01.10, H1.05.01.11]. Bài kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ đều được thực hiện theo nhiều hình thức thi (bao gồm viết, trắc nghiệm, tiểu luận, bài tập, thuyết trình và vấn đáp) với mục tiêu đánh giá tổng thể các mức độ như khả năng biết, hiểu và áp dụng, phân tích và đánh giá, và sáng tạo cho nội dung HP, cùng các kỹ năng tư duy, phân tích tổng hợp [H1.05.01.10, H1.05.01.12]. Trong khoảng thời gian 2020–2022 khi đại dịch Covid diễn biến phức tạp, Trường ĐHKHTN đã chủ động thích ứng, rà soát và điều chỉnh các hình thức kiểm tra, đánh giá người học sang trực tuyến để đáp ứng bảo đảm an toàn cho người học [H1.05.01.13].

Về **kỹ năng**, với các phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng (bài kiểm tra trên lớp, thi tự luận, thi thực hành, thi vấn đáp, bài tiểu luận, bài tập nhóm, bài báo cáo thực tập, ...) rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học (kỹ năng nghiên cứu tài liệu, giao tiếp, thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng tổng hợp, kỹ năng làm việc nhóm...) [H1.05.01.08]. Đặc biệt, các HP thực hành và thực tập (thực tế, sản xuất và công nghiệp) trong CTĐT giúp người học nâng cao năng lực vận dụng kiến thức và kỹ năng (cá nhân và làm việc nhóm) vào thực tiễn [H1.05.01.08].

Về mức **tự chủ và trách nhiệm**, mức độ tham gia đầy đủ các giờ học và sự nghiêm túc, đóng góp tích cực của người học trong suốt quá trình học lớp HP (tích cực phát biểu ý

kiến, đóng góp xây dựng bài tập, làm việc nhóm,..) sẽ đánh giá thái độ lên lớp của người học [H1.05.01.08]. Bên cạnh đó, việc đánh giá điểm rèn luyện định kỳ cũng được thực hiện để đánh giá ý thức, thái độ của người học về học tập, chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường, tham gia các hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội và các hoạt động cộng đồng [H1.05.01.14, H1.05.01.15].

+ Đánh giá qua hoạt động NCKH: người học được khuyến khích tham gia NCKH SV được Khoa và nhà Trường tổ chức hàng năm, qua đó người học có thể nâng cao khả năng tổng hợp các kiến thức về KH&CNTP, toàn diện các kỹ năng, phẩm chất đáp ứng CĐR. Khoa Môi trường cũng đã hỗ trợ kinh phí cho các đề tài SV NCKH có tiềm năng. Các sinh viên đạt giải cao được khen thưởng và khuyến khích dự thi ở cấp ĐHQGHN, cấp Bộ GD&ĐT, Eureka...[H1.05.01.16].

- *Đánh giá tổng kết*

+ Đánh giá KLTN/các học phần thay thế: Tất cả người học khoá 2020–2024 của ngành KH&CNTP đã đăng ký thực hiện KLTN theo quy định, mặc dù có học phần thay thế. KLTN được đánh giá bởi Hội đồng do Trưởng Khoa ra quyết định thành lập [H1.05.01.17]. Khoa Môi trường đã ban hành rubric chấm điểm cho KLTN. Rubric đánh giá KLTN dựa trên các tiêu chí: tên đề tài, đối tượng, mục tiêu nghiên cứu; nội dung khoá luận; trình bày khoá luận; trình bày báo cáo và trong mỗi tiêu chí chung có các tiêu chí đánh giá cụ thể [H1.05.01.18]. Theo đó, điểm đánh giá KLTN của người học được lượng hoá cụ thể, chính xác và công bằng [H1.05.01.19].

+ Đánh giá cuối khoá: người học được xét công nhận tốt nghiệp khi tích lũy đủ số HP, khối lượng của CTĐT, và có đủ điều kiện theo quy định về GDQP, Giáo dục thể chất, Ngoại ngữ, Kỹ năng mềm; có điểm trung bình chung tích lũy toàn khoá đạt từ 2.00 trở lên trên thang điểm 4 [H1.05.01.03]. Để xác nhận người học đạt CĐR và đủ điều kiện tốt nghiệp, Nhà trường thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp để đánh giá người học [H1.05.01.20].

2) *Điểm mạnh*

- Hoạt động đánh giá KQHT của người học được thực hiện ngay từ khâu tuyển sinh đầu vào (có ngưỡng đảm bảo chất lượng) đến quá trình đào tạo và đầu ra được thiết kế phù hợp, bám sát các yêu cầu của CĐR về cả kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, vị trí

việc làm có thể đảm nhận và CDR về học tập suốt đời và được công bố đầy đủ cho người học. Nhiều hình thức đánh giá KQHT của người học đã được triển khai, phù hợp với năng lực người học và đáp ứng được các CDR.

- Đã ban hành mẫu đề thi/đáp án/phiếu chấm điểm cho các HP thi vấn đáp; đã xây dựng và áp dụng rubric đánh giá cho các HP Thực tập thực tế, Thực tập công nghiệp và KLTN nhằm đảm bảo khách quan và công bằng đánh giá KQHT của người học.

3) Điểm tồn tại

Mặc dù hình thức tổ chức đánh giá KQHT của người học trong mỗi HP đa dạng, tuy nhiên việc kết hợp nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá trong mỗi HP chưa phổ biến.

4) Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024–2025, Khoa sẽ tăng cường việc kết hợp nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá trong tất cả các HP. GV phụ trách HP sẽ tiến hành đánh giá KQHT của người học sau khi kết thúc HP để thấy được mức độ phù hợp của đề thi, từ đó có những điều chỉnh kịp thời. Khoa giám sát việc thực hiện nhằm hoàn thiện mức độ đạt được CDR HP về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm.

5) *Tự đánh giá*: Đạt, mức: 5/7.

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1) Mô tả hiện trạng

Các quy định về đánh giá KQHT của người học trong CTĐT ngành KH&CNTP được xây dựng rõ ràng theo quy chế đào tạo đại học của ĐHQGHN (Chương VII- Kiểm tra, thi và đánh giá KQHT) [H1.05.01.03], quy định đánh giá KQHT với phương pháp, tiêu chí, cách tính điểm, xếp hạng KQHT trong suốt quá trình học tập (gồm có điểm thường xuyên, điểm giữa kỳ, điểm cuối kỳ), trong đó điểm thi kết thúc HP là bắt buộc và có trọng số không dưới 60%, quy chế cũng nêu rõ hình thức thi bao gồm tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, tiểu luận, bài tập lớn hoặc kết hợp các hình thức trên. Hình thức kiểm tra đánh giá HP, trọng số của các điểm kiểm tra đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc HP được quy định trong đề

cương HP. Quy chế cũng nêu nguyên tắc cho việc Tổ chức kiểm tra đánh giá và thi kết thúc HP, chấm KLTN, cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm HP, điểm trung bình chung, và qui đổi điểm số ra điểm chữ. Trên cơ sở điểm số tích lũy, Quy chế nêu rõ ngưỡng làm căn cứ ra cảnh báo học vụ, hoặc buộc thôi học, và làm căn cứ xếp loại học lực. Quy chế cũng nêu rõ việc thông báo kết quả cho người học phải được thực hiện chậm nhất 7 ngày làm việc kể từ sau ngày kiểm tra hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

Quy định tổ chức đào tạo Ngoại ngữ được quy định tại hướng dẫn số 297/HD- ĐHQGHN [H1.05.02.01] và CDR về Ngoại ngữ được quy định bởi quyết định số 4116/ĐHQGHN-ĐT [H1.05.02.02]. Theo các qui định này, các chứng chỉ ngoại ngữ được tính tương đương với từng bậc trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng trong đào tạo trình độ đại học.

Quy định về đánh giá công tác xếp loại rèn luyện, khen thưởng đối với người học theo Quyết định số 32/QĐ-ĐHQGHN [H1.05.01.14].

Tiến trình đào tạo và hướng dẫn tổ chức, quản lý giảng dạy học tập trong từng năm học được Trường ĐHKHTN ban hành [H1.05.01.03]. Mỗi kỳ thi, Nhà trường đều có hướng dẫn về công tác thi [H1.05.02.03] và quy định trách nhiệm của người học [H1.05.02.04]. Trách nhiệm và nghĩa vụ của người học được nhà trường yêu cầu thông qua các hướng dẫn tổ chức, quản lý giảng dạy và học tập năm học [H1.05.01.03], yêu cầu người học phải tham gia học, kiểm tra, đánh giá thường xuyên, giữa kỳ đầy đủ, thực hành (nếu có), và hướng dẫn cách thức thi kết thúc HP, bao gồm quy định rõ điều kiện được dự thi. Đề thi cuối kỳ phải phù hợp với nội dung của HP đã qui định trong đề cương HP, và phải có đáp án, thang điểm kèm theo. Điểm thành phần của HP gồm điểm kiểm tra đánh giá thường xuyên (trọng số không quá 20%), điểm kiểm tra đánh giá giữa kỳ (trọng số không nhỏ hơn 20%), và tổng hai phần này không quá 40%; điểm thi kết thúc học phần có trọng số không nhỏ hơn 60%. Các quyết định cảnh báo học tập và danh sách người học chưa đủ điều kiện dự thi được thực hiện công khai và thông báo kỷ luật hoặc cho người học thôi học công khai [H1.05.02.05].

Hình thức thi và công bố KQHT theo quy định trong CTĐT và đề cương chi tiết HP [H1.05.01.07, H1.05.01.08], trong đó quy định về thời lượng tham gia HP trên lớp, thời gian tự học ở nhà; hình thức thi; yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ; hướng dẫn sử dụng

tài liệu học tập và yêu cầu tiếp thu kiến thức theo khung chương trình chi tiết đã hoạch định và được thẩm định.

Từ học kỳ II, năm học 2019–2020, do ảnh hưởng dịch Covid 19 nên việc dạy và học được triển khai theo hình thức đào tạo trực tuyến. ĐHQGHN và Nhà trường đã ban hành quy định tạm thời về việc đánh giá KQHT của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số...) [H1.05.02.06], theo đó: điểm thường xuyên (tham gia học ít nhất 80% giờ tín chỉ học phần; tham gia trao đổi trên nhóm lớp HP; kết quả kiểm tra đánh giá, bài tập, seminar...); điểm đánh giá giữa kỳ (trả lời câu hỏi trắc nghiệm; điểm bài tập lớn/tiểu luận, các bài kiểm tra giữa kỳ...); điểm thi cuối kỳ (bài thi trực tuyến hoặc tổ chức thi theo phương thức truyền thống). Nếu tổ chức thi trực tuyến phải có ngân hàng câu hỏi đủ lớn để xây dựng đề thi trắc nghiệm và đảm bảo tạo ra ít nhất 4 đề thi độc lập và không trùng nhau. Người học được cung cấp, tiếp cận các nguồn tài liệu học tập của khóa học, được giải đáp mọi thắc mắc trên nhóm lớp HP trong 48 giờ (Điều 11, QĐ số 2598/QĐ-ĐHQGHN) [H1.05.02.06].

Triển khai công thông tin điện tử hỗ trợ thủ tục hành chính một cửa cho người học, trong đó biểu mẫu về KQHT, biểu mẫu phúc khảo dành cho người học [H1.05.02.07] được công khai, phổ biến thông tin để người học dễ dàng, kịp thời tiếp cận giúp giải quyết các vấn đề liên quan đến đánh giá điểm cho người học.

Khoa Môi trường cũng đã xây dựng và đưa rubric vào áp dụng trong đánh giá KQHT giúp GV có căn cứ rõ ràng về tiêu chí, trọng số và điểm đánh giá để đánh giá bài thuyết trình, thực tập thực tế và KLTN [H1.05.01.08; H1.05.01.18]. Các tiêu chí phân loại cụ thể có 4 mức khác nhau, theo hướng định lượng rõ ràng để người hướng dẫn, phản biện, ủy viên có căn cứ chấm điểm khách quan. Tuy nhiên, điều này vẫn chưa được thực hiện đối với các học phần tiểu luận.

Quy trình giao đề tài KLTN, bảo vệ KLTN cho người học được quy định, thông báo, hướng dẫn đầy đủ, chặt chẽ, công khai cho GV và người học [H1.05.02.08]. KQHT của người học được Nhà trường quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ trên phần mềm quản lý đào tạo của Trường, và cung cấp thông tin trên mẫu KQHT của người học [H1.05.02.08]. Tại tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, người học được giới thiệu chương trình, tiến trình và cách thức

kiểm tra đánh giá kèm theo tài liệu hướng dẫn cho người học đầu khóa [H1.05.02.09]. Trong quá trình học tập, người học có quyền, trách nhiệm phản hồi trực tiếp, và trong biểu mẫu chấm thi mỗi HP đều có chữ ký xác nhận của người học, do đó người học hoàn toàn có thể được GV phúc đáp về cách đánh giá KQHT của HP đó [H1.05.02.10]. Nhà trường hàng năm đều khảo sát lấy ý kiến của người học và GV của CTĐT về khả năng tiếp cận thông tin, nắm rõ các quy định về kiểm tra đánh giá KQHT (được thể hiện ở câu hỏi số 14 trong biểu mẫu đánh giá) với điểm số người học đánh giá ở mức trên 4.0/5 trong năm 2021[H1.05.02.11].

Bên cạnh việc gửi trực tiếp thông tin liên quan đến việc đánh giá KQHT của người học qua email cho account của người học, các quy chế, quy định, văn bản hướng dẫn, CTĐT ngành KH&CNTP được công khai trên web của Nhà trường (<http://hus.vnu.edu.vn/>) và Khoa Môi trường (<https://fes.hus.vnu.edu.vn/>).

2) Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá KQHT của người học cho ngành KH&CNTP được công khai, minh bạch về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi trước mỗi khóa học/kỳ học và hầu hết các HP. Nhà trường đã ban hành các tài liệu/hướng dẫn quy định các biểu mẫu về cách thức trình bày KLTN, các biểu mẫu phiếu chấm thi, mẫu về danh sách điểm thành phần cho các HP.

3) Điểm tồn tại

Mặc dù Khoa Môi trường đã xây dựng rubric chấm điểm cho HP Thực tập thực tế và KLTN và đã triển khai thống nhất trong Khoa từ năm 2019, tuy nhiên hình thức tiêu luận chưa thiết kế rubric theo một quy cách chuẩn hóa như trên.

4) Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024–2025, Khoa sẽ xây dựng và ban hành mẫu chấm chuẩn hóa cho đánh giá hình thức tiêu luận của người học.

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 5/7.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1) Mô tả hiện trạng

CTĐT sử dụng tích hợp nhiều phương pháp đánh giá khác nhau đã được chuẩn hóa để đảm bảo tính giá trị, tin cậy và công bằng. Các GV của mỗi HP sẽ chịu trách nhiệm về phương pháp đánh giá dựa trên các quy định của ĐHQGHN, Bộ GD&ĐT, hướng dẫn của Trường ĐHKHTN. Theo đó việc đánh giá KQHT được thực hiện đối với từng HP, theo học kỳ và cho toàn khoá học.

Trường ĐHKHTN có các quy định nghiêm ngặt về quy trình kiểm tra đánh giá bao gồm việc lựa chọn đề thi, in sao đề thi, tổ chức kỳ thi, chấm điểm và kiểm tra để đảm bảo tính giá trị và công bằng cũng như chất lượng của quá trình đánh giá. Bên cạnh đó, trường ĐHKHTN giám sát và đưa các hình thức xử lý đối với những cán bộ không tuân thủ qui định và những người học vi phạm quy chế thi trong kỳ thi [H1.05.01.03].

Phương pháp đánh giá KQHT của người học đa dạng và được cập nhật thường xuyên. Trong CTĐT ban hành năm 2020 và điều chỉnh năm 2022, có 6 phương pháp đánh giá KQHT của người học được sử dụng (bao gồm: viết, tiểu luận, vấn đáp, thực hành, trắc nghiệm, thuyết trình, bài tập lớn, báo cáo thu hoạch/thực tập), các HP có thể sử dụng kết hợp nhiều phương pháp đánh giá. Căn cứ vào kết quả khảo sát nhà tuyển dụng, cựu người học, sẽ có các điều chỉnh để phù hợp với CDR đáp ứng được nhu cầu thực tế của sự phát triển KTXH [H1.05.03.01].

Để đảm bảo tính công bằng và độ tin cậy, GV phụ trách HP sẽ công bố công khai các hình thức đánh giá, thang điểm đối với từng hình thức đánh giá và cách thức chấm điểm kiểm tra thành phần cho tất cả người học ngay khi bắt đầu mỗi môn học [H1.05.01.12]. Đối với bài thi viết cho kiểm tra cuối kỳ của mỗi HP, 02 đề thi kèm 02 đáp án được thiết kế theo quy định của Nhà trường, thời gian làm bài được quy định phù hợp với số tín chỉ của từng HP [H1.05.01.10]. Trong đó, mỗi đề thi đều có đáp án và thang điểm chi tiết đảm bảo tối đa sự công bằng giữa các đối tượng người học, đem tới nhiều thuận tiện cho GV chấm thi và đảm bảo tiến độ trong công tác khảo thí [H1.05.03.02]. Để đảm bảo sự công bằng và

tính bảo mật. Phòng Đào tạo tiến hành bốc thăm đề thi, in sao đề thi dưới sự giám sát của Thanh tra đào tạo. Đồng thời, để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học, bài thi được chấm chi tiết theo đáp án, với quy trình chấm được chuẩn hóa (hai GV cùng chấm, thống nhất điểm, vào điểm trên bài, đại diện GV nhập điểm vào phần mềm, in bản điểm, ký xác nhận và nộp cho bộ phận phụ trách trong thời gian quy định) [H1.05.01.10]. Ngoài ra, người học có quyền phúc khảo kết quả thi kết thúc HP nếu thấy chưa công bằng theo thông báo chấm phúc tra của Trường ĐHKHTN mỗi học kỳ [H1.05.03.03].

Đối với KLTN, Nhà trường ban hành Hướng dẫn tổ chức làm KLTN đối với người học [H1.05.02.08]. Trên cơ sở đó, Khoa Môi trường có công văn thông báo yêu cầu cụ thể về việc thực hiện KLTN với các quy định và biểu mẫu cụ thể [H1.05.02.08]. Công cụ rubric được dùng để đánh giá KLTN đảm bảo chi tiết điểm đánh giá, công khai và công bằng [H1.05.01.07]. Việc chấm KLTN được thực hiện bởi Hội đồng đánh giá khi có sự nhận xét và đồng ý cho phép bảo vệ của GV hướng dẫn. Điểm của khóa luận sẽ do Hội đồng thảo luận, đánh giá và sau đó thông qua ở Hội đồng chung cấp Khoa, công bố công khai cho người học ngay sau đó [H1.05.03.04].

Hàng năm Khoa đều tổ chức hội nghị tổng kết trong đó thảo luận về hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các HP/CTĐT từ đó đề xuất điều chỉnh phù hợp cho các năm học sau [H1.05.03.05]. Đồng thời, sau khi kết thúc mỗi học kỳ, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi về mức độ hài lòng của người học với các HP, trong đó có tiêu chí về mức độ phù hợp và tính công bằng về hoạt động kiểm tra - đánh giá KQHT người học của GV [H1.05.03.06].

2) Điểm mạnh

Công tác đánh giá KQHT của người học ngành KH&CNTTP được thực hiện theo đúng quy trình và văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường. Phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng HP và đảm bảo chất lượng.

3) Điểm tồn tại

Mặc dù đề thi HP do GV thiết kế theo đúng các yêu cầu, nhưng chưa qua khâu thẩm định. Bên cạnh đó, ngân hàng đề thi chưa được xây dựng hoàn chỉnh, khiến công tác ra đề thi chưa được chủ động hoàn toàn. Hình thức đánh giá KQHT của người học mặc dù được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau nhưng đôi khi vẫn còn lệch nhau về đánh giá điểm thành phần giữa các GV cùng dạy một HP cho các lớp khác nhau. Việc đánh giá lại phổ điểm kết quả của người học để có cơ sở điều chỉnh phù hợp đề thi, thang điểm chưa được quan tâm một cách đồng bộ. Đối với hình thức thi khác với thi viết (chẳng hạn vấn đáp và tiểu luận), cũng cần có sự tham gia chấm thi của cả 2 GV để đảm bảo sự công bằng và khách quan. Ngoài ra, GV cần công bố kế hoạch cụ thể về thời gian và hình thức đánh giá cho các HP tự tổ chức thi để người học chủ động hơn trong quá trình thực hiện.

4) Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024–2025, các GV cùng tham gia giảng dạy một HP (có thể cho các lớp khác nhau) tiến hành trao đổi thống nhất khi tổ chức ra đề thi và đánh giá KQHT của người học. Các trường hợp khác, đề thi có thể được thẩm định bởi Trưởng Bộ môn hoặc phó Khoa phụ trách đào tạo. Đồng thời, Khoa xúc tiến xây dựng ngân hàng đề thi hoàn chỉnh để chủ động trong công tác ra đề thi. Khoa thống nhất chỉ đạo 2 GV cùng tham gia đánh giá KQHT của người học trong bất kỳ hình thức đánh giá nào. Ngoài ra, sau mỗi kỳ thi, Khoa tổ chức đánh giá phổ điểm HP của người học để đề xuất điều chỉnh đề thi, thang điểm hợp lý hơn cho các kỳ thi tiếp theo. Hơn nữa, Khoa cũng sẽ giám sát kế hoạch tự tổ chức thi của các HP đăng ký theo hình thức này.

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 5/7.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1) Mô tả hiện trạng

Khoa Môi trường cùng các phòng ban chức năng trong Trường luôn thực hiện phản hồi kịp thời KQHT theo quy định về thời gian báo điểm điều kiện, thời gian báo điểm thi căn cứ trên Quy chế đào tạo đại học của ĐHQGHN [H1.05.01.02]. Theo đó, kết quả đánh giá điểm

thành phần ở từng HP sẽ được GV thông báo cho người học, chậm nhất 7 ngày làm việc kể từ sau ngày kiểm tra hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn [H1.05.01.02]. Ngay sau khi có điểm kiểm tra, GV giải đáp thắc mắc, khiếu nại về điểm đánh giá của người học (nếu có) hoặc trao đổi thêm với người học có kết quả đánh giá thành phần của HP chưa tốt để nắm được điểm mạnh, điểm yếu của mình nhằm cải thiện việc học tập. Việc chấm thi và công bố điểm kết thúc HP (thi tự luận) được hoàn thành chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thi kết thúc HP, để người học sớm có kế hoạch đăng ký HP, học cải thiện điểm ở học kỳ mới [H1.05.01.02]. KQHT sẽ được gửi tới người học thông qua tài khoản cá nhân của người học được cấp trên cổng thông tin đào tạo [H1.05.04.01].

Quy trình phúc khảo bài thi của người học được nhà Trường thông báo hàng năm theo mỗi học kỳ [H1.05.03.04]. Người học cũng có thể phản hồi, khiếu nại về KQHT, hình thức kiểm tra đánh giá trực tiếp với Phòng Đào tạo của Trường ĐHKHTN hoặc trình bày ý kiến với cố vấn học tập của Khoa Môi trường, GVCN nhiệm, trợ lý đào tạo đại học của Khoa hoặc có thể trực tiếp gặp BCN Khoa hoặc viết thư rồi gửi vào hòm thư góp ý. Ngoài ra, hàng năm nhà Trường đều tổ chức đối thoại với sinh viên, tại đó người học có quyền nêu câu hỏi và đưa ra các góp ý của mình [H1.05.04.02].

Cuối mỗi kỳ học, Trường và Khoa thực hiện xử lý học vụ [H1.05.02.05], quyết định cảnh báo học tập sẽ được gửi về cho người học thông qua hệ thống giáo vụ khoa, chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập và cổng thông tin đào tạo [H1.05.02.05]. Bên cạnh đó, sau khi có danh sách cảnh báo học vụ, BCN Khoa Môi trường triển khai chi đạo các cố vấn học tập, GVCN lớp, cán sự lớp, Liên chi Đoàn - Hội có giải pháp tư vấn kịp thời cho các người học bị cảnh báo học vụ [H1.05.04.03]. Nhiều người học đã có thể chấn chỉnh lại thái độ và phương pháp học tập để có được kết quả học tốt hơn sau khi bị thông báo xử lý học vụ [H1.05.04.04].

Người học còn được phát phiếu đánh giá GV vào cuối mỗi học kỳ. Phiếu sẽ được Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng của Trường tiếp nhận và xử lý một cách khách quan. Kết quả đánh giá được gửi về cho BCN Khoa và từng GV thông qua hệ thống văn thư hoặc email [H1.05.04.05]. Đây là một trong những cơ sở để GV tham khảo, và có sự thay đổi phương thức kiểm tra, đánh giá trên lớp để đáp ứng được sự mong đợi và yêu cầu của người học hơn. Đồng thời cũng là cơ sở để BCN Khoa, Bộ môn theo dõi và xem xét

trong việc phân công nhiệm vụ cho từng GV một cách phù hợp. Ngoài ra, người học cũng có cơ hội nêu ra bất kỳ thắc mắc của mình (cả về phương pháp đánh giá của GV, hình thức xử lý học vụ...) trong các buổi toạ đàm với lãnh đạo Khoa và Trường vào đầu mỗi năm học [H1.05.04.02].

Kết thúc mỗi năm học, tại hội nghị Viên chức và người lao động, Khoa cũng đã tổng kết lại toàn bộ quá trình đào tạo trong năm học vừa qua, những kết quả đã đạt được và những công tác cần rút kinh nghiệm. Từ đó, đưa ra phương hướng, kế hoạch nhiệm vụ cho năm học tiếp theo với mục tiêu cải thiện việc học tập cho người học [H1.05.04.06].

Hiện nay, CBGD chưa trực tiếp tác nghiệp đăng nhập KQHT cho người học do công tác phân quyền sử dụng và hệ thống phần mềm quản lý đào tạo chưa thật sự tối ưu. Điều này làm cho quá trình phản hồi KQHT tới người học chỉ dừng lại ở mức độ đảm bảo theo đúng quy chế đào tạo của ĐHQGHN.

2) Điểm mạnh

Kết quả đánh giá HP được phản hồi kịp thời tới người học, đúng quy định về thời gian theo Quy chế đào tạo đại học của ĐHQGHN. Quy trình phản hồi KQHT đến người học được đánh giá là công khai, rõ ràng. BCN Khoa, GVCN, cố vấn học tập của Khoa và các phòng ban chức trong Trường luôn giải đáp, hỗ trợ kịp thời giúp người học cải thiện KQHT một cách tốt nhất. Đây cũng là tiền đề để Nhà trường đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực đầu ra về ngành KH&CNTP.

3) Điểm tồn tại

Hoạt động chấm thi, nộp điểm của một số HP thỉnh thoảng chậm hơn so với yêu cầu trong lịch trình đào tạo. Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo chưa thật sự tối ưu, CBGD chưa trực tiếp tác nghiệp đăng nhập KQHT cho người học, thỉnh thoảng bị tắc nghẽn khi người học đăng kí HP. Ngoài ra, Khoa chưa yêu cầu cán bộ chấm thi báo cáo tình hình chấm phúc khảo bài thi theo đề nghị của người học để kịp thời rút kinh nghiệm (nếu có).

4) Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024–2025, Khoa với Trường tiếp tục triển khai thực hiện: (i) Công tác kiểm soát hoạt động chấm thi, nộp điểm của các HP cần chặt chẽ hơn, với mục tiêu đảm bảo

theo đúng quy định của Quy chế đào tạo; (ii) Tiếp tục cải tiến phần mềm quản lý đào tạo, tích hợp LMS, GV được quyền cập nhật KQHT cho lớp HP mình phụ trách để người học tiếp cận được điểm số của mình nhanh hơn; và (iii) Sau mỗi học kỳ sẽ có những đánh giá để cải thiện hơn quy trình. Ngoài ra, Khoa yêu cầu cán bộ chấm thi báo cáo tình hình chấm phúc khảo bài thi theo đề nghị của người học để kịp thời rút kinh nghiệm (nếu có).

5) *Tự đánh giá*: Đạt, mức: 5/7.

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT

1) Mô tả hiện trạng

Quy trình khiếu nại về kết quả kiểm tra, đánh giá các thành phần điểm của HP cho người học được Khoa thực hiện theo quy định, có tính hợp lý và người học có thể dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại KQHT.

- Quy trình phúc khảo điểm đánh giá bộ phận của các HP: Căn cứ vào quy chế đào tạo đại học, quy trình phúc khảo điểm bộ phận của các HP được quy định rõ ràng [H1.05.01.01, H1.05.01.03] và thông tin đến người học ngay từ lúc bắt đầu vào Trường thông qua tài liệu dành cho tân người học [H1.05.02.09]. Kết quả đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, hoặc kết quả thi vấn đáp cuối kỳ người học có thể trực tiếp khiếu nại với GV giảng dạy/hỏi thi HP đó. Bài thi tự luận hoặc trắc nghiệm thì Phòng Đào tạo có kế hoạch nhận đơn phúc khảo bài thi của người học 2 tuần sau khi kỳ thi kết thúc, hướng dẫn cụ thể quy trình phúc khảo bài thi cho người học. Thông báo về phúc khảo bài thi học kỳ của người học được chuyển đến người học và giáo vụ Khoa thông qua hệ thống website của Trường, email,... phản ánh đầy đủ thông tin cả về mẫu đơn phúc khảo, thời gian, địa điểm nhận đơn và các thông tin khác [H1.05.03.04]. Người học có khiếu nại về điểm nộp đơn trực tiếp đến bộ phận tiếp nhận của Phòng Đào tạo. Các khiếu nại được theo dõi trong Sổ theo dõi của từng học kỳ [H1.05.05.01]. Hiện nay, chưa có hình thức tiếp nhận khiếu nại về KQHT qua hệ thống trực tuyến [H1.05.03.04, H1.05.05.01, H1.05.05.02]. Tuy nhiên, thống kê nhiều năm trở lại đây, đối với các môn thuộc ngành và chuyên ngành chưa có người học khiếu nại về điểm HP. Nội dung hướng dẫn về khiếu nại chưa có trong Quy chế đào tạo đại học của ĐHQGHN.

- Đối với điểm rèn luyện: quy trình đánh giá điểm rèn luyện được quy định trong Quy chế công tác học sinh, người học. Trong đó, điểm rèn luyện được người học tự đánh giá và đưa ra bình xét trước tập thể lớp, dưới sự hướng dẫn của GVCN, cố vấn học tập. Điểm rèn luyện của cá nhân người học phải được 50% thành viên lớp thông qua thì mới được công nhận. Trong quá trình bình xét, người học hoàn toàn được quyền khiếu nại đối với bất kỳ thành phần điểm rèn luyện nào của mình [H1.05.01.15]. Do người học được tham gia vào suốt quá trình đánh giá điểm rèn luyện nên sau khi nhận được kết quả điểm, Khoa chưa nhận được các khiếu nại của người học về điểm rèn luyện.

Ngoài ra, người học có thể gửi trực tiếp các khiếu nại về các vấn đề học tập nói chung và đánh giá học tập nói riêng tại đường link “Hòm thư Thanh tra – Pháp chế” trên trang web của Trường [H1.05.05.02].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều tổ chức các buổi gặp mặt, đối thoại với người học nhằm tăng cường trao đổi hai chiều, lắng nghe các phản hồi của người học kịp thời, nhằm điều chỉnh và cải tiến nâng cao chất lượng dạy và học [H1.05.04.02].

Trong Bộ phiếu lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm 2020 đã bổ sung mục 18, Phần 3 về “Người học dễ dàng tiếp cận quy trình khiếu nại về KQHT” so với các năm trước đó [H1.05.03.01].

2) Điểm mạnh

Với quy trình khiếu nại KQHT chi tiết và rõ ràng được công khai trong thông báo mỗi kỳ cho người học, thông qua nhiều kênh khác nhau, người học được thực hiện quyền khiếu nại và Nhà trường đã giải quyết tốt việc khiếu nại về KQHT để hỗ trợ cho người học trong quá trình học tập tại trường. Kết quả khảo sát hàng năm về mức độ hài lòng của người học được áp dụng vào cuối học kỳ các năm học cho thấy người học cơ bản hài lòng về việc giải quyết khiếu nại và công khai KQHT, mức độ hài lòng năm 2021 đã tăng hơn so với năm 2020.

3) Điểm tồn tại

Nhà trường đã có thông báo về việc nhận khiếu nại kèm biểu mẫu liên quan đến người học cuối mỗi học kỳ, tuy nhiên người học vẫn phải thực hiện các thủ tục khiếu nại trực tiếp tại

các phòng chức năng do chưa xây dựng được quy trình khiếu nại KQHT qua bộ công cụ trực tuyến. Hơn nữa, phân quy định khiếu nại chưa được cụ thể hóa trong Quy chế tào tạo đại học của ĐHQGHN, các quy định về khiếu nại đang được thực hiện dựa trên Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng hệ chính quy của Bộ GD&ĐT.

4) Kế hoạch hành động

- Từ năm học 2024-2025, Khoa đề xuất với Nhà trường xây dựng và hướng dẫn hoạt động khiếu nại, phản hồi kết quả bằng phương thức trực tuyến để nâng cao tính dễ tiếp cận, tiếp nhận và giải quyết đối với các khiếu nại. Thêm vào đó, Khoa khuyến nghị Nhà trường xây dựng Quy chế khiếu nại KQHT để đảm bảo minh bạch cho các bên liên quan.

5) *Tự đánh giá*: Đạt, mức: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Nhìn chung, việc đánh giá KQHT người học theo CTĐT ngành KH&CNTĐ được thực hiện một cách chuyên nghiệp và khoa học, bám sát các quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHQGHN, của Nhà trường, đảm bảo tính rõ ràng, công khai tới người học với các phương pháp đánh giá đa dạng, mang tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng đáp ứng được các CDR. Khoa Môi trường luôn tập trung sâu vào đánh giá kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức của người học thông qua các kì thi, kiểm tra nhằm đo lường được mức độ đạt được CDR, luôn đa dạng hóa các phương thức đánh giá cũng như phản hồi kết quả học đến người học kịp thời để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập. Người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại KQHT.

Tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí đều được đánh giá ở mức đạt, các tiêu chí từ 1-5 đều có mức điểm đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ GV, NCV

Mở đầu

Khoa Môi trường có đội ngũ cán bộ GV và NCV chất lượng, được đào tạo bài bản từ các cơ sở đào tạo uy tín trong nước và quốc tế, đáp ứng đủ về chất lượng và số lượng đối với nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Việc quy hoạch, quản trị và

nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ GV và NCV luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, nhằm giúp Khoa đạt được tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược phát triển đã được xác định.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1) Mô tả hiện trạng

Để phát triển đội ngũ cán bộ GV và NCV có chất lượng cao, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược phát triển và kế hoạch hàng năm của ĐHKHTN [H1.06.01.01] và của Khoa [H1.06.01.02], Khoa Môi trường đã xây dựng các kế hoạch phát triển đội ngũ GV và NCV ở cả thời gian dài hạn và ngắn hạn, trong đó có tính đến sự tiếp nối, thăng tiến, bố trí lại nhân sự và việc nghỉ hưu của cán bộ, căn cứ trên đánh giá về hiện trạng và xu hướng tuyển sinh, nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ của Khoa và ngành KH&CNTP. Trước khi xây dựng đề án mở mới ngành đào tạo và trong giai đoạn xây dựng phát triển ngành đào tạo, Khoa đã có các định hướng phát triển, quy hoạch đội ngũ cán bộ có chuyên môn sâu phục vụ đào tạo cho ngành KH&CNTP [H1.06.01.03]. Năm 2020, Khoa xây dựng đề án tái cấu trúc với phương hướng nhiệm vụ quy hoạch đội ngũ chuyên môn trong lĩnh vực Khoa học và Công nghệ thực phẩm [H1.06.01.04]. Năm 2022, Bộ môn Khoa học và Công nghệ thực phẩm được thành lập và phân công Trưởng Khoa kiêm phụ trách bộ môn [H1.06.01.05]. Tiếp đó LĐK trực tiếp chỉ đạo và triển khai quy hoạch phát triển hướng chuyên môn của bộ môn theo 05 hướng, qua đó việc xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học gồm giảng viên và nghiên cứu viên theo định hướng phát triển chuyên môn chuyên sâu gồm: Công nghệ chế biến thực phẩm, Công nghệ bảo quản thực phẩm, Kiểm nghiệm, kiểm soát và đảm bảo an toàn thực phẩm, Dinh dưỡng thực phẩm, Văn hóa ẩm thực và dịch vụ lễ hành [H1.06.01.06]. Sau khi được thành lập, Khoa đã tiến hành thu hút và tuyển dụng được cán bộ có trình độ chuyên môn cao về lĩnh vực KH&CNTP. Đến thời điểm hiện tại, Bộ môn KH&CNTP có 08 cán bộ bao gồm 04 PGS, 03 TS và 01 ThS. Năm 2024, Nhà trường và Khoa đã xây dựng mới Đề án vị trí việc làm trong đó quy hoạch các vị trí việc

làm với khung năng lực yêu cầu cho từng vị trí, cập nhật và điều chỉnh so với bản đề án đã ban hành năm 2013 [H1.06.01.07].

- *Kế hoạch nhân sự dài hạn*: Được xây dựng dựa theo Chiến lược phát triển dài hạn của Trường [H1.06.01.01], Kế hoạch phát triển từng giai đoạn và tình hình thực tiễn của Khoa [H1.06.01.02].

- *Kế hoạch nhân sự ngắn hạn*: Được xây dựng hàng năm trong các báo cáo tổng kết năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học tiếp theo của Khoa [H1.06.01.02] và Kế hoạch Tổ chức cán bộ trong Phương hướng nhiệm vụ hàng năm của Trường [H1.06.01.08].

Hiện nay, Khoa Môi trường có tổng số 51 GV&NCV gồm 02 GS, 16 PGS, 24 TS, 09 ThS. Trong đó tham gia vào công tác giảng dạy và hỗ trợ giảng dạy CTĐT ngành KH&CNTP có 41 cán bộ, trong đó có 25 cán bộ cơ hữu, hợp đồng lao động cấp ĐHKHTN và 16 cán bộ thỉnh giảng, [H1.06.01.09]. Hiện nay, đội ngũ cán bộ GV và NCV cơ hữu của CTĐT bao gồm 03 GS, 11 phó giáo sư, 21 tiến sĩ (không bao gồm cán bộ đã có học hàm GS và PGS), và 04 thạc sĩ (Bảng 6.1a & 6.1b) [H1.06.01.10]. Ngoài ra, còn phải kể đến đội ngũ GV gồm nhiều giáo sư, phó giáo sư, và tiến sĩ của các đơn vị khác trong và ngoài trường ĐHKHTN tham gia giảng dạy ở những học phần thuộc khối kiến thức chung theo lĩnh vực và khối kiến thức chung theo khối ngành.

Có thể thấy, đội ngũ GV và NCV cơ hữu ở Khoa đáp ứng yêu cầu về đào tạo và nghiên cứu khoa học cho ngành KH&CNTP, 100% đạt trình độ sau đại học. Cụ thể, tỉ lệ GV và NCV cơ hữu có học vị tiến sĩ ở Khoa đạt 81,6%, cao hơn tỉ lệ yêu cầu là 40% cho cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cao hơn quy định "*Không thấp hơn 40% và từ năm 2030 không thấp hơn 50% đối với cơ sở giáo dục đại học có đào tạo tiến sĩ*" theo chuẩn cơ sở giáo dục đại học mới ban hành theo Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT [H1.06.01.09, H1.06.01.11]. Tính riêng tỉ lệ GV có học vị TS trên tổng số GV đạt trên 89,9%. Tương tự, tỉ lệ GV và NCV cơ hữu có chức danh giáo sư và phó giáo sư ở Khoa đạt 36,0% (chỉ tính riêng cho GV là trên 40% GV có học hàm GS, PGS).

Bảng 6.1a. Thống kê phân loại GV/NCV Khoa Môi trường

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	2	3,9	2	0	0	0	1	0	0
2	Phó Giáo sư	16	31,4	8	8	0	0	8	6	2
3	Tiến sĩ khoa học	0	0,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	24	47,1	11	12	0	8	13	2	0
5	Thạc sĩ	9	17,6	4	5	0	6	2	1	0
6	Đại học	0	0,0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	51	100	25	25	0	14	24	9	2

Hiện nay, Khoa có 02 cán bộ có độ tuổi trên 60 [H1.06.01.09]. Ngoài ra, từ 2018 - 2024 đã có 10 giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ nghỉ hưu, 02 nghỉ việc và 01 chuyển công tác. Vì thế, để đảm bảo công tác nhân sự, trong giai đoạn 2018 - 2023, Khoa đã tuyển dụng mới, ký hợp đồng với 10 GV và NCV, trong đó có 02 phó giáo sư, 08 tiến sĩ và 03 thạc sĩ (Bảng 6.2) [H1.06.01.10], 06 cán bộ bảo vệ thành công luận án TS. Các giải pháp, chính sách tuyển dụng nhân lực chất lượng cao và đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận đã giúp Khoa ổn định đội ngũ và đáp ứng được nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học, không bị hụt hẫng khi thiếu đi nguồn lực cán bộ nghỉ chế độ.

Bảng 6.2b. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu CTĐT theo trình độ, giới tính và độ tuổi

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	2	7,7	2	0	0	0	2	0	0
2	Phó Giáo sư	7	26,9	4	7	0	0	5	5	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	12	46,2	6	10	0	4	12	0	0
5	Thạc sĩ	3	11,5	4	3	0	6	1	0	0
6	Đại học	2	7,7	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	26	100	16	20	0	10	20	5	1

Căn cứ vào tình hình thực tế và định hướng đào tạo, nghiên cứu của Trường và Khoa trong từng giai đoạn, Khoa đã triển khai các kế hoạch và giải pháp tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực khác nhau. Vào mỗi cuối năm học, Ban lãnh đạo Khoa cùng Trường các đơn vị trong Khoa xem xét lại tất cả các vị trí GV, NCV cơ hữu trong Khoa và dự kiến số cán bộ sắp nghỉ hưu, từ đó chuẩn bị kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kế cận, tuyển dụng GV mới nếu cần. Đối với việc tuyển dụng và phát triển đội ngũ nhân sự, Khoa thực hiện chính sách xuyên suốt gồm:

- Đánh giá thực trạng và xây dựng chỉ tiêu phát triển nhân lực cho ngành KH&CNTTP hàng năm [H1.06.01.02], từ đó lập các kế hoạch và các giải pháp.

- Đề xuất kéo dài hợp đồng với Trường cho những cán bộ trình độ cao đã đến tuổi hưu nhưng thuộc nhóm được ký hợp đồng kéo dài [H1.06.01.12]; Đề xuất Trường ĐHKHTN ký hợp đồng mời giảng với các nhà khoa học uy tín từ các cơ quan ngoài

[H1.06.01.13].

- Tuyển dụng và ký hợp đồng với các cán bộ có năng lực đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng của Khoa. Trong năm năm vừa qua, Khoa đã ký hợp đồng mới với 02 phó giáo sư và 08 tiến sĩ có năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học tốt. Trong lĩnh vực Khoa học và Công nghệ thực phẩm, Khoa đã thu hút được 02 PGS, 01 TS, 01 ThS thuyên chuyển công tác về Khoa [H1.06.01.14];

- Cử cán bộ đi học, nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn, đặc biệt là các khóa học cho NCS, khóa học thực tập sinh sau tiến sĩ, hợp tác nghiên cứu, trao đổi khoa học và tham dự hội thảo chuyên môn ở nước ngoài [H1.06.01.15].

- Theo hướng dẫn của ĐHKHTN [H1.06.01.16] và căn cứ vào tình hình, định hướng đào tạo, nghiên cứu của Trường và Khoa, Khoa triển khai quy hoạch cán bộ cho các vị trí chủ chốt, bao gồm bổ nhiệm Ban lãnh đạo Khoa và Trưởng/Phó các đơn vị cấp 3 [H1.06.01.17]; quy hoạch đội ngũ Giáo sư, Phó Giáo sư [H06.06.01.18] khi có nhu cầu.

2) Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa Môi trường đã có các quy hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV phù hợp với dự báo và nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCD. Đề án vị trí việc làm đã được xây dựng dựa trên kế hoạch phát triển đội ngũ của Trường và Khoa.

Đội ngũ cán bộ giảng dạy của Khoa Môi trường đều có trình độ và chuyên môn cao, việc tuyển dụng GV được lựa chọn bài bản, đáp ứng về năng lực giảng dạy, chuyên môn phù hợp, có tư cách đạo đức tốt, sẵn sàng phục vụ cộng đồng.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, Khoa Môi trường đã hỗ trợ cán bộ làm thủ tục và được Nhà nước bổ nhiệm học hàm Giáo sư cho 02 GV và học hàm Phó giáo sư cho 04 GV thuộc Hội đồng Khoa học Trái Đất. Đồng thời, Khoa đã nhận 02 cán bộ có học hàm Phó giáo sư và 08 cán bộ có học vị Tiến sĩ về công tác.

3) Điểm tồn tại

Việc tuyển dụng giảng viên, NCV chuyên môn KH&CNTTP đã được thực hiện hiệu quả từ khi CTĐT được tuyển sinh tuy nhiên chưa được như kỳ vọng của Khoa do nguồn nhân lực đáp ứng các yêu cầu của Trường và Khoa còn chưa nhiều.

4) Kế hoạch hành động

Trong giai đoạn 2024-2029, Khoa tiếp tục thực hiện đánh giá nhu cầu hàng năm và có những giải pháp mang tính đột phá nhằm thu hút, tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCD của khoa và ngành.

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 6/7.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1) Mô tả hiện trạng

Lực lượng cán bộ giảng dạy của Khoa đáp ứng đúng theo quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo [H1.06.01.11] trong đó quy định "*Tỷ lệ người học quy đổi theo trình độ, lĩnh vực và hình thức đào tạo trên giảng viên toàn thời gian không lớn hơn 40*". Tỷ lệ sinh viên/GV tăng giai đoạn 2018 - 2023 là 3,16 - 5,26 sinh viên/GV ngành KH&CNTTP quy đổi (

Bảng 6.2), và từ 1,58 - 1,92 sinh viên/GV toàn Khoa quy đổi (Bảng 6.3), thấp hơn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo là 20 sinh viên/GV quy đổi theo thông tư số 24/2015/TT-BGDĐT và 40 sinh viên theo thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT [H1.06.01.11].

Bảng 6.3. Tỷ lệ sinh viên/GV quy đổi của ngành KH&CNTTP

Năm học	Số GV quy đổi	Quy mô sinh viên ngành KH&CNTTP	Tỷ lệ sinh viên/GV quy đổi	Yêu cầu của Bộ GD
2020 - 2021	53,2	90	1,69	20 sinh viên/GV quy

2021 - 2022	54,6	183	3,35	đổi theo thông tư số 24/2015/TT-BGDĐT và 40 sinh viên theo thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT
2022 - 2023	61,7	263	4,26	
2023 - 2024	61,7	353	5,72	

Bảng 6.4. Tỷ lệ sinh viên ngành KH&CNTP/GV toàn Khoa quy đổi

Năm học	Số GV quy đổi	Quy mô sinh viên ngành KH&CNTP	Tỷ lệ sinh viên/GV quy đổi	Yêu cầu của Bộ GD
2020 - 2021	110,9	90	0,81	20 sinh viên/GV quy đổi theo thông tư số 24/2015/TT-BGDĐT và 40 sinh viên theo thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT
2021 - 2022	112,3	183	1,63	
2022 - 2023	119,4	263	2,20	
2023 - 2024	119,4	353	2,96	

Khối lượng công việc của cán bộ được xác định rõ ràng theo quy định về Quy định về chế độ làm việc của giảng viên, nghiên cứu viên và nhân viên [H1.06.02.01]. Theo đó, khối lượng công việc của GV trong một năm học là tương đương 1.760 và của NCV là 1920 giờ hành chính để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Tất cả các đầu mục công việc được quy đổi ra giờ chuẩn theo quy định của Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN cũng có quy định rõ ràng về khối lượng công việc tiêu chuẩn trong năm cho các nhiệm vụ công việc chính [H1.06.02.01]. Các cán bộ GV và NCV được phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn, năng lực, đảm bảo quy định [H1.06.01.07].

ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN đã có các văn bản quy định và hướng dẫn chi tiết về việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV theo giờ chuẩn ở các lĩnh vực, bao gồm cả đào tạo và nghiên cứu khoa học và các quy định được sử dụng làm căn cứ để các cán bộ kê khai công việc vào cuối năm [H1.06.02.01].

Cũng trong các văn bản trên, ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN đã quy định rõ cho yêu cầu về giờ làm việc tiêu chuẩn và giờ làm việc tối thiểu cho các công việc chính của đội ngũ GV và NCV, trong đó tập trung vào công việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Các trường hợp quy đổi, vượt định mức, hoàn thành xuất sắc so với giờ làm việc tiêu chuẩn cũng được quy định rõ ràng. Quy định được riêng biệt cho GV và NCV. Tùy theo vị trí việc làm và chức danh, giờ quy đổi được quy định là khác nhau (Bảng 6.4). [H1.06.02.01].

Bảng 6.5. Giờ quy định cho GV và NCV

Đơn vị tính: giờ hành chính

Chức danh	Giảng dạy	NCKH	PVCD	Tổng
GV Hạng III	720	700	340	1760
GV Hạng II	720	750	290	1760
GV Hạng I	720	800	240	1760
NVC Hạng III (chưa đạt trình độ tiến sĩ)	96	960	864	1920
NVC Hạng III (có học vị độ tiến sĩ)	330	1100	490	1920
NCV Hạng II	330	1100	490	1920
NCV Hạng I	360	1200	360	1920

Nhà trường đã ban hành hướng dẫn tự đánh giá hàng năm và mức độ xếp loại khen thưởng hàng năm [H1.06.02.02]. Theo đó, vào đầu mỗi năm học, các cán bộ của Khoa sẽ triển khai thực hiện nhiệm vụ theo các quy định về chế độ làm việc của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN. Cuối năm học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ sẽ được đánh giá từ

cấp bộ môn, đơn vị đến cấp Khoa và được công khai, đề t^ung cá nhân, bộ môn và Khoa có các giải pháp cải thiện chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Hàng năm cuối năm học (tháng 6 hàng năm), Trường ĐHKHTN và Khoa thực hiện tổng kết và đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV, NCV làm cơ sở xếp loại, khen thưởng và xác định mức lương tăng thêm [H1.06.02.02]. Nhà trường đã có cổng thông tin quản lý công việc trực tuyến, tại địa chỉ <http://qlgg.hus.edu.vn/>, với tài khoản riêng cho từng cán bộ, để cán bộ có thể kê khai và cập nhật giờ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các công việc khác [H1.06.02.03]. Việc kê khai công việc này là bắt buộc với mỗi cán bộ, để làm cơ sở đánh giá cuối năm học [H1.06.02.02].

Ngoài việc tập trung vào công việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học, các cán bộ của Khoa cũng chú trọng thực hiện các hoạt động vì cộng đồng như chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp phục vụ cộng đồng đã liên tục thường xuyên gia tăng, quan tâm nhiều đến việc tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng theo chiều sâu, gắn kết nhiều hơn với hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Các hoạt động tình nguyện, tư vấn, hội thảo, thẩm định đề tài, chiến dịch quảng bá cho hoạt động bảo vệ môi trường... cũng được triển khai rộng rãi. Tuy nhiên, các hoạt động này chưa có thang đánh giá cụ thể khi cán bộ thực hiện tổng kết năm học, kê khai thi đua, khen thưởng.

2) Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa thực hiện đo lường, giám sát tỉ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV hàng năm. Nhà trường đã ban hành các quy định về khối lượng công việc, thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành công việc hàng năm làm căn cứ đánh giá, khen thưởng cũng như cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tỉ lệ sinh viên/GV ở mức tốt hơn so với tiêu chuẩn chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hàng năm, đội ngũ GV và NCV với trình độ chuyên môn cao, luôn tâm huyết với nghề, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Hàng năm, 100% đội ngũ GV của Khoa đều hoàn thành tốt hoặc xuất sắc nhiệm vụ được giao.

3) Điểm tồn tại

Mặc dù các hoạt động phục vụ cộng đồng của cán bộ rất đa dạng, phong phú, nhưng cần có thang đánh giá mức độ đóng góp cụ thể của GV và NCV trong các hoạt động này. Các quy định quy đổi chủ yếu tập trung tính toán cho giờ giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

4) Kế hoạch hành động

Giai đoạn 2024-2025, cán bộ Khoa tiếp tục giữ vững và nâng cao trình độ chuyên môn, giảng dạy và nghiên cứu; bên cạnh đó phối hợp với trường để nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí định lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV, NCV. 5) *Tự đánh giá*: Đạt, mức: 6/7.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1) Mô tả hiện trạng

Việc tuyển chọn, tuyển dụng và bổ nhiệm, điều chuyển GV và NCV của Khoa được thực hiện theo Quy định của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN [H1.06.03.01, H1.06.01.16]. Nhà trường thường xuyên rà soát và điều chỉnh các quy định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chỉnh phù hợp với các quy định mới của nhà nước về tuyển dụng, quản lý và sử dụng viên chức, người lao động.

Ứng viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn được ĐHQGHN, Trường ĐHKHTN quy định và phù hợp với đặc thù của Khoa [H1.06.03.01]. Trường ĐHKHTN chỉ tuyển dụng vào làm GV những người có trình độ tiến sĩ và có khả năng giảng dạy nghiên cứu tốt, có chuyên ngành phù hợp, có năng lực nghiên cứu khoa học, đồng thời ưu tiên cán bộ có công bố quốc tế, khả năng hội nhập trong đào tạo, nghiên cứu; ngoại ngữ đạt B2, tương đương 5.5 - 6.5 của IELTS. Trường ĐHKHTN cũng quy định một số tiêu chuẩn ưu tiên: năng lực giảng dạy, kinh nghiệm nghiên cứu, kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm, đạo đức nhà giáo, đạo đức trong nghiên cứu, tôn trọng tự do học thuật [H1.06.03.01]. Hàng năm, Khoa tổng hợp nhu cầu tuyển mới cán bộ viên chức từ các bộ môn và phòng thí nghiệm theo hướng dẫn của ĐHKHTN [H1.06.03.02] và đối sánh với quy định phát triển nhân lực của Khoa, vị trí việc làm và các đề án phát triển khoa trong từng giai đoạn. Sau khi được phê duyệt, mỗi vị trí cần tuyển dụng đều có bảng mô tả vị trí việc làm chi tiết [H1.06.01.07] và được công bố công

khai [H1.06.03.03]. Các ứng viên có hồ sơ xuất sắc sẽ được xét tuyển đặc cách thông qua Hội đồng kiểm tra, đánh giá chuyên môn [H1.06.03.04].

Cán bộ GV và NCV của Khoa Môi trường được tạo điều kiện thuận lợi để thăng tiến theo đúng quy định của Nhà nước, ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN:

- *Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp*: Trường ĐHKHTN bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp theo quy định của Bộ Nội vụ [H1.06.03.05];

- *Bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư*: Căn cứ vào kế hoạch, thực trạng, nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Khoa, Trường ĐHKHTN xây dựng kế hoạch bổ nhiệm dài hạn và thông báo công khai hàng năm nhu cầu bổ nhiệm chức danh GS, PGS ở các ngành, chuyên ngành [H1.06.01.18]. Ứng viên được Hội đồng chức danh Nhà nước công nhận GS, PGS sẽ được Trường ĐHKHTN xem xét bổ nhiệm [H1.06.01.18].

- *Bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý*: Được thực hiện theo một quy trình thống nhất dựa trên quy hoạch, đồng thời xem xét năng lực và tín nhiệm của ứng viên, đáp ứng khung năng lực trong đề án vị trí việc làm, với sự giám sát của các bên liên quan để đưa vào quy hoạch [H1.06.01.16, H1.06.01.07, H1.06.03.01].

- *Nâng bậc lương*: được thực hiện theo quy định của Bộ Nội vụ và Trường ĐHKHTN [H1.06.03.06]. Hàng năm, theo hướng dẫn của Trường ĐHKHTN [H1.06.03.07], Khoa sẽ rà soát và đề nghị Trường ĐHKHTN và ĐHQGHN nâng bậc lương thường xuyên cho cán bộ đủ tiêu chuẩn, nâng bậc lương trước thời hạn cho các cán bộ có thành tích tương xứng [H1.06.03.08].

Khi có sự thay đổi về nhân sự, căn cứ vào Quy hoạch, năng lực của cán bộ và nhu cầu của các bên liên quan, Khoa sẽ tiến hành rà soát các nhân sự trong quy hoạch đáp ứng được tiêu chuẩn, sau đó họp đánh giá với sự tư vấn của Trường [H1.06.01.17] để bố trí sắp xếp lại nhân lực, phân công lại công việc và đề xuất Trường ĐHKHTN bổ nhiệm theo đúng quy định [H1.06.01.17].

ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN đã ban hành Quy định về tuyển dụng và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ GV và NCV và đăng công khai trên website [H1.06.03.09]. Các tiêu chuẩn bổ nhiệm, điều chuyển, nâng hạng... đối với cán bộ GV và NCV cũng được đưa công khai

ở đây.

2) Điểm mạnh

Trường ĐHKHTN và Khoa Môi trường có quy định, kế hoạch, quy trình, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm được xác định rõ ràng và được phổ biến công khai.

3) Điểm tồn tại

Yêu cầu cán bộ giảng dạy có trình độ cao trong xét tuyển tạo ra độ trễ nhất định trong hoạt động thu hút nhân lực.

4) Kế hoạch hành động

Hàng năm trong giai đoạn 2024-2025 và các năm tiếp theo, tiếp tục có nhiều kênh thông tin, giới thiệu ứng viên tốt, chất lượng cao đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn của Trường, phù hợp chuyên môn với Khoa. 5) *Tự đánh giá*: Đạt, mức: 6/7.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá.

1) Mô tả hiện trạng

Việc xây dựng, duy trì và phát triển nguồn nhân lực có năng lực cao là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của Khoa để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học. Năng lực của đội ngũ GV, NCV (năng lực nghiên cứu khoa học, giảng dạy và đóng góp cho cộng đồng...) được xác định và đáp ứng các quy định của Trường ĐHKHTN và của Khoa. Các cán bộ GV và NCV của Khoa có năng lực được đánh giá theo vị trí việc làm đã được xây dựng [H1.06.01.07] và theo quy định của Trường ĐHKHTN [H1.06.03.01], trong đó có các tiêu chuẩn về năng lực khuyến khích cần có ở đội ngũ GV và NCV bao gồm: có học vị Tiến sĩ; có chuyên ngành phù hợp; có năng lực nghiên cứu khoa học, đồng thời ưu tiên cán bộ có công bố quốc tế, có ngoại ngữ phù hợp. Trường ĐHKHTN cũng quy định một số tiêu chuẩn ưu tiên: năng lực giảng dạy, kinh nghiệm nghiên cứu, kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm, đạo đức nhà giáo, đạo đức trong nghiên cứu, tôn trọng tự do học thuật.

Năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học và đóng góp cho cộng đồng của đội ngũ GV, NCV trong Khoa được giám sát và đánh giá thường xuyên [H1.06.01.07, H1.06.02.02].

Theo quy định của ĐHQGHN [H1.06.04.01], công tác giảng dạy và nghiên cứu được đánh giá thông qua các đánh giá cá nhân, phản hồi của sinh viên, đánh giá của thanh tra, đánh giá của các cấp quản lý với sự giám sát của Khoa và Trường ĐHKHTN.

- Ở cấp Trường: Về năng lực chuyên môn Nhà trường yêu cầu mức chuẩn tuyển dụng trình độ Tiến sĩ, Phòng Tổ chức Cán bộ - hành chính quản lý và đánh giá cán bộ. Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng lấy ý kiến phản hồi về chất lượng của đội ngũ giảng dạy [H1.06.04.02], tổng hợp các đánh giá, gửi tới lãnh đạo Khoa và từng GV để rút kinh nghiệm, cải tiến chất lượng dạy học sau mỗi học kỳ [H1.06.04.03].

- Ở cấp Khoa và Bộ môn/Phòng thí nghiệm: Lãnh đạo Khoa, lãnh đạo Bộ môn và Phòng thí nghiệm và các đoàn thể sẽ kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ. Kết thúc năm học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ sẽ được đánh giá từ cấp bộ môn đến cấp Khoa dựa trên kết quả và đối chiếu báo cáo tổng kết của mỗi cán bộ [H1.06.02.02] với các quy định về chế độ làm việc GV, NCV của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN. Từ đó, Bộ môn/Phòng và Khoa sẽ họp xếp loại cán bộ, làm cơ sở để bình xét các danh hiệu thi đua cho năm học [H1.06.02.02].

Cụ thể, viên chức và người lao động được xếp loại theo điểm đánh giá (công thức tính điểm có quy định rõ trong Hướng dẫn tổng kết năm học của Nhà trường) dựa trên 3 tiêu chí: công tác giảng dạy, công tác nghiên cứu khoa học, hoạt động phục vụ cộng đồng và các công việc chuyên môn khác (Bảng 6.5).

Bảng 6.6. Xác định mức xếp loại

Điểm	≥8,5	7,0 - 8,4	5,0 - 6,9	< 5,0
Xếp loại	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không hoàn thành nhiệm vụ

Năm học 2021 - 2022, 89% cán bộ được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 11% cán bộ được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, 5,3% cán bộ được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, 1 cán bộ được xếp loại hoàn thành nhiệm vụ và 1 cán bộ không đánh giá xếp loại do mới ký hợp đồng. Năm học 2022 - 2023, 92% cán bộ được xếp loại hoàn thành xuất

sắc nhiệm vụ, 8% cán bộ được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ. Một số GV có thành tích xuất sắc trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, trung bình hàng năm đều có từ 07 - 09 GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Trường, Bằng khen ĐHQG, Bằng khen Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1.06.04.04]

Ngoài ra, ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN cũng có quy định để đánh giá, khen thưởng, và hỗ trợ thêm cho những cán bộ có thành tích nổi bật và xuất sắc, ví dụ như công bố quốc tế trên các tạp chí quốc tế có uy tín, có đăng ký sở hữu trí tuệ, có sáng kiến trong làm việc, giảng dạy, nghiên cứu khoa học,... [H1.06.04.05].

Hiện nay Nhà trường đang thí điểm triển khai đánh giá thử theo Bộ chỉ số (KPIs) đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị thành viên, trực thuộc ĐHQGHN (Dự án PHER do Hoa Kỳ tài trợ), qua đó tiến tới xây dựng được bộ chỉ số KPI đánh giá năng lực GV, NCV trong tương lai [H1.06.04.06].

2) Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định rõ ràng, cụ thể và được đánh giá đúng theo quy định về mức độ hoàn thành công việc, xếp loại chất lượng đối với đơn vị cấp II, viên chức và người lao động trong Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN.

3) Điểm tồn tại

Bảng tiêu chí đánh giá GV, NCV cho hoạt động phục vụ cộng đồng còn chưa được cụ thể. Các tiêu chí thái độ, nhiệt huyết còn chưa được tính vào chỉ số đánh giá.

4) Kế hoạch hành động

Trong giai đoạn 2024-2025, Khoa tiếp tục xác định rõ ràng năng lực của đội ngũ GV, NCV để xếp loại đúng. Phối hợp với trường để có hướng dẫn chi tiết đánh giá mức độ hoàn thành công việc theo KPI. Xây dựng thang đánh giá mức độ đóng góp cho các hoạt động cộng đồng của GV, NCV.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức: 6/7.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Theo hướng dẫn của Trường ĐHKHTN, Khoa thực hiện việc khảo sát, xác định nhu cầu đào tạo bồi dưỡng trực tiếp từ cán bộ, viên chức thông qua rà soát nhu cầu và xu hướng phát triển của ngành, chuyên ngành ở Khoa, cũng như quá trình hoạt động chuyên môn ở Bộ môn và lấy ý kiến ở hội nghị cán bộ hàng năm của Khoa [H1.06.05.01].

Căn cứ vào kết quả tổng hợp từ Khoa và yêu cầu từ chương trình đào tạo, Trường ĐHKHTN sẽ mở lớp hoặc cử GV, NCV tham dự các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ và chuẩn chức danh nghề nghiệp; các đợt dự tuyển các khóa đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước; các đợt đăng ký bổ nhiệm học hàm...

- *Hỗ trợ các cán bộ GV và NCV sớm đạt học hàm*: tạo điều kiện tham gia đề tài NCKH các cấp [H1.06.05.02]; phân công hướng dẫn học viên sau đại học [H1.06.05.03]; tạo điều kiện nâng cao năng lực công bố bài báo quốc tế [H1.06.05.04];

- *Nâng cao trình độ qua các hoạt động nghiên cứu*: Khoa khuyến khích cán bộ đăng ký tham gia và chủ trì các đề tài nghiên cứu, chuyển giao công nghệ. Trong giai đoạn 2018 - 2024, các cán bộ GV và NCV của Khoa đã tham gia và thực hiện nhiều nhiệm vụ NCKH các cấp: 18 cấp Quốc gia; 32 đề tài Nafoted; 24 cấp bộ; 53 cấp Đại học Quốc gia; 23 nhiệm vụ Hợp tác quốc tế; 9 nhiệm vụ hợp tác với địa phương [H1.06.05.05];

- *Nâng cao chuyên môn qua trao đổi nghiên cứu, tham dự các khóa đào tạo, các hội thảo trong và ngoài nước*: Trong giai đoạn 2018 - 2024, Trường và Khoa đã cử nhiều lượt cán bộ của Khoa đi công tác trong và ngoài nước để trao đổi khoa học, tham gia các khóa học ngắn hạn... [H1.06.01.15]. Bên cạnh đó, hàng năm Khoa chủ động tổ chức các buổi seminar chuyên môn chuyên môn sâu về KH&CNTTP, các Hội nghị Khoa học về Môi trường và Thực phẩm [H1.06.05.06];

- *Hỗ trợ để cán bộ nâng cao trình độ chuyên môn, công bố sản phẩm khoa học*: ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN đã có chính sách hỗ trợ kinh phí cho 268 bài báo của các cán bộ công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín [H1.06.04.05]; áp dụng các chính sách về giảm giờ, điểm thưởng và xét lên lương trước hạn cho cán bộ có thành tích khoa học vượt trội theo quy định của Trường ĐHKHTN [H1.06.02.01, H1.06.02.02, H1.06.03.06];

- *Đào tạo các nghiệp vụ, kỹ năng*: Tổ chức và gửi cán bộ tham dự các chương trình bồi dưỡng kỹ năng viết bài báo; giảng dạy trực tuyến; kỹ năng giảng dạy bằng tiếng Anh; khóa học kiểm định chất lượng; khóa học về năng suất và hiệu quả công việc; khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ giảng viên LMS, khóa học cấp chứng chỉ nghiên cứu viên chính, ... [H1.06.05.06].

- *Hỗ trợ cơ hội tự phát triển chuyên môn cho GV, NCV xuất sắc*: Trường ĐHKHTN và Khoa cũng tạo điều kiện để các GV, NCV, có thành tích xuất sắc trong đào tạo và/hoặc nghiên cứu khoa học, có nguyện vọng, được xem xét dành toàn bộ thời gian hoặc cử đi biệt phái làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, học tập, bồi dưỡng tại Trường hoặc tại đơn vị đối tác của Trường (trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp,...) với thời gian một học kỳ trong vòng tối đa hai năm sau khi đạt được thành tích. [H1.06.02.01].

- *Hỗ trợ GV, NCV nâng cao chuyên môn tại các doanh nghiệp*: Theo đúng định hướng phát triển tri thức khoa học theo hướng đổi mới, sáng tạo của ĐHQGHN, GV và NCV tại Trường ĐHKHTN và Khoa, nếu có nguyện vọng, sẽ được cử đi làm việc 01 tháng/năm tại doanh nghiệp trong và ngoài nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo liên quan đến lĩnh vực giảng dạy, nghiên cứu mà vẫn tính giờ làm việc tại Trường [H1.06.02.01].

- *Hỗ trợ phát triển cán bộ GV và NCV trẻ*: Các cán bộ GV và NCV mới được ĐHKHTN tuyển dụng về làm việc tại Khoa đều được tạo điều kiện nhận đề tài cấp cơ sở, từ năm 2018 đến năm 2024, Khoa Môi trường đã có 35 đề tài cấp cơ sở được giao cho cán bộ trẻ thực hiện, hằng năm có từ 2-3 đề tài cấp ĐHQGHN, 2-3 đề tài cấp tỉnh được giao thực hiện qua hình thức tuyển chọn [H1.06.06.07];

Việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của các cán bộ GV, NCV được thực hiện với chủ trương phù hợp với năng lực, nguyện vọng cá nhân, phù hợp với định hướng phát triển của ngành, Khoa và Trường và tạo điều kiện tối đa cho các cán bộ tham gia. Trong giai đoạn 2018 - 2023 đã có trên 90% GV, NCV cơ hữu của Khoa tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn khác nhau, 100% GV có cơ hội được tập huấn về kiểm định, xây dựng, thư viện... [H1.06.05.06].

Số cán bộ của Khoa được tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng được thể hiện trong bảng 6.6.

Bảng 6.7. Thống kê số lượng cán bộ Khoa Môi trường tham gia một số khóa đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ giai đoạn 2018 – 2023

STT	Tên khóa đào tạo, bồi dưỡng	Tổng số cán bộ
1	Lớp bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp GV cao cấp (hạng I)	14
2	Lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GV đại học	05
3	Tập huấn đào tạo trực tuyến VNU-LMS	52
4	Tập huấn tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá cấp CTĐT theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ GD và ĐT	27
5	Chương trình hỗ trợ kỹ thuật về phát triển năng lực giảng dạy cho giảng viên về Thiết kế học phần dạy học kết hợp	1
6	Lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương	12
7	Lớp bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp GV chính (hạng II)	06
8	Lớp bồi dưỡng năng suất chất lượng đo lường	07
9	Đào tạo bậc Thạc sĩ	03
10	Đào tạo bậc Tiến sĩ	09

2. Điểm mạnh

Ngoài kế hoạch phát triển chuyên môn của các GV, nhằm tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ, Khoa đã tổ chức và cử nhiều GV đi tham dự nhiều khóa bồi dưỡng, hội thảo tăng cường năng lực chuyên môn, giảng dạy, và nghiên cứu khoa học.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động đào tạo bồi dưỡng tập trung nâng cao năng lực và chuyên môn trong nước, chưa có nhiều hoạt động bồi dưỡng về các vấn đề tâm lý nâng cao trí tuệ cảm xúc cho cán bộ và người lao động trong bối cảnh phát triển nhanh của xã hội.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm, Khoa tiếp tục tăng cường tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các tổ chức, doanh nghiệp hoặc dự án cho các hoạt động trao đổi học thuật với nước ngoài, có các hoạt động tập huấn về trí tuệ cảm xúc cho cán bộ nhân viên. **5. Tự đánh giá:** Đạt, mức: 6/7.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Các cán bộ của Khoa Môi trường đều có kế hoạch công tác cụ thể cho từng năm học và việc quản lý về kế hoạch công tác và thời gian phân bổ làm việc của GV được thực hiện theo quy định của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN [H1.06.02.01]. Tổng thời gian làm việc của cán bộ GV trong một năm học là 1.760 giờ và của NCV là 1920 giờ. Đây là tổng số giờ quy đổi của tất cả các công tác (giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập, bồi dưỡng và các công tác khác). Việc quy đổi số giờ chuẩn được thực hiện theo quy định của Trường ĐHKHTN [H1.06.02.01]. Căn cứ vào công việc thực hiện thực tế [H1.06.02.02] và quy định về khối lượng công việc cần thực hiện được trong năm học của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN, Khoa kiểm tra, giám sát và có điều chỉnh cho hợp lý.

Dựa vào kết quả hoàn thành công việc và thành tích trong năm của cán bộ thông qua bản kê khai công việc cuối năm, Khoa sẽ xếp loại cán bộ theo các mức khác nhau dựa theo quy định của Trường ĐHKHTN [H1.06.02.02]. Các cán bộ có mức xếp loại cao, làm việc vượt định mức sẽ có cơ chế hỗ trợ tài chính thêm từ trường [H1.06.06.01]. Ví dụ, các cán bộ GV, NCV có số giờ giảng dạy vượt định mức được nhận kinh phí vượt giờ theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Các cán bộ GV, NCV có thành tích nghiên cứu vượt trội sẽ được hỗ trợ tài chính đối với công bố quốc tế và đăng ký sở hữu trí tuệ từ Quỹ phát triển đơn vị của Trường ĐHKHTN và ĐHQGHN (Bảng 6.7)[H1.06.06.02]

Bảng 6.8. Quy định hỗ trợ một số sản phẩm khoa học năm 2022

TT	Phân loại tạp chí/Loại hình	Mức hỗ trợ cơ bản
1	Công bố trên các tạp chí Top 1%	10.000.000 đ
2	Công bố trên các tạp chí Top 5%	8.000.000 đ
2	Công bố trên các tạp chí thuộc nhóm Q1	5.000.000 đ
3	Công bố trên các tạp chí thuộc nhóm Q2	3.000.000 đ
4	Công bố trên các tạp chí thuộc nhóm Q3	2.000.000 đ
5	Công bố trên các tạp chí thuộc nhóm Q4	1.500.000 đ
6	Công bố trên các tạp chí WoS (ISI) và SCOPUS khác	800.000 đ
7	Đơn đăng ký sở hữu trí tuệ được chấp nhận hợp lệ	2.000.000 đ
8	Bằng độc quyền giải pháp hữu ích	10.000.000 đ
9	Bằng độc quyền sáng chế	15.000.000 đ
10	Sách chuyên khảo của Nhà xuất bản thuộc nhóm A	8.000.000 đ
11	Sách chuyên khảo của Nhà xuất bản thuộc nhóm B	6.000.000 đ
12	Sách chuyên khảo của Nhà xuất bản thuộc nhóm C, D, E	4.000.000 đ

Ngoài ra, với những cá nhân có kết quả công việc và thành tích vượt trội, các hình thức và chế độ khen thưởng thêm cho cán bộ được Trường ĐHKHTN và ĐHQGHN quy định [H1.06.06.03], bao gồm bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN, giấy khen của Hiệu trưởng ĐHKHTN, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp ĐHQGHN và cấp Bộ. Với một số cán bộ có thành tích đặc biệt xuất sắc, ĐHQGHN có quy định thêm các mức khen thưởng để ghi nhận và khích lệ [H1.06.06.04], ví dụ như giải

thưởng ĐHQGHN về Khoa học và Công nghệ, bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN cho các nhà khoa học có công bố quốc tế xuất sắc,...

Việc đánh giá GV được thực hiện một cách hệ thống, hợp lý, có kế hoạch, thường xuyên theo quy định của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN [H1.06.02.02] để đảm bảo tính chính xác, công bằng, khách quan, minh bạch hướng tới cải tiến chất lượng. Hệ thống này được tổ chức chặt chẽ, bao gồm: Ban giám hiệu, Lãnh đạo các đơn vị thuộc Trường, lãnh đạo các đơn vị chuyên môn, các phòng ban chức năng. Việc đánh giá cán bộ của Trường ĐHKHTN được thực hiện theo phương pháp đánh giá khách quan, đa chiều: cán bộ tự đánh giá, đồng nghiệp trong đơn vị đánh giá, các bên có liên quan đánh giá và cấp trên trực tiếp đánh giá [H1.06.02.01, H1.06.02.02, H1.06.06.05].

Các kết quả đánh giá được gửi đến cán bộ nhằm giúp CB phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm hạn chế và làm căn cứ để thực hiện công tác khen thưởng [H1.06.06.06]. Việc quy định về thời gian làm việc phù hợp, cùng với cơ chế khen thưởng khách quan, hệ thống, rõ ràng góp phần thúc đẩy cán bộ tích cực công tác, nâng cao trình độ, phục vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu và tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Kết quả đánh giá viên chức, người lao động được công khai gửi về các đơn vị và nếu có ý kiến sẽ phản hồi lại Khoa, Trường. Hàng năm, nhà trường đều có khảo sát theo quy định đã ban hành về mức độ hài lòng của cán bộ công nhân viên đối với các hoạt động trong đó có việc đánh giá, khen thưởng. Đến nay cán bộ đều hài lòng về kết quả đánh giá thi đua khen thưởng [H1.06.06.07].

2. Điểm mạnh

Trường đã có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho GV, không chỉ giúp tạo ra động lực cho GV trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của GV được tốt.

Tính trung bình trong giai đoạn 2018 - 2023, các GV của Khoa đều đạt và vượt định mức qui định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy). Nhiều GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, cấp cơ sở, khen thưởng của Trường, của Đại học Quốc gia và

của Bộ.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù có chính sách quản trị công việc với tiêu chí khuyến khích hỗ trợ phát triển sách chuyên khảo, giáo trình nhưng trong giai đoạn 2018-2025, chưa có giáo trình và sách chuyên khảo chuyên sâu về chuyên môn được xuất bản.

4. Kế hoạch hành động

Giai đoạn 2023-2025, có các chính sách khuyến khích và giao nhiệm vụ triển khai được công tác biên soạn và xuất bản sách chuyên khảo, giáo trình chuyên môn của ngành. **5. Tự đánh giá:** Đạt, mức: 6/7.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN đã có các văn bản quy định và hướng dẫn chi tiết về yêu cầu công việc của đội ngũ GV, NCV, bao gồm công tác nghiên cứu khoa học. Trường ĐHKHTN có quy định cụ thể về hoạt động nghiên cứu và số lượng sản phẩm cần đạt được trong một năm, uy đổi về đơn vị giờ chuẩn để đối sánh, đánh giá và giám sát [H1.06.02.01]. Ngoài ra, với định hướng phát triển trở thành đại học nghiên cứu hàng đầu trong khu vực và quốc tế, từ cuối năm 2021, ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN đã có thêm một số chỉ tiêu cụ thể cho các hoạt động nghiên cứu khoa học của GV và NCV. Theo đó, trong ba năm (từ năm 2022 đến hết năm 2024), mỗi GV, NCV đảm bảo một trong các định mức công bố sản phẩm khoa học sau: Tối thiểu 01 bài báo khoa học trên tạp chí thuộc cơ sở dữ liệu WoS hoặc Scopus; hoặc tối thiểu 01 sách chuyên khảo hoặc 02 chương sách chuyên khảo bằng tiếng nước ngoài do nhà xuất bản quốc tế có uy tín hoặc nhà xuất bản thuộc trường đại học nằm trong nhóm 1000 trường đại học hàng đầu thế giới xuất bản; hoặc tối thiểu 01 bằng độc quyền sáng chế theo chuẩn Patent tại Việt Nam hoặc chuẩn Patent của Mỹ hoặc Châu Âu, Đông Bắc Á; hoặc tối thiểu 01 bằng độc quyền giải pháp hữu ích. Từ năm 2025, cứ hai (02) năm liên tiếp, mỗi GV, NCV đảm bảo định mức công bố tối thiểu 01 bài báo khoa học trên tạp chí thuộc cơ sở dữ liệu WoS hoặc Scopus

[H1.06.02.01].

Theo quy định, đến cuối năm học, mỗi cán bộ sẽ kê khai thành tích nghiên cứu khoa học trong năm và gửi thống kê cho Khoa và Trường [H1.06.02.02]. Trường ĐHKHTN cũng có cổng thông tin quản lý công việc trực tuyến, với tài khoản riêng cho từng cán bộ và các thông tin công việc được liệt kê trong cổng thông tin sẽ được tự động tính toán ra giờ làm việc và mức hoàn thành công việc cho phần nghiên cứu khoa học cho cán bộ [H1.06.02.03]. Đây là một trong những căn cứ chính để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng [H1.06.06.01, H1.06.06.02, H1.06.06.03, H1.06.06.04].

Hàng năm, mỗi 6 tháng một lần, Khoa thống kê các kết quả nghiên cứu của các cán bộ, từ đó đối sánh với kết quả của các năm trước [H1.06.01.02]. Dựa vào đó, Khoa và Trường nắm được mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ GV, NCV qua từng năm, từng giai đoạn và từ đó làm cơ sở đưa ra các biện pháp để cải tiến hoạt động nghiên cứu khoa học.

Nhờ vậy, trong giai đoạn từ 2018 đến 2023, 73 đề tài nghiên cứu các cấp, trong đó có 25 đề tài trực tiếp phục vụ nhu cầu của Nhà nước và địa phương đã được các cán bộ GV và NCV của Khoa thực hiện [H1.06.05.05]. Số lượng công bố quốc tế cũng có xu hướng tăng dần trong giai đoạn này. Tính trung bình các năm gần đây, tỉ lệ bài báo ở tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus trên số lượng cán bộ của Khoa đạt mức hơn 1,4 bài/1 cán bộ/năm [H1.06.01.02], vượt mức yêu cầu của ĐHQGHN là 1 bài/1 cán bộ/3 năm và cao hơn mức bình quân của Trường ĐHKHTN là khoảng 0,90 - 0,95 bài/cán bộ/năm [H1.06.01.08]. Nhiều cán bộ, tập thể trong Khoa đã được nhận bằng khen các cấp về lĩnh vực nghiên cứu khoa học [H1.06.07.01]. H1

Bảng 6.9. Thống kê về các đề tài NCKH giai đoạn 2018 - 2023 của Khoa Môi trường*

TT	Loại	19-20	20-21	21-22	22-23	23-24*	

1	Cơ sở	7	8	5	4		
2	ĐHQGHN	11	11	9	11		
3	Bộ	5	5	6	8		
4	Quỹ KHCNQG	6	6	5	4		
5	Quốc gia	3	3	2	2		
6	HTQT	5	6	2	5		
7	HĐDV	1	2	3	3		

*: Số liệu tính đến 31/7/2024

Bảng 6.10. Thống kê về sản phẩm nghiên cứu giai đoạn 2018 - 2023 của Khoa Môi trường*

TT	Loại	19-20	20-21	21-22	22-23	23-24*	
I	Bài báo/báo cáo						
1	Bài báo thuộc danh mục ISI/Scopus	51	68	71	68	71	
2	Tạp chí quốc tế khác	14	4	5	2	5	
3	Tạp chí trong nước	51	47	74	44	74	
4	Hội nghị khoa học quốc tế	27	28	13	2	13	
5	Hội thảo quốc gia	23	14	1	18	1	
6	Sở hữu trí tuệ/Giải pháp hữu ích	2	5	11	4	11	
II	Tổ chức hội thảo, hội nghị						
1	Hội thảo, hội nghị quốc gia	0	1	1	3	1	
2	Hội thảo, hội nghị quốc tế	1	3	3	3	3	

*: Số liệu tính đến 31/7/2024

2. Điểm mạnh

Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập rõ ràng. Hoạt động nghiên cứu và số lượng sản phẩm được giám sát chặt chẽ bởi Khoa và Nhà trường căn cứ vào việc khai báo trên cổng thông tin quản lý công việc trực tuyến và cung cấp thông tin định kỳ cho bộ phận phụ trách nghiên cứu khoa học của Khoa và Trường. Các sản phẩm khoa học của GV, NCV trong Khoa được đối sánh với mức bình

quân của Trường ĐHKHTN và yêu cầu của ĐHQGHN để đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ NCKH. Kết quả đối sánh cho thấy chỉ tiêu NCKH của Khoa đều vượt so với bình quân của Trường và yêu cầu của ĐHQGHN, nhiều cán bộ đã được nhận bằng khen trong NCKH.

3. Điểm tồn tại

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học dùng để giám sát và đối sánh tập trung ở các công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế, tỷ trọng cho một số loại hình như hỗ trợ sv thực hiện NCKH, các đề tài chuyên gia công nghệ, các đề tài mang tính thực tiễn địa phương chưa được đánh giá với tỷ lệ tương xứng.

4. Kế hoạch hành động

Đa dạng hóa với các tỷ trọng hợp lý các loại hình hoạt động nghiên cứu khoa học được dùng để giám sát và đánh giá hoạt động NCKH của GV, NCV. **5. Tự đánh giá:** Đạt, mức: 6/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Trong giai đoạn 2018 - 2024, Nhà trường và Khoa Môi trường đã thực hiện tương đối tốt công tác quy hoạch và tuyển dụng GV. Đội ngũ GV của Khoa có sự trưởng thành về chất lượng. Các GV có ý thức phấn đấu, tự bồi dưỡng kiến thức và rèn luyện đạo đức. Trong giảng dạy, đội ngũ GV hoàn thành đạt và vượt mức số giờ giảng theo quy định và đa số GV có kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy ở mức tương đối cao. Trong nghiên cứu khoa học, một số GV đã được các Bộ - Ngành và Đại học Quốc gia Hà Nội phân công làm chủ trì đề tài lớn, có tỷ lệ công bố cao và một số GV được khen thưởng về thành tích nghiên cứu khoa học. Công tác đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV và các chế độ khen thưởng của Khoa Môi trường và Trường diễn ra cụ thể, công khai và kịp thời đã tạo điều kiện cho GV hoàn thành nhiệm được phân công.

Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV luôn được đo lường, giám sát thường xuyên với mục đích làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Trường Đại học Khoa học tự nhiên đã ban hành, phổ biến rộng rãi và công khai các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao

gồm cả đạo đức và năng lực chuyên môn) để bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được đánh giá một cách chính xác và khách quan dựa trên những quy định, quy chế đã xây dựng với sự thống nhất cao trong đội ngũ GV trong Trường Đại học Khoa học tự nhiên. Bên cạnh đó, nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được Khoa xác định rất rõ thông qua các chiến lược, văn bản và có nhiều hoạt động triển khai sâu rộng để đáp ứng nhu cầu đó. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai sâu rộng và nghiêm túc để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV đã được Trường, Khoa xác định, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Tiêu chuẩn 6 có 7 tiêu chí, các tiêu chí đều đạt: 6/7.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ nhân viên phục vụ hoạt động đào tạo bậc Đại học ngành KHCNTP bao gồm: Đội ngũ trợ lý đào tạo, công tác sinh viên Khoa Môi trường, Trung tâm CNTT&TT, nhân viên các phòng ban chức năng (Phòng CT&CTSV, Phòng Đào tạo, Phòng QT&BV, Phòng HT&PT, Phòng TTPC&ĐBCL, Phòng TCCB-HC, Hệ thống thư viện, Kí túc xá, bệnh viện, trạm xá...). Mặc dù, chất lượng đào tạo đại học phần lớn phụ thuộc vào mối quan hệ, tương tác giữa GV và người học, tuy nhiên đội ngũ GV không thể thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy và người học khó có kết quả học tập tốt nếu chất lượng dịch vụ hỗ trợ của đội ngũ nhân viên thấp. Do đó, Trường ĐHKHTN, Khoa Môi trường và các đơn vị liên quan luôn quan tâm tới toàn bộ các khâu từ công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng và bổ nhiệm, bổ nhiệm lại để xây dựng đội ngũ nhân viên hỗ trợ đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trường ĐHKHTN đã xây dựng và ban hành các chiến lược, quy hoạch liên quan đến phát triển đội ngũ nhân viên, trên cơ sở đó xác định các tiêu chuẩn tuyển dụng, đảm bảo số lượng và cơ cấu phù hợp, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành KHCNTP. Đồng thời, để kiểm

soát và nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ, hàng năm Nhà trường tiến hành đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ của đội ngũ nhân viên thông qua cuộc khảo sát mức độ hài lòng của GV và người học khi sử dụng dịch vụ để có hướng khắc phục và phát triển hiệu quả hơn.

***Tiêu chí 7.1.** Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng*

1) Mô tả hiện trạng

Trường ĐKKHTN, Đại học Quốc gia Hà Nội có đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo bao gồm các cán bộ làm việc tại các phòng ban chức năng, trợ lý, trung tâm như: trợ lý khoa, thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Đội ngũ này đóng một vai trò lớn trong việc hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. ĐHQGHN, Trường ĐHKHTN, Khoa Môi trường luôn thực hiện công tác quy hoạch phát triển đội ngũ đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, tạo được hiệu quả cao trong công việc.

Điều này được thể hiện rõ trong Chiến lược phát triển ĐHQGHN đến năm 2020, tầm nhìn 2030 [H1.07.01.01]; Chiến lược phát triển Trường ĐHKHTN đến năm 2025, tầm nhìn 2035 [H1.07.01.02]; Kế hoạch phát triển nguồn lực hàng năm của Nhà trường [H1.07.01.03] ; Phương hướng công tác năm học giai đoạn 2020 - 2023 của Khoa Môi trường [H1.07.01.04]; chức năng nhiệm vụ và nguồn lực ở thư viện [H1.07.01.05], phòng thí nghiệm nghiên cứu môi trường [H1.07.01.06], bệnh viện [H1.07.01.07], Trung tâm CNTT&TT [H1.07.01.08]; trung tâm hỗ trợ sinh viên [H1.07.01.09] và các phòng ban chức năng khác trong Trường [H1.07.01.10].

Để có được kết quả này ĐHQGHN, Nhà trường và các đơn vị hỗ trợ liên quan đã xây dựng bản đề án vị trí việc làm , từ đó có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên [H1.07.01.11], [H1.07.01.12], [H1.07.01.13], [H1.07.01.14], [H1.07.01.15], [H1.07.01.16]. ĐHQG và Trường ĐHKHTN cũng đã xây dựng bản mô tả vị trí việc phù hợp với từng vị trí công việc của các đơn vị thuộc và trực thuộc [H1.07.01.17], nhằm có

kế hoạch tuyển dụng và phân công công việc hợp lý cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Khoa Môi trường cũng đã xây dựng chiến lược, phương hướng phát triển đội ngũ cán bộ, trong đó có chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ, đồng thời có chính sách thu hút thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên và được thể hiện trong các báo cáo tổng kết đánh giá cuối năm và phương hướng nhiệm vụ cho năm học mới hàng năm [H1.07.01.04] và bản mô tả vị trí việc làm của Khoa Môi trường [H7.07.01.42].

Với phương châm, lấy người học làm trung tâm, hiện nay Khoa có 6 cán bộ hỗ trợ, trong đó có 3 cán bộ kiêm nhiệm (trợ lý đào tạo sau đại học, trợ lý khoa học và thiết bị và cán bộ thư viện); 3 cán bộ chuyên trách (trợ lý đào tạo đại học, trợ lý công tác sinh viên và kế toán kiêm cán bộ hành chính) Các vị trí công việc hỗ trợ tại Khoa được lãnh đạo Khoa phân công rõ ràng đúng người đúng việc phục vụ tốt nhất cho công tác phục vụ cộng đồng [H1.07.01.18], được Trường và Khoa quản lý hồ sơ với lý lịch rõ ràng [H1.07.01.19]. Bên cạnh đó Khoa phân công giáo viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập cho từng lớp để hỗ trợ sinh viên ngay từ ngày nhập học [H1.07.01.20]. Để nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ người học, Trường thực hiện khảo sát về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên được thực hiện 1 lần/1 năm. Kết quả khảo sát 1.121 sinh viên cho thấy mức đánh giá về chất lượng hoạt động hỗ trợ sinh viên là 3,98 điểm trong thang đánh giá 5 điểm (1: Hoàn toàn không đồng ý, 2: Không đồng ý, 3: Phân vân, 4: Đồng ý, 5: Hoàn toàn đồng ý) [H1.07.01.21].

Ngoài ra, Khoa còn có Phòng thí nghiệm nghiên cứu môi trường và 05 phòng thí nghiệm chuyên đề nhằm đáp ứng nhu cầu thực hành, nghiên cứu cho Sinh viên ngành KH&CNTP, đảm bảo chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ [H1.07.01.06]. Các trợ lý Khoa có trình độ (3 tiến sĩ, 1 thạc sĩ và 2 cử nhân), có năng lực, trách nhiệm hỗ trợ Ban lãnh đạo Khoa quản lý và hỗ trợ cho sinh viên, triển khai các hoạt động liên quan đến đào tạo, NCKH và PVCĐ tại Khoa, hỗ trợ giải quyết các chế độ, chính sách đối với sinh viên...Như vậy có thể thấy đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho CTĐT Đại học ngành KH&CNTP có năng lực chuyên môn phù hợp và được ĐHQGHN, Trường ĐHKHTN và Khoa Môi trường quy hoạch, phát triển bài bản, khoa học theo quy trình rõ ràng, được rà soát, bồi dưỡng, bổ sung.

Ngoài các cán bộ hỗ trợ trong Khoa Môi trường, trường ĐHKHTN và ĐHQGHN còn có các phòng ban, trung tâm đa dạng, **hỗ trợ sinh viên trong mọi mặt, được thể hiện cụ thể ở Bảng 7.1 và 7.2.** Đội ngũ nhân viên làm việc tại các khối Phòng ban của Nhà trường gồm 91 người (bảng 7.2) [H1.07.01.22], với năng lực chuyên môn phù hợp cũng luôn đảm bảo phục vụ tốt cho công tác đào tạo ngành KH&CNTP. Trung tâm thông tin thư viện và tri thức số ĐHQGHN có đội ngũ cán bộ chuyên môn tương đối đầy đủ với 105 người [H1.07.01.23]. Đội ngũ nhân viên thư viện có trình độ chuyên môn cao, luôn được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ định kỳ, do vậy đã tạo được nguồn dữ liệu điện tử, nguồn học liệu truyền thống (trên giấy) đảm bảo yêu cầu phục vụ hoạt động học tập và NCKH của GV và NH ngành KH&CNTP. Trung tâm CNTT&TT của Nhà trường có số lượng nhân sự gồm 06 người có năng lực chuyên môn phù hợp và trình độ từ cử nhân đến PGS (1 PGS, 04 thạc sĩ, 1 cử nhân) [H1.07.01.24]. Trung tâm đã thực hiện tốt công tác quản lý về công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động đào tạo và quản lý đào tạo của Nhà trường; Quản lý, vận hành hạ tầng mạng và các thiết bị tin học phục vụ quản lý, giảng dạy tại các giảng đường; phát triển các hệ thống phần mềm phục vụ đào tạo tín chỉ; Tổ chức, tư vấn đào tạo các khóa học về tin học, tất cả đã được minh chứng qua hệ thống hạ tầng CNTT [H1.07.01.25].

Bảng 7.1. Nhân viên hỗ trợ đến từ ĐHQGHN

Trung tâm	Nhiệm vụ	Tổng số
Trung tâm Thư viện và tri thức số	Quản lý thông tin, dữ liệu và thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ trong quản lý tại ĐHQGHN [H1.07.01.05].	105
Trung tâm hỗ trợ sinh viên	Quản lý và hỗ trợ sinh viên nội trú; tổ chức các hoạt động tư vấn, định hướng nghề nghiệp, đào tạo; cung cấp dịch vụ để cải thiện cuộc sống của sinh viên, hỗ trợ sinh viên trong học tập và nghiên cứu khoa học [H1.07.01.9].	72

Trung tâm	Nhiệm vụ	Tổng số
Bệnh viện ĐHQGHN	Chịu trách nhiệm khám, chữa bệnh; nghiên cứu khoa học y tế và chuyển giao kiến thức, cung cấp dịch vụ y tế và công nghệ y tế chất lượng cao [H1.07.01.7]. Bệnh viện chịu trách nhiệm khám chữa bệnh cho cán bộ và sinh viên ĐHQGHN. Bệnh viện bố trí Phòng cấp cứu và cử nhân viên y tế làm việc tại mỗi trường đại học và viện nghiên cứu của ĐHQGHN để cung cấp dịch vụ chăm sóc y tế tức thời trong trường hợp khẩn cấp hoặc chăm sóc sức khỏe cho tất cả nhân viên và sinh viên của ĐHQGHN.	203
Trung tâm dự báo và phát triển nguồn nhân lực	Thực hiện các hoạt động nghiên cứu thị trường, dự báo xu hướng thị trường lao động cho sinh viên ĐHQGHN; tổ chức các hoạt động đào tạo, thông báo cho sinh viên cơ hội việc làm và định hướng nghề nghiệp của thị trường lao động https://hdc.vnu.edu.vn/article-Gioi-thieu-chung-17955-2406.html . Trung tâm hợp tác thiết lập các chương trình hỗ trợ doanh nhân khởi nghiệp, các khóa học khởi nghiệp và đào tạo kỹ năng cho nhân viên và sinh viên...	14

Bảng 7.2. Nhân viên hỗ trợ đến từ Trường ĐHKHTN [H1. 07.01.22]

(tính đến tháng 7/2024)

Trung tâm hỗ trợ sinh viên	Nhiệm vụ	Trình độ chuyên môn liên quan					Tổng số
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Khác	
Phòng Đào tạo	Phụ trách các kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo, tuyển sinh, giáo trình - học liệu, cấp phát và quản lý văn bằng, trực tiếp theo dõi và tổ chức, quản lý đào tạo đại học hệ chính quy, các chương trình đào tạo thuộc nhiệm vụ chiến lược.	2	10	4	2	0	18
Phòng CT&CTSV	Tham mưu về công tác chính trị tư tưởng, công tác tuyên huấn và công tác quảng bá hình ảnh của Trường.	3	5	1	0	0	9
Phòng Kế hoạch - Tài chính	Tham mưu xây dựng kế hoạch tài chính, quản lý tài chính, kế toán, thanh quyết toán, công tác báo cáo tài chính.	5	3	0	0	0	8
Phòng KH&CN	Tham mưu về công tác khoa học công nghệ và quản lý thiết bị khoa học.	0	3	3	1	0	7
Phòng HT&PT	Tham mưu về công tác quản lý hợp tác quốc tế của Trường.	1	3	1	1	0	6
Phòng QT-BV	Phụ trách xây dựng cơ sở vật chất, điện nước, mua sắm, thanh lý các thiết bị văn phòng, an ninh trật tự, giảng đường, lớp học, vệ sinh môi trường, nhà gửi xe.	8	3	0	0	13	24
Phòng TTPC&ĐBCL	Tham mưu công tác Thanh tra, Pháp chế, Đảm bảo chất lượng, tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm định chất lượng.	0	3	1	1	0	5

Trung tâm hỗ trợ sinh viên	Nhiệm vụ	Trình độ chuyên môn liên quan					Tổng số
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Khác	
Trung tâm CNTT&TT	Tham mưu về công tác hoạch định, phát triển, triển khai, đảm bảo hoạt động các hệ thống công nghệ thông tin trong công tác quản lý và điều hành Nhà trường, trong đào tạo, giảng dạy, nghiên cứu và học tập.	1	2	0	1	1	5
Khoa Môi trường	Hỗ trợ công tác sinh viên, giáo vụ, khoa học thiết bị, đào tạo sau đại học, thư viện, thi đua khen thưởng, phục vụ phòng thí nghiệm, văn thư, kế toán, thủ quỹ...	2	1	4	2	0	9

Ngoài ra, ĐHQGHN có Trung tâm hỗ trợ sinh viên, với chức năng của mình, trung tâm luôn thể hiện vai trò quan trọng trong công tác hỗ trợ người học của Nhà trường [H1.07.01.09]. Hiện trung tâm gồm 72 viên chức và người lao động, có trình độ chuyên môn phù hợp với từng vị trí, đáp ứng khung năng lực vị trí việc làm của đơn vị [H1.07.01.26]. Trung tâm dự báo và phát triển nguồn nhân lực [H1.07.01.27],; Bệnh viện Đại học Quốc gia... với đội ngũ nhân viên đảm bảo về số lượng và chất lượng, hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH cũng như PVCĐ của GV, người học [H1.07.01.28]. Hàng năm, Trường ĐHKHTN và các đơn vị liên quan đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi về chất lượng phục vụ, hỗ trợ của đội ngũ hỗ trợ để có sự điều chỉnh kịp thời, đáp ứng tốt yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ của GV và người học [H1.07.01.29], [H1.07.01.30], [H1.07.01.31], [H1.07.01.32]. Trong báo cáo kết quả lấy ý kiến về chất lượng hỗ trợ, phục vụ giai đoạn 2020 - 2024 của ĐHQGHN nói chung và của các đơn vị nói riêng cũng đã cho thấy đội ngũ nhân viên hỗ trợ đáp ứng tốt việc phục vụ, hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ [H1.07.01.33], [H1.07.01.34], [H1.07.01.35].

Nhìn chung, CTĐT Đại học ngành KH&CNTP luôn được đảm bảo nguồn nhân lực hỗ trợ, phục vụ về số lượng và chất lượng; có kế hoạch phát triển dài hạn và từng giai đoạn đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của Trường nói chung và của ngành KH&CNTP nói riêng. Hàng năm Trường ĐHKHTN, Khoa Môi trường cũng luôn có những báo cáo phân tích, đánh giá về chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ, từ đó có phương án quy hoạch, phát triển, tuyển dụng bổ sung nhằm luôn đáp ứng một cách tốt nhất cho công việc hỗ trợ đào tạo và NCKH cho người học, các kết quả này được thể hiện trong báo cáo tổng kết và phương hướng hàng năm của Nhà trường [H1.07.01.36], Khoa [H1.07.01.04], và các quy hoạch cụ thể khác của Khoa [H7.07.01.42].

2) Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho CTĐT Đại học ngành KH&CNTP rất đa dạng, từ nhiều đơn vị, cơ quan khác nhau thuộc ĐHQGHN, có năng lực chuyên môn cao đáp ứng tốt nhất nhu cầu về đào tạo NCKH và PVCĐ của CTĐT ngành KH&CNTP; được quy hoạch, bồi dưỡng; bổ sung theo quy trình rõ ràng

3) Điểm tồn tại

Các chính sách hỗ trợ đãi ngộ đãi ngộ đội ngũ nhân viên hỗ trợ Khoa còn khiêm tốn.

4) Kế hoạch hành động

Cần tiếp tục phát huy tốt điểm mạnh, đồng thời Phòng TTPC&ĐBCL, Phòng TCCB-HC và các phòng ban liên quan, các đơn vị hỗ trợ khác, Trường và Khoa cần nâng cao hơn nữa các chế độ, chính sách nhằm thu hút và đãi ngộ đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 6/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1) Mô tả hiện trạng

Để đảm bảo chất lượng của đội ngũ nhân viên hỗ trợ ĐHQGHN nói chung và các đơn vị thuộc ĐHQGHN, Trường ĐHKHTN và Khoa Môi trường nói riêng đã luôn chú trọng đến công tác tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên. Điều này được thể

hiện thông qua các văn bản, quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên [H1.07.02.01],[H1.07.02.02]; Quy định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm và chế độ phụ cấp lãnh đạo, phụ cấp trách nhiệm đối với công chức, viên chức trong ĐHQGHN [H1.07.02.03], H1.07.02.04]; Quy định về việc ban hành quy định về ký kết hợp đồng lao động [H1.07.02.05]. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định rõ ràng qua Quy chế tuyển dụng sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHKHTN [H1.07.02.04], [H1.07.02.05] và bản mô tả vị trí việc làm cụ thể đối với cán bộ trước khi tuyển dụng của Nhà trường [H1.07.02.06] và của Khoa Môi trường [H1.07.02.07].

Công tác tuyển dụng, bổ sung nguồn nhân lực được thể hiện trong phương hướng công tác năm học của Nhà trường và của Khoa [H1.07.02.08], [H1.07.02.09], công tác này đều được lập kế hoạch, lấy ý kiến của các bên liên quan [H1.07.02.10]. Sau khi kế hoạch được thông qua, Nhà trường luôn ra thông báo, đồng thời xin ý kiến các bên liên quan về nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị, từ đó đơn vị có công văn đề xuất chính thức với Nhà trường về các vị trí cần nhân sự cần tuyển dụng này [H1.07.02.11]. Các cá nhân khi đăng ký dự tuyển vào vị trí nhân viên của Trường ĐHKHTN cần đảm bảo các quy định chung như của Luật viên chức năm 2010 [H1.07.02.12]; sửa đổi bổ sung năm 2019 [H1.07.02.13]; Nghị định 115/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng [H1.07.02.14] và các ứng viên đăng ký dự tuyển viên chức của Trường phải đảm bảo các tiêu chuẩn cụ thể khác của ĐHQGHN và Nhà trường theo Quy định [H1.07.02.01], [H1.07.02.02].

Tất cả các tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển chọn nhân viên nói trên đều được ĐHQGHN và Nhà trường công bố công khai trong thông báo về tuyển dụng viên chức hàng năm, trên website của Trường và niêm yết tại phòng TCCB-HC [H1.07.02.15]. Cho đến thời điểm hiện nay Nhà trường chưa nhận được bất cứ ý kiến nào liên quan đến tuyển dụng. Tất cả các ứng viên mới tuyển dụng đều được ký hợp đồng theo quy định, đều được lưu giữ theo quy định của Nhà nước [H1.07.02.16].

Định kỳ 5 năm 1 lần hoặc khi có nhu cầu, nhân viên hỗ trợ có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực đối với từng chức vụ quản lý như sẽ được bổ nhiệm vào các vị trí Trưởng, phó phòng chức năng/trung tâm để cán bộ lãnh đạo quản lý được đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện

qua thực tiễn, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Nhà trường. Năm 2023, Trường thực hiện công tác quy hoạch cán bộ quản lý phù hợp với quản trị đại học tiên tiến, Trường đã phê duyệt quy hoạch các chức danh cấp ủy và cán bộ lãnh đạo, quản lý các đơn vị cấp 2, cấp 3 của Trường ĐHKHTN nhiệm kỳ 2025-2030 [H1.07.02.25].

Hàng năm, việc đánh giá hoạt động của nhân sự được thực hiện công khai theo 3 cấp, cấp Bộ môn, Khoa/Phòng và cấp Trường qua văn bản hướng dẫn của trường ĐHKHTN; đồng thời công tác quản lý điều hành của lãnh đạo Trường, Khoa và các phòng ban chức năng được đánh giá hợp lý thông qua các ý kiến phản hồi các bên liên quan [H1.07.02.18], [H1.07.02.19], [H1.07.02.20], [H1.07.02.21]. Kết quả đánh giá làm cơ sở cho việc sắp xếp công việc, bổ nhiệm, xét lương, khen thưởng...

Các đơn vị khác hỗ trợ người học của ĐHQGHN (trung tâm hỗ trợ người học, bệnh viện ĐHQGHN, Thư viện ...) thì các hoạt động tuyển dụng, bổ nhiệm lực lượng cán bộ hỗ trợ cũng được thực hiện các quy định chung như trên và cũng được công khai rộng rãi qua website đơn vị hoặc chung của ĐHQGHN [H1.07.02.22], [H1.07.02.23], [H1.07.02.24].

2) Điểm mạnh

Các quy định thông báo về việc tuyển dụng và bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ, nhân viên hỗ trợ cho Chương trình đào tạo KHCNTP của Nhà trường được xây dựng, ban hành với những quy định rõ ràng, có lấy ý kiến các bên liên quan trước khi ban hành, đồng thời phổ biến công khai đảm bảo đúng quy trình, hiệu quả và minh bạch.

3) Điểm tồn tại

Các tiêu chuẩn tuyển dụng còn cao nên mất nhiều thời gian tuyển dụng

4) Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú

1	Phát huy: phổ biến công khai quy định thông báo về việc tuyển dụng và bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ, nhân viên hỗ trợ; lấy ý kiến các bên liên quan trước khi ban hành	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục phổ biến công khai quy định thông báo về việc tuyển dụng và bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ, nhân viên hỗ trợ - Tiếp tục lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về nhu cầu tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên 	Khoa Môi trường/Trường Đại học KHTN	Hàng năm	
2	Khắc phục: Các tiêu chuẩn tuyển dụng còn cao nên mất nhiều thời gian tuyển dụng	- Linh động các tiêu chuẩn để phù hợp với từng vị trí tuyển dụng	Khoa Môi trường/Trường Đại học KHTN	Hàng năm	

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 6/7

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1) Mô tả hiện trạng

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ/phục vụ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ của CTĐT được đảm bảo về số lượng và chất lượng. Bên cạnh đội ngũ GV, Trường và Khoa luôn đề cao vai trò của đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ (cán bộ làm việc tại PTN, thư viện, phòng CNTN, cán bộ làm việc tại các Phòng CT&CTSV, Phòng Đào tạo, Phòng QT&BV, Phòng HT&PT, Phòng TTPC&ĐBCL, Phòng TCCB-HC và các dịch vụ hỗ trợ khác). Việc đánh giá năng lực và phân loại viên chức được Nhà trường tổ chức định kỳ vào cuối năm học trên cơ sở Quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức, người lao động trong ĐHQGHN [H1.07.03.01], Quy định về việc ban hành quy định về ký kết hợp đồng lao động Trường ĐHKHTN [H1.07.03.02], Quyết định ban hành quy định tạm thời về đánh giá mức độ hoàn thành công việc, xếp loại chất lượng viên chức và

người lao động của Trường ĐHKHTN [H1.07.03.03]; Quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc, xếp loại chất lượng đối với đơn vị cấp II, viên chức và người lao động của Trường ĐHKHTN [H1.07.03.04].

Hàng năm, Nhà trường luôn thực hiện việc đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đội ngũ nhân viên theo quy định chung của Trường về tư tưởng, phẩm chất, đạo đức, năng lực chuyên môn và mức độ hoàn thành công việc được giao. Những tiêu chí đánh giá năng lực cán bộ hỗ trợ được cụ thể như sau: Về năng lực điều hành, tổ chức thực hiện công việc; Việc phân công công việc với những tiêu chuẩn về thời hạn, chất lượng công việc hợp lý; Năng lực triển khai công việc; Thực hiện các công việc được phân công đúng thời hạn và có chất lượng tốt; Về thực hiện tốt giờ giấc làm việc; Quy trình triển khai, giải quyết công việc hợp lý; Năng lực chuyên môn nghiệp vụ; Tác phong làm việc và văn hóa ứng xử; Tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ; Tinh thần hợp tác với các đơn vị [H1.07.03.05]. Hàng năm, Nhà trường ra thông báo và gửi các văn bản hướng dẫn tổ chức Hội nghị tổng kết năm học để phân loại, đánh giá đội ngũ nhân viên [H1.07.03.06]. Đây là căn cứ để các đơn vị sử dụng lao động tổ chức phân loại, đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên dựa trên kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao theo các tiêu chí cụ thể ở các mức độ từ không hoàn thành nhiệm vụ đến hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Việc đánh giá, phân loại năng lực của nhân viên được thực hiện theo trình tự: nhân viên tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao theo biểu mẫu của Nhà trường [H1.07.03.07] và trình bày báo cáo tại cuộc họp đơn vị cấp 3 để toàn thể đồng nghiệp đóng góp ý kiến. Lãnh đạo đơn vị đánh giá nhận xét về mức độ hoàn thành công việc cũng như tổ chức bình bầu các danh hiệu thi đua, khen thưởng theo quy định cho các cá nhân, nhân viên hỗ trợ [H1.07.03.08]. Tuy nhiên tiêu chí đánh giá còn chưa định lượng cụ thể nên còn khả năng tồn tại các yếu tố chủ quan trong quá trình đánh giá.

Bên cạnh đó, kết quả khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về thái độ phục vụ và hoạt động hỗ trợ của đội ngũ này cũng được đưa ra xem xét [H1.07.03.09], [H1.07.03.10]. Sau khi tiếp nhận các ý kiến của các bên, Trường đơn vị quyết định mức đánh giá và phân loại nhân viên trước tập thể và gửi cho Nhà trường [H1.07.03.11]. Kết quả đánh giá viên chức được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận [H1.07.03.12]. Trong những năm gần đây, hầu

hết đội ngũ chuyên viên của Trường và Khoa đều được đánh giá hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Những đóng góp của chuyên viên, nhân viên luôn được sự công nhận của Khoa, Trường. Năm học 2022 -2023, các chuyên viên và nhân viên của Khoa Môi trường đều đạt danh hiệu lao động tiên tiến, hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có 01 nhân viên đạt danh hiệu chiến sỹ cấp cơ sở; 01 chuyên viên có sáng kiến được công nhận ở cấp cơ sở [H1.07.03.13]. Từ kết quả trên cho thấy, đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ được đánh giá cao có đủ năng lực, phục vụ tốt cho các hoạt động, NCKH và PVCĐ của Khoa, Trường.

2) Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được xác định rõ ràng, phù hợp với vị trí việc làm và có kinh nghiệm, gắn bó lâu dài với Khoa, Trường.

Năng lực của đội ngũ cán bộ được đánh giá công bằng, công khai dựa phù hợp với quy định, quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên của Nhà trường

Các cuộc khảo sát các bên liên quan đều cho thấy sự hài lòng về đội ngũ nhân viên.

3) Điểm tồn tại

Cách định lượng công việc của đội ngũ nhân viên nên được cụ thể hơn để tính hiệu suất công việc như giảng viên và nghiên cứu viên.

4) Kế hoạch hành động

Tiếp tục thực hiện tốt về quy trình, quy định đánh giá như đã ban hành và làm tốt như đề cập ở điểm mạnh đối với nhân viên hỗ trợ trong năm 2023 và các năm tiếp theo. Trường, Khoa, Phòng TCCB-HC nên cụ thể hóa thang đánh giá hiệu suất công việc trong quy định đánh giá xếp loại cán bộ hỗ trợ trong năm 2023.

5) *Tự đánh giá*: Đạt, mức: 6/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1) Mô tả hiện trạng

Công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên luôn được Trường, Khoa coi trọng và thực hiện nghiêm túc nhằm duy trì, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên đáp ứng mục tiêu phát triển chung của Nhà trường. Việc tạo điều kiện cho chuyên viên, nhân viên được tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ là một yếu tố quan trọng để thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn, chính trị của Nhà trường. Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHKHTN giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn năm 2035 chỉ rõ kế hoạch phát triển đội ngũ có năng lực cao, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện về đào tạo của Nhà trường; có khả năng tham mưu và chủ động, tích cực, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Nâng cấp đội ngũ viên chức bộ phận phục vụ đào tạo để đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ công tác trong thời kỳ mới, đảm bảo 100% đội ngũ chuyên viên được đào tạo nghiệp vụ quản lý hành chính Nhà nước, tin học và ngoại ngữ, chuyên viên đủ tiêu chuẩn nâng hạng chuyên viên chính [H1.07.04.01].

Hàng năm, trong xây dựng Kế hoạch nhiệm vụ năm học của Trường, các đơn vị sẽ đề xuất nhu cầu đào tạo - bồi dưỡng chuyên viên, nhân viên của đơn vị. Ở các kế hoạch phương hướng năm học này luôn xác định rõ nguồn nhân lực hỗ trợ và định hướng đào tạo bồi dưỡng thường xuyên, định kỳ [H1.07.04.02], [H1.07.04.03]. Trên cơ sở đó, hàng năm, Trường đều có các thông báo về các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng viên chức nói chung và đội ngũ nhân viên hỗ trợ nói riêng dựa trên các tiêu chuẩn, yêu cầu của chức danh nghề nghiệp mà viên chức đảm nhận và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường [H1.07.04.04]. Trên cơ sở yêu cầu vị trí việc làm và nhu cầu của cán bộ Nhà trường sẽ rà soát các điều kiện tiêu chuẩn và cử cán bộ tham gia các khoá đào tạo, tập huấn [H1.07.04.05],

Đội ngũ nhân viên của Nhà trường nói chung và Khoa Môi trường nói riêng luôn được Nhà trường và Khoa tạo điều kiện và cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tại các cơ sở đào tạo uy tín trong và ngoài nước, điều này được thể hiện rõ nhất về thống kê số cán bộ được cử đi tham gia các khóa đào tạo qua các năm [H1.07.04.06]. Trong 5 năm gần đây (tính đến 2023), Nhà trường đã cử 36 người đi học ThS; 8 người học nghiên cứu sinh; 263 người đi học lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước

chương trình chuyên viên; 96 người đi học lớp bồi dưỡng chuyên viên chính; 45 người tham gia các lớp ngắn hạn bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ; bên cạnh đó còn thường xuyên cử nhiều các cán bộ nhân viên hỗ trợ tham gia các đợt bồi dưỡng về sử dụng E-office, nghiệp vụ và quản lý,... [H1.07.04.03], [H1.07.04.02] [H1.07.04.11] . Trường có xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí chi cho các hoạt động đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên, có các cơ chế khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho nhân viên được đi học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H1.07.04.07], [H1.07.04.09]. Điều này góp phần thúc đẩy, tạo động lực học tập cho đội ngũ nhân viên, từ đó nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ. Song song với việc cử chuyên viên, nhân viên tham dự các CTĐT - bồi dưỡng tại các tổ chức bên ngoài, Nhà trường cũng tổ chức một số khóa bồi dưỡng về kỹ năng, nghề nghiệp đối với chuyên viên, nhân viên toàn Trường [H1.07.04.08].

2) Điểm mạnh

Hàng năm, Nhà trường và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, từ đó cử các cá nhân tham gia các đợt bồi dưỡng tập huấn tại đơn vị hoặc bên ngoài đơn vị nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của Khoa và Nhà trường.

3) Điểm tồn tại

Trong thời gian dịch bệnh covid nên các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng, trao đổi chuyên môn cho đội ngũ nhân viên, chuyên viên của Khoa, Nhà trường chưa được đa dạng, phong phú và chưa thực sự hiệu quả

Các nhân viên chưa chủ động trong đăng kí các khóa học bên ngoài nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn

4) Kế hoạch hành động

Tiếp tục thực hiện tốt về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ trong năm 2025 và các năm tiếp theo. Các nhân viên cần chủ động đăng kí các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn. Phòng TCCB-HC nên

chủ động linh hoạt hơn và đa dạng hoá hình thức trong các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ hỗ trợ nhằm phục vụ tốt hơn trong công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ trong năm 2025 và các năm tiếp theo.

5) *Tự đánh giá*: Đạt, mức: 6/7.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1) *Mô tả hiện trạng*

Để quản trị kết quả đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên, Nhà trường đã ban hành các văn bản trong đó quy định rõ nhiệm vụ của nhân viên phục vụ đào tạo cũng như quy trình theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, điều này được thể hiện trong các quy định đánh giá mức độ hoàn thành công việc hàng năm của viên chức và người lao động thông qua các đầu mục công việc quy thành thang điểm [H1.07.05.01], [H1.07.05.02].

Bên cạnh đó, thống kê công việc theo chức năng nhiệm vụ, phân nhóm công việc, danh mục vị trí việc làm và mô tả công việc của từng vị trí việc làm, trong đó mô tả cụ thể rõ ràng công việc chính phải làm và sản phẩm đầu ra của từng nhân viên hỗ trợ đào tạo và PVCĐ được ghi rõ trong Đề án vị trí việc làm của Trường [H1.07.05.03], [H1.07.05.04]. Từ đó, Nhà Trường, các Phòng ban và Khoa Môi trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể cho từng năm học và nhân viên cũng căn cứ vào vị trí việc làm để cụ thể để hoàn thành khối lượng công việc theo đúng tiến độ, thời gian nhằm hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCĐ tốt nhất [H1.07.05.15] [H1.07.05.16]. Trường Khoa chịu trách nhiệm phân công, theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của từng nhân viên dựa trên khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công cho nhân viên theo kế hoạch công tác cũng như được quy định rõ trong đề án vị trí việc làm [H1.07.05.03], [H1.07.05.04].

Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá thực hiện nhiệm vụ của nhân viên, Nhà trường có các hình thức khen thưởng và công nhận danh hiệu thi đua đối với các cá nhân có thành

tích xuất dựa trên các tiêu chuẩn cụ thể [H1.07.05.05], [H1.07.05.06], [H1.07.05.07]. Ngoài ra, Nhà trường còn có Quy định về việc xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được giao đối với các viên chức đạt được các danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp, được nhận bằng khen cấp Bộ, cấp ĐHQGHN nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ viên chức phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H1.07.05.08].

Kết quả đánh giá hàng năm, đội ngũ nhân viên của Khoa Môi trường đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, có nhiều cá nhân được nhận danh hiệu thi đua, giấy khen, bằng khen của Hiệu trưởng, của Giám đốc ĐHQGHN, của công đoàn... [H1.07.05.09], [H1.07.05.10], [H1.07.05.11]. Năm học 2022-2023, Khoa Môi trường có 100% nhân viên hỗ trợ đạt lao động xuất sắc, 01 Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và 01 Giấy khen Hiệu trưởng.... Ngoài những khen thưởng liên quan đến hỗ trợ đào tạo và NCKH cho Khoa Môi trường, cán bộ hỗ trợ còn tích cực trong các hoạt động phục vụ cộng đồng và đã có những khen thưởng xứng đáng như Bằng khen của GD ĐHQGHN đạt thành tích xuất sắc trong công tác, phòng, chống dịch bệnh Covid-19 năm 2021 [H1.07.05.12], Giấy khen công đoàn Trường ĐHKHTN cho cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động Công đoàn [H1.07.05.09].

Trong dịp tổng kết hàng năm, Ban thi đua khen thưởng của Khoa luôn có những công nhận và điểm khuyến khích cho nhân viên hỗ trợ. Những nhân viên có kết quả làm việc tốt đáp ứng các tiêu chuẩn trong Quy định về nâng lương thường xuyên, nâng lương trước hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với công chức, viên chức trong trường ĐHKHTN sẽ được xét nâng lương trước hạn [H1.07.05.13] .

Tuy nhiên, số lượng cán bộ đạt các danh hiệu thi đua cấp cao còn hạn chế, các sáng kiến chủ yếu là Giảng viên đăng ký, chưa có sáng kiến về mặt hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCĐ được đăng ký tại Khoa. Đây cũng là 1 yếu tố hạn chế việc đăng ký khen thưởng, thi đua các cấp của cán bộ hỗ trợ. Việc đánh giá hiệu quả công việc của viên chức được Nhà trường thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo khách quan, công bằng và chính xác. Các quy định về nhiệm vụ của nhân viên, cũng như các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá viên chức, thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn đều được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến

góp ý rộng rãi bằng văn bản hoặc thông qua các Hội nghị viên chức hàng năm trước khi chính thức ban hành hoặc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung [H1.07.05.14].

Quy trình trên đã giúp Nhà trường đạt được sự đồng thuận và thống nhất của đội ngũ viên chức về các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc. Tỷ lệ nhất trí cao trong các cuộc họp đánh giá, xếp loại viên chức và thi đua khen thưởng cho thấy sự hài lòng về việc đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên cũng như việc thi đua khen thưởng và công nhận của Khoa, Trường đối với nhân viên. Ngoài ra, thông qua các kỳ hội nghị công chức, viên chức cấp Khoa, đại biểu cấp Trường, viên chức và người lao động được tham gia phát biểu ý kiến và được giải đáp đầy đủ các thắc mắc về các chế độ, chính sách của Nhà trường [H1.07.05.17] Nhân viên hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền. Trong các năm qua không xuất hiện các đơn từ, khiếu nại về các kết quả đánh giá đối với cán bộ hỗ trợ của Khoa cũng như của Nhà trường.

2) Điểm mạnh

Nhà trường đã có quy định, cơ chế khen thưởng cụ thể, rõ ràng và công khai giúp cho việc đánh giá, động viên, khen thưởng đúng người đúng việc đã làm cho tinh thần chuyên viên, nhân viên ngày càng được nâng cao, từ đó tạo động lực và hỗ trợ tốt cho đào tạo, NCKH và PVCĐ.

3) Điểm tồn tại

Mặc dù các nhân viên hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ đã tích cực trong triển khai các công việc song còn họ còn khiêm tốn trong công tác đăng ký sáng kiến làm nền tảng đề xuất các hình thức khen thưởng.

4) Kế hoạch hành động

- Tiếp tục thực hiện tốt quy định, cơ chế khen thưởng cụ thể, rõ ràng và công khai
- Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa Môi trường cần tích cực, chủ động hơn trong công tác đăng ký sáng kiến để là cơ sở đề xuất các hình thức khen thưởng cao hơn trong các năm tiếp theo

5) *Tự đánh giá*: Đạt, mức: 6/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Trường ĐHKHTN và Khoa Môi trường đã quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD. Công tác tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai đảm bảo đúng quy trình và hiệu quả.

Năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được xác định rõ ràng, phù hợp với vị trí việc làm và có kinh nghiệm và được đánh giá, phân loại công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.

Nhà trường có những quy định, cơ chế khen thưởng và công nhận cụ thể, rõ ràng và công khai giúp cho việc quản trị kết quả làm việc của chuyên viên, nhân viên được hiệu quả hơn.

Tuy nhiên, cần nâng cao hơn nữa các chế độ, chính sách thu hút và đãi ngộ cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ; cần phát hành sổ tay nhân viên theo mẫu nhất định; cần định lượng cụ thể hiệu suất công việc của nhân viên hỗ trợ việc tổ chức các buổi tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn cho chuyên viên, nhân viên cần đa dạng, linh hoạt hơn trong các đợt sự cố bất thường như dịch bệnh; các nhân viên hỗ trợ cần chủ động hơn trong việc đăng ký sáng kiến làm nền tảng đề xuất các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác nhau. Tiêu chuẩn 7 có 5 tiêu chí, trong đó, 5 tiêu chí đều đạt mức 6/7 điểm

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Trường ĐHKHTN là trường đại học nghiên cứu, với truyền thống hơn 60 năm xây dựng và phát triển đã hình thành nên bản sắc văn hóa và triết lý phát triển với một hệ giá trị cốt lõi là "Chất lượng xuất sắc, đổi mới sáng tạo, trách nhiệm xã hội và hợp tác thân thiện". Để làm được điều đó, trường ĐHKHTN nói chung và Khoa Môi trường nói riêng luôn xác định chất lượng người học và các hoạt động hỗ trợ người học là khâu then chốt trong hoạt động đào tạo, trong đó đặc biệt chú ý tới các vấn đề như chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, phù hợp với quy định pháp luật, được điều chỉnh, cập nhật bổ sung và được công bố công khai hàng năm; Tiêu chí tuyển sinh và đối tượng ưu tiên luôn được rà

soát hàng năm và được xây dựng phù hợp với quy định, phù hợp với nhu cầu xã hội trên cơ sở ý kiến phải hỏi của các bên liên quan, đặc biệt là người học và nhà tuyển dụng;

Trường ĐHKHTN đã xây dựng được hệ thống, quy trình và có sự phân công rõ ràng trách nhiệm hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập ngay từ giai đoạn tuyển sinh và trong suốt quá trình đào tạo. Hệ thống giám sát, đánh giá tiến độ của người học cả về khối lượng lẫn chất lượng học tập được thiết lập; các hoạt động tư vấn, ngoại khóa và các hoạt động hỗ trợ khác cho người học được triển khai. Ngoài ra, môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của trường đã tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, NCKH và thiết lập sự thoải mái cho mỗi sinh viên.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1) Mô tả hiện trạng

Hàng năm Trường ĐHKHTN đều xây dựng và ban hành chính sách tuyển sinh rất rõ ràng, đúng quy định của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.01] và của ĐHQGHN. Điều này thể hiện rõ ràng trong các chính sách và đề án tuyển sinh hàng năm của Trường [H8.08.01.02].

Chính sách tuyển sinh cũng được cập nhật thường xuyên, một số chính sách tuyển sinh đối với ngành KH&CNTP được giữ ổn định qua các năm như (i) Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của Bộ GD&ĐT; (ii) Phạm vi tuyển sinh: Trong cả nước; (iii) Chính sách ưu tiên (Quy định của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN); (iv) Thời gian đào tạo là 04 năm. Một số quy định được rà soát, cập nhật và bổ sung theo quy định tuyển sinh theo Bộ GD&ĐT. Ví dụ như: Phương thức tuyển sinh: năm 2021, chỉ có 5 phương thức xét tuyển là (xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, xét tuyển theo đề án tuyển sinh, xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN [H8.08.01.02]). Năm 2022 và 2023, hình thức tuyển sinh đa dạng hơn, với việc bổ sung thêm phương thức xét tuyển qua chứng chỉ quốc tế (SAT, A - level, IELTS, ACT...) giúp đa dạng hơn đầu vào và chọn được đúng thí sinh có nguyện vọng đăng ký học chương trình hơn [H8.08.01.03]. Đối với các quy định về (iv) Chỉ tiêu tuyển sinh; (v) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào [H8.08.01.04] cũng được rà soát và điều chỉnh hàng năm cho phù hợp

theo quy định của ĐHQGHN và theo nhu cầu xã hội. Tất cả các thông tin này đều được công bố trong đề án tuyển sinh hàng năm [H8.08.01.02] và được công khai trên các trang thông tin điện tử của Bộ GD&ĐT (www.tuyensinh.moet.gov.vn), cổng thông tin của ĐHQGHN (<https://vnu.edu.vn/home/>), trên website tuyển sinh của Trường ĐHKHTN (<http://tuyensinh.hus.vnu.edu.vn/>) [H8.08.01.05]; website Khoa Môi trường (<https://fes.hus.vnu.edu.vn/>)[H8.08.01.06]; các tờ rơi[H8.08.01.07] hoặc các kênh truyền thông như Youtube [H8.08.01.08] và qua các buổi tư vấn tuyển sinh trực tiếp [H8.08.01.09].

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức họp với các đơn vị chức năng để xây dựng kế hoạch tuyển sinh, xác định chỉ tiêu tuyển sinh; đối tượng tuyển sinh, xây dựng chính sách và quy định tuyển sinh, quy trình đánh giá đầu vào,... sau đó lấy ý kiến của các bên liên quan trước khi tiến hành cập nhật thông tin tuyển sinh trên các trang thông báo tuyển sinh đã được công bố [H8.08.01.10]; Việc tư vấn tuyển sinh và tuyển cũng được chuyển đổi từ hình thức trực tiếp sang hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến. Quá trình tư vấn tuyển sinh trên trang web, Zoom và Facebook luôn có sự tham gia của đại diện Ban lãnh đạo Khoa, các cán bộ liên đến quảng bá tuyển sinh [H8.08.01.010]

Kết quả tuyển sinh ngành KH&CNTP trong chu kỳ đánh giá thể hiện qua số thí sinh nhập học trên tổng trúng tuyển trên chỉ tiêu, cụ thể: được mô tả ở bảng 8.1

Bảng 8.1. Tình hình tuyển sinh ngành KH&CNTP từ khi thành lập đến nay

Khóa tuyển sinh	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2020-2021	631/50	104	16,5	90	24,4	25.9	0

2021-2022	658/70	128	19,5	93	25,45	25,9	0
2022-2023	773/70	83	10,7	80	24,7	25,5	0
2023-2024	782/75	91	11,6	88	24,35	24,91	0

2) Điểm mạnh

Hàng năm Nhà trường đều xây dựng và ban hành chính sách tuyển sinh rõ ràng theo quy chế của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN. Các chính sách tuyển sinh được đề cập rõ trong đề án tuyển sinh của Trường, được rà soát, cập nhật hàng năm theo đúng quy định và được công bố công khai tới các bên liên quan. Chính sách tuyển sinh hàng năm đều được Hội đồng tuyển sinh Nhà trường rà soát và thống nhất.

3) Điểm tồn tại

Nhà trường và Khoa Môi trường chưa xây dựng được đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp để làm công tác quảng bá tuyển sinh (các cán bộ đều là kiêm nhiệm), điều này phần nào cũng sẽ hạn chế công tác quảng bá tuyển sinh.

4) Kế hoạch hành động

Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp làm công tác quảng bá tuyển sinh

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 6/7.

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1) Mô tả hiện trạng

Hàng năm Nhà trường đều xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển sinh rõ ràng cho từng ngành đào tạo (trong đó có ngành KH&CNTTP) được quy định cụ thể trong đề án tuyển sinh. Tiêu chí tuyển sinh được dựa trên hai hình thức chính là thi tuyển và xét tuyển: Năm 2020, xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo đề án tuyển sinh và theo kết quả kỳ thi THPT Quốc gia [H8.08.02.01]; Năm 2021 bổ sung kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ

chức [H8.08.02.02]. Năm 2022 và 2023, hình thức tuyển sinh đa dạng hơn, gồm 06 phương thức: (1) Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT (Điều 8); (2) Xét tuyển thẳng theo Đề án của Trường ĐHKHTN; (3) Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT (với các tổ hợp A00; A01; B00 và D07 đối với ngành KH&CNTTP) với ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐHQGHN quy định; (4) Kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức với ngưỡng điểm xét tối thiểu đạt 80/150); (5) Sử dụng chứng chỉ quốc tế để xét tuyển: với chứng chỉ A-Level được cấp bởi Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge (trong đó bắt buộc có môn Toán hoặc Ngữ văn theo các tổ hợp quy định của ngành đào tạo tương ứng đảm bảo mức điểm mỗi môn thi đạt từ 60/100 điểm trở lên (tương ứng điểm C, PUM range ≥ 60); kết quả thi chuẩn hóa SAT (đạt điểm từ 1100/1600 trở lên) và kết quả kỳ thi chuẩn hóa ACT (đạt điểm từ 22/36); và (6) Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế: có chứng chỉ IELTS từ 5,5 trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương và tổng điểm 02 môn trong tổ hợp xét tuyển của kỳ thi tốt nghiệp THPT đạt tối thiểu 14 điểm (trong đó bắt buộc có môn Toán) [H8.08.02.03].

Bảng 8.2. Tỷ lệ thí sinh trúng tuyển so với chỉ tiêu tuyển sinh, tỷ lệ thí sinh trúng tuyển nhập học [và điểm chuẩn của ngành KH&CNTTP]

Năm học	Tỷ lệ thí sinh trúng tuyển so với chỉ tiêu tuyển sinh	Tỷ lệ thí sinh nhập học so với chỉ tiêu tuyển sinh	Điểm trúng tuyển của ngành/điểm trung bình của SV nhập học
2020 – 2021	208,0 % (104/50)	180,0 % (90/50)	24,4/25,9
2021 – 2022	182,9 % (128/70)	131,4 % (92/70)	25,45/25,9
2022 – 2023	118,6 % (83/70)	114,3 % (80/70)	24,7/25,5
2023 - 2024	121,3 % (91/75)	117,3 % (88/75)	24,35/24,9

Với mỗi phương thức xét tuyển theo Đề án của Trường, dựa trên số chỉ tiêu tuyển sinh, mỗi phương thức xét tuyển đều được phân bổ chỉ tiêu cho từng phương thức. Cụ thể, năm 2023, Tổng chỉ tiêu tuyển sinh của ngành KH&CNTTP là 75, trong đó xét tuyển thẳng

theo quy chế tuyển sinh là 2 chỉ tiêu; Xét tuyển thẳng theo đề án của Trường ĐHKHTN là 3 chỉ tiêu; xét kết quả thi tốt nghiệp THPT là 45 chỉ tiêu; thi đánh giá năng lực là 23 chỉ tiêu; sử dụng chứng chỉ quốc tế để xét tuyển: 1 chỉ tiêu và sử dụng kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế là 1 chỉ tiêu [H8.08.02.03].

Các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh của Nhà trường luôn được rà soát, đánh giá hằng năm. Sau mỗi đợt tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh Nhà trường phối hợp các Khoa và Phòng Đào tạo tiến hành rà soát, kiểm tra, đánh giá, tổng kết các hoạt động trong công tác tuyển sinh, chỉ ra những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc, từ đó rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời trong phương hướng tuyển sinh năm học tiếp theo [H8.08.02.04]. Ngoài ra, để góp phần đảm bảo số lượng và chất lượng đầu vào, Trường ĐHKHTN và Khoa Môi trường đều lên kế hoạch quảng bá, truyền thông cho công tác tuyển sinh như thành lập Tổ tư vấn tuyển sinh [H8.08.02.05] và phối hợp thực hiện các chương trình tư vấn tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.02.06]. Đồng thời, Khoa cũng đã chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động tuyên truyền, quảng bá về CTĐT ngành KH&CNTP cho học sinh tại các trường THPT; tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp cho hàng ngàn lượt học sinh, phụ huynh và các đối tượng quan tâm khác về thủ tục đăng ký dự tuyển, CTĐT, cơ hội việc làm [H8.08.02.07].

Hàng năm, ĐHQGHN cũng đã ban hành đầy đủ và kịp thời văn bản Hướng dẫn Công tác tuyển sinh đại học chính quy [H8.08.02.08] và Hội đồng Tuyển sinh được Hiệu trưởng Trường ĐHKHTN thành lập để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh [H8.08.02.09]. Hoạt động thanh tra tuyển sinh được thực hiện theo quy định hiện hành về tổ chức và hoạt động thanh tra các kỳ thi của Bộ GD&ĐT.

Để đảm bảo cho các thí sinh trúng tuyển vào CTĐT được nhập học đúng quy định [H8.08.02.08], Trường ĐHKHTN đã kịp thời ban hành các quyết định phê duyệt danh sách các thí sinh trúng tuyển đại học chính quy hàng năm [H8.08.02.10], thông báo kết quả trúng tuyển và hướng dẫn thí sinh trúng tuyển làm thủ tục nhập học [H8.08.02.11].

2) Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng theo đúng

yêu cầu của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN. Đồng thời, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được thường xuyên đánh giá và cập nhật theo quy định của Bộ GD&ĐT.

3) Điểm tồn tại

Việc khảo sát CBLQ về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH còn chưa thường xuyên. Trong các tiêu chí tuyển chọn người học hàng năm của Nhà trường nói chung và của CTĐT ngành KH&CNTP nói riêng, chủ yếu hướng đến thực hiện đúng các quy định của Bộ GD&ĐT, chưa triển khai khảo sát đối tượng các CBQL là các trường THPT để có đánh giá khách quan hơn về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn.

4) Kế hoạch hành động

Triển khai nghiên cứu và tham khảo rộng rãi ý kiến của thị trường lao động và nhu cầu của học sinh các trường THPT để đưa ra các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học phù hợp với đặc thù của ngành mà vẫn đảm bảo số lượng và chất lượng tuyển sinh.

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 6/7.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1) Mô tả hiện trạng

Giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học là một trong những nội dung quan trọng và được xác định là “*một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ĐHQGHN, bao gồm tổng thể các hoạt động giáo dục đào tạo, tuyên truyền, quản lý, dịch vụ, tư vấn, hướng nghiệp, hỗ trợ, chăm sóc toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của sinh viên*” [H8.08.03.01]. Đối với chương trình đào tạo ngành KH&CNTP, Trường ĐHKHTN đã xây dựng, ban hành và áp dụng hệ thống giám sát tiến độ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học [H8.08.03.01, H8.08.03.02]. Sự đánh giá tiến bộ của người học được thực hiện theo Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy [H8.08.03.03].

Nhà trường có bộ phận/cán bộ chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH, cảnh báo học vụ là Phòng

Đào tạo [H8.08.03.04]. Phòng Đào tạo chủ trì tổ chức đăng ký, giám sát khối lượng học tập của NH trong từng học kỳ, chủ trì tổng hợp kết quả đánh giá trong học tập của NH, kịp thời phản hồi cho NH trên hệ thống phần mềm quản lý điểm; hệ thống giám sát còn có GVCN và CVHT, trợ lý giáo vụ khoa và cán bộ hỗ trợ của các đơn vị chức năng trong Trường. Ngoài ra SV có thể chủ động theo dõi KQHT qua hệ thống phần mềm cung cấp KQHT; kết quả chuyên cần từ phòng công tác SV từ P.CT&CTSV [H8.08.03.05].

Theo từng năm học, Nhà trường có quyết định phân công CVHT (3089/QĐ-ĐHKHTN-GVCN, ngày 09/11/2021; 2644/QĐ-ĐHKHTN-GVCN, ngày 01/10/2021; 3500/QĐ-ĐHKHTN-GVCN, ngày 07/11/2020; 2694/QĐ-ĐHKHTN-GVCN, ngày 08/9/2020) [H8.08.03.06] cho các lớp ngành KH&CNTP và tổ chức Hội nghị/tập huấn cho GV về công tác CVHT để rút kinh nghiệm trong công tác tư vấn và hỗ trợ SV, nhân rộng các điển hình tiên tiến, qua đó nâng cao chất lượng công tác quản lý SV [H8.08.03.07]. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức các buổi gặp gỡ, đối thoại giữa SV với Ban Giám hiệu, Ban Chủ nhiệm khoa và P.CT&CTSV, CVHT để giải đáp các thắc mắc của SV và có biện pháp hỗ trợ SV học tập khi gặp khó khăn (biên bản 4038/ĐHKHTN-ĐT 23/10/2015) [H8.08.03.08]

Nhà trường có quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện NH: Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ (số 5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/12/2014, số 3626/QĐ-ĐHQGHN ngày 21/10/2022) [H8.08.03.09]; Quy trình đánh giá điểm rèn luyện của SV (32/QĐ-ĐHQGHN, ngày 05/01/2017; 2644/ĐHKHTN-CTSV, ngày 01/10/2021); Quy chế công tác CVHT (2644/ĐHKHTN-CTSV, ngày 01/10/2021) [H8.08.03.01]. Cơ sở dữ liệu và điểm rèn luyện của NH trên phần mềm quản lý đào tạo [H8.08.03.10].

Sau mỗi học kỳ, Nhà trường đều rà soát, thông báo tới sinh viên và ban hành QĐ cảnh báo học vụ đối với sinh viên có kết quả học tập thấp (có điểm trung bình chung của học kỳ nhỏ hơn 1.00) [H8.08.03.11], quyết định thôi học đối với các sinh viên vi phạm kỷ luật theo quy chế đào tạo, sinh viên có kết quả học tập thấp đã bị cảnh báo học vụ 2 kỳ liên tiếp [H8.08.03.12]. Đối với CTĐT ngành KH&CNTP, thống kê cả 4 khóa sinh viên đang đào tạo, trong tổng số 351 sinh viên nhập học, chỉ có 4 sinh viên đang bảo lưu học tập, còn

lại 347 sinh viên đang tiếp tục học (không có sự viên nào bị buộc thôi học)

Bảng 8.3. Thống kê tình hình học tập của SV trong 5 năm gần đây theo khóa

Khóa đào tạo	Mã khóa	Số SV nhập học	Số SV tạm dừng/ bảo lưu	Số SV bị buộc thôi học	Số SV bị cảnh báo học vụ trong quá trình học tập	Số SV còn đang học
2020 - 2024	QH.2020	90	02	0	1	88
2021 – 2025	QH.2021	93	02	0	9	91
2022 – 2026	QH.2022	80	0	0	8	80
2023 – 2027	QH.2023	88	0	0	3	88
Tổng cộng		351	4	0	21	347

2) Điểm mạnh

CTĐT cử nhân KH&CNTTP có cấu trúc phù hợp, phân bổ hợp lý khối lượng học tập theo từng học kỳ, đảm bảo người có học hoàn toàn có khả năng hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Nhà trường có hệ thống các phòng ban chức năng, cán bộ chuyên trách được phân công đa tầng, sát sao và linh hoạt trong việc giám sát tiến độ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ. Quy trình giám sát được cấu trúc rõ ràng, khách quan và hiệu quả. Có cơ sở dữ liệu theo dõi tiến độ của người học trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp.

3) Điểm tồn tại

Trường ĐHKHTN chưa ban hành được quy trình cụ thể để theo dõi giám sát sự tiến bộ của người học.

4) Kế hoạch hành động

Nhà trường cần ban hành quy trình theo dõi giám sát sự tiến bộ của người học.

5) Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1) Mô tả hiện trạng

P.CT&CTSV được phân công là đầu mối lập kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ, tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua... và việc làm cho NH, sau đó sẽ kết hợp với Khoa để tổ chức các chương trình khác nhau [H8.08.04.01]. Đầu mỗi năm học, Phòng CT&CTSV đều tổ chức tuần sinh hoạt công dân cho tất cả sinh viên trong trường để hỗ trợ và phổ biến các quy chế, nội quy của nhà trường H8.08.04.02], trong năm học tổ chức các hoạt động giảng dạy chuyên đề nâng cao kỹ năng cho sinh viên [H8.08.04.03]. P.CT&CTSV còn thành lập văn phòng Hỗ trợ khởi nghiệp của Trường ĐHKHTN, kết hợp tổ chức Đoàn thanh niên và Hội SV, là đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho người học: tổ chức Hội thảo Kỹ năng và Phương pháp NCKH cho SV (Thông báo ngày 12/5/2022; số 3149/ĐHKHTN-NCKH ngày 15/11/2021; 260/ĐHKHTN-NCKH ngày 28/01/2021); Tọa đàm khởi nghiệp với SV “Tư ý tưởng khoa học công nghệ đến Startup kỳ lân”, chương trình trao đổi, thực tập trong và ngoài nước, hợp tác với doanh nghiệp, NSDLĐ; tăng cường kỹ năng mềm (Kế hoạch ngày 05/4/2022, số 1077/ĐHKHTN-CTSV, ngày 27/4/2022; số 10062020/CV, ngày 10/6/2020).

Mỗi lớp SV đều được phân công GV chủ nhiệm đồng thời là CVHT để hỗ trợ cho SV trong quá trình học tập, xây dựng kế hoạch học tập toàn khóa học, đăng ký HP, hướng dẫn, khuyến khích tạo điều kiện cho SV tham gia các hoạt động học thuật, NCKH, văn thể mỹ (số 226/KMT-GVCN, ngày 13/8/2018; 2456/ĐHKHTN-CTSV ngày 15/9/2021) [H8.08.04.04]. Cố vấn học tập sẽ tư vấn cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập toàn khóa

học, hướng dẫn sinh viên đăng ký học phần ở từng học kỳ để hoàn thành kế hoạch học tập; Thông qua kết quả rèn luyện, học tập của sinh viên, tư vấn cho sinh viên điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp với năng lực và hoàn cảnh cá nhân cụ thể; Hướng dẫn, khuyến khích tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các hoạt động học thuật, NCKH, các hoạt động văn thể mỹ lành mạnh, bổ ích; Hỗ trợ lãnh đạo Khoa và các đơn vị liên quan trong công tác quản lý sinh viên. Theo dõi sát tình hình của sinh viên, kịp thời đề xuất với Khoa về cách xử lý đối với những tình huống phát sinh trong quá trình đào tạo.

Phòng Đào tạo hỗ trợ NH trong tiến độ học tập trong từng học kỳ, đăng ký HP, xây dựng thời khóa biểu; Phòng KHCN hỗ trợ NH tham gia NCKH, hoạt động giao lưu với các đối tác nước ngoài; P.TTPC&ĐBCL phối hợp tham dự sinh hoạt, kiểm tra thực hiện sinh hoạt CVHT theo lịch và chuyển lại nội dung đến với SV [H8.08.04.01].

Đoàn Thanh niên, Hội SV thường niên tổ chức các hoạt động thể thao, phong trào cho SV, nhằm tạo điều kiện giao lưu giữa SV các khóa, các ngành đào tạo và giữa SV với GV, viên chức Trường như Tuần lễ Tự nhiên khỏe, các giải bóng đá, bóng bàn, cầu lông, tổ chức triển lãm... (54/KH-HSV ngày 27/4/2022; số 622/KH-TN-ĐHQGHN, ngày 12/11/2021) [H8.08.04.05]. Đoàn thanh niên đã thành lập hơn 30 câu lạc bộ để giúp SV có thể tham gia dễ dàng để tăng kỹ năng mềm và cả chuyên môn

Phòng Y tế hỗ trợ NH về tư vấn về tâm lý và sức khỏe, phòng dịch; Trường có cổng thông tin đào tạo đại học (<https://daotao.vnu.edu.vn/dkmh/login.asp>); web của Đại học Quốc gia (<http://www.vnu.edu.vn>), có đầy đủ các thông tin cần thiết cho SV như quy định đào tạo, các giấy tờ, biểu mẫu hành chính; Trung tâm Hỗ trợ SV (<http://css.vnu.edu.vn/>), và trang web của Khoa Môi trường (<https://fes.hus.vnu.edu.vn>).

Trường cũng đã luôn hỗ trợ học bổng khuyến khích học tập cho SV có KQHT cao cho một học kỳ với số tiền từ 850 - 1.500 ngàn đồng/01 SV) [H8.08.04.04].; hỗ trợ SV đạt giải NCKH từ 1 - 5 triệu đồng) [H8.08.04.05].; nhận học bổng của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước như học bổng Yamada, Mitsubishi, Honda) [H8.08.04.06]. Thống kê 4 khóa sinh viên ngành KH&CNTĐ đang học hiện nay, đã có 12 SV được nhận học bổng này; tham gia 21 đề tài NCKH, được công bố bài báo cùng với các thầy.

Đối với sinh viên ngành KH&CNTP, ngoài các hoạt động hỗ trợ trên, hàng năm, Khoa Môi trường đều triển khai nhiều hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa cho sinh viên [H8.08.04.07], Phối hợp với một số đơn vị bên ngoài trường (Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội) tổ chức các lớp học bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ về chế biến và kiểm nghiệm thực phẩm cho sinh viên [H8.08.04.08]. Tổ chức cho sinh viên đi thực tập trải nghiệm tại một số doanh nghiệp về chế biến thực phẩm (HABICO,...) [H8.08.04.09]. Sinh viên được đến các đơn vị kiểm nghiệm về an toàn thực phẩm để thực hành thực tập [H8.08.04.10], được gặp gỡ các nhà tuyển dụng để nghe giới thiệu về ngành nghề và các chính sách tuyển dụng [H8.08.04.10]. Đến nay, mặc dù ngành KH&CNTP chưa có sinh viên tốt nghiệp nhưng đã có khoảng hơn 10 sinh viên được doanh nghiệp sẵn sàng tuyển sinh khi sinh viên tốt nghiệp [H8.08.04.11].

**Bảng 8.2. Thống kê số người học đang học chương trình
(trong 5 năm học gần nhất)**

Năm học	Người học				Tổng số
	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	
2020-2021	90	0	0	0	90
2021-2022	93	90	0	0	183
2022-2023	80	91	88	0	259
2023-2024	88	80	91	88	347

2) Điểm mạnh

Có phân công cá nhân chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cho từng lớp, khóa đào tạo. Ngành KH&CNTP được các đơn vị nhà tuyển dụng bên ngoài đánh giá cao và đồng hành cùng Khoa Môi trường để hỗ trợ sinh viên thực hành, thực tập, tham quan trải nghiệm, đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp,...

3) Điểm tồn tại

Nhà trường chưa xây dựng được văn bản hướng dẫn cụ thể về quy trình thực hiện triển khai hoạt động hỗ trợ học tập, hoạt động ngoại khóa cho sinh viên.

4) Kế hoạch hành động

Xây dựng quy trình và hướng dẫn cụ thể để thực hiện triển khai hoạt động hỗ trợ, tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa cho sinh viên.

5) *Tự đánh giá*: Đạt, mức: 6/7.

Tiêu chí 8.5. Có môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1) Mô tả hiện trạng

Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN luôn hướng tới việc tạo môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường khuôn viên Nhà trường luôn được chú trọng đầu tư cải thiện tạo sự thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học. Các khu vực trong Trường đều có các chỉ dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho NH, cán bộ, GV, NV và người đến liên hệ công tác. Ký túc xá, thư viện, phòng học... được bố trí đầy đủ, liền kề đường giao thông chính với mạng lưới xe buýt, xe điện trên cao thuận tiện cho việc đi lại. [H8.08.05.01].

Cơ sở đào tạo cử nhân ngành KH&CNTTP đặt tại 334 Nguyễn Trãi, trong nội thành Hà Nội, liền kề đường giao thông chính với mạng lưới xe buýt, xe điện trên cao thuận tiện cho việc đi lại [H8.08.05.01].

Khu ký túc xá sinh viên tại Lương Thế Vinh cũng được đầu tư khang trang, tiện nghi, đảm bảo chiếu sáng thường xuyên. Trong khuôn viên KTX có hệ thống thư viện, ngân hàng tự động, dịch vụ căng tin, nhiều cây xanh, thoáng mát, có sân thể thao rộng đảm bảo nhu cầu học tập và rèn luyện thể thao, tiện ích cho sinh viên. Giờ đóng mở cửa ký túc xá được qui định rõ ràng và thực hiện nghiêm túc, an ninh trật tự được đảm bảo 24/24. Môi trường an ninh, xã hội nơi đây giúp cho các sinh viên hoàn toàn yên tâm trong quá trình học tập [H8.08.05.02]. Ngoài ra, khu vực làng sinh viên Hacinco, Phùng Khoang nơi sinh viên thuê trọ an ninh được đảm bảo, chưa xảy ra vụ việc gì nghiêm trọng.

Hệ thống Wifi được lắp trong toàn bộ khuôn viên của nhà Trường và mỗi SV đều được cấp tài khoản để được truy cập internet miễn phí trong quá trình học tập tại Trường. Năm mấy năm vừa qua, nhà Trường đã đầu tư cải tạo, nâng cấp mới nhiều khu giảng đường, khu hành chính, khuôn viên, căng tin có trang bị internet [H8.08.05.01]. Bên cạnh đó, Khoa Môi trường cũng có hệ thống trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học riêng [H8.08.05.03].

Trường ĐHKHTN luôn tạo môi trường tâm lý, xã hội thuận lợi, thoải mái cho sinh viên. Sinh viên được tự do lựa chọn ngành học, hướng nghiên cứu chuyên sâu phù hợp; tham gia hội nghị khoa học sinh viên hàng năm, được khuyến khích phát huy năng lực sáng tạo trong chuyên môn; được phản ánh các ý kiến cá nhân thông qua nhiều hình thức khác nhau như hội thảo, đối thoại, trao đổi với giáo viên chủ nhiệm, thư góp ý, email,... Sinh viên được tự do sinh hoạt văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí ở các khuôn viên chung của ĐHQGHN và của Trường ĐHKHTN tại các cơ sở 334 Nguyễn Trãi, 19 Lê Thánh Tông và Xuân Thủy, Hà Nội [H8.08.05.01].

Để giúp cho người học ổn định đời sống, tâm lý và các điều kiện khác để tập trung vào học tập và nghiên cứu, rèn luyện, cùng với Nhà trường, Khoa Môi trường đã rất quan tâm thực hiện quy định về chính sách xã hội đối với người học (trợ cấp, miễn giảm học phí cho sinh viên chính sách được thực hiện hàng kỳ). Những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn nhưng vượt khó vươn lên trong học tập cũng rất được quan tâm và có các biện pháp hỗ trợ (học bổng dành cho sinh viên khó khăn học tập tốt) [H8.08.05.04]. Đặc biệt trong giai đoạn xảy ra đại dịch Covid-19 vừa qua, khi Hà Nội thực hiện việc giãn cách xã hội, nhiều SV không kịp về quê, buộc phải ở lại Hà Nội và gặp nhiều khó khăn trong sinh hoạt. Nhà trường đã phối hợp với Công đoàn Trường có các hỗ trợ về tài chính với gần 70 sinh viên bị ảnh hưởng bởi Covid trong thời gian cách ly tại Trường, vượt qua khó khăn. Công đoàn Khoa Môi trường cũng đã kêu gọi và quyên góp, có các suất học bổng để hỗ trợ và động viên các sinh viên nghèo vượt khó cũng như sinh viên bị ảnh hưởng bởi covid [H8.08.05.04].

Ngoài ra, các quy định về chăm sóc sức khỏe cho sinh viên cũng được triển khai thường xuyên thông qua hệ thống bảo hiểm y tế bắt buộc, các kỳ khám sức khỏe hàng năm,

tại hệ thống phòng trực y tế, bệnh viện ĐHQGHN [H8.08.05.05].

Nhà trường có chính sách hỗ trợ cho người có hoàn cảnh khó khăn 5.000.000 đồng/người khi có dịch covid (QĐ số 3553/ĐHKHTN-TCCBHC, ngày 20/12/2021).

Nhà trường có chính sách hỗ trợ cho người có hoàn cảnh khó khăn 5.000.000 đồng/người khi có dịch covid (QĐ số 3553/ĐHKHTN-TCCBHC, ngày 20/12/2021). Nhà trường có quy định về Quy tắc ứng xử văn hóa trong công tác SV; Nội quy của Nhà trường (số 32/QĐ-ĐHQGHN, ngày 05/01/2017). Các phòng học, phòng làm việc, phòng thực hành, thí nghiệm, thư viện... đều có nội quy, chỉ dẫn và được bố trí khoa học đã tạo được cảm giác thoải mái và thân thiện cho NH, cán bộ, GV, NV và người đến liên hệ công tác.

Nhằm nâng cao đời sống văn hóa, thể chất, tinh thần của sinh viên, các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao: giải bóng đá, chào tân sinh viên, câu lạc bộ tiếng Anh môi trường... là những hoạt động được Khoa, Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên tổ chức thường xuyên. Một số hoạt động khác như Hiến máu nhân đạo, Mùa hè tình nguyện, Ngày Trái Đất cũng thường xuyên được tổ chức giúp nâng cao trách nhiệm của sinh viên với cộng đồng [H8.08.05.06].

Công tác an ninh, phòng cháy chữa cháy đảm bảo phục vụ hiệu quả các hoạt động giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên. Nhà trường có tổ bảo vệ trực 24/24 giờ trong khu vực làm việc và khu vực giảng đường [H8.08.05.07]. Cho đến nay chưa có vấn đề gì xảy ra.

Công tác vệ sinh trường học, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm, đảm bảo chất lượng nước được Nhà trường luôn đảm bảo [H8.08.05.08]. Trong tình hình dịch bệnh Covid-19, Nhà trường kịp thời cập nhật thông tin, triển khai các kế hoạch đảm bảo an toàn cho sinh viên, học viên [H8.08.05.08]. Các biện pháp phòng dịch, chuẩn bị cơ sở vật chất cần thiết đảm bảo vệ sinh phòng chống dịch bệnh và giám sát, báo cáo thường xuyên tình hình phòng chống dịch được triển khai thực hiện. Tại cổng trường, hành lang phòng học, cầu thang máy, căng tin, nhà vệ sinh đều được bố trí cồn sát trùng đảm bảo vệ sinh. Trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội, để hỗ trợ sinh viên học tập, Nhà trường đã triển khai đào tạo trực tuyến đảm bảo chương trình học và an toàn cho sinh viên.

Nhà trường luôn gửi phiếu đánh giá online khảo sát ý kiến của sinh viên và các bên liên quan về chất lượng và các hoạt động hỗ trợ người học, tiện ích dành cho học tập, nghiên cứu và chăm sóc sức khỏe cũng như môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan [H8.08.05.09]. Kết quả khảo sát lấy ý kiến năm 2023, mức độ đánh giá của người học về chất lượng hoạt động hỗ trợ của ký túc xá đạt 4.37-4.43 trên thang điểm 5; hoạt động hỗ trợ người học đạt từ 3.75-4.19/5 điểm; hoạt động khám chữa bệnh tại các phòng khám của bệnh viện ĐHQGHN đạt từ 3.97-4.0/5 điểm. Trên cơ sở, phân tích những ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan, Nhà Trường và Khoa tiếp thu và đề xuất phương án giải quyết phù hợp, kịp thời để góp phần tích cực giúp người học cũng như đội ngũ cán bộ giảng viên yên tâm công tác, tạo môi trường sư phạm tốt, đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng. Nhìn chung các hoạt động hỗ trợ người học được đánh giá là đáp ứng khá đầy đủ được nhu cầu của sinh viên.

2) Điểm mạnh

Sinh viên ngành KH&CNTTP được học tập trong môi trường làm việc thân thiện, an ninh, an toàn được đảm bảo nhờ sự phối hợp trách nhiệm của Nhà trường, Đoàn Trường, Khoa Môi trường và các cơ quan chức năng trên địa bàn, với Trạm y tế, Trung tâm dịch vụ trường học. Cảnh quan sư phạm của cơ sở đào tạo sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh. Sinh viên có được tâm lý thoải mái trong hoạt động học tập và tích cực tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa.

3) Điểm tồn tại

Do điều kiện về cơ sở hạ tầng nên hiện tại SV thiếu các điều kiện về sân chơi thể thao và không gian tổ chức các hoạt động tập thể cho sinh viên tại cơ sở chính 334 Nguyễn Trãi.

Hoạt động tư vấn học đường như tư vấn sức khỏe tâm lý còn hạn chế.

4) Kế hoạch hành động

Tiếp tục đầu tư nâng cao điều kiện về cơ sở vật chất, cải thiện môi trường học tập cho sinh viên. Triển khai thêm nhiều hoạt động tư vấn tâm lý học đường cho sinh viên

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 6/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Chất lượng người học và các hoạt hỗ trợ người học được Trường ĐHKHTN và Khoa Môi trường xác định là khâu then chốt trọng hoạt động đào tạo. Trong đó có các điểm nổi bật, cụ thể như:

Đề án và Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, phù hợp với quy định pháp luật, được công bố công khai và được cập nhật hàng năm. Tiêu chí tuyển sinh, đối tượng ưu tiên được xác định phù hợp quy định, có sự tham gia của các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động; Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng, được quy định cụ thể trong đề án tuyển sinh hàng năm; được rà soát, đánh giá hàng năm thông qua Hội đồng tuyển sinh và góp ý của Khoa.

Nhà trường có hệ thống các phòng ban chức năng, cán bộ chuyên trách được phân cụ thể trong việc giám sát tiến độ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ. Quy trình giám sát được cấu trúc rõ ràng, khách quan và hiệu quả. Có phần mềm theo dõi tiến độ của người học trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp

Nhà trường có sự phân công trách nhiệm tới từng đơn vị trong việc hỗ trợ sinh viên trong học tập, nghiên cứu và môi trường làm việc. Sinh viên ngành KH&CNTĐ được các đơn vị nhà tuyển dụng bên ngoài đánh giá cao và đồng hành cùng Khoa Môi trường để hỗ trợ sinh viên thực hành, thực tập, tham quan trải nghiệm, đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp,...

Nhà trường có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu cho NH và CBLQ.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Chưa xây dựng được đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp để làm công tác quảng bá tuyển sinh;

Việc khảo sát CBLQ về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH chưa được thường xuyên, chưa triển khai khảo sát đối tượng các BQL các trường THPT để có đánh giá khách quan hơn.

Nhà trường chưa ban hành Quy trình theo dõi giám sát sự tiến bộ của NH;

Nhà trường chưa xây dựng được văn bản hướng dẫn cụ thể về quy trình thực hiện triển khai hoạt động hỗ trợ học tập, hoạt động ngoại khóa cho sinh viên.

Do điều kiện về cơ sở hạ tầng nên hiện tại SV thiếu các điều kiện về sân chơi thể thao và không gian tổ chức các hoạt động tập thể cho sinh viên tại cơ sở chính 334 Nguyễn Trãi. Hoạt động tư vấn học đường như tư vấn sức khỏe tâm lý còn hạn chế.

- Kiến nghị đối với CTĐT

Nhà trường cần xây dựng một đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp làm công tác quảng bá tuyển sinh;

Thực hiện khảo sát và thu thập thông tin thường xuyên, từ các nguồn khác nhau như nhà tuyển dụng, học sinh các trường THPT để đưa ra các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học phù hợp với đặc thù của ngành mà vẫn đảm bảo số lượng và chất lượng tuyển sinh.

Nhà trường nên ban hành Quy trình theo dõi giám sát sự tiến bộ của NH.

Xây dựng quy trình và hướng dẫn cụ thể để thực hiện triển khai hoạt động hỗ trợ, tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa cho sinh viên

Tiếp tục đầu tư nâng cao điều kiện về cơ sở vật chất, cải thiện môi trường học tập cho sinh viên. Triển khai thêm nhiều hoạt động tư vấn tâm lý sức khỏe tâm lý học đường cho sinh viên.

Tiêu chuẩn 8 có 5 tiêu chí, đều được đánh giá ở mức đạt, trong đó tiêu chí 8.1, 8.2, 8.3 và 8.5 được đánh giá ở mức điểm 6/7; tiêu chí 8.4 được đánh giá ở mức điểm 5/7.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên là một trong những trường hàng đầu của cả nước đào tạo về nghiên cứu khoa học cơ bản nên cơ sở vật chất và trang thiết bị của Nhà trường luôn luôn được đầu tư, nâng cấp đảm bảo điều kiện tốt nhất cho đào tạo và nghiên cứu khoa học. Khoa học và Công nghệ thực phẩm là khoa học liên ngành có tính ứng dụng cao và có mối liên kết, liên quan đến nhiều ngành khác trong Trường; do đó, cơ sở vật chất và trang thiết bị cho giảng dạy, nghiên cứu khoa học cũng như điều kiện thực hành thí nghiệm đóng vai trò vô cùng quan trọng. Vì vậy, các chủ trương, chính sách của ĐHKHTN và Khoa Môi trường luôn hướng đến việc xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị tốt hơn để đạt được các mục tiêu của chương trình. Cùng với việc đầu tư các trang thiết bị, thư viện của Trường và Khoa được đầu tư hiện đại và luôn luôn phục vụ nhu cầu đọc của cán bộ và sinh viên với những đầu sách giáo trình và tài liệu tham khảo đầy đủ và rất phong phú.

Bên cạnh công tác đầu tư và cải tạo cơ sở vật chất và trang thiết bị thì Nhà trường đã từng bước tăng cường công tác quản lý và khai thác, sử dụng hiệu quả các trang thiết bị đã được đầu tư.

Tiêu chí: 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1) Mô tả

Tổng diện tích Trường ĐHKHTN đang quản lý sử dụng là 27.440 m², với tổng diện tích mặt sàn là xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học là 42.379,99 m². Nhà trường có 3 cơ sở đào tạo trong đó trụ sở chính tại 334 Nguyễn Trãi có diện tích 28.560,81m², tại 19 Lê Thánh Tông có diện tích 6.303,96m², tại 182 Lương Thế Vinh có diện tích 7.533,21m². Trường ĐHKHTN hàng năm tiếp nhận khoảng 1.500 sinh viên và có hơn 7.500 chỗ ngồi dành cho sinh viên, đạt tỷ lệ diện tích đất/ tổng số người học là 3,71m², tỷ lệ diện tích sàn/ tổng số người học là 5,74m² [H1.09.01.01]; diện tích sử dụng dành cho người học của Nhà trường đã đủ để đáp ứng theo yêu cầu. Trường ĐHKHTN có 149 giảng đường, lớp học, 02 phòng tự học với tổng diện tích giảng đường và phòng tự học là 7.505 m². Các phòng học này có thể đáp ứng từ 30 đến 150 chỗ ngồi với công suất sử dụng của các giảng đường đạt 97% và diện tích trung bình giảng đường dành cho mỗi sinh viên là 0,4 m²/sinh viên [H1.09.01.01], đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo Quyết định số 64/2013/QĐ-TTg ngày

11/11/2013. Nhà trường hiện đang quản lý và điều phối các giảng đường học chung cho các Khoa trong trường trong đó có ngành KH&CNTP. Bên cạnh việc đảm bảo đầy đủ về diện tích và hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp thì các phòng học chuẩn đều được trang bị đầy đủ máy chiếu, phong chiếu, bảng trắng (hoặc bảng đen), internet, điều hòa nhiệt độ và thiết bị âm thanh, ánh sáng góp phần hỗ trợ tốt nhất cho giảng dạy [H1.09.01.02]. Đặc biệt Nhà trường còn đầu tư các phòng học thông minh tại tầng 3 nhà T5 phục vụ các hoạt động đào tạo nâng cao chất lượng, tại đó được lắp đặt thêm bảng cảm ứng có thể hỗ trợ giảng viên rất nhiều trong việc nâng cao hiệu quả giảng dạy thông qua các hiệu ứng của bảng. Bên cạnh đó Nhà trường còn có các phòng Hội thảo, phòng tự học, phòng máy tính riêng để đáp ứng yêu cầu của các học phần liên quan đến tin học. Phòng hội thảo khoa học rất đa dạng và phong phú đáp ứng nhu cầu Seminar theo nhóm nhỏ tại từng các bộ môn hay hội thảo lớn toàn trường tại tầng 7 nhà T5. Đặc biệt các phòng hội thảo P418T1, P301T1, P401T1 được trang bị hệ thống trang thiết bị đáp ứng được nhu cầu hội thảo và hội họp trực tuyến [H1.09.01.02].

Khoa Môi trường hiện có 6 Bộ môn, 1 PTN Nghiên cứu Môi trường và 1 PTN Công nghệ Môi trường xanh và tái chế chất thải, mỗi Bộ môn và PTN được bố trí từ 01 đến 04 phòng làm việc trong đó có ít nhất 01 phòng thí nghiệm chuyên đề/ phòng chuyên đề để thuận lợi cho việc học chuyên đề chuyên sâu và lý thuyết phục vụ thực hành, thực tập. Các phòng làm việc này có diện tích từ 30 đến 60 m² (bình quân 4m²/người), được trang bị đầy đủ bàn làm việc, tủ tài liệu, máy vi tính có kết nối Internet, máy chiếu, máy in, mạng wifi toàn trường ... Các trang thiết bị và phòng làm việc này phù hợp với định mức theo quy định của Nhà trường để đáp ứng cơ sở vật chất (CSVC) tốt nhất cho giảng viên, cán bộ công nhân viên (CBCNV) làm việc và giảng dạy. Bên cạnh đó Khoa còn có 01 phòng thực hành máy tính (P407T2) có diện tích 50m² được trang bị 30 máy tính kết nối internet, 01 phòng thư viện (P401T2) diện tích 25 m²; và 01 phòng Hội thảo có sức chứa khoảng 50 người (P405T2) được trang bị đầy đủ các trang thiết bị hiện đại như âm thanh, ánh sáng, máy chiếu, máy tính, Internet, wifi, camera, tivi, loa, mic, thiết bị họp trực tuyến ... hoàn toàn có thể đáp ứng được nhu cầu tổ chức hội thảo khoa học trong và ngoài nước, phục vụ công tác giảng dạy chất lượng cao, trực tuyến, bảo vệ luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp [H1.09.01.02]. Bên cạnh đó, sinh viên ngành KH&CNTP có thể sử dụng phòng

học, các phòng thí nghiệm tại các đơn vị có ký kết phối hợp đào tạo với Khoa như: Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ - Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Kiểm nghiệm An toàn Vệ sinh Quốc Gia, Viện Công nghiệp thực phẩm **[H1.09.01.03]**.

Để hỗ trợ tốt nhất cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, Nhà trường có 9 phòng ban chức năng khác nhau bao gồm: Phòng Chính trị và Công tác sinh viên; Phòng Đào tạo; Phòng hợp tác và Phát triển; Phòng Khoa học - Công nghệ; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Quản trị - Bảo vệ; Phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính; Phòng Thanh tra pháp chế và Đảm bảo chất lượng; Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông **[H1.09.01.04]**. Các phòng chức năng này đều được trang bị đầy đủ các trang thiết bị-như: máy tính, internet, wifi, điều hòa nhiệt độ, hệ thống ánh sáng và một số phần mềm chuyên dụng như: phần mềm e-office, phần mềm kế toán, phần mềm đăng ký học theo tín chỉ, phần mềm quản lý và tra cứu điểm, phần mềm thống kê các phiếu đánh giá, phản hồi của sinh viên về chương trình học, giảng viên, cơ sở vật chất và phòng ban phục vụ **[H1.09.01.05]**.

Cùng với các Phòng ban chức năng hỗ trợ công tác đào tạo thì Nhà trường cũng có hệ thống các Trung tâm nghiên cứu để hỗ trợ các Cán bộ trong việc nghiên cứu khoa học, triển khai các đề tài trong và ngoài nước giúp nâng cao năng lực nghiên cứu và hỗ trợ đào tạo cho giảng viên; ngành KH&CNTP có các đề tài và một số môn học tại Trung tâm nghiên cứu Công nghệ môi trường và phát triển bền vững, **[H1.09.01.06]**.

Để quản lý và phản hồi hiệu quả sử dụng của các trang thiết bị phục vụ đào tạo, tại các khu giảng đường được bố trí các phòng chờ giảng (Nhà T3, T4 và T5), ở đó có cán bộ trực, quản lý và ghi sổ sách tần suất sử dụng các trang thiết bị. Đó cũng là nơi để giảng viên đến nghỉ giải lao giữa các giờ dạy và có các ý kiến phản hồi về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ giảng dạy bị hỏng để Nhà trường kịp thời sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng và mua sắm mới các thiết bị thay thế. Hàng năm Nhà trường đều lấy ý kiến đánh giá, phản hồi của người học về cơ sở vật chất như số lượng phòng học, phòng thí nghiệm, trang thiết bị học tập và nghiên cứu có đáp ứng được yêu cầu của người học không; kết quả phản hồi đánh giá qua các năm gần đây có kết quả như sau: năm 2020 điểm trung bình 4,01/5; năm 2021

là 3,91/5; năm 2022 là 3,86/5 và năm 2023 là 4,4/5 theo đánh giá của đơn vị kết quả là tốt và chiều hướng được cải thiện [H1.09.01.07]. Năm 2020, 2021 và 2022 có chỉ số đánh giá thấp hơn so với các năm trước một trong những nguyên nhân chủ yếu là do tình hình dịch bệnh kéo dài dẫn đến suốt một thời gian dài các thiết bị không được sử dụng, khi quay trở lại học tập trực tiếp, nhiều thiết bị điện tử trên giảng đường như: máy chiếu, điều hoà có chất lượng không ổn định; dẫn đến mức độ hài lòng của người học giảm sút. Bên cạnh đó, nhà trường cũng đã hỗ trợ kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị phục vụ thực hành, thực tập và nghiên cứu khoa học cho các đơn vị thành viên [H1.09.01.08]

2) Điểm mạnh

Phòng làm việc, phòng học, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính đủ đáp ứng được nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học của cán bộ và sinh viên trong Khoa và Trường.

Các phòng ban chức năng và Trung tâm nghiên cứu đủ lớn, đủ mạnh để hỗ trợ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học trong Khoa và Trường.

Các trang thiết bị phục vụ đào tạo (máy chiếu, internet, wifi, hệ thống âm thanh, ánh sáng, điều hoà, hệ thống thông gió...) đáp ứng yêu cầu giảng dạy và đáp ứng đủ điều kiện làm việc của giảng viên và cán bộ trợ lý.

Khoa Môi trường đã có ký kết hợp tác đào tạo và nghiên cứu với các đơn vị phối hợp nên sinh viên ngành KH&CNTP có thêm diện tích phòng học, phòng thí nghiệm thông qua việc được phép sử dụng các cơ sở vật chất của các đơn vị trên.

3) Điểm tồn tại:

Một số giảng đường có các trang thiết bị phục vụ giảng dạy nhưng chưa đồng bộ, dẫn đến việc kết nối và vận hành các hệ thống các thiết bị còn gặp khó khăn.

Diện tích phòng dành riêng cho PGS, TS, GV cao cấp còn thấp

4) Kế hoạch hành động

Trường ĐHKHTN cần có kế hoạch hàng năm sửa chữa cơ sở vật chất trên giảng đường như máy chiếu, điều hoà; và cải tạo các giảng đường.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 4/7 điểm

Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt

động đào tạo và nghiên cứu

1) Mô tả

Hệ thống thư viện được quan tâm đầu tư ở cả 3 cấp: Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN), Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHQGHN) và Khoa Môi trường, đảm bảo cung cấp đầy đủ tài liệu học tập cho người học [H1.09.02.01]. Thư viện điện tử VNU-LIC có địa chỉ tại website <https://lic.vnu.edu.vn>, hoặc có thể truy cập thông qua ứng dụng “VNU LIC” trên điện thoại thông minh, hoặc qua phần mềm đọc sách trên địa chỉ <https://bookworm.vnu.edu.vn/>. ĐHQGHN có hơn 120.000 tên/ đầu sách in, 175.756 học liệu số, với khoảng 37.363 luận án, 2.000 kết quả nghiên cứu khoa học và 68.303 khoá luận, kỹ yếu [H1.09.02.01, H1.09.02.02]. Thư viện số của ĐHQGHN có 04 cơ sở dữ liệu bao gồm: ScienceDirect; ProQuest Central; SpringerLink; MathScinet và 10 tài khoản của Cục thông tin và Công nghệ Quốc gia [H1.09.02.02]. Hơn nữa, thư viện số của ĐHQGHN hiện có 180.000 sách số, 100.000 luận văn, luận án tạp chí VNU và 2.500.000 tài liệu tại thư viện đại học số dùng chung và thư viện số nội sinh của các đại học Đông Nam Á [H1.09.02.02]. Ngoài ra, luận văn, luận án được lưu chiếu và số hóa để truy cập tại địa chỉ <http://repository.vnu.edu.vn/>. Hàng năm, ĐHQGHN lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và sinh viên về chất lượng đào tạo và các hoạt động hỗ trợ nghiên cứu. Kết quả khảo sát về cơ sở vật chất, tài liệu và chất lượng phục vụ của hệ thống thư viện cho thấy 90% người đọc hài lòng với chất lượng phục vụ của VNU-LIC [H1.09.02.03]. Hệ thống VNU-LIC đã qua 4 lần nâng cấp, hiện nay SV đang sử dụng hệ thống VNU-LIC version 2.15 đã được nâng cấp từ tháng 6 năm 2023. Ứng dụng VNU-LIC có thể được sử dụng trên máy tính, laptop và thiết bị di động trên kho ứng dụng App store, Google play. Trung tâm Thư viện số và Tri thức số thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội chịu trách nhiệm vận hành hệ thống thư viện số VNU-LIC, Trung tâm luôn chủ động truyền tải đến người học những thông tin cập nhật nhất của thư viện. Ngoài các kênh chính thống như thông báo trên website của Đại học Quốc gia Hà Nội, qua thư điện tử, Trung tâm truyền tải các thông tin, hoạt động nghiệp vụ của Thư viện đến đông đảo người dùng tin qua địa chỉ: <https://www.facebook.com/trungtamthuvientrithucsodhqghn/>. Các tài liệu trên đều được thư viện số hóa và dễ dàng tìm kiếm bằng các phần mềm trên máy tính. Đặc biệt ngành

KH&CNTP là ngành đào tạo liên ngành và ứng dụng nên rất cần tham khảo các tài liệu là các bài báo quốc tế được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín. Đề cương chi tiết của các học phần thuộc ngành Khoa học và Công nghệ thực phẩm được ban hành năm 2023 đều được lưu giữ tại thư viện Khoa Môi trường để sinh viên có thể tra cứu đề cương chi tiết cũng như biết được tổng thể nội dung và chương trình đào tạo của ngành học mình đang học [H1.09.02.04]. Số lượng giáo trình và tài liệu tham khảo thuộc lĩnh vực KH&CNTP luôn được cập nhật và các học liệu đề xuất trong các đề cương học phần của ngành KH&CNTP đều đảm bảo có đầy đủ trong thư viện [H1.09.02.05].

Hàng năm thư viện đã triển khai việc lấy ý kiến phản hồi của người học, giảng viên về thư viện và các nguồn học liệu phục vụ đào tạo và nghiên cứu, mức độ đáp ứng nhu cầu mượn – đọc nhằm nâng cao chất lượng thư viện và đáp ứng nhu cầu của người đọc [H1.09.02.03].

2) Điểm mạnh

Thư viện của Trường và Khoa có nguồn tài liệu dồi dào, phong phú, được bổ sung cập nhật hàng năm rất thuận lợi cho việc học của sinh viên.

3) Điểm tồn tại:

Mặc dù, nguồn tài liệu của thư viện rất phong phú, cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng nhu cầu của bạn đọc. Để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của bạn đọc, cần tăng thời gian mở cửa phục vụ bạn đọc vào buổi tối, buổi trưa, và ngày nghỉ tăng thêm thời gian mượn sách tham khảo.

4) Kế hoạch hành động

Trung tâm Thư viện và Tri thức số phối hợp với Trường ĐHKHTN và Khoa Môi trường cần cập nhật, rà soát tài liệu tham khảo, học liệu cho ngành Khoa học và Công nghệ Thực phẩm

Trung tâm Thư viện và Tri thức số cần tăng thời gian mở cửa thư viện/ mượn sách tham khảo

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7 điểm

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1) Mô tả

Khoa Môi trường có hệ thống các PTN đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực hành và trang thiết bị để phục vụ đào tạo và nghiên cứu của ngành KH&CNTP bao gồm 02 loại phòng thí nghiệm (PTN): là phòng thí nghiệm chung (để phục vụ thực hành cho các kiến thức cơ bản, là nơi đặt phần lớn các máy móc thiết bị Bảng A của Khoa) được gọi là PTN Nghiên cứu Môi trường [H1.09.03.01]; và phòng thí nghiệm chuyên đề dành cho các học phần chuyên ngành, tiến hành nghiên cứu khoa học, làm khóa luận tốt nghiệp nằm tại các bộ môn. Các phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị có 219 đầu mục máy và thiết bị đáp ứng nhu cầu về thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của ngành học [H1.09.03.02]. Năm 2023, ngành KH&CNTP được trang bị 29 thiết bị từ dự án “Xây dựng phòng thí nghiệm chuyên đề cho một số ngành đào tạo mới tại Đại học Quốc gia Hà Nội” từ ĐHQGHN nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu [H1.09.01.06]. Tất cả các phòng thí nghiệm đều có nội quy phòng thí nghiệm, bảng thông số an toàn của vật liệu, chỉ dẫn về nguy cơ phòng thí nghiệm, kế hoạch khẩn cấp, ký hiệu hóa chất độc hại, an toàn phòng cháy chữa cháy và danh sách thông tin liên lạc khẩn cấp [H1.09.03.03]. 100% các phòng thí nghiệm hoạt động theo quy định về quản lý PTN và thiết bị của ĐHQGHN và quy chế hoạt động của từng phòng [H1.09.03.04]. Các hoạt động diễn ra trong PTN đều tuân thủ hướng dẫn tại Sổ tay an toàn PTN [H1.09.03.05] và nhật ký sử dụng thiết bị của PTN, 100% các thiết bị bảng A đều có sổ nhật ký sử dụng thiết bị [H1.09.03.06].

Cho đến nay, Khoa Môi trường hiện đang quản lý và vận hành một hệ thống máy móc hiện đại, đồng bộ và cập nhật cùng với hàng trăm các loại dụng cụ thí nghiệm để phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học [H1.09.03.02]. Các dụng cụ mau hỏng rẻ tiền này được các Bộ môn và PTN chủ động bổ sung từ kinh phí hỗ trợ đào tạo. Đối với các thiết bị thí nghiệm, Khoa luôn kiểm tra và đánh giá hiệu quả sử dụng của các trang thiết bị được đầu tư. Hàng năm, Phòng Khoa học và công nghệ tiến hành kiểm tra tất cả hoạt động của các phòng thí nghiệm [H1.09.03.07] và đánh giá tình trạng của máy móc và điều kiện phòng thí nghiệm. Dựa trên bản báo cáo kết quả kiểm tra, Trường ĐHKHTN - ĐHQGHN sẽ cung cấp tài chính để bảo trì và tu sửa các dụng cụ bị hỏng hóc và đầu tư mua mới các thiết bị khác cũng như để sửa chữa cơ sở vật chất của các phòng thí nghiệm [H1.09.01.08].

Khoa Môi trường đã trang bị đầy đủ cơ bản đáp ứng cho các bài thực tập thực hành của sinh viên ngành KH&CNTTP; ngoài ra Khoa cũng được trang bị các thiết bị hiện đại để nghiên cứu chuyên sâu như máy ICP-OES, GC, HPLC, AAS.... Ngoài ra, thiết bị của Khoa còn được bổ sung thông qua các dự án của các nhà khoa học trong Khoa như dự án: hợp tác với Nga “Design and Development of ASEAN – Russia Interactive Communication Network for the Exchange of Innovative Technologies on Sustainable Agricultural Development” đã bổ sung cho Khoa các thiết bị phục vụ cho hợp tác trực tuyến tại P405T2 như: camera, hệ thống loa, âm ly, mic... [H1.09.01.02].

Không những vậy, Khoa còn liên kết với các trung tâm, phòng thí nghiệm hiện đại khác như: Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ - Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Kiểm nghiệm An toàn Vệ sinh Quốc Gia; Viện Công nghiệp thực phẩm ; Trung tâm nghiên cứu công nghệ môi trường và phát triển bền vững, Phòng thí nghiệm Trọng điểm Vật liệu tiên tiến ứng dụng trong Phát triển xanh, các doanh nghiệp ... để tận dụng thế mạnh cơ sở vật chất cũng như đẩy mạnh việc nghiên cứu và trao đổi các thông tin khoa học trong các lĩnh vực liên quan KH&CNTTP; nhiều sinh viên của Khoa tham gia nghiên cứu khoa học, thực hiện các bài thực hành (như xác định hàm lượng Curcuminoid bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao với detector UV-VIS; xác định hàm lượng anion trong mẫu thực phẩm; xác định cafein trong chè, café bằng HPLC...), thực tập thực tế và làm khóa luận tốt nghiệp tại các Trung tâm, Viện nghiên cứu và doanh nghiệp này [H1.09.03.08].

Các PTN trực thuộc Khoa và PTN chuyên đề đều có người phụ trách phòng thí nghiệm, có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị [H1.09.03.09]. Với mục đích lấy người học làm trung tâm nên sau mỗi kỳ học Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị [H1.09.01.07]. Phản hồi của người học về tiêu chí có đủ phòng thí nghiệm hoặc phòng thực hành và trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu trong phạm vi học phần của Trường KHTN được đánh giá là năm 2019 là 3,36/5; năm 2020 là 4,01/5; năm 2021 là 3,91/5; năm 2022 là 4,18/5; năm 2023 là 4,22/5. Các yêu cầu sửa chữa cơ sở vật chất hoặc trang thiết bị phục vụ học tập, nghiên cứu được đáp ứng được

đánh giá năm 2022 là 3,42/5; năm 2023 là 3.54/5[H1.09.01.07]. Danh mục các trang thiết bị được cập nhật hằng năm và được công khai trên website của Khoa [H1.09.03.10].

2) Điểm mạnh

Nhiều các trang thiết bị lớn, chuyên sâu được đầu tư phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Các trang thiết bị được quản lý và đánh giá hiệu quả khai thác sử dụng thường xuyên.

3) Điểm tồn tại:

Khoa học và công nghệ thực phẩm là khoa học có tính ứng dụng cao, dẫn đến nhu cầu sử dụng các thiết bị máy móc phòng thí nghiệm phục vụ cho thực hành, thực tập, thực hiện khoá luận tốt nghiệp hay nghiên cứu khoa học sinh viên cao, và làm gia tăng chi phí hoá chất, vật tư tiêu hao trong khi mức thu học phí còn hạn chế.

4) Kế hoạch hành động

Thông qua các đề tài dự án để gắn kết sử dụng hiệu quả các trang thiết bị và qua đó trích được nguồn kinh phí nhất định để duy tu, bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị, bổ sung thêm các hoá chất, dụng cụ mau hỏng rẻ tiền nhiều hơn, ngoài kinh phí hỗ trợ đào tạo.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 5/7 điểm

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1) Mô tả

Cơ sở vật chất của Nhà trường về hạ tầng CNTT đã được đầu tư mạnh mẽ thông qua các dự án giáo dục đại học, có khả năng đáp ứng tốt cho nhu cầu giảng dạy và các hoạt động đào tạo nói chung của Khoa và Nhà trường. Nhà trường đã trang bị đầy đủ máy tính, máy in để phục vụ cho giảng viên giảng dạy và NCKH cũng như cho SV học tập. Về hệ thống máy tính, toàn trường có 2.199 máy tính, trong đó tính riêng cho Khoa Môi trường là 59 máy, trường có 14 phòng tin học với tổng diện tích 700m², (96 máy xách tay+1040 máy bàn năm 2016, 350 máy năm 2015), trong đó có 5 phòng tin học với 227 máy tính để phục vụ việc thực hành tin học đại cương [H1.09.04.01]. Nhà trường trang bị đảm bảo 100% GV khi lên lớp được phục vụ máy chiếu. Cùng với sự phát triển của tin học, Khoa Môi trường cũng có phòng máy tính với 30 máy tính phục vụ riêng cho việc nghiên cứu phát

triển các học phần–liên quan như xác suất thông kê [H1.09.04.02]; đảm bảo chất lượng trong đào tạo thì các môn liên quan đến máy tính đều được sắp xếp và bố trí một cách hợp lý và khoa học như chia thành các nhóm thực hành nhằm đảm bảo tỷ lệ 1 sinh viên/1 máy tính thực hành.

Về hạ tầng mạng, trường hiện sử dụng đường FTTH cáp quang tốc độ cao để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng học thông minh, phòng máy, phòng lab, nhà làm việc, hội trường và phủ sóng wifi toàn trường; đường truyền kênh riêng cho các máy chủ để cung cấp các dịch vụ như website và thư viện điện tử phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH [H1.09.04.03]; và hệ thống internet được bảo trì, nâng cấp và mở rộng thường xuyên [H1.09.04.04].

Ngoài ra, Nhà trường đã nâng cấp một số phòng học trở thành phòng có đủ điều kiện phục vụ cho hoạt động giảng dạy trực tuyến, học online như 418, 301, 401T1 và 405T2. Ngày 10/9/2020, Giám đốc ĐHQGHN đã ký quyết định số 2598/QĐ-ĐHQGHN ban hành Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trực tuyến ở ĐHQGHN [H1.09.04.05]. Một số giải pháp chính được sử dụng bao gồm MS-Team, Zoom, Google Class. ĐHQGHN cũng đã xây dựng hệ thống quản lý học tập (LMS) với mục tiêu tích hợp được dữ liệu giảng dạy, học tập với kho dữ liệu thống nhất của ĐHQGHN nhằm tổ chức các hoạt động dạy học trực tuyến theo hướng tiếp cận giáo dục kết hợp tại các đơn vị trong ĐHQGHN, góp phần nâng cao chất lượng và đổi mới hoạt động giảng dạy. Phần mềm LMS tích hợp được với hệ thống quản lý đào tạo của ĐHQGHN và các đơn vị để đảm bảo thông tin về chương trình đào tạo, học phần, lớp học phần, giảng viên, sinh viên được đồng bộ và thống nhất. Đồng thời, kết nối với Trung tâm Thư viện và tri thức số để sử dụng, bổ sung nguồn học liệu số do ĐHQGHN cung cấp. ĐHQGHN cũng chú trọng tăng cường năng lực cho giảng viên sử dụng, khai thác các phần mềm giảng dạy trực tuyến thông qua các khóa đào tạo, tập huấn ngắn hạn [H1.09.04.06].

Trong trang web của VNU <http://www.vnu.edu.vn>, có đầy đủ các thông tin cần thiết cho sinh viên như quy định đào tạo, các giấy tờ, biểu mẫu hành chính... [H1.09.04.07] Thêm vào đó, trang web còn được kết nối với các trang web của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQGHN <http://hus.vnu.edu.vn>, trang web về thông tin đào tạo

<http://daotao.vnu.edu.vn> và trang web của Khoa Môi trường <https://fes.hus.vnu.edu.vn> [H1.09.04.08].

Trường ĐHKHTN thực hiện việc tin học hóa trong quản lý đào tạo và trong công tác sinh viên thông qua cổng thông tin điện tử. Việc tin học hóa và hệ thống hóa thông tin đã giúp ích rất nhiều cho các giảng viên và sinh viên trong việc dạy và học. Hiểu rõ vai trò to lớn của hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ trong đào tạo và nghiên cứu nên Trường ĐHKHTN đã thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông để giúp các CB và SV giải quyết các vướng mắc khi sử dụng cũng như triển khai mạnh mẽ tin học hóa các công đoạn trong quản lý và đào tạo [H1.09.04.09]. Toàn bộ phòng máy chủ, hệ thống mạng Lan, mạng wifi, hệ thống website trường và các đơn vị; hệ thống email cho cán bộ và sinh viên, xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử cho SV và cựu SV ... đều được cán bộ của Trung tâm CNTT và TT hỗ trợ kịp thời [H1.09.04.10].

Toàn bộ các cổng thông tin, hệ thống email công vụ, các phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên để đảm bảo hoạt động thông suốt của nhà trường cũng như Khoa. Toàn bộ các phòng máy đều được kiểm tra thường xuyên, ghi chép nhật ký sử dụng nhằm đảm bảo điều kiện học tập công nghệ thông tin cho SV [H1.09.04.11]. Các phần mềm quản lý như phần mềm e-office, phần mềm đăng ký học theo tín chỉ, phần mềm quản lý và tra cứu điểm, phần mềm thống kê các phiếu đánh giá đã được sử dụng hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và công tác sinh viên. Hệ thống máy tính dành cho việc quản lý số liệu được sử dụng thường xuyên và luôn luôn được cập nhật, hệ thống mạng internet cũng thường xuyên được nâng cấp [H1.09.04.12].

Hệ thống mạng LAN internet và wifi phủ sóng toàn trường với 116 bộ phát wifi chỉ tính riêng cho cơ sở 334 Nguyễn Trãi, thuận lợi cho đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trong công tác quản lý của Nhà trường đều được ứng dụng công nghệ thông tin với các phần mềm chuyên dụng như: phần mềm e-office, phần mềm nhập điểm, phần mềm quản lý giờ giảng, phần mềm đăng ký học theo tín chỉ, phần mềm quản lý và tra cứu điểm, phần mềm thống kê các phiếu đánh giá, phản hồi của sinh viên về chương trình học, giảng viên, cơ sở vật chất và phòng ban phục vụ ... [H1.09.04.13].

Với mục đích lấy người học làm trung tâm nên sau mỗi kỳ học Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học NH và các bên liên quan về môi trường làm việc và học tập hàng năm trong đó phần trang thiết bị CNTT và internet được đánh giá năm 2022 đạt 3,75/5 và năm 2023 đạt 3,82/5 [**H1.09.01.07**]. Khoa Môi trường thường xuyên tiếp thu ý kiến phản hồi của sinh viên thông qua trợ lý CTSV và ý kiến phản hồi của cán bộ thông qua các cuộc họp giao ban, đồng thời Khoa có riêng 01 Phó Trưởng Khoa phụ trách cơ sở vật chất để kịp thời xử lý hỗ trợ cho người học và cán bộ đảm bảo việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

2) Điểm mạnh

Công nghệ thông tin được Trường ĐHKHTN và Khoa Môi trường ưu tiên đầu tư. Hệ thống mạng LAN internet và wifi phủ sóng toàn trường. Trong công tác quản lý của Nhà trường đều được ứng dụng công nghệ thông tin với các phần mềm chuyên dụng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và hỗ trợ cho sinh viên.

3) Điểm tồn tại:

Mặc dù đã cố gắng nâng cấp thường xuyên, hệ thống mạng wifi chưa ổn định hoặc bị gián đoạn tại một số các giảng đường và phòng làm việc cách xa router wifi. Trong giai đầu mỗi học kỳ, phần mềm đăng ký tín chỉ thường xuyên bị lỗi, nghẽn mạng do quá tải, gây khó khăn cho sinh viên khi đăng ký môn học.

4) Kế hoạch hành động

Trường ĐHKHTN cần tiến hành nâng cấp hệ thống mạng wifi, tăng băng thông đường truyền internet, bổ sung số lượng các router wifi để đảm bảo sự ổn định của hệ thống mạng cho tất cả các phòng học và phòng làm việc.

Trường ĐHKHTN cần nâng cấp và bảo trì thường xuyên sever hệ thống và phần mềm đăng ký tín chỉ để cải thiện việc nghẽn mạng trong giai đoạn sinh viên đăng ký môn học.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 5/7 điểm

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1) Mô tả

Đại học Quốc gia Hà Nội đã thành lập Phòng khám 182 Lương Thế Vinh theo quyết định số 982/QĐ-TCCB ngày 02/4/2013 [H1.09.05.01] để đảm an toàn về sức khỏe tại nơi làm việc trường đại học và các Khoa thành viên. Trường ĐHKHTN Trường thường xuyên xét nghiệm chất lượng nước và phun thuốc phòng dịch [H1.09.05.02, H1.09.05.03]. Không gian làm việc trong Trường ĐHKHTN được chăm chút, vệ sinh, làm đẹp và kiểm tra thường xuyên. Cơ sở tại số 334 Nguyễn Trãi, trồng nhiều cây xanh, khoảng sân giữa sân đan xen các lùm cây tạo bóng mát và tiểu cảnh trang trí. Dọc theo tường của các tòa nhà T5, T2, T3, T4 được trồng hoa, cây hoa giấy tạo cảnh quan thư giãn, giải trí cho cán bộ và học viên. Lực lượng bảo vệ với đồng phục thường xuyên đi tuần tra, tạo cảm giác an ninh trật tự trong trường đại học [H1.09.05.04]. Xe của sinh viên, người học và khách đến Trường được để tại nhà để xe của Trường hoặc để xe dưới sự hướng dẫn của tổ bảo vệ. Môi trường giảng dạy, học tập và NCKH của CB, GV và SV luôn được đảm bảo an toàn xanh - sạch - đẹp, hàng ngày có đội ngũ dọn vệ sinh do Nhà trường ký hợp đồng với đơn vị chuyên nghiệp bên ngoài [H1.09.05.05]. Tuy diện tích hạn chế nhưng khuôn viên ĐHQGHN vẫn đảm bảo không gian xanh, vui chơi giải trí cho cán bộ, sinh viên [H1.09.05.06]. Trường ĐHKHTN có căng tin riêng phục vụ bữa trưa cho cán bộ và sinh viên cùng với giải khát, đảm bảo các qui định về vệ sinh an toàn thực phẩm [H1.09.05.07]. Bên cạnh đó hoạt động khám chữa bệnh cũng quan tâm, tư vấn tâm lý, đáp ứng nhu cầu người học, ngoài các cán bộ khám chữa bệnh thì các giảng viên, cán bộ hỗ trợ cũng là những người hỗ trợ, giải đáp, tư vấn hỗ trợ tâm lý học đường. Tỷ lệ hài lòng của sinh viên đánh giá về chất lượng hoạt động khám/chữa bệnh, tư vấn tâm lý ở mức trên 70%, trong đó thái độ phục vụ của cán bộ tốt, đáp ứng nhu cầu người học cao nhất trên 80% [H1.09.01.07].

Trong thời gian vừa học vừa làm tại Trường, 100% sinh viên và cán bộ đều được tham gia bảo hiểm. Hàng năm, Trường ĐHKHTN cũng tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho cán bộ, giảng viên [H1.09.05.08]. Trong thời gian diễn ra dịch bệnh Covid-19, Nhà trường đã tích cực triển khai các biện pháp hỗ trợ, thực hiện tiêm phòng cho cán bộ và sinh viên. Nhà trường có quan tâm đến sức khỏe và an toàn cho người khuyết tật. Đặc biệt khi

bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, nhà trường đã ra nhiều hướng dẫn, chỉ đạo nhằm đảm bảo về môi trường, sức khỏe, an toàn cho sinh viên và cán bộ công nhân viên [H1.09.05.09]. ĐHQGHN cũng yêu cầu 100% sinh viên có bảo hiểm y tế và được khám sức khỏe đầu khoá học tại bệnh viện ĐHQGHN, 182 Lương Thế Vinh, Thanh Xuân, Hà Nội. Bệnh viện ĐHQGHN đặt tại Ký túc xá Mễ Trì hoạt động 24 giờ một ngày và 7 ngày trong tuần trong đó có bố trí 01 cán bộ y tế thường xuyên trực tại phòng y tế của Trường để làm nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám chữa bệnh cho cán bộ, giảng viên, công nhân viên và sinh viên của Trường trong thời gian học tập và làm việc tại Trường [H1.09.05.10]. Phòng y tế nằm ở địa chỉ số 334 Nguyễn Trãi và có nhân viên trực thường xuyên tại tầng 1, tòa nhà T5.

Với đặc thù hoạt động nghiên cứu của Trường ĐHKHTN nói chung và của ngành KH&CNTP nói riêng có liên quan nhiều đến hoạt động trong phòng thí nghiệm, các quy định cụ thể hơn về toàn sinh học, hoá học, bức xạ hạt nhân và các biện pháp phòng tránh, ứng phó với sự cố trong phòng thí nghiệm được nêu trong sổ tay an toàn phòng thí nghiệm [H1.09.03.05]. Hàng năm các chất thải nguy hại trong Nhà trường được thu gom, quản lý riêng và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định [H1.09.05.11]. Đối với những cán bộ làm việc trong phòng thí nghiệm có tiếp xúc với các hóa chất thì được hỗ trợ thông qua phụ cấp độc hại

Chính sách xây dựng môi trường an toàn tại ĐHQGHN tuân thủ các Quy định về An toàn và Sức khỏe tại nơi làm việc và trong phòng thí nghiệm, đặc biệt là các quy định về Phòng cháy chữa cháy [H1.09.05.12]. Cán bộ, giảng viên của Nhà trường được đào tạo về quy trình sử dụng thiết bị, dụng cụ thí nghiệm, hóa chất đảm bảo an toàn lao động và thực hiện nghiêm túc các quy định của phòng thí nghiệm [H1.09.03.05]. Các phòng thí nghiệm, phòng làm việc và khu giảng đường được bố trí tại các tòa nhà đảm bảo có sự liên thông qua lại thuận tiện với nhau nhưng tại các cửa ra vào của các tòa nhà đều có các cửa sắt và các chốt trực của bảo vệ nhằm đảm bảo trật tự an ninh, an toàn khu vực với các hệ thống thiết bị phòng chống độc hại và bảo hộ người lao động cơ bản đáp ứng yêu cầu về an toàn. Nhân viên bảo vệ có trách nhiệm đảm bảo trực 24/24 trong tất cả các ngày kể cả ngày lễ, Tết. Nhà trường đầu tư hệ thống camera để giám sát tại các hành lang, các lối ra vào trong

toàn trường. Tại các hành lang trước cửa phòng thí nghiệm, phòng làm việc và khu giảng đường đều được bố trí các bình phòng cháy, chữa cháy [H1.09.05.13]; có sẵn các quy trình hiệu quả trong trường hợp hỏa hoạn cần phải sơ tán; thủ tục sơ cấp cứu được giao; thiết bị y tế được bảo trì đầy đủ. Hàng năm, Trường phối hợp với Đại học Quốc gia Hà Nội huấn luyện PCCC cho cán bộ, nhân viên trong các kỳ nghỉ dài ngày, lễ tết đều có công văn nhắc nhở, giám sát công tác PCCC trước khi niêm phong các phòng làm việc.

Đối với những sinh viên khuyết tật được Nhà trường có những điều chỉnh phù hợp trong chương trình đào tạo như được miễn các học phần giáo dục thể chất, an ninh quốc phòng, sinh viên khuyết tật được nhà trường quan tâm, tạo điều kiện ở ký túc xá tầng 1, được khám sức khỏe theo nhu cầu. Nhà trường sửa chữa, xây dựng đường đi riêng, phù hợp với các sinh viên khuyết tật [H1.09.05.14].

2) Điểm mạnh

Nhà trường rất quan tâm đến môi trường xanh - sạch - đẹp. Đội ngũ vệ sinh chuyên nghiệp, làm việc tích cực từ sớm đến muộn luôn thu gom rác tại các thùng chứa và lau dọn mọi chỗ, mọi nơi. Sức khỏe của CB, GV và sinh viên luôn được quan tâm, Công đoàn Nhà trường luôn lựa chọn những Bệnh viện uy tín nhất để hỗ trợ cán bộ khám bệnh định kỳ.

3) Điểm tồn tại:

- Điều kiện cho người khuyết tật còn hạn chế, mới đáp ứng được cho đối tượng khuyết tật nhẹ và đơn giản; không tiếp cận được với văn phòng Khoa Môi trường bằng hệ thống xe lăn

- Hệ thống tủ hút của các PTN còn ít

4) Kế hoạch hành động

Trường ĐHKHTN tiếp tục cải thiện điều kiện về môi trường, sức khỏe, an toàn để đáp ứng tốt hơn nhu cầu đặc thù của các đối tượng người khuyết tật; ưu tiên đầu tư thêm các tủ hút khí độc cho các PTN

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 5/7 điểm

Kết luận tiêu chuẩn 9.

Khoa Môi trường được Nhà trường quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của ngành Khoa học Môi trường. Hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của Nhà trường hoàn toàn phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành; Thư viện của Nhà trường có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo; Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học; Các phòng thực hành tin học, phòng nghiệp vụ... với các trang thiết bị phù hợp đã hỗ trợ tốt cho công tác nghiên cứu khoa học, hoạt động dạy học và rèn luyện nghiệp vụ của GV và sinh viên; Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho cán bộ, GV và SV làm việc, học tập và nghiên cứu... Tuy nhiên, hệ thống wifi chưa đồng bộ, chất lượng wifi ở một số khu vực trong trường chưa được đảm bảo. Năm học 2023-2024, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên đang thực hiện việc nâng cấp hệ thống wifi để phục vụ tốt hơn cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên trong toàn trường.

Tiêu chuẩn 09 có 05 tiêu chí, trong đó 01 tiêu chí đạt 6/7 (tiêu chí 9.2), 03 tiêu chí đạt 5/7 điểm (tiêu chí 9.3, 9.4, 9.5) và 01 tiêu chí đạt 4/7 điểm (tiêu chí 9.1).

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Chất lượng đào tạo giáo dục của một chương trình phụ thuộc rất nhiều yếu tố như chương trình đào tạo, phương pháp và kế hoạch triển khai giảng dạy, cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, đội ngũ cán bộ hỗ trợ, cán bộ quản lý, chiến lược tầm nhìn của đơn vị đào tạo hay kết quả học tập của sinh viên. Khi một chương trình đào tạo được triển khai, việc đánh giá và nâng cao chất lượng đào tạo luôn là vấn đề cốt lõi, quyết định sự tồn tại và phát triển của cơ sở đào tạo. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQGHN xác định nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là nâng cao chất lượng đào tạo với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu sáng tạo và chuyển giao tri thức thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.

Trong những năm qua, Khoa Môi trường cùng với Trường ĐHKHTN đã có các hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng các chương trình đào tạo, trong đó có ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm. Đây là một ngành thí điểm, vừa được đưa vào đào tạo từ năm học 2019-2020, tính đến năm 2023 sẽ có khoá sinh viên đầu tiên tốt nghiệp, tuy nhiên việc đánh giá chất lượng đào tạo để nâng cao hiệu quả luôn được chú trọng và thực hiện thường xuyên. Quá trình xây dựng và vận hành chương trình đào tạo Khoa học và công nghệ thực phẩm được đảm bảo theo quy chế đào tạo và các hướng dẫn về xây dựng chương trình đào tạo của Trường ĐHKHTN và của ĐHQGHN. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ, có hệ thống và bám sát các ý kiến đóng góp của các bên liên quan như đội ngũ giảng viên, chuyên gia giáo dục, cán bộ quản lý, người học và các nhà tuyển dụng. Trên cơ sở các thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan, Khoa Môi trường, Trường ĐHKHTN đều đã có sự điều chỉnh, cập nhật và bổ sung cho chương trình đào tạo để có những cải tiến chương trình phù hợp. Dưới đây là những đánh giá và minh chứng cho hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo của ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH

1) Mô tả hiện trạng

Quy trình thiết kế xây dựng và phát triển chương trình dạy học (CTDH) ngành khoa học và công nghệ thực phẩm được thực hiện theo các qui định của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN về mở mới và điều chỉnh CTĐT. Trước tiên, tổ chức điều tra và khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực về các ngành nghề khoa học và công nghệ thực phẩm từ các bên liên quan, sau đó tổ chức hội thảo lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan (bước 6, điều 8 trong quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN); Từ năm 2018, các ý kiến chuyên gia tại các cuộc họp của Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa Môi trường đã được thảo luận, các hội nghị góp ý cho đề án mở ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm đã được tổ chức H1.10.01.01-06, kết hợp phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo H1.10.01.07 của các bên liên quan về nhu cầu nhân sự của ngành đào tạo. Hệ thống thu thập thông tin này được tiến hành một cách toàn diện, với sự tham gia của các bên liên quan gồm các chuyên gia, cán bộ quản lý,

giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên, đặc biệt là các tổ chức xã hội, nghề nghiệp, công ty, nhà máy có sử dụng lao động trong ngành khoa học và công nghệ thực phẩm. Các phiếu yêu cầu khảo sát về nhu cầu xã hội đối với ngành dự kiến mở và nhân sự cần kiến thức, kỹ năng trình độ như thế nào đối với từng vị trí tuyển dụng. Các phiếu điều tra được gửi tới các bên liên quan bằng đường công văn, bản in và bản mềm. Sau khi thu thập được các ý kiến phản hồi, các thông tin dữ liệu đã được xử lý từ đó được sử dụng để thiết kế CTDH và tổ chức hội thảo với sự tham gia của các bên liên quan. Khi có các dữ liệu từ việc điều tra, khảo sát, CTDH cũng được thiết kế và xây dựng khi tham khảo một số mô hình, ngành của một số trường đại học tiên tiến trên thế giới và Việt Nam, trong đó chủ yếu dựa vào CTDH của ngành khoa học và công nghệ thực phẩm của Đại học Monash, Úc H1.10.01.08, của ngành khoa học thực phẩm và dinh dưỡng con người, Đại học Florida, Mỹ, H1.10.01.09 ngành thực phẩm và dinh dưỡng con người của Đại học Illinois Urbana – Champaign, Mỹ H1.10.01.10, ngành kỹ thuật thực phẩm Đại học Bách Khoa Hà Nội H1.10.01.11, ngành Khoa học và Công nghệ thực phẩm Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội H1.10.01.12, ngành Công nghệ thực phẩm Đại học Nguyễn Tất Thành, H1.10.01.13. Trên cơ sở đó, Nhà trường thành lập nhóm và chỉ định tổ trưởng tổ chuyên gia soạn thảo chương trình đào tạo ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm theo quyết định số 1530/QĐ-ĐHKHTN ngày 24/5/2019, H1.10.01.14. Sau khi hoàn thành xây dựng, cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo, Nhà trường đã thành lập Hội đồng thẩm định để đánh giá chương trình đào tạo ngành KHCNTP trước khi ra quyết định ban hành chương trình đó H1.10.01.15. Từ đó, đề án mở ngành đã được hoàn thiện, khung chương trình đào tạo đã được ban hành và giao nhiệm vụ đào tạo theo quyết định số H1.10.01.16.

2) Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan với hình thức đa dạng (bao gồm cả trực tiếp và trực tuyến), phân công nhiệm vụ rõ ràng ở cấp Trường và cấp Khoa. Khoa duy trì kênh liên lạc thường xuyên với các cơ quan, đơn vị, cơ sở thực tập, công ty, nhà máy trên cả nước. Khoa thường xuyên khảo sát và tổ chức gặp gỡ các bên liên quan để lắng nghe nhu cầu từ thị trường lao động, xu thế xã hội để cải tiến, điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp.

CTĐT/CTDH ngành KHCNTP được thiết kế, xây dựng và phát triển dựa trên nhu cầu qua các ý kiến phản hồi của các bên liên quan và tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học ở các nước phát triển trên thế giới và Việt Nam.

3) Điểm tồn tại

Trong quá trình khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTDH còn hạn chế, do chưa phân loại và kiểm soát được tính xác thực của các câu trả lời khảo sát (đặc biệt là đối tượng nhà sử dụng lao động) đồng thời cũng tốn thời gian.

4) Kế hoạch hành động

Nhà trường xây dựng Kế hoạch công tác đảm bảo chất lượng hàng năm trong đó nêu rõ yêu cầu kết nối thông tin, và phân công trách nhiệm đối với Phòng Chính trị và Công tác sinh viên, Phòng Đào tạo, nhằm làm rõ căn cứ khảo sát cho việc điều chỉnh, phát triển CTDH. Hàng năm kể từ năm học 2023-2024, Khoa Môi trường tiếp tục duy trì và hoàn thiện các kênh liên lạc thường xuyên với các cơ quan, đơn vị và mạng lưới cựu sinh viên để thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan. Khoa Môi trường phối hợp với Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng thiết kế, tính toán nhu cầu, đánh giá thứ hạng thông tin đối với từng nhóm đối tượng, xác định phân khúc thị trường lao động trước khi thực hiện khảo sát làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 6/7.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1) Mô tả hiện trạng

Quá trình thiết kế và phát triển chương trình đào tạo được thiết lập trước hết dựa trên những quy định, hướng dẫn của Trường và ĐHQGHN. Các bước thực hiện theo hướng dẫn của ĐHQGHN được chi tiết, cụ thể hóa hơn theo từng nội dung thực hiện giúp quá trình xây dựng chương trình đào tạo thuận lợi và bám sát yêu cầu hơn. Quá trình thiết kế CTDH, các

cuộc họp góp ý của chuyên gia của Hội đồng Khoa học Khoa Môi trường H1.10.01.01, H1.10.01.04, H10.10.01.06 và các bên liên quan được tiến hành thường xuyên H1.10.01.02-03. Quá trình thẩm định và phê duyệt chương trình được tiến hành theo đúng quy định, H1.10.01.05. Năm 2020, ngành KHCNTP được đưa vào tuyển sinh thí điểm dưới sự điều hành của Ban điều hành chương trình theo quyết định số 2975/QĐ-ĐHKHTN H10.10.01.18. Đây là đội ngũ nhà quản lý và chuyên gia có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để vận hành chương trình mới. Trong quá trình vận hành, ban điều hành đóng vai trò quan trọng điều phối và có các hoạt động điều chỉnh kịp thời. Đến tháng 3/2021, Bộ môn Khoa học và công nghệ thực phẩm được thành lập, đã phối hợp cùng Ban điều hành và Khoa Môi trường để vận hành quá trình dạy học. Các hoạt động rà soát, kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động dạy học của ngành KHCNTP được tiến hành hàng năm thông qua các hội nghị sau 01, 02, 03 năm thành lập H1.10.02.02. Trong quá trình triển khai giảng dạy, việc lắng nghe các bên liên quan, đặc biệt là nhu cầu của các nhà tuyển dụng và nguyện vọng của sinh viên cũng được Nhà trường và Khoa tiếp tục thực hiện để có những điều chỉnh kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy. Tháng 10/2021 Khoa Môi trường đã tổ chức buổi gặp mặt một số Công ty, Nhà máy về thực phẩm để lắng nghe những nhận xét của họ khi tiếp nhận sinh viên đến thực tập, ví dụ như Công ty Kinh Đô Mondelez, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thực phẩm Đồng Giao, Ninh Bình... Xuất phát từ những mong muốn của phía thị trường lao động, nhà tuyển dụng, chương trình đào tạo đã được điều chỉnh theo hướng tăng cường các hoạt động thực hành trong phòng thí nghiệm, thực tập thực tế, sản xuất... nhiều hơn, và cụ thể là đã có khung chương trình, các đề cương môn học được điều chỉnh vào năm 2020. Một ví dụ cụ thể, sinh viên Khoá QHT.22 (K67 KHCNTP) đã được học môn Hoá sinh thực phẩm với thời lượng chương trình thay đổi từ 45 lý thuyết thành 39 tiết lý thuyết và 12 tiết bài tập, qua đó, thời lượng để giảng viên và sinh viên được trao đổi, làm bài tập nhóm, làm dự án được tăng cường, sinh viên được học tập một cách chủ động, tích cực hơn, hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, nhiều môn học khác cũng đã được điều chỉnh phù hợp hơn, thời lượng thực hành, thực tập tăng cường nhiều hơn. Tháng 9/2022. Ban điều hành đã hoàn thành nhiệm vụ hỗ trợ quá trình vận hành CTDH và đã được giải thể, Bộ môn Khoa học và công nghệ thực phẩm tiếp tục phụ trách các hoạt động vận hành CTDH H1.10.02.03. Đặc biệt, tháng 11/2023 Khoa Môi trường đã tổ chức

Hội thảo “Đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành KHCNTP” với sự tham gia và đóng góp ý kiến của Ban lãnh đạo ĐHQGHN, lãnh đạo Trường ĐHKHTN, các thành viên Ban điều hành, các nhà quản lý, các đơn vị phối hợp đào tạo, đặc biệt là khách mời từ hơn 20 nhà tuyển dụng, cán bộ giảng dạy và hỗ trợ H1.10.02.04. Từ các hoạt động kiểm tra, đánh giá, rà soát một cách hệ thống và sát sao, 10/2023, Chương trình đào tạo ngành KHCNTP đã được điều chỉnh theo QĐ số 3532/QĐ-ĐHKHTN, theo đó các chuẩn đầu ra của chương trình, bao gồm khối kiến thức theo khối ngành, khối kiến thức theo nhóm ngành và khối kiến thức ngành, đề cương chi tiết các môn học đã có những điều chỉnh để phù hợp hơn cho quá trình dạy học H1.10.02.05. Quy trình thực hiện được giám sát bởi hội đồng khoa học của ĐHQGHN và Viện đảm bảo chất lượng ĐHQGHN. trình đào tạo thông qua các cuộc họp Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa Môi trường, Hội nghị công chức, viên chức hàng năm.

2) Điểm mạnh

Có quy trình thiết kế và phát triển chương trình đào tạo, các bước thực hiện theo đúng những quy định của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN. Trong quá trình thiết kế chương trình có lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan bằng các hội thảo khoa học, thông qua hội đồng khoa học. Chú trọng đến việc cải tiến chất lượng chương trình qua các lần điều chỉnh.

3) Điểm tồn tại

Công tác phối hợp giữa Khoa và các phòng ban chức năng của nhà Trường trong công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế, phát triển chương trình đào tạo chưa thật sự liên tục và nhất quán.

4) Kế hoạch hành động

Từ năm học 2022-2023, Phòng Thanh tra, Pháp chế & ĐBCL làm đầu mối kết hợp chặt chẽ hơn nữa với Khoa để xây dựng kho dữ liệu khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên

liên quan về quy trình thiết kế, phát triển chương trình đào tạo giúp cho việc đánh giá, cải tiến quy trình này tốt hơn.

5) *Tự đánh giá*: Đạt, mức: 6/7.

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp CDR

1) Mô tả hiện trạng

Trường ĐHKHTN có các quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, việc đánh giá kết quả hoạt động của người học, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra [H1.10.03.01, H1.10.03.02]. Hàng năm vào đầu năm học, Khoa Môi trường và các Bộ môn tổ chức các buổi họp để rà soát lại kế hoạch đào tạo đảm bảo tính logic và phù hợp với nhu cầu của người học theo lộ trình học tập để đáp ứng các CDR của chương trình. Sau đó, Khoa sẽ xây dựng thời khóa biểu, phân công giảng viên giảng dạy môn học và tổ chức các hoạt động cần thiết [H1.10.03.03]. Ngoài việc phù hợp với chuyên môn và năng lực giảng dạy, việc phân công giảng dạy phải xem xét cả tính phù hợp để tránh những giảng viên bị quá tải mà làm ảnh hưởng tới chất lượng giảng dạy. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, ... rõ ràng và được thông báo công khai tới người học. Cuối năm, Khoa thực hiện tổng kết và lên kế hoạch cho năm học mới. Tất cả việc giảng dạy, học tập và các hoạt động đánh giá của Trường, thời gian lên lớp của giảng viên được thực hiện dưới sự giám sát của Phòng TTPC&ĐBCL [H1.10.03.04], của thanh tra giảng đường. Các báo cáo về tình trạng lên lớp của giảng viên được gửi về Phòng đào tạo, Phòng TTPC&ĐBCL đồng thời gửi về các Khoa hằng tuần, các giảng viên buộc phải báo cáo và xin phép nếu như có bất cứ thay đổi nào về lịch trình giảng dạy và có kế hoạch bù phù hợp. Những trường hợp bỏ lớp không có lý do sẽ là căn cứ để đánh giá kết quả làm việc cuối kỳ, cuối năm của các giảng viên liên quan.

Nhà trường thường xuyên triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Sự tương thích giữa ba quá trình dạy, học, và kiểm tra đánh giá được thực hiện trên nguyên tắc tuân theo các CĐR của từng môn học [H1.10.03.05]. Về phương diện giảng dạy, người học được thông báo về yêu cầu cần đạt của từng môn học, trên cơ sở đó, giảng viên đa dạng hóa phương pháp giảng dạy (diễn giảng, thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề, thuyết trình của người học, làm dự án, làm thí nghiệm ...) và cập nhật đề cương chi tiết học phần [H1.10.03.06] để đạt được CĐR tương ứng. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau (thi viết, thi vấn đáp, bài tập, hội thảo, tiểu luận, thuyết trình ...) dựa trên thang tư duy của Bloom [H1.10.03.07]. Tùy từng lớp học, giảng viên đề xuất phương án tổ chức kỳ thi để nhà trường và đội ngũ cán bộ hỗ trợ có thể hỗ trợ việc tổ chức thi cho khoá học, và tuân theo quy định [H1.10.03.08]. Các hình thức đánh giá, kiểm tra được ghi trong đề cương chi tiết chương trình và được giảng viên thông báo cho sinh viên trước khi bắt đầu giảng dạy môn học để sinh viên có định hướng và kế hoạch học tập phù hợp [H1.10.03.09]. Sau khi kết thúc giảng dạy, Bộ môn cùng với các GV phụ trách các môn học sẽ họp để đánh giá thống nhất các hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá để đảm bảo đúng quy định về dạy và học. Trước kỳ thi giảng viên có trách nhiệm xây dựng đề thi và đáp án (đối với hình thức thi viết và vấn đáp) cho từng môn học và được nộp về Khoa/phòng Đào tạo để tổ chức thi. Điểm kiểm tra đánh giá sinh viên được tính theo trọng số đã được đề cập trong đề cương chi tiết của học phần (thông thường, trọng số (%)) của điểm thi giữa kỳ/thường xuyên/cuối kỳ là 20/20/60. Các bài kiểm tra được thảo luận sau kỳ thi để tổng hợp ra những lỗi thường gặp, sau đó hỗ trợ và giải đáp cho sinh viên. Các câu hỏi của sinh viên liên quan đến quá trình đánh giá được hỏi đáp qua cán bộ giảng dạy (quá trình điểm, giữa kỳ) hoặc thông qua các chương trình tập huấn của Khoa và của Trường. Để đảm bảo chất lượng của kỳ thi, Trường thành lập các Hội đồng xét tốt nghiệp. Khoa thành lập các Hội đồng chấm khoá luận tốt nghiệp và Hội đồng chấm khóa luận dựa trên thang rubric được xây dựng. Các Hội đồng có nhiệm vụ đảm bảo rằng quy trình thi hay bảo vệ luận văn được thực hiện đúng quy chế. Để đánh giá chất lượng phương pháp và nội dung giảng dạy của giảng viên, Trường đã triển khai lấy ý kiến phản hồi củ sinh viên về hoạt động giảng dạy của tất cả các

học phần thông qua hình thức khảo sát trực tuyến ở cuối mỗi học kỳ H1.10.03.10. Kết quả phản hồi của sinh viên có thể giúp các giảng viên điều chỉnh, cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá tạo môi trường giáo dục ngày càng thân thiện với người học. Khi một giảng viên nhận được một số lượng lớn phản hồi tiêu cực, các điều chỉnh sẽ được đưa ra ở các cấp quản lý cao hơn (cấp Khoa, cấp Trường). Theo kết quả phản hồi của sinh viên, sinh viên ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm hầu hết hài lòng với các học phần được đưa ra trong chương trình đào tạo. Các giảng viên được lựa chọn ngẫu nhiên để đánh giá đều đã nhận được phản hồi cho điểm cao hơn điểm trung bình toàn trường H1.10.03.11. Bên cạnh đó, một số ý kiến đóng góp để nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên cũng đã được nhìn nhận. Đặc biệt, với một số cán bộ mời giảng có chuyên môn sâu và phù hợp nhưng kinh nghiệm giảng dạy chưa nhiều, khi nhận được các góp ý của sinh viên, các cán bộ đã có những điều chỉnh kịp thời để nâng chất lượng dạy và học. Tuy nhiên, việc thu thập thông tin cụ thể của những người tham gia đóng góp ý kiến lại khiến một số sinh viên rụt rè khi đánh giá, đây cũng là điểm cần thay đổi để có thể tạo không khí cởi mở hơn khi nhận đánh giá từ sinh viên. Hơn nữa, hoạt động giảng dạy của giảng viên cũng được đánh giá thông qua sự góp ý của các đồng nghiệp, lãnh đạo Bộ môn, lãnh đạo Khoa và hội thảo khoa học. Từ những phản hồi này, giảng viên có kế hoạch điều chỉnh phương pháp và nội dung dạy học, kiểm tra đánh giá cho phù hợp. Việc đánh giá kết quả học tập của người học trước khi áp dụng đều được Khoa lấy ý kiến cán bộ trong Khoa để tạo sự đồng thuận, khách quan và công bằng cho người học.

2) Điểm mạnh

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập được Trường và Khoa rà soát, đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra, lắng nghe các ý kiến của các bên liên quan một cách đều đặn. Hệ thống kiểm tra đánh giá chặt chẽ, đa dạng, khoa học, phương pháp giảng dạy của giảng viên có tính linh hoạt, cập nhật nhằm đảm bảo phù hợp với người học.

3) Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến đánh giá của sinh viên đối với học phần giảng dạy chưa đồng bộ, hiện mới lấy ngẫu nhiên một số học phần để đánh giá. Hình thức đánh giá lấy ý kiến cần được đổi mới phù hợp hơn, đảm bảo quyền cho người đánh giá. Các hoạt động rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của các giảng viên trẻ chưa được thực hiện thường xuyên.

4) Kế hoạch hành động

Đánh giá quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập tiếp tục được duy trì. Hoàn thiện đồng bộ quy trình lấy ý kiến của sinh viên đối với học phần đào tạo. Cập nhật các mẫu lấy ý kiến của sinh viên, các bên liên quan để đảm bảo tính trung thực, thẳng thắn, bí mật cho người góp ý, tránh tình trạng lộ thông tin, đặc biệt là những ý kiến đóng góp về các mặt tiêu cực.

Khoa và Phòng Thanh tra đảm bảo chất lượng tiếp tục rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập.

Năm học 2024-2025 sẽ xây dựng kế hoạch, điều chỉnh mẫu lấy ý kiến sinh viên đối với các học phần giảng dạy để đảm bảo tính khách quan và đồng bộ cho tất cả các học phần trong CTĐT.

Thường xuyên tổ chức rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện bởi các giảng viên trẻ.

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 5/7.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1) Mô tả hiện trạng

Hoạt động nghiên cứu khoa học được xác định là một trong hai nhiệm vụ cơ bản, trọng tâm trong Trường ĐHKHTN. Thông qua kết quả nghiên cứu khoa học, giảng viên có thể khẳng định khả năng chuyên môn của mình. Hàng năm, các cán bộ giảng viên, nghiên cứu

viên đều đăng ký và được chấp nhận để chủ trì hoặc tham gia triển khai rất nhiều các đề tài khoa học các cấp, từ cấp cơ sở, cấp ĐHQGHN, cấp Bộ đến cấp Nhà nước, cũng như các đề tài nghị định thư, đề tài phối hợp trong và ngoài nước. Chỉ tính từ năm 2021 đến nay, Khoa Môi trường đã và đang chủ trì thực hiện rất nhiều đề tài các cấp từ cơ sở đến cấp Nhà nước, với tổng kinh phí mỗi năm khoảng từ 10-15 tỷ đồng (năm 2023 tổng kinh phí từ các hoạt động nghiên cứu đề tài các cấp, HĐ tư vấn, chuyển giao NCKH,... đạt trên 25 tỷ đồng, trong đó các đề tài, dự án có nội dung liên quan và phục vụ cho ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm chiếm trên 50%). Hàng năm, Khoa Môi trường công bố trên dưới 70 bài báo trên các tạp chí quốc tế, 30-70 báo cáo khoa học trong nước và nhiều bài đăng tại các hội nghị khoa học quốc tế và trong nước, 5-10 sở hữu trí tuệ/giải pháp hữu ích. Khoa Môi trường đã thiết lập được mối quan hệ chặt chẽ với nhiều Trường Đại học và Viện nghiên cứu trong nước và quốc tế (Hoa Kỳ, Thụy Điển, Đức, Tây Ban Nha, Đan Mạch, Phần Lan, Hungary, Bỉ, Nga, Úc, Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Indonesia, Thái Lan...) H1.10.04.01.

Bảng 10.1. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	6	3	4	1	2	32
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	2	6	4	2	3	17

3	Đề tài cấp trường	0,5	5	1	4	3	3	8
4	Tổng		13	10	12	6	8	58

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

Tổng số đề tài quy đổi: 58.

Bảng 10.2. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2019	25.150	95,2	465,7
2	2020	28.000	96,11	518,5
3	2021	25.387	96,57	470,1
4	2022	30.125	94,3	528,5
5	2023	46.821	95,7	821,4

NCKH giúp GV có nhiều kiến thức thực tế đưa vào giảng dạy, nâng cao chất lượng giảng dạy và đào tạo của Khoa và Nhà trường. So với năm 2017, số lượng đề tài cũng như các bài báo khoa học của Khoa đã tăng gấp 3 -4 lần, đặc biệt là có sự gia tăng lớn về số lượng các đề tài cấp quốc gia. thông tin và kết quả nghiên cứu của các đề tài được cập nhật, là

các ví dụ nghiên cứu cập nhật trong các bài giảng để làm phong phú và có liên hệ lý thuyết và thực tế trong quá trình giảng dạy.

Hoạt động NCKH đã giúp nâng cao trình độ cho giảng viên thông qua việc thực hiện đề tài và xuất bản các bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sản phẩm sở hữu trí tuệ... và đồng thời còn được áp dụng vào hoạt động dạy và học, nâng cao chất lượng bài giảng.

Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học:

- Đối với hoạt động giảng dạy

+ Thành quả nghiên cứu khoa học giúp nâng cao trình độ chuyên môn cho giảng viên và được sử dụng trong hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp, nghiên cứu khoa học cho sinh viên. Khoa Môi trường là một Khoa có phong trào nghiên cứu khoa học sinh viên rất sôi nổi, luôn đứng trong top 3 của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQGHN. Các báo cáo NCKH sinh viên được tăng dần theo các năm. Năm học 2020 - 2021, mặc dù trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch Covid-19, số báo cáo nghiên cứu khoa học của sinh viên nhìn chung vẫn ở mức cao so với các khoa khác trong Trường (xếp thứ 2 về số lượng NCKH sinh viên trong toàn Trường). Số lượng sinh viên tham gia NCKH cũng tăng lên theo các năm cho thấy chất lượng học tập ngày càng được cải thiện. Số lượng bài báo khoa học đã được công bố có tên của các sinh viên tham gia nghiên cứu trung bình từ năm 2017 - 2022 là từ 3 - 8 bài tăng dần qua các năm. Đặc biệt, năm học 2023-2024, Khoa Môi trường đứng thứ 2 toàn trường về phong trào sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học. Tháng 4 hàng năm, Khoa Môi trường thường tổ chức Hội nghị báo cáo khoa học cho sinh viên với số lượng khoảng 60 - 100 báo cáo dưới hình thức báo cáo trình bày, poster hoặc kết hợp cả 2, đó thực sự là ngày hội khoa học của sinh viên, và có nhiều nhóm nghiên cứu cùng cán bộ hướng dẫn đã đạt nhiều thành tích giải thưởng [H1.10.04.02-3]. Hàng năm, phần lớn sinh viên thuộc các ngành học của Khoa đều tham gia làm Khóa luận tốt nghiệp H1.10.04.04. Điều này giúp cho sinh viên có thêm kiến thức sâu rộng hơn nữa về một lĩnh vực nào đó của ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm. QHT.2020 là khoá đầu tiên của ngành được đào tạo, tháng 6/2024, 100% (86 sinh viên) đã được giao đề tài nghiên cứu khoá luận tốt

nghiệp và cán bộ hướng dẫn phù hợp, trong đó 91% sinh viên đã hoàn thành và bảo vệ khoá luận thành công với tỉ lệ điểm khoá luận tốt nghiệp A+ là 38% và A là 60%. Trong tổng 86 sinh viên khoá QHT2020, đã có 63 sinh viên tốt nghiệp đợt tháng 6/2024 với tỉ lệ xếp loại bằng tốt nghiệp xuất sắc 4,7%, tốt nghiệp loại giỏi chiếm 46% H1.10.04.05.

+ Các kết quả nghiên cứu khoa học như bài báo, sách chuyên khảo, được lấy làm tài liệu tham khảo và được cập nhật vào bài giảng nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy. Nhiều bài báo khoa học đã được công bố có sự tham gia của các sinh viên. Một số sách chuyên khảo là sản phẩm của đề tài và luận án tiến sĩ được xuất bản phục vụ cho giảng dạy. Đặc biệt có những sinh viên đã có những công bố khoa học chất lượng khi tham gia nghiên cứu khoa học H1.10.04.06. Tuy vậy, mức độ chuyển tải các kết quả nghiên cứu thành nội dung bài giảng thực tế chưa cao.

Bảng 10.3. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	38	65	72	76	67	477
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	29	51	47	74	41	242
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5						
	Tổng		67	116	119	150	108	719

Bảng 10.4. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	44	27	28	13	4	116
2	Hội thảo trong nước	0,5	14	23	14	1	16	34
3	Hội thảo cấp trường	0,25						
4	Tổng		58	50	42	14	20	150

+ Các sáng chế và giải pháp hữu ích được các giảng viên của Khoa sử dụng để lồng ghép vào các nội dung phù hợp của môn học để giúp sinh viên có những kiến thức thực tế ứng dụng các sản phẩm của nghiên cứu khoa học.

Bảng 10.5. Bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2018-2019	- Giải pháp hữu ích, Số: 115790/QĐ-SHTT ngày 23/12/2019, Nguyễn Mạnh Khải, Phạm Thị Thúy
2019-2020	- Độc quyền sáng chế, số 1-2020-00835 ngày 17/02/2020, Nguyễn Mạnh Khải/ Nguyễn Mạnh Khải, Phạm Thị Thúy, Phạm Đức Thắng, Nguyễn Trung Kiên, Ngô Huy Khoa, Lê Hồng Duyên

2020-2021	<ul style="list-style-type: none"> - Giải pháp hữu ích, Số 5618w/QĐ-SHTT ngày 20/5/2020, Nguyễn Văn Huống, Nguyễn Văn Hoàng, Tô Văn Thiệp, Nguyễn Mạnh Khải - Độc quyền sáng chế, Số 14139w/QĐ-SHTT, ngày 22/9/2020, Nguyễn Mạnh Khải
2021-2022	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng độc quyền sáng chế số 31676, cấp theo Quyết định số 4305w/QĐ-SHTT ngày 16/3/2022, Nguyễn Văn Lợi - Bằng độc quyền sáng chế số 32469, cấp theo Quyết định số 4487w/QĐ-SHTT ngày 09/6/2022, Nguyễn Văn Lợi - Bằng độc quyền sáng chế- Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ số 15316w/QĐ-SHTT ngày 29/9/2021, Nguyễn Văn Lợi, Nguyễn Mạnh Khải - Bằng độc quyền sáng chế- Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ số 4537w/QĐ-SHTT ngày 21/03/2022, Nguyễn Văn Lợi, Nguyễn Mạnh Khải - Bằng độc quyền sáng chế - Công văn 7670w/SHTT-SC ngày 13/4/2022, Nguyễn Mạnh Khải, Phạm Thị Thúy, Nguyễn Xuân Huân, Nguyễn Thị Hà.
2022-2023	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng sáng chế Công văn dự định cấp bằng số 84139/SGTT-SC.ip ngày 31/10/2023, Nguyễn Kiều Băng Tâm - Giải pháp hữu ích. Chấp nhận đăng số 43733/QĐ-SHTT ngày 19/6/2023 Trần Thị Huyền Nga - Giải pháp hữu ích Chấp nhận đăng số 109017/QĐ-SHTT ngày 29/11/2023 - Bằng độc quyền sáng chế số 36659, cấp theo Quyết định số 53058/QĐ-SHTT ngày 10/7/2023 của Cục Sở hữu Trí tuệ- Bộ Khoa học và Công nghệ, Nguyễn Văn Lợi - Bằng độc quyền sáng chế số 37774, cấp theo Quyết định số 92482/QĐ-SHTT ngày 02/11/2023 của Cục Sở hữu Trí tuệ- Bộ Khoa học và Công nghệ, Nguyễn Văn Lợi - Giải pháp hữu ích. Chấp nhận đơn hợp lệ số 119049/QĐ-SHTT, ngày 15/12/2023, Ngô Thị Tường Châu, Lê Văn Thiện, Đào Văn Huy - Độc quyền sáng chế: Chấp nhận đơn hợp lệ số 3371/QĐ-SHTT, ngày 12 tháng 1 năm 2024. Nguyễn Văn Lợi, Lê Anh Tuấn, Đỗ Thị Hạnh

- Đối với hoạt động học

+ Các số liệu, kết quả của các đề tài nghiên cứu khoa học được lấy làm tài liệu tham khảo, bài tập cho sinh viên thực hành. Một số trang thiết bị, dụng cụ, hoá chất từ các đề tài dự án nghiên cứu được sử dụng cho công tác đào tạo, đặc biệt là với các môn học có thực hành trong phòng thí nghiệm, sinh viên làm dự án, làm khoá luận tốt nghiệp.

+ Báo cáo nghiên cứu khoa học của sinh viên là kết quả hỗ trợ và định hướng nghiên cứu của các đề tài, dự án do các giảng viên trong và ngoài Khoa làm chủ trì. Việc tham gia

các đề tài nghiên cứu khoa học không những nâng cao kỹ năng nghiên cứu, biết cách giải quyết vấn đề mà còn tạo động lực học tập cho sinh viên, giúp sinh viên hiểu hơn các nội dung được học lý thuyết trên lớp cũng như hoàn thiện các kỹ năng tìm kiếm, đọc và trích dẫn tài liệu tham khảo, kỹ năng thuyết trình,....

Các cán bộ Khoa Môi trường đã tích cực tham gia vào việc xây dựng các học liệu trực tuyến và tham gia nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy như áp dụng phần mềm LMS vào trong việc giảng dạy kết hợp trực tuyến và trực tiếp, tham gia vào các dự án về xây dựng học phần theo tiếp cận giáo dục kết hợp (blended learning). Từ các hoạt động nghiên cứu phương pháp giảng dạy, các cán bộ Khoa đã đạt các giải thưởng trong việc đổi mới hoạt động giảng dạy như “Nhà giáo dục đổi mới sáng tạo ĐHQGHN năm 2020, 2021”, H1.10.04.07.

2) Điểm mạnh

Nhiều đề tài NCKH mang tính ứng dụng cao trong lĩnh vực chuyên môn đáp ứng đào tạo ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm. Từ những kết quả NCKH đã giúp cho sinh viên (người học) có thêm những trải nghiệm thực tế, người học bổ sung nhiều kiến thức từ lý thuyết đến thực tập nghề nghiệp trong quá trình học phục vụ cho công tác sau này.

Khoa Môi trường rất coi trọng việc đào tạo kỹ năng NCKH cho SV, do vậy trong tất cả các đề tài nghiên cứu khoa học nêu trên đều có sự tham gia tích cực của sinh viên. Số lượng công trình NCKH được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước khá lớn tính bình quân trên mỗi giảng viên.

Hầu hết các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo với ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng. Do vậy, kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học đều được ứng dụng vào việc giảng dạy các học phần lý thuyết cũng như các học phần thực hành, thực tập thực tế của SV. Thông qua việc được tham gia nghiên cứu khoa học cùng các giảng viên, SV đã có kỹ năng NCKH tốt và có thêm trải nghiệm thực tế. Điều này giúp ích rất nhiều cho SV khi ra trường có thể hòa nhập ngay với thị trường lao động.

Khoa Môi trường đã thực hiện các đề tài nghiên cứu nhằm đổi mới hoạt động giảng dạy, nâng cao chất lượng dạy học của giảng viên và đã có kết quả ứng dụng trong việc nâng cao chất lượng dạy học, kịp thời thích ứng với xu hướng giảng dạy kết hợp (blended learning).

Có hỗ trợ cho các nhóm sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học dưới hình thức tài trợ kinh phí. Hằng năm, có khoảng 20 nhóm sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học được hỗ trợ kinh phí mua nguyên vật liệu, hoá chất để thực hiện nghiên cứu H1.10.04.08. Nhà trường và Khoa luôn khuyến khích tạo mọi điều kiện cho các giảng viên, nghiên cứu viên đăng ký đề tài các cấp, thúc đẩy hợp tác trong nước và quốc tế, giao lưu trao đổi khoa học và đào tạo nhằm nâng cao chất lượng các công trình nghiên cứu, nâng tầm chất lượng khoa học, chất lượng chuyên môn của các cán bộ giảng dạy, qua đó góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy. Khoa cũng luôn đẩy mạnh phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên nhằm đáp ứng việc học đi đôi với hành giúp các sinh viên không những có kiến thức chuyên môn vững vàng mà còn có nhiều kỹ năng khác.

Một số đề tài dự án đã được trang bị thiết bị, dụng cụ và được sử dụng cho việc giảng dạy một cách rất hiệu quả, ví dụ như máy sấy lạnh, lò nướng bánh... hiện đang được đặt tại Phòng thí nghiệm Bộ môn Khoa học và Công nghệ thực phẩm.

3) Điểm tồn tại

Mức độ chuyển tải các kết quả nghiên cứu thành nội dung bài giảng thực tế chưa cao.

4) Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, hàng năm cần tăng cường tính đa dạng và phát triển các hướng nghiên cứu chuyên sâu của các cán bộ, từ đó có nhiều hơn nữa các đề tài cho sinh viên nghiên cứu, tham gia thực hiện.

Từ năm 2024, hàng năm cần tăng cường thực hiện các đề tài nghiên cứu phục vụ cho đổi mới hoạt động và nâng cao chất lượng giảng dạy.

Tăng cường chuyển tải các kết quả nghiên cứu thành nội dung bài giảng để nâng cao chất lượng giảng dạy.

5) *Tự đánh giá*: Đạt, mức: 6/7.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1) *Mô tả hiện trạng*

Tại ĐHKHTN có 2 đơn vị phụ trách mảng cơ sở vật chất gồm: Phòng Quản trị - Bảo vệ, Phòng KH&CN. Trong đó, Phòng Quản trị - Bảo vệ phụ trách việc sửa chữa, cải tạo, xử lý các sự cố thông thường về điện, nước, trang thiết bị phòng học và phòng làm việc; Phòng KH&CN quản lý các thiết bị KH&CN [H1.10.05.01].

Các loại hình dịch vụ hỗ trợ gồm: Thư viện, bệnh viện, ký túc xá, các hoạt động đoàn - hội, trung tâm giới thiệu việc làm, các nguồn học bổng...

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và trang thiết bị thường xuyên được đánh giá thông qua các hình thức sau: Thanh tra [H1.10.05.02]; Phiếu phản hồi [H1.10.05.03, H1.10.05.04]; Hòm thư góp ý [H1.10.05.05]; Sổ góp ý tại các phòng chờ giảng [H1.10.05.06]; Đối thoại và các cuộc họp Khoa, Hội nghị cán bộ viên chức [H1.10.05.07]. Ngoài ra có các hướng dẫn 5077/HD-ĐHQGHN (ngày 23/12/2014) và hướng dẫn 581/HD-ĐHQGHN (ngày 20/2/2020) thay thế hướng dẫn 5057/HD-ĐHQGHN của Đại học Quốc gia Hà Nội về Hướng dẫn đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của các bên liên quan. Hàng năm, Phòng TTPC&ĐBCL đều có các báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan (giảng viên, sinh viên, học viên) để đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) phục vụ người học. Từ đó, đưa ra các đánh giá, đối sánh kết quả khảo sát giữa các năm và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng các dịch vụ tiện ích và hỗ trợ người học [H10.10.05.08]. Cụ thể: Kết quả khảo sát trong năm học 2020 và 2021 cho thấy hoạt động tiện ích và hỗ trợ người học nhìn chung ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học.

Công tác đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, y tế, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, ...) thường xuyên được Trường và Khoa quan tâm, thực hiện định kỳ. Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng là đầu mối thu thập, xử lý thông tin và viết báo cáo kiểm định chất lượng các hoạt động của Trường, trong đó có thông tin phản hồi về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và trang thiết bị [H1.10.05.09, H1.10.05.10]. Kết quả xử lý được gửi cho lãnh đạo các Khoa, các Phòng Ban chức năng và Ban giám hiệu để kịp thời xử lý và cải tiến, sau đó báo cáo ĐHQGHN [H1.10.05.11]. Tại Trường ĐHKHTN có 3 đơn vị phụ trách mảng cơ sở vật chất gồm: Phòng Quản trị - Bảo vệ, Phòng Khoa học - Công nghệ và Ban quản lý các dự án xây dựng. Trong đó Phòng Quản trị - Bảo vệ phụ trách xử lý các sự cố thông thường về điện, nước, trang thiết bị phòng học và phòng làm việc. Phòng Khoa học - Công nghệ quản lý các thiết bị Khoa học - Công nghệ. Ban quản lý các dự án xây dựng phụ trách việc xây dựng các hạng mục công trình lớn [H1.10.05.10].

Bên cạnh đó, số lượng và chất lượng trang thiết bị sử dụng trong đào tạo được giảng viên và sinh viên định kỳ đánh giá [H1.10.05.12]. Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng phối hợp cùng Phòng Khoa học - Công nghệ tổ chức các đợt kiểm tra định kỳ và đợt xuất về hiệu quả sử dụng trang thiết bị, công tác đảm bảo an toàn của các PTN [H1.10.05.01].

Chất lượng hoạt động hỗ trợ của Ký túc xá

Ngoài ra, một số hoạt động dịch vụ và tiện ích khác phục khoa học cho thấy:

+ Tỷ lệ bạn đọc hài lòng với chất lượng hoạt động phục vụ thư viện được cải thiện qua từng năm, cụ thể: năm 2018 chiếm tỷ lệ 90,1%, năm 2019 là 90,4%, 91,1% năm 2020, 91,3% năm 2022, [H1.10.05.08].

+ Hệ thống hạ tầng, máy móc, thiết bị PTN của Nhà trường đã được quản lý theo đúng quy định và cơ bản được sử dụng có hiệu quả, các máy móc thiết bị phục vụ tốt cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học [H1.10.05.02]. Tuy nhiên, theo đánh giá của các bên liên

quan (sinh viên, học viên) năm học 2020-2021 có chỉ số đánh giá thấp hơn so với năm học 2019-2020 về tiêu chí “Nhà trường có đủ PTN, phòng/địa điểm thực hành với trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu trong phạm vi học phần”. Năm học 2022-2023, tiêu chí về PTN, phòng/ địa điểm thực hành vẫn chưa được đánh giá cao. Tuy nhiên, với riêng Khoa Môi trường, dự án tăng cường năng lực đã được triển khai, nhiều máy móc thiết bị đã được mua sắm trang bị cho Phòng thí nghiệm Phân tích môi trường (máy ICP, HPLC...), Phòng thí nghiệm bộ môn Khoa học và Công nghệ thực phẩm (máy AAS, GC, tủ âm...). Ngoài ra một số máy móc thiết bị từ các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học cũng đã được trang bị thêm, phục vụ cho việc nghiên cứu và giảng dạy.

+ Sở tay góp ý về trang thiết bị, bàn ghế, bục giảng, điện nước và các điều kiện cơ sở vật chất khác trong giảng đường, sau khi bị phản ánh sẽ được Phòng Quản trị - Bảo vệ xử lý kịp thời nhằm đảm bảo chất lượng cho công tác đào tạo [H1.10.05.06].

Bên cạnh đó, số lượng và chất lượng trang thiết bị đào tạo được giảng viên và sinh viên đánh giá định kỳ [H1.10.05.09]. Phòng TTPC&ĐBCL phối hợp cùng Phòng KH&CN tổ chức các đợt kiểm tra định kỳ và đột xuất về hiệu quả sử dụng trang thiết bị, công tác đảm bảo an toàn của các PTN [H1.10.05.10].

Việc nâng cấp cơ sở vật chất của các phòng học, phòng thí nghiệm, hạ tầng công nghệ thông tin, sân chơi,... được thực hiện hàng năm theo kế hoạch và dựa trên các ý kiến phản hồi cũng như yêu cầu về công tác đào tạo và NCKH của Trường, của Khoa [H1.10.05.11]. Các sự cố thông thường về cơ sở vật chất như điện, nước, trang thiết bị phòng học và phòng làm việc được Phòng Quản trị - Bảo vệ tiếp nhận và xử lý kịp thời [H1.10.05.05]. Dựa trên báo cáo sử dụng thiết bị và định hướng nghiên cứu của Khoa dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, hàng năm, Khoa Môi trường có đề xuất sửa chữa hoặc đầu tư trang thiết bị mới [H1.10.05.12]. Dựa trên bản báo cáo kết quả kiểm tra trang thiết bị, cơ sở vật chất, Nhà trường và ĐHQGHN sẽ cung cấp tài chính để bảo trì và tu sửa các dụng cụ bị hỏng hóc hoặc đầu tư mua mới các thiết bị hoặc xây dựng PTN mới. Năm 2022, Trường đã sửa chữa, nâng tầng, nâng cấp phòng học, phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn phòng học thông minh [H1.10.05.11].

Hàng năm, các dịch vụ hỗ trợ sinh viên ngày càng được cải tiến. Phòng y tế có trạm sơ cứu ban đầu [H1.10.05.13]. Dịch vụ hỗ trợ sinh viên ngày càng đa dạng và hiệu quả như: tìm kiếm học bổng [H1.10.05.14], dịch vụ trang bị các kỹ năng mềm thông qua các câu lạc bộ [H1.10.05.15], dịch vụ tìm kiếm việc làm thêm [H1.10.05.16], các hoạt động đoàn, hội hỗ trợ sinh viên về tinh thần và vật chất [H1.10.05.17]. Các đơn vị chức năng luôn phản hồi kịp thời yêu cầu của sinh viên [H1.10.05.18].

Để nâng cao khả năng tìm việc của sinh viên khi tốt nghiệp, Trường và Khoa tổ chức các hội chợ việc làm, thành lập mạng lưới cựu sinh viên [H1.10.05.19], thiết lập cổng thông tin tìm cơ hội việc làm và hợp tác [H1.10.05.16]. Ngày hội việc làm, gặp gỡ các nhà tuyển dụng đã được tổ chức đều đặn hàng năm từ 2022. Đặc biệt ngày 28/6/2024, ngày hội việc làm cho sinh viên đã được tổ chức với sự tham gia của hơn 20 nhà tuyển dụng uy tín ở Hà Nội và các tỉnh phía Bắc, trong đó có 70% các nhà tuyển dụng có liên quan đến ngành nghề khoa học và công nghệ thực phẩm. Thư mời, thư ngỏ tuyển dụng từ các công ty, nhà máy cho sinh viên ngành khoa học và công nghệ thực phẩm được gửi đến Bộ môn, Khoa, Nhà trường H1.10.05.20.

Thư viện Trường (tầng 7 nhà T5 và thư viện ở Kí túc xá Mễ Trì) mở cửa trong giờ làm việc từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều, từ thứ Hai đến thứ Sáu. Các tài liệu và cơ sở dữ liệu của thư viện đã được cập nhật và mua bổ sung để hỗ trợ tốt hơn cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu [H1.10.05.21]. Đặc biệt Khoa Môi trường có thư viện được đặt tại Phòng 401T2, lưu trữ nhiều tài liệu chuyên ngành phục vụ cho sinh viên trong Khoa.

2) Điểm mạnh

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trường ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học. Hầu hết các giảng đường được đầu tư, nâng cấp thường xuyên những thiết bị cơ bản nhất phục vụ cho việc học tập như máy chiếu, ánh sáng,... Hệ thống thư viện (ngoài thư viện của Trường thì Khoa cũng có thư viện riêng), hệ thống công nghệ thông tin được Nhà trường chú trọng quan tâm, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ việc đọc, tra cứu tài liệu học tập, giảng dạy được cải thiện qua các năm. Việc nâng cấp và bảo trì các hệ thống phần mềm

phục vụ, hỗ trợ công tác dạy và học được thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và NCKH. Các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ đào tạo ngành Khoa học môi trường đáp ứng việc học tập của sinh viên và giảng dạy của GV.

Trong quá trình dạy học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên nói chung và Khoa Môi trường nói riêng, thường xuyên lắng nghe phản ánh của GV và SV về cơ sở vật chất và có sự cải tiến để đáp ứng nhu cầu đào tạo và học tập.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được đánh giá và cải tiến một cách có hệ thống. Thông qua thanh kiểm tra, đánh giá cũng như qua các ý kiến phản hồi về các hoạt động hỗ trợ, tiện ích, Nhà trường và Khoa đã có những cải tiến, nâng cấp chất lượng tương đối thỏa mãn nhu cầu của người học.

3) Điểm tồn tại

Chất lượng về hệ thống mạng in internet, chất lượng các bữa ăn cũng như trách nhiệm, thái độ phục vụ của nhân viên trong ký túc xá cần được nâng cao hơn.

Các trang thiết bị phục vụ học tập, nghiên cứu của giảng viên, sinh viên như: đường truyền internet, phòng thí nghiệm hoặc phòng thực hành, phòng máy và trang thiết bị hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu (máy chiếu, quạt, đèn chiếu sáng, bàn ghế, ổ cắm,...) thì thoáng còn chưa thật sự đảm bảo.

Việc triển khai cải tiến một số dịch vụ hỗ trợ (đường truyền internet tại một số khu vực nhà T1, T5) diễn ra còn chậm, chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu thực tế.

4) Kế hoạch hành động

- Cần huy động, sử dụng các nguồn kinh phí để sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng hằng năm nhằm cải thiện, khắc phục các sự cố liên quan đến máy chiếu, hệ thống đường truyền mạng internet gây khó khăn cho giảng viên và sinh viên trong quá trình học và nghiên cứu khoa học.

- Từ 2024 cần nâng cao chất lượng các bữa ăn cũng như trách nhiệm, thái độ phục vụ của nhân viên ký túc xá trong quá trình hỗ trợ người học.

Tăng cường nguồn lực hơn nữa cho việc cải tiến một số dịch vụ hỗ trợ để kịp thời với nhu cầu thực tế của hoạt động giảng dạy.

Tiếp tục cải tiến phương pháp đánh giá, khảo sát để có được cơ sở dữ liệu tốt hơn về đánh giá, khảo sát các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.

5) *Tự đánh giá*: Đạt, mức: 5/7.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1) Mô tả hiện trạng

Cơ chế thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện mang tính hệ thống được thực hiện xuyên suốt từ cấp ĐHQGHN (Viện Đảm bảo chất lượng), cấp Trường ĐHKHTN (Phòng Thanh tra Pháp chế và Đảm bảo chất lượng - TTPC&ĐBCL), đến cấp Khoa (tổ đảm bảo chất lượng cấp Khoa), và được thực hiện thông qua hướng dẫn đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan (5077/HD-ĐHQGHN, 2014), hướng dẫn đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan (581/HD-ĐHQGHN, 2020) [H1.10.06.01]. Kết quả phản hồi từ các bên liên quan do các ban chức năng thuộc ĐHQGHN và Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục (ĐBCLGD) được sử dụng làm căn cứ đề xuất, tư vấn với Giám đốc ĐHQGHN các giải pháp quản lý, chỉ đạo các đơn vị trong những hoạt động đào tạo cụ thể, đồng thời giám sát hoạt động cải tiến chất lượng của các đơn vị nhằm không ngừng nâng cao chất lượng các mặt hoạt động trong toàn ĐHQGHN. Kết quả còn làm căn cứ để điều chỉnh các chính sách, xây dựng các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo nói riêng và các hoạt động liên quan nói chung tại đơn vị thuộc ĐHQGHN. Hướng dẫn 581 và 5077 còn nêu rõ việc cung cấp thông tin, yêu cầu bảo mật đối với từng loại

hình, và qui định mối quan hệ, trách nhiệm, và yêu cầu các đơn vị với từng hoạt động khảo sát các bên liên quan.

+ Đơn vị chuyên trách Phòng TT&ĐBCL trực thuộc Trường Đại học Khoa học Tự nhiên được thành lập ngày 08/4/2009 theo Quyết định số 93/QĐ-TCCB. Ngày 30 tháng 7 năm 2014, Phòng được đổi tên thành Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng. Các chức năng, nhiệm vụ của Phòng được thực hiện theo Quy định 1967/QĐ-TCCB, Tổ đảm bảo chất lượng của Khoa Môi trường [H1.10.06.02] cũng được thành lập với 5 thành viên, đứng đầu là Phó trưởng Khoa phụ trách công tác đào tạo và đảm bảo chất lượng cùng một số thành viên là các cán bộ trợ lý công tác sinh viên, trợ lý đào tạo và trợ lý Khoa học và thiết bị.

+ Có kế hoạch rõ ràng: Các bên liên quan được khảo sát dựa trên quy định của ĐHQGHN và hàng năm, Trường có kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm đều xây dựng lịch trình khảo sát cho từng bên liên quan [H1.10.06.03] và Trường tổ chức lấy ý kiến giảng viên về công tác điều hành bằng mẫu phiếu [H1.10.06.04]. Ngoài ra, Hiệu trưởng có lịch trực tiếp công dân (thường diễn ra chiều thứ 5) để lắng nghe và giải đáp các ý kiến phản hồi của công dân. Hàng năm, trong các cuộc họp tổng kết, có sự tham gia của Lãnh đạo nhà trường, đều có đối thoại giữa Lãnh đạo Khoa với toàn thể viên chức và người lao động trong Khoa [H1.10.06.05].

* Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá

Hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được quản lý, theo dõi và giám sát và báo cáo bởi Phòng TTPC & ĐBCL trên qui mô toàn trường hàng năm đều có báo cáo đánh giá phản hồi này [H1.10.06.06].

Để điều chỉnh chương trình đào tạo, sau mỗi lần tổ chức hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi, Khoa Môi trường đều rà soát kết quả, đề xuất nhà trường điều chỉnh, cải tiến CTĐT [H1.10.06.07].

Kết quả lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được Nhà trường, các đơn vị phòng, ban chức năng và Khoa Môi trường có chương trình đào tạo được lấy ý kiến tổng hợp, phân tích và đánh giá nhằm rút ra những bài học để cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo. Cụ thể chương trình năm 2020 và 2022 đã được Khoa Môi trường [H1.10.01.06] đề xuất các chỉnh sửa trên cơ sở phản hồi của các bên liên quan, chẳng hạn thêm các học phần tự chọn cho khối kiến thức theo lĩnh vực, hoặc khối kiến thức ngành năm 2019 thay đổi điều chuyển một số học phần để đưa học phần bắt buộc liên quan trực tiếp đến yêu cầu công việc của sinh viên sau khi ra trường.

*** Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được cải tiến**

Giai đoạn từ 2017- nay việc triển khai lấy ý kiến đánh giá bằng hình thức trực tuyến đã được thực hiện thường xuyên hàng năm. Đã thực hiện lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với từng học phần; giảng viên thực hiện công tác tự đánh giá hoạt động giảng dạy; Ban Giám hiệu, Lãnh đạo các khoa và các phòng, ban chức năng được lấy ý kiến đánh giá kết quả lãnh đạo, quản lý từ cán bộ, giảng viên, người học thông qua mẫu phiếu [H1.10.06.08]. Các ý kiến phản hồi được tổng hợp, phân tích và gửi tới các bên liên quan để góp phần cải tiến chất lượng trong công tác điều hành, quản lý và chuyên môn, nghiệp vụ.

Mẫu phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên về chất lượng giảng dạy giai đoạn 2018-2020 đã có những cải tiến so với giai đoạn trước đó 2015-2017 thể hiện ở những điểm sau: Mẫu phiếu gần đây ngắn gọn hơn tập trung vào 4 vấn đề với 20 câu hỏi so với 6 vấn đề và 26 câu hỏi của giai đoạn trước đó. Mẫu phiếu sau này mặc dù ngắn gọn nhưng lại bao quát, đầy đủ các thông tin cần thu thập với việc bổ sung thêm mục “Điều kiện vật chất khác” và các câu hỏi cũng bám sát vào chuẩn đầu ra của CTĐT. Mẫu phiếu sau này được thiết kế logic, khoa học hơn với mức độ đánh giá được chia thành 5 mức theo thang đo Likert so với 4 mức ở phiếu 2015. Đến năm 2020-2021, Nhà trường thực hiện cải tiến một lần nữa với mẫu phiếu tương tự như của giai đoạn 2018-2020, nhưng bổ sung thêm 02 câu hỏi và được chia ra làm 4 phần là (i) Nội dung học phần (ii) Hoạt động giảng dạy (iii) Hoạt động kiểm tra đánh giá và (iv) Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần. Các kết quả khảo sát sinh viên được Phòng TTPC & ĐBCL gửi trực tiếp đến từng giảng viên nhằm góp phần

nâng cao chất lượng giảng dạy của kỳ tiếp theo [H1.10.06.08]. Các hình thức khảo sát cho lĩnh vực Khoa học Môi trường đã được đăng trực tuyến trên trang web của HUS.

2) Điểm mạnh

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường và Khoa thực hiện một cách bài bản, khoa học, có hệ thống, tuân thủ những quy định hướng dẫn của ĐHQGHN. Đã có đơn vị chuyên trách trong việc thu thập, xử lý thông tin ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Kế hoạch được xây dựng cụ thể, mẫu phiếu khảo sát được đánh giá và cải tiến phù hợp hơn.

3) Điểm tồn tại

Nên có một hệ thống theo dõi về quá trình và kết quả phản hồi của các bên liên quan và mối liên kết chặt chẽ hơn nữa giữa Phòng TTPC & ĐBCL và Phòng Chính trị và Công tác sinh viên với các Khoa để những phản hồi đó đóng góp nhiều hơn vào việc xây dựng chương trình đào tạo cũng như phát triển cơ sở vật chất. Việc hoàn thành được các biểu mẫu cũng gây bất tiện cho người trả lời do phải tải xuống, in và điền các câu trả lời trên giấy; đồng thời cũng gây khó khăn cho tổ tổng hợp nếu như form mẫu được điền không đúng theo yêu cầu. Do đó, Nhà trường và Khoa đã và đang phát triển các biểu mẫu trực tuyến, để có thể điền trực tiếp, thu thập và xử lý kết quả trực tiếp từ trang web. Tuy nhiên, trong quá trình vận hành, phần mềm khảo sát online còn một số trục trặc kỹ thuật, tỷ lệ sinh viên tham gia phản hồi ý kiến chưa cao dẫn đến Nhà trường chưa thu nhập được đầy đủ các ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên ở 100% học phần. Nội dung đánh giá về cơ chế phản hồi thành các câu hỏi trong các phiếu thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan chưa thật cụ thể cho từng đối tượng.

4) Kế hoạch hành động

Giai đoạn 2024-2025, phòng TTPC & ĐBCL, Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông và Khoa Môi trường tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp phần mềm khảo sát, đồng thời cố vấn học tập các lớp đôn đốc sinh viên tham gia phản hồi ý kiến; tăng cường kết nối tốt

hơn giữa các Phòng ban với Khoa chuyên môn trong khảo sát, phản hồi kết quả. Tiếp tục cải tiến, củng cố hệ thống phản hồi của các bên liên quan, đẩy mạnh việc đánh giá cơ chế phản hồi.

5) *Tự đánh giá*: Đạt, mức: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Khoa Môi trường đã thực hiện bài bản, thường xuyên và định kỳ nhiều công việc để đánh giá, điều chỉnh, cải tiến đáp ứng nhu cầu xã hội, đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Cụ thể: (1) CTĐT được thiết kế, xây dựng, rà soát, điều chỉnh dựa trên thông tin phản hồi của các bên liên quan và tham khảo các chương trình đào tạo của các trường đại học tiên tiến trong nước; (2) CTDH thường xuyên được đánh giá bởi các bên liên quan và cải tiến định kỳ 2 năm/lần với quy trình chặt chẽ, thống nhất; (3) Quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên theo từng kỳ học, đảm bảo thực hiện mục tiêu của CTĐT; (4) Hoạt động NCKH của GV, SV Khoa đã gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và phục vụ cộng đồng, ứng dụng vào việc cải tiến việc dạy và học; (5) Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được đánh giá, cải tiến phục vụ cho các hoạt động chuyên ngành của giảng viên và sinh viên; (6) Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện có hệ thống, đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho sinh viên.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn: Công tác lấy ý kiến phản hồi về nhu cầu nguồn nhân lực và gặp gỡ các nhà tuyển dụng (tập đoàn, công ty) còn chưa được thường xuyên. Phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế và phát triển CTDH chưa đầy đủ nội dung và tiêu chí đánh giá chưa rõ ràng, các kết quả khảo sát cần đưa ra chi tiết hơn về nội dung này. Việc triển khai cải tiến một số dịch vụ hỗ trợ (chẳng hạn dịch vụ internet) diễn ra còn chậm, chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu thực tế.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng của ngành, cần khắc phục một số tồn tại trong thời gian tới: (2) Tăng cường tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị với sự tham gia của nhiều chuyên gia, người sử dụng lao động, giảng viên, cựu sinh viên, sinh viên nhằm đóng góp ý kiến

phản biện để cải tiến CTDH; (3) Rà soát, điều chỉnh các văn bản, quy định liên quan đến các hoạt động dạy và học, đánh giá kết quả học tập để đảm bảo tính hệ thống, thống nhất và cập nhật; (3) Rà soát, điều chỉnh các văn bản, quy định liên quan đến các hoạt động dạy và học, đánh giá kết quả học tập để đảm bảo tính hệ thống, thống nhất và cập nhật; (4) Cải thiện và nâng cao chất lượng các đề tài NCKH, đặc biệt là đề tài phục vụ và ứng dụng cho việc dạy và học; (5) Rà soát chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường, thành lập bộ phận sửa chữa trang thiết bị ở các phòng học, giảng đường có đường dây nóng nhằm kịp thời khắc phục các sự cố hỏng hóc trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy và học tập; (6) Hoàn thiện và nâng cấp phần mềm khảo sát, nhắc nhở và đôn đốc sinh viên tham gia phản hồi ý kiến đóng góp.

Tiêu chuẩn 10 có 06 tiêu chí, trong đó (tiêu chí 10.1: 6 điểm, 10.2: 6 điểm, 10.3: 5 điểm, 10.4: 6 điểm, 10.5: 5 điểm, 10.6: 5 điểm).

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Kết quả đầu ra của cơ sở giáo dục đại học là cơ sở đánh giá chất lượng đào tạo, là thông tin giúp Trường và Khoa cải tiến CTĐT, cải tiến các hoạt động đảm bảo chất lượng và hệ thống đảm bảo chất lượng nhằm đào tạo sinh viên ngành KH&CNTP của khoa Môi trường, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN có chất lượng tốt, có khả năng làm việc tại các viện nghiên cứu, các sở, ban ngành, các cơ sở kinh doanh, chế biến, ... có liên quan đến lĩnh vực thực phẩm, đồng thời khẳng định vị thế đào tạo hàng đầu của cả nước, khẳng định chất lượng đào tạo của trường ĐHKHTN.

Khoa Môi trường đã từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý, tiến độ đào tạo chuyên ngành KH&CNTP trình độ cử nhân, thuộc CTĐT chuẩn. Trường đã xây dựng quy trình, phân công bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá tiến độ học tập, tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học; phân tích nguyên nhân và đề ra các giải pháp đảm bảo tiến độ học tập và nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp. Trường và Khoa đã đặt ra yêu cầu khuyến khích tham gia NCKH trong quá trình học của sinh viên, thể hiện ở hệ thống quy định, các hình thức

nghiên cứu và thực hiện khóa luận tốt nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển ngành và năng lực của sinh viên theo học.

Trước những yêu cầu của xã hội và nhu cầu của các doanh nghiệp về nhân lực chất lượng cao phục vụ trong ngành thực phẩm. Với yêu cầu thực tế hiện nay của xã hội về thực phẩm không chỉ là ăn no, ăn ngon mà sẽ là an toàn, đủ dinh dưỡng, thực phẩm được kiểm soát cả về chất lượng và an toàn và vệ sinh. Các yêu cầu thực tế về nguồn nhân lực trong công nghệ thực phẩm, kiểm định thực phẩm, đánh giá chất lượng sản phẩm, kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm và các vấn đề về dinh dưỡng ngày càng tăng. Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN đã tuyển sinh khóa đầu tiên, ngành KH&CNTP, từ năm học 2020 - 2021, vì vậy theo CTĐT, đến tháng 6 năm 2024 đã có sinh viên khóa đầu tiên tốt nghiệp.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1) Mô tả hiện trạng

Hệ thống giám sát quá trình học tập, đánh giá kết quả học tập, quy định về thôi học, tốt nghiệp, cảnh báo học vụ được thực hiện theo quy chế và quy định về đào tạo đại học theo hệ thống tin chỉ của Trường. Khoa Môi trường đã giao cho 1 Phó trưởng Khoa phụ trách công tác Đào tạo, công tác sinh viên và đảm bảo chất lượng; 1 trợ lý đào tạo đại học, 1 trợ lý công tác SV và mỗi lớp 1 cố vấn học tập kiêm giáo viên chủ nhiệm có nhiệm vụ hỗ trợ, hướng dẫn, tư vấn SV thực hiện tốt quy chế đào tạo; trực tiếp giải quyết các vấn đề liên quan đến việc học tập của SV; giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV.

Sau mỗi học kỳ, Khoa đều thực hiện rà soát tình hình học tập của SV và lập danh sách SV thôi học. Hằng năm sau khi họp xét học vụ, Khoa có đưa ra bảng so sánh kết quả học tập từ đó họp với lớp, nhóm SV cần cải tiến. Giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập tìm hiểu nguyên nhân từ đó có định hướng điều chỉnh chiến lược dạy học, lịch trình đào tạo cho phù hợp.

Tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình được theo dõi thông qua các phòng chức năng của Trường như Phòng Đào tạo, Phòng Chính trị & Công tác sinh viên, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng [H1.11.01.03]; cấp Khoa thì giao

trực tiếp cho giáo viên chủ nhiệm, trợ lý công tác SV của Khoa thực hiện [H1.11.01.04]. Bên cạnh đó, từng SV cũng tự chủ động theo dõi tình trạng học tập của mình qua tài khoản cá nhân được cấp để truy cập phần mềm quản lý đào tạo [H1.11.01.05]. Số liệu thống kê về SV của 4 khóa học đã và đang đào tạo, phải thôi học vì các lý do khác nhau, theo các quyết định của Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN giai đoạn 2021-2024 [H1.11.01.06] và số SV khóa đầu tiên tốt nghiệp, theo các quyết định công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN, đợt 1 năm 2024 [H1.11.01.09], được thể hiện trong Bảng 11.1.

Bảng 11.1. Tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học

Khóa học	Tổng số sinh viên	Sinh viên tốt nghiệp		Sinh viên thôi học		Sinh viên bỏ học	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
2020-2024	90	63	70	03	3,3	0	0
2021-2025	93	-	-	05	-	-	-
2022-2026	80	-	-	02	-	-	-
2023-2027	88	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: “-” là chưa xác định vì theo quy chế, sinh viên các khóa học này vẫn đang trong thời gian đào tạo

Mặc dầu đang trong thời gian đào tạo, tuy nhiên, một số yếu tố cá nhân như du học, vấn đề về sức khỏe, hạn chế về tài chính hay muốn đổi nghề, ... đã gây khó khăn cho một số SV trong việc đáp ứng thời hạn của chương trình và dẫn đến thôi học [H1.11.01.06]. Số liệu tại Bảng 11.1 cho thấy tỷ lệ sinh viên thôi học của khóa 2021-2025 tăng, nhưng không nhiều so với khóa 2020-2024. Ngoài ra, Vì lý do sức khỏe đã có 03 SV các khóa (K65, K67 và K68) phải nghỉ học [H1.11.01.07]. Cho đến thời điểm hiện tại không có SV bỏ học.

Khoa Môi trường tuân thủ các quy định đào tạo đại học dựa trên tín chỉ, thời gian đào tạo chính thức theo quy chế đào tạo là 4 năm và được phép kéo dài tối đa là 6 năm. Bảng 11.2 thể hiện thực tế khả quan về số liệu SV khóa đầu tiên (2020-2024) của Trường là khá

ôn định, từ khi nhập học (năm 2020) đến đợt xét tốt nghiệp đầu tiên (tháng 6 năm 2024) [H1.11.01.06]; [H1.11.01.07]; [H1.11.01.08]; [H1.11.01.09]; [H1.11.01.09].

Bảng 11.1. Số liệu sinh viên khóa đầu tiên 2020-2024, được xét công nhận tốt nghiệp đợt 1 (tháng 6 năm 2024)

Tổng số SV	Số SV được thực hiện khóa luận tốt nghiệp	Số SV bảo vệ thành công khóa luận tốt nghiệp đợt 1 (tháng 6/2024)	Số SV được xét công nhận tốt nghiệp đợt 1 (tháng 6 năm 2024)			
			Tổng số	Xuất sắc	Giỏi	Khá
90	83 (92,2%)	78 (86,7%)	63 (70%)	3	28	32

Để đảm bảo sinh viên chủ động trong việc thực hiện khóa luận tốt nghiệp, ngay từ đầu năm học, Khoa đã thực hiện việc thông báo để sinh viên đăng ký hướng đề tài và cán bộ hướng dẫn. Đến cuối học kỳ I, tất cả 83 sinh viên khóa 2020 – 2014 (92,2%) đã được Khoa công nhận tên đề tài và giáo viên hướng dẫn thực hiện khóa luận tốt nghiệp [H1.11.01.08]. Vì một số lý do khách quan và chủ quan, chỉ có 78 SV kịp bảo vệ (86,7%) [H1.11.01.09], 5 SV còn lại sẽ bảo vệ đợt tiếp theo, để được xét tốt nghiệp đợt tiếp theo. Đợt 1 (tháng 6/2024) đã có 63 SV (70%) đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định [H1.11.01.10] và đã được cấp bằng Cử nhân ngành KH&CNTP. Đây là khóa tốt nghiệp đầu tiên của các SV ngành KH&CNTP, thuộc Khoa Môi trường, trường ĐHKHTN, ĐHQGHN.

2) Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai chuyên đổi số, với việc triển khai các ứng dụng công nghệ: Mỗi SV có một Mã định danh, email riêng giúp SV dễ dàng theo dõi các thông báo từ Trường/Khoa /GV để có những thay đổi, điều chỉnh kịp thời nhằm đáp ứng tiến độ học tập. Lãnh đạo khoa, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp, báo cáo kịp thời lên Ban lãnh đạo Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp. Giáo viên chủ nhiệm /Cố vấn học tập và trợ lý luôn đồng hành, hỗ trợ các SV có nhu cầu tốt nghiệp sớm đồng thời giám sát chặt chẽ tình hình học tập, tư tưởng, rèn luyện của SV để tư vấn, cảnh báo các SV có nguy cơ thôi học để giảm tỷ lệ SV thôi học.

Kết quả học tập của SV được cập nhật thường xuyên, kịp thời trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của Trường, điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình, kết quả học tập của SV trong quá trình đào tạo. Danh sách SV thôi học cũng được cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của Trường, giúp khoa quản lý SV hiệu quả.

3) Điểm tồn tại

Việc giám sát để đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp, thôi học ngoài trường còn gặp nhiều khó khăn do các cơ sở đào tạo khi có kết quả khảo sát thường ít công bố.

4) Kế hoạch hành động

Đội ngũ tư vấn của Khoa bao gồm Cố vấn học tập, Giáo viên chủ nhiệm và Trợ lý SV, cùng với Đoàn thanh niên, Hội sinh viên Trường, Liên chi đoàn, Hội sinh viên Khoa Môi trường [H1.11.01.04; H1.11.01.11; H1.11.01.12] sẽ tiếp tục tích cực hỗ trợ để tất cả sinh viên đang học hoàn thành chương trình học của mình trong thời hạn cho phép, để đảm bảo tỷ lệ tốt nghiệp cao nhất của sinh viên các khóa. Đội ngũ giáo viên chủ nhiệm, trợ lý đào tạo và trợ lý công tác sinh viên thường xuyên thông báo nhắc nhở về trách nhiệm học tập của SV [H1.11.01.13], để tư vấn, hướng dẫn cũng như các giải pháp cho những SV có ý định thôi học nhằm giúp họ tiếp tục chương trình học của mình. Trong các năm học tới, Khoa Môi trường sẽ xem xét cải tiến việc giám sát SV trong quá trình học tập để khắc phục những điểm tồn tại hiện nay.

5) *Tự đánh giá:* Đạt, mức: 6/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1) Mô tả hiện trạng

Trường ĐHKHTN đã xác lập, giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình cho hệ chuẩn ngành cử nhân KHMT. ĐHQGHN và Nhà trường đã phê duyệt CTĐT ngành KH&CNTPT trong đó xác lập rõ thời gian tốt nghiệp trung bình của người học là 4 năm [H1.11.02.01].

Cho đến thời điểm này khóa đầu tiên của SV ngành KH&CNTP thuộc khoa Môi trường, trường ĐHKHTN, ĐHQGHN mới chỉ có 63 sinh viên tốt nghiệp đợt 1 (tháng 6/2024). Vì vậy, thông tin về thời gian tốt nghiệp trung bình ngành KH&CNTP sẽ cụ thể sau khi có kết quả xét tốt nghiệp đợt 2 của năm học này (2023-2024).

Tuy nhiên, để đảm bảo SV có thể tốt nghiệp đúng hạn, Nhà trường và Khoa đã có nhiều giải pháp để khắc phục vấn đề SV tốt nghiệp muộn, có cơ chế giám sát, cảnh báo học tập SV như thành lập tổ đảm bảo chất lượng [H1.11.02.02], đội ngũ giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập [H1.11.02.03], mở các câu lạc bộ về tiếng Anh cho người học như Câu lạc bộ Tiếng Anh FEC [H1.11.02.04], Câu lạc bộ tin học FOOSC [H1.11.02.05] do Liên Chi Đoàn - Liên chi Hội khoa Môi Trường quản lý để hỗ trợ người học. Sau mỗi kỳ Khoa thường có đánh giá các biện pháp hỗ trợ này, tuy nhiên có lúc các biện pháp cũng chưa thể hiện hiệu quả, chưa nắm bắt rõ được tình hình của SV. Ngoài ra để tạo điều kiện cho người học, Nhà trường đã tổ chức thêm học kỳ hè cho người học đăng ký học vượt để tích lũy đủ tín chỉ, hoàn thành chương trình học tập trước hạn hoặc đăng ký học lại các học phần chưa đạt [H1.11.02.06] để người học dễ dàng nắm bắt và đăng ký học tập.

CTĐT trình độ đại học ngành KH&CNTP [H1.11.02.07] thể hiện mức độ đóng góp của từng học phần vào CĐR của CTĐT. Trong quá trình học, mức độ đạt CĐR theo Thang phân loại Bloom được đánh giá thông qua kết quả học tập của SV theo từng học phần và tăng dần theo học kỳ, sau khi tốt nghiệp, SV sẽ đạt được CĐR của CTĐT. Nhà trường hàng năm đều khảo sát lấy ý kiến của SV về học phần. SV sẽ điền phiếu đánh giá về nội dung học phần, hoạt động giảng dạy và hoạt động kiểm tra đánh giá của giảng viên cũng như cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần vào cuối mỗi học kỳ [H1.11.02.08]. Phiếu sẽ được Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng của Trường tiếp nhận và xử lý một cách khách quan. Kết quả đánh giá được gửi về cho lãnh đạo Khoa và từng giảng viên thông qua hệ thống văn thư hoặc email [H1.11.02.09]. Đây là một trong những cơ sở để giảng viên tham khảo, và có sự thay đổi phương thức kiểm tra, đánh giá trên lớp để ngày càng đáp ứng được sự mong đợi và yêu cầu của SV. Đồng thời cũng là cơ sở để Ban lãnh đạo Khoa, Bộ môn theo dõi và xem xét trong việc phân công nhiệm vụ cho từng giảng viên một cách phù hợp.

Nhìn chung, việc đánh giá kết quả học tập của SV ngành KH&CNTP được thực hiện một cách chuyên nghiệp và khoa học, bám sát các quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHQGHN, của Nhà trường, đảm bảo tính rõ ràng, công khai tới người học với các phương pháp đánh giá đa dạng, mang tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng đáp ứng được các CDR. Quy trình giám sát mức độ đạt CDR của người học được quy định rõ trong quy chế đào tạo của ĐHQGHN [H1.11.02.10] và được phổ biến đến người học thông qua trang web của VNU, HUS và FES [H1.11.02.11], đồng thời phổ biến tới tất cả sinh viên trong Sổ tay sinh viên HUS [H1.11.02.12] và được HUS phổ biến tới toàn thể sinh viên trong “Tuần định hướng” tổ chức vào đầu mỗi năm học [H1.11.02.13]. Kết quả học tập của sinh viên được cập nhật phần mềm quản lý đào tạo để Trường, Khoa giám sát kịp thời và sinh viên dễ dàng truy cập [H1.11.02.14]. Mục tiêu, CDR, CTĐT và hoạt động dạy và học thường xuyên được Trường ĐHKHTN rà soát và cải tiến [H1.11.02.15].

2) Điểm mạnh

Theo khảo sát gần nhất của khoa Môi trường đối với SV ngành KH&CNTP, K65 (khóa 2020-2024) [H1.11.02.16], phần lớn người học ngành KH&CNTP mong muốn tốt nghiệp đúng thời gian khoá học theo quy định. Ngoài ra trong các năm vừa qua, thông qua Phòng Đào tạo, Nhà trường đã có nhiều biện pháp nhằm nâng cao tỷ lệ người học thi đạt và tỷ lệ người học khá giỏi. Lãnh đạo Nhà trường đã bố trí các buổi làm việc với các khoa, bộ môn phụ trách các học phần có tỷ lệ thi đạt chưa cao để tìm ra nguyên nhân và biện pháp giải quyết để cải tiến chất lượng, giúp nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp, để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình.

3) Điểm tồn tại

Việc bố trí học phần “Khởi nghiệp” vào học kỳ VIII là thời gian làm khóa luận tốt nghiệp của SV là chưa hợp lý, vì rất ảnh hưởng tới việc làm thực nghiệm, đặc biệt đối với những SV phải làm khóa luận tốt nghiệp ở các tỉnh, ngoài phạm vi Hà Nội.

4) Kế hoạch hành động

Bố trí học phần “Khởi nghiệp” để SV có thể học trước học kỳ VIII, đảm bảo học kỳ VIII SV chỉ tập trung làm khóa luận tốt nghiệp.

5) *Tự đánh giá*: Đạt, mức: 6/7.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1) Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp là một trong những thước đo về sự thành công và chất lượng của CTĐT. Để hỗ trợ tốt hơn cho các hoạt động của nhà trường nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của xã hội, Khoa Môi trường, Trường ĐHKHTN luôn ưu tiên thiết lập và mở rộng quan hệ đối tác với nhiều công ty, viện nghiên cứu, ... giúp sinh viên KH&CNTTP nhiều cơ hội để sớm tiếp xúc với doanh nghiệp thông qua hoạt động ngoại khóa và học phần thực tập thực tế, thực tập công nghiệp [H1.11.03.01]. Hàng năm Trường tổ chức Ngày hội việc làm, nơi lãnh đạo Trường, nhà tuyển dụng và sinh viên tương tác, giúp sinh viên tìm kiếm các cơ hội việc làm và khởi nghiệp [H1.11.03.02]. Ngoài ra, các thông tin tuyển dụng do các nhà tuyển dụng gửi đến trường luôn được nhà trường gửi đến sinh viên thông qua hệ thống thư điện tử của cá nhân do trường cung cấp và được đăng tải trên website của Nhà trường để sinh viên có thể đăng ký trực tuyến tìm việc làm [H1.11.03.03].

Mặc dầu nhiều cơ sở đào tạo đã và đang mở ra các ngành đào tạo gần hoặc có liên quan đến lĩnh vực KH&CNTTP, là một trong những nguyên nhân làm cho nguồn nhân lực được đào tạo tăng nhanh trong những năm qua. Tuy nhiên, với lịch sử là đơn vị đào tạo có đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ chuyên môn cao, uy tín và chất lượng đào tạo của Khoa ngày càng nâng cao trong xã hội và được bạn bè thế giới đánh giá cao [H1.11.03.04], đồng thời với sự cải tiến về CTĐT và mối quan hệ tốt giữa Nhà trường, Khoa và các đơn vị trong lĩnh vực thực phẩm, đây là cơ hội tốt để nguồn nhân lực được đào tạo ở Khoa Môi trường được xã hội chấp nhận và sử dụng. Đây sẽ là minh chứng khẳng định chất lượng đào tạo của Khoa Môi trường, góp phần nâng cao danh tiếng và uy tín của Khoa Môi trường đối với giáo dục trong nước và quốc tế.

Tháng 6/2024 vừa qua Trường mới có đợt đầu tiên SV tốt nghiệp, tuy chưa có số liệu cụ thể về tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, nhưng với định hướng phát triển của Chính Phủ, của Bộ ngành liên quan về lĩnh vực thực phẩm [H1.11.03.05], cùng với nhu cầu tuyển dụng nhân sự không chỉ của các doanh nghiệp đã gửi trực tiếp tới Trường [H1.11.03.03] mà còn nhu cầu vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị và cơ sở liên quan khác (Ví dụ, tại các cơ quan nhà nước, như: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm thuộc Sở Y tế và thuộc các tỉnh, thành phố; Cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công thương và thuộc các tỉnh, thành phố; Chi cục Hải quan thuộc Sở Tài chính; Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở An toàn vệ sinh thực phẩm thuộc các tỉnh, thành phố; Ban An toàn vệ sinh thực phẩm thuộc các huyện, ...; hoặc làm việc tại các Viện nghiên cứu, như: Viện Dinh dưỡng; Viện Nghiên cứu rau quả; Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm; Viện Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch; Viện Nghiên cứu Hải sản,; Viện Công nghiệp thực phẩm; ...; hoặc tại các doanh nghiệp, tập đoàn hay các Công ty liên quan chế biến, bảo quản thực phẩm; ... Ngoài ra, với những sinh viên tốt nghiệp xuất sắc sẽ có cơ hội học sau đại học, làm cán bộ giảng dạy, ...) có thể khẳng định rằng, tất cả các SV tốt nghiệp đều sẽ có việc làm phù hợp theo chuyên ngành được đào tạo.

2) Điểm mạnh

Là cơ sở đào tạo có truyền thống và uy tín với xã hội, luôn đặt vấn đề chất lượng đào tạo lên hàng đầu. Sinh viên tốt nghiệp ngành KH&CNTTP tại Trường ĐHKHTN có việc làm vẫn sẽ đảm bảo tỷ lệ cao. Điều này càng khẳng định được chất lượng đào tạo, vị thế, uy tín của Trường trong công tác đào tạo đại học.

Nhà trường thường xuyên thực hiện việc khảo sát tình hình SV có việc làm sau khi tốt nghiệp để có cơ sở đối sánh và có những chính sách để điều chỉnh tuyển sinh một cách phù hợp. Khoa Môi trường cũng đã tạo ra hệ thống mạng lưới kết nối giữa SV với cựu SV, giữa SV và cán bộ khoa Môi trường nhằm khai thác, hỗ trợ người học có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp.

3) Điểm tồn tại

Việc giám sát để đối sánh kết quả sinh viên tốt nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn do các cơ sở đào tạo không hoặc ít thực hiện khảo sát tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, hoặc khi có kết quả khảo sát thường ít công bố công khai.

4) Kế hoạch hành động

Ngay sau đợt tốt nghiệp khóa học 2020-2024 (đợt 1, tháng 6/2024), Khoa cần tiến hành xây dựng kế hoạch khảo sát việc làm SV sau khi tốt nghiệp. Ngay trong học kỳ I năm học 2024 - 2025, khoa cần có kế hoạch tăng cường tuyên truyền và kết nối với các nhà tuyển dụng để khảo sát việc làm SV sau khi tốt nghiệp, đồng thời cũng là mạng lưới để khảo sát về nhu cầu của xã hội đối với CĐR của CTĐT.

5) *Tự đánh giá*: Đạt, mức: 6/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1) Mô tả hiện trạng

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập: Hiện nay, các loại hình NCKH của người học được xác lập theo khung CTĐT có thể được tinh đến là các nghiên cứu thực hiện khoá luận tốt nghiệp; các nghiên cứu thực nghiệm theo hướng dẫn của giáo viên trong một số học phần có phần bài tập và thực hành, hay tổng quan tài liệu về các vấn đề được học trong quá trình học các môn học phần, đặc biệt là môn học phần thực tập thực tế, thực tập công nghiệp.

NCKH là một hoạt động quan trọng đối với giảng viên tại ĐHQGHN nói chung và của Khoa Môi trường nói riêng. Nhiệm vụ của giảng viên trong từng năm học bao gồm hoạt động giảng dạy, hoạt động nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác với thời lượng theo quy định về chế độ làm việc tại ĐHQGHN [H1.11.04.01]. Kết hợp chặt chẽ giữa NCKH và đào tạo là điểm nổi bật của Trường ĐHKHTN nói chung, của Khoa Môi trường nói riêng, qua đó góp phần thúc đẩy quá trình đổi mới phương pháp dạy - học, nâng cao chất lượng đào tạo và trình độ đội ngũ cán bộ.

Bảng 11.3 cung cấp số liệu về các công bố khoa học trong 3 năm gần đây (từ năm học 2020-2021 đến năm học 2022-2023) của các giảng viên Khoa Môi trường [H1.11.04.02].

Bảng 11.3. Thống kê các công bố khoa học trong 3 năm gần đây

Năm học	Hình thức xuất bản					Tổng	Tỷ lệ xuất bản trên một giảng viên
	Tạp chí ISI/Scopus	Tạp chí quốc tế khác	Tạp chí trong nước	Kỷ yếu hội nghị quốc tế	Kỷ yếu hội nghị quốc gia		
2020-2021	68	4	47	28	14	161	3.83
2021-2022	71	5	74	13	1	164	3.81
2022-2023	68	2	44	2	18	134	3.12

Nhìn vào số liệu Bảng 11.3 có thể thấy, số lượng công bố quốc tế, đặc biệt là những công bố thuộc danh mục ISI/Scopus ngày càng được FES chú trọng, chiếm ưu thế hơn so với các loại hình công bố khác. Số lượng công bố quốc tế cao thể hiện sự đóng góp đáng kể vào thành tựu khoa học chung của ĐHQGHN, của Trường ĐHKHTN và của khoa Môi trường. Ngoài các công bố quốc tế, mỗi năm học, các giảng viên của khoa Môi trường tham gia khoảng 30 đề tài NCKH các cấp, bao gồm các đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp ĐHQGHN, cấp cơ sở, ... [H1.11.04.03]. Việc quản lý các đề tài nghiên cứu này được thực hiện theo các quy định do Bộ Khoa học và Công nghệ, ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN quy định, bao gồm đánh giá, kiểm tra tiến độ và nghiệm thu đề tài [H1.11.04.04]. Bằng cách hướng dẫn SV thực hiện NCKH và hỗ trợ SV làm khóa luận tốt nghiệp, đội ngũ giảng viên của Khoa Môi trường luôn tạo điều kiện cho SV có trải nghiệm học tập thực tế, điều này cho thấy việc tích hợp NCKH vào giảng dạy đã được chứng minh là có lợi trong việc nâng cao chất lượng đào tạo SV, bởi song hành với công tác đào tạo, NCKH SV cũng là nhiệm vụ thường xuyên của Khoa Môi trường, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN. Hàng năm, Khoa Môi trường tổ chức hội nghị khoa học SV nhằm lựa chọn những báo cáo NCKH xuất sắc của SV có thể tham gia hội nghị khoa học SV cấp trường ĐHKHTN, từ đó có cơ hội tham gia cấp ĐHQGHN và Bộ GD&ĐT [H1.11.03.05]. Trên cơ sở các Tuyển tập tóm tắt

báo cáo NCKHSV [H1.11.04.06; H1.11.04.07; H1.11.04.08] và quyết định trao giải thưởng Sinh viên NCKH các năm từ 2022 đến 2024 [H1.11.04.09], Bảng 11.4 thể hiện số liệu thống kê về các báo cáo khoa học SV khoa Môi trường nói chung, SV ngành KH&CNTTP nói riêng tham gia hội nghị khoa học SV cấp Trường trong 3 năm học gần đây. Sự kết hợp chặt chẽ giữa NCKH và đào tạo góp phần thúc đẩy quá trình đổi mới phương pháp dạy - học, nâng cao chất lượng đào tạo và trình độ đội ngũ cán bộ của Khoa.

Bảng 11.4. Thống kê báo cáo khoa học của sinh viên trong 3 năm gần đây

Năm học	Số lượng báo cáo NCKH		Số lượng giải thưởng cấp Trường (toàn khoa/KH&CNTTP)	Giải thưởng cấp ĐHQGHN và cấp Bộ GD&ĐT
	Sinh viên khoa Môi trường	Sinh viên ngành KH&CNTTP (số báo cáo/số sinh viên tham gia)		
2021-2022	65	5/18	15/0	1/0
2022-2023	90	16/54	18/5	0
2023-2024	150	47/87	33/7	Chưa có số liệu

Theo thời gian tuyển sinh, từ năm 2022, Hội nghị khoa học sinh viên của khoa Môi trường có thêm báo cáo NCKH của SV ngành KH&CNTTP. Số liệu Bảng 11.4 cho thấy tỷ lệ báo cáo và số lượng SV ngành KH&CNTTP tham gia NCKH tăng dần qua các năm và luôn chiếm tỷ lệ cao so với các ngành khác trong Khoa.

Ngoài ra, hoạt động NCKH của SV còn được thực hiện thông qua các học phần với các nội dung làm bài tiểu luận/báo cáo do giảng viên phụ trách giao cho SV. Thông thường mỗi học kỳ có khoảng 5 - 10% số học phần được tổ chức cho SV làm tiểu luận.

2) Điểm mạnh

Các loại hình hỗ trợ và thúc đẩy các NCKH cho SV đã được Khoa Môi trường và Trường ĐHKHTN đưa ra trong khung chương trình giảng dạy khá phong phú và có tính linh hoạt

cao. Đồng thời Trường đã có kinh phí ủng hộ cho các hướng NCKH tiềm năng của SV [H1.11.04.10] và SV được khuyến khích tham gia các cuộc thi để thử sức trong lĩnh vực NCKH. Số lượng đề tài nghiên cứu có tính ứng dụng ngày càng tăng, tỷ lệ SV làm nghiên cứu phục vụ khóa luận tốt nghiệp luôn giữ ở mức 100% với nội dung nghiên cứu đa dạng, phù hợp của ngành KH&CNTP. Những năm gần đây, SV Khoa Môi trường nói chung và ngành KH&CNTP đã được khuyến khích và tạo nhiều điều kiện để tham gia thực hiện nhiều NCKH. Việc nghiên cứu này có thể xuất phát từ những đề tài dự án của thầy cô trong Khoa, đặc biệt có nhiều nghiên cứu xuất phát từ chính những ý tưởng của SV, từ những gợi mở của thầy cô giáo, từ những vấn đề trong cuộc sống xã hội mà SV đã tự nhìn nhận và đưa ra chủ đề rất thiết thực. Nhiều nghiên cứu đã được hợp tác để thực hiện với sự hỗ trợ và hợp tác với nhiều đơn vị cơ quan khác như Viện Nghiên cứu Hải sản, Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự, ... có sự hợp tác đồng hướng dẫn của nhiều chuyên gia có chuyên môn cao. Các thành tích trong nghiên cứu khoa học đã được Khoa khuyến khích và có điểm thưởng khi chấm điểm các môn học, và khi chấm khóa luận tốt nghiệp.

3) Điểm tồn tại

Mặc dù khoa Môi trường đã có nhiều giải pháp để khuyến khích hoạt động NCKH sinh viên từ năm thứ hai, tuy nhiên số lượng SV ngành KH&CNTP đăng ký NCKH trong Hội nghị Khoa học sinh viên vẫn chưa cao (chiếm 30 - 35% so với tổng số sinh viên năm thứ 2 đến năm thứ tư ngành KH&CNTP). Một số SV vẫn chưa thực sự chủ động đối với NCKH.

4) Kế hoạch hành động

Khoa sẽ có các phương thức tiếp cận sớm hơn để khuyến khích sinh viên tham gia NCKH, có thể tìm thêm các nguồn học bổng, giải thưởng cho SV khi làm NCKH. Đồng thời khuyến khích các cán bộ hàng năm tích cực hơn nữa trong việc đề xuất và thực hiện các đề tài NCKH liên quan tới lĩnh vực thực phẩm.

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 6/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1) Mô tả hiện trạng

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của ĐHQGHN [H1.11.05.01; H1.11.05.02; H1.11.05.03], Trường ĐHKHTN đã ban hành Hướng dẫn quy trình lấy phiếu phản hồi từ các bên liên quan [H1.11.05.04]. Qua các đợt thực tập, đặc biệt qua đợt thực tập công nghiệp, các cơ sở nơi sinh viên thực tập đều có những nhận xét tích cực về sinh viên ngành KH&CNTP của Khoa Môi trường. Dưới góc nhìn của họ, sinh viên có kiến thức sâu, kỹ năng giao tiếp tốt, khả năng áp dụng kiến thức có được vào thực tiễn một cách linh hoạt, khả năng tư duy tổng hợp tốt, có thể tổ chức, phát triển, thực hiện và tổng quát các vấn đề khoa học. Bên cạnh đó, Khoa thường xuyên thu thập ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng về chất lượng các CTĐT kỹ năng mềm do Khoa thực hiện. Các nhà tuyển dụng hài lòng với bản cập nhật và tính hiện đại của chương trình. Tuy nhiên, một số ý kiến cho rằng khả năng tiếng Anh của SV còn hạn chế trong triển khai các công việc chuyên môn [H1.11.05.05]. Khoa đã nhận được những phản hồi tích cực về năng lực làm việc, sự nhiệt tình, tính linh hoạt và thân thiện của SV từ các đối tác. Từ kết quả khảo sát các bên liên quan, Khoa Môi trường đã tích hợp các ý kiến phản hồi để làm căn cứ lập kế hoạch cải tiến chất lượng hàng năm của Khoa. CTĐT được ban hành năm 2020 [H1.11.05.06] và 2023 đã được điều chỉnh bổ sung [H1.11.05.07] các CDR đã chi tiết hơn, đã rà soát để khối kiến thức phù hợp hơn (từ 140 tín chỉ, còn 131 tín chỉ), tăng ngoại ngữ B1 (từ 3 lên 7), để SV có thêm sự lựa chọn, để áp dụng cho SV từ khóa 2022. Bên cạnh đó, Khoa khuyến khích các SV tìm kiếm tài liệu, viết khóa luận, tiểu luận, báo cáo khoa học, seminar và trình bày bằng tiếng Anh. Câu lạc bộ tiếng Anh tiếp tục được duy trì với sự hỗ trợ của các giảng viên trong Khoa giúp nâng cao khả năng giao tiếp và bổ sung các kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh cho SV [H1.11.05.08]. Bên cạnh đó, số lượng các học phần thực hành, thực tập đã được bổ sung tăng lên [H1.11.05.07].

Để thu thập thêm dữ liệu về mức độ đạt được CDR của sinh viên tốt nghiệp, Phòng Thanh tra pháp chế và Đảm bảo chất lượng đã thu thập phản hồi từ nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên tốt nghiệp, bao gồm mức độ hài lòng của cơ quan với sinh viên tốt nghiệp về kiến thức, kỹ năng, năng lực chuyên môn, phẩm chất cá nhân, và kỹ năng mềm [H1.11.05.09; H1.11.05.10]. Kết quả khảo sát liên quan đến tất cả các CTĐT của trường trong những năm

gần đây đã cho thấy sự cải thiện đáng kể [H1.11.05.05] là minh chứng cho những nỗ lực và cam kết không ngừng hướng tới nâng cao chất lượng giáo dục và đảm bảo SV tốt nghiệp của Khoa Môi trường, Trường ĐHKHTN nói chung, của ngành KH&CNTTP nói riêng đáp ứng CDR của CTĐT.

2) Điểm mạnh

Khoa Môi trường đã thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan theo đúng quy trình đã được Nhà trường quy định; có bộ phận chuyên trách, quy trình, công cụ và phương pháp tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan. Kết quả khảo sát được phân tích và tích hợp vào kế hoạch cải tiến chất lượng hàng năm của Khoa. Các phiếu khảo sát luôn được rà soát và đa dạng hóa kênh thu thập thông tin từ các bên liên quan.

3) Điểm tồn tại

Quy trình, phương pháp/công cụ giám sát khách quan việc thu thập phản hồi ý kiến từ các bên liên quan chưa được thực hiện thường xuyên, số lượng đợt khảo sát và số người được khảo sát còn hạn chế. Cơ chế giải trình, phản hồi ý kiến chưa rõ ràng; kênh góp ý, phản hồi ý kiến qua đối thoại còn hạn chế, ...

4) Kế hoạch hành động

Nhà trường và Khoa cần tập trung khắc phục các điểm còn tồn tại, cụ thể như sau:

- Tăng số lượng khảo sát lên 10% so với hàng năm.
- Quy trình góp ý cần được cởi mở, đa dạng và tích cực hơn; có cơ chế giải trình, phản hồi ý kiến rõ ràng đối với cán bộ, giảng viên và người học; mở rộng kênh góp ý, phản hồi ý kiến qua đối thoại.

5) Tự đánh giá: Đạt, mức: 6/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Điểm mạnh

- Hệ thống quản lý đào tạo của Trường ĐHKHTN và Khoa Môi trường về cơ bản đã có đầy đủ các văn bản pháp lý cũng như cơ chế phù hợp với sự phân công, phân nhiệm rõ ràng trong việc theo dõi và giám sát các vấn đề liên quan đến tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi

học, thời gian tốt nghiệp trung bình, hoạt động NCKH. Mặc dầu, đến tháng 6 năm 2024 mới có khóa đầu tiên SV ngành KH&CNTTP tốt nghiệp, nhưng Trường và Khoa cũng đã có những quy định cụ thể và rõ ràng về việc khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan (người học, cựu SV, GV và nhà tuyển dụng) đối với các ngành đào tạo khác, đồng thời có sử dụng các thông tin phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo.

- Chất lượng đầu vào tốt; sự hợp tác với các cơ sở, doanh nghiệp tốt.
- Đầu tư trang thiết bị PTN, CSVC ngày càng được tăng cường.

Điểm yếu

- Thiếu học phần giảng dạy bằng tiếng Anh, để nâng cao chất lượng tiếng Anh của SV ra trường, đáp ứng nhu cầu của các nhà tuyển dụng [H1.11.05.07].
- Thiếu trao đổi hợp tác đào tạo với nước ngoài.

Giải pháp khắc phục

- Cần tăng cường giám sát đối với SV trong quá trình học tập;
- Cần thay đổi cơ chế và phương thức liên hệ với nhà tuyển dụng để SV ngành KH&CNTTP làm việc đúng nghề sau khi tốt nghiệp;
- Cần có phương pháp tốt để tổ chức thực hiện đối sánh tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm giữa các CTĐT trong các cơ sở giáo dục có cùng hình thức đào tạo, đối sánh cùng ngành/chuyên ngành đào tạo trong nước/quốc tế.

Qua bản báo cáo tự đánh giá lần này, Khoa Môi trường, Trường ĐHKHTN và các đơn vị chức năng sẽ rút ra được những điểm hạn chế để có chiến lược xây dựng kế hoạch hành động một cách hiệu quả, thiết thực hơn trong công tác quản lý, giám sát và nâng cao chất lượng đầu ra của chương trình học và SV được đào tạo từ ngành KH&CNTTP, Khoa Môi trường, Trường ĐHKHTN.

Trong 5 tiêu chí của tiêu chuẩn 11, cả 5 tiêu chí đều đạt 6/7.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo Đại học ngành Khoa học và Công nghệ thực phẩm, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN được thực hiện theo bộ tiêu chuẩn ban hành kèm Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT, Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT, Công văn 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về điều chỉnh, thay thế một số phụ lục của Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020. Quá trình đánh giá được thực hiện một cách nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo kết quả tự đánh giá chính xác, phản ánh đúng thực trạng chất lượng CTĐT của ngành.

Thông qua việc tự đánh giá này, Nhà trường và Khoa Môi trường đã nhận diện được điểm mạnh, điểm tồn tại trong từng hoạt động của ngành, từ đó làm cơ sở để lập kế hoạch hành động nhằm cải tiến chất lượng đào tạo, tiếp tục phát huy ưu điểm, khắc phục và cải tiến những mặt còn hạn chế, tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ, hướng đến thực hiện đầy đủ những cam kết đào tạo mà Khoa Môi trường, Trường ĐHKHTN đã tuyên bố với xã hội.

1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo đại học ngành Khoa học và Công nghệ thực phẩm

1.1. Về mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc và chương trình đào tạo

Mục tiêu, chuẩn đầu ra

Về cơ bản mục tiêu và CDR của CTĐT ngành KH&CNTP được xây dựng đáp ứng được kỳ vọng về tầm nhìn, sứ mạng của ĐHQGHN/ĐHKHTN/Khoa Môi trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học; có tính bao quát nhưng vẫn đáp ứng được các mục tiêu chuyên biệt; thường xuyên được điều chỉnh và phản ánh được sự chuyển biến của CTĐT theo nhu cầu của xã hội. Tuy vẫn còn một số hạn chế trong công tác thu thập phản hồi từ các bên liên quan (do tháng 6/2024 sinh viên mới tốt nghiệp khóa đầu tiên), nhưng Khoa Môi trường đã có những giải pháp chủ động để giải quyết trong thời gian tới.

Bản mô tả chương trình đào tạo

- *Điểm mạnh:* Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần có tính logic, được cập nhật những vấn đề mới về lĩnh vực **KH&CNTP** theo định kỳ giúp cho người học và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, để chủ động bố trí lộ trình học tập của mình.

- *Điểm tồn tại:* Chưa đa dạng hóa hình thức cung cấp bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần đến các bên liên quan, đặc biệt trong bối cảnh có thể tận dụng lợi thế của công nghệ thông tin.

Cấu trúc và chương trình dạy học

Điểm mạnh nổi bật

- CTDH cử nhân ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm đã phản ánh rõ ràng mục tiêu đào tạo và yêu cầu của chuẩn đào tạo đại học nhằm đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT. Chương trình dạy học được thiết kế đảm bảo tỉ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức và phù hợp với CĐR của ngành và có sự cập nhật, bổ sung điều chỉnh theo yêu cầu của thực tế. Chương trình đào tạo được xây dựng thành một khối thống nhất, có cấu trúc rõ ràng, chặt chẽ và logic. Tỷ lệ giữa kiến thức thực hành và lý thuyết tương đối cao, đảm bảo sinh viên vừa có kiến thức vừa có kỹ năng thực hành, thực tế, Chương trình đào tạo có 5 hướng chuyên môn tạo điều kiện cho người học được quyền lựa chọn hướng chuyên môn phù hợp với sở trường của bản thân.

- Đề cương chi tiết của từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần và thể hiện được sự gắn kết tương ứng giữa các khối kiến thức đảm bảo quá trình dạy, học và đánh giá đạt được mục tiêu của CĐR.

Tồn tại chủ yếu

- Phương pháp kiểm tra đánh giá còn có hạn chế ở một số học phần.
- Sự hiểu biết của sinh viên về CĐR học phần và sự đóng góp cụ thể vào chuẩn đầu ra của CTĐT còn hạn chế.
- Việc lấy ý kiến phản hồi của các tổ chức xã hội-nghề nghiệp về CTDH được thực hiện chưa thường xuyên và còn hạn chế.

Cấu trúc và chương trình dạy học

Điểm mạnh nổi bật

- CTDH cử nhân ngành Khoa học và công nghệ thực phẩm đã phản ánh rõ ràng mục tiêu đào tạo và yêu cầu của chuẩn đào tạo đại học nhằm đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT.

Chương trình dạy học được thiết kế đảm bảo tỉ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức và phù hợp với CDR của ngành và có sự cập nhật, bổ sung điều chỉnh theo yêu cầu của thực tế. Chương trình đào tạo được xây dựng thành một khối thống nhất, có cấu trúc rõ ràng, chặt chẽ và logic. Tỷ lệ giữa kiến thức thực hành và lý thuyết tương đối cao, đảm bảo sinh viên vừa có kiến thức vừa có kỹ năng thực hành, thực tế, Chương trình đào tạo có 5 hướng chuyên môn tạo điều kiện cho người học được quyền lựa chọn hướng chuyên môn phù hợp với sở trường của bản thân.

- Đề cương chi tiết của từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần và thể hiện được sự gắn kết tương ứng giữa các khối kiến thức đảm bảo quá trình dạy, học và đánh giá đạt được mục tiêu của CDR.

Tồn tại chủ yếu

- Phương pháp kiểm tra đánh giá còn có hạn chế ở một số học phần.
- Sự hiểu biết của sinh viên về CDR học phần và sự đóng góp cụ thể vào chuẩn đầu ra của CTĐT còn hạn chế.
- Việc lấy ý kiến phản hồi của các tổ chức xã hội-nghề nghiệp về CTDH được thực hiện chưa thường xuyên và còn hạn chế.

1.2. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Điểm mạnh

Triết lý giáo dục của Trường và Khoa được tuyên bố rõ ràng trên trang thông tin điện tử và được phổ biến tới tất cả các bên liên quan. Tất cả cán bộ, GV, SV đều hiểu rõ và thực hiện một cách nghiêm túc các mục tiêu giáo dục đã đề ra.

Khoa Môi trường đã xây dựng chiến lược dạy và học tiên tiến, sáng tạo, linh hoạt và cập nhật liên tục để đảm bảo chất lượng giảng dạy và học tập; đáp ứng nhu cầu xã hội về đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao ngành KH&CNTTP, đóng góp cho công cuộc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

CTĐT có những hoạt động thực tế và các hoạt động chuyên môn đa dạng. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ và cởi mở.

Điểm yếu

Triết lý giáo dục của Khoa còn bị giới hạn trong việc phổ biến đến các bên liên quan, chủ yếu tập trung ở các nhóm đơn vị đã có mối liên hệ, phối hợp trực tiếp với khoa, Trường.

Mặc dù đã có nhiều phương pháp giảng dạy và học tập linh hoạt, đa dạng giúp SV có thể tiếp thu kiến thức, kỹ năng, thái độ đạt CDR của CTĐT, Khoa và Trường nên cần nhắc về sự phù hợp giữa số lượng các nhóm SV tham gia trong một nhóm thực hành nên nhỏ hơn 15 để phù hợp với không gian phòng thực hành.

Một số SV chưa chủ động trong nghiên cứu khoa học, học tập, tự học để rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1.3. Về đánh giá kết quả học tập của người học và kết quả đầu ra của chương trình đào tạo

***Điểm mạnh:**

Thiết kế theo định mức CDR; công khai các quy định đánh giá; thiết lập các phương pháp đánh giá có giá trị, có độ tin cậy, có sự công bằng; thiết lập cơ chế khuyến khích người học phản hồi; và xây dựng quy trình khiếu nại về KQHT dễ dàng tiếp cận.

***Điểm yếu:**

- Chưa áp dụng rubric đối với tiểu luận; chưa xây dựng ngân hàng đề thi; đề thi viết chưa được thẩm định, chưa có sự thống nhất trong công tác ra đề và chấm thi của các cán bộ phụ trách HP; chưa công khai kế hoạch chi tiết đối với các học phần tự tổ chức thi.

1.4. Về đội ngũ cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên

Điểm mạnh:

- Trong giai đoạn 2018 - 2024, Nhà trường và Khoa Môi trường đã thực hiện tương đối tốt công tác quy hoạch và tuyển dụng GV, NCV đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH, PVCĐ thông qua các quy hoạch và đề án vị trí việc làm được điều chỉnh phù hợp từng thời điểm. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân sự được quy định cụ thể và phổ biến công khai. Năng lực và khối lượng công việc (bao gồm đầy đủ các loại hình giảng dạy, NCKH, PVCĐ) của đội ngũ GV, NCV được xác định, đo lường và đánh giá làm căn cứ cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ và phục vụ công tác đánh giá,

xét chọn thi đua, khen thưởng, tạo động lực cho đội ngũ GV, NCV. Đội ngũ GV, NCV thường xuyên được tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn.

- Điểm yếu:

Nhà trường đã có những quy định đánh giá GV, NCV với các tiêu chí khá đầy đủ, tuy nhiên chưa có hệ thống chỉ số KPIs cụ thể trong đó bao gồm các chỉ tiêu cụ thể về phục vụ cộng đồng, các tiêu chí về thái độ, nhiệt huyết bên cạnh công tác chuyên môn.

1.5. Về người học và các hoạt động hỗ trợ

Chất lượng người học và các hoạt động hỗ trợ người học được Trường ĐHKHTN và Khoa Môi trường xác định là khâu then chốt trọng hoạt động đào tạo. Trong đó có các điểm nổi bật, cụ thể như:

Đề án và Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, phù hợp với quy định pháp luật, được công bố công khai và được cập nhật hàng năm. Tiêu chí tuyển sinh, đối tượng ưu tiên được xác định phù hợp quy định, có sự tham gia của các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động; Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng, được quy định cụ thể trong đề án tuyển sinh hàng năm; được rà soát, đánh giá hàng năm thông qua Hội đồng tuyển sinh và góp ý của Khoa.

Nhà trường có hệ thống các phòng ban chức năng, cán bộ chuyên trách được phân cụ thể trong việc giám sát tiến độ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ. Quy trình giám sát được cấu trúc rõ ràng, khách quan và hiệu quả. Có phần mềm theo dõi tiến độ của người học trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp

Nhà trường có sự phân công trách nhiệm tới từng đơn vị trong việc hỗ trợ sinh viên trong học tập, nghiên cứu và môi trường làm việc. Sinh viên ngành KH&CNTĐ được các đơn vị nhà tuyển dụng bên ngoài đánh giá cao và đồng hành cùng Khoa Môi trường để hỗ trợ sinh viên thực hành, thực tập, tham quan trải nghiệm, đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp,...

Nhà trường có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho

tất cả các đối tượng trong toàn Trường để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu cho NH và CBLQ.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Chưa xây dựng được đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp để làm công tác quảng bá tuyển sinh;

Việc khảo sát CBLQ về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH chưa được thường xuyên, chưa triển khai khảo sát đối tượng các BQL các trường THPT để có đánh giá khách quan hơn.

Nhà trường chưa ban hành Quy trình theo dõi giám sát sự tiến bộ của NH;

Nhà trường chưa xây dựng được văn bản hướng dẫn cụ thể về quy trình thực hiện triển khai hoạt động hỗ trợ học tập, hoạt động ngoại khóa cho sinh viên.

Do điều kiện về cơ sở hạ tầng nên hiện tại SV thiếu các điều kiện về sân chơi thể thao và không gian tổ chức các hoạt động tập thể cho sinh viên tại cơ sở chính 334 Nguyễn Trãi. Hoạt động tư vấn học đường như tư vấn sức khỏe tâm lý còn hạn chế.

1.6. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Điểm mạnh:

Khoa Môi trường được Nhà trường quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của ngành Khoa học Môi trường. Hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của Nhà trường hoàn toàn phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành; Thư viện của Nhà trường có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo; Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học; Các phòng thực hành tin học, phòng nghiệp vụ... với các trang thiết bị phù hợp đã hỗ trợ tốt cho công tác nghiên cứu khoa học, hoạt động dạy học và rèn luyện nghiệp vụ của GV và sinh viên; Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho cán bộ, GV và SV làm việc, học tập và nghiên cứu...

Điểm yếu:

Hệ thống wifi chưa đồng bộ, chất lượng wifi ở một số khu vực trong trường chưa được đảm bảo.

1.7. Về nâng cao chất lượng

CTDH thường xuyên được đánh giá bởi các bên liên quan và cải tiến định kỳ 2 năm/lần với quy trình chặt chẽ, thống nhất; Quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên theo từng kỳ học, đảm bảo thực hiện mục tiêu của CTĐT; Hoạt động NCKH của GV, SV Khoa đã gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và phục vụ cộng đồng, ứng dụng vào việc cải tiến việc dạy và học. Công tác lấy ý kiến phản hồi về nhu cầu nguồn nhân lực và gặp gỡ các nhà tuyển dụng (tập đoàn, công ty) còn chưa được thường xuyên. Việc triển khai cải tiến một số dịch vụ hỗ trợ (dịch vụ internet, quá trình đăng ký môn học hằng kỳ) diễn ra còn chậm, chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu thực tế.

2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo

- Cơ chế và quy trình thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan chưa được thuận tiện cho việc tổng hợp và hỗ trợ cho công tác cải tiến chất lượng.

- Việc định kỳ, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh trong thời đầu khi vận hành chương trình đào tạo (2020-2022). Công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan chưa được hoàn thiện và chuyên nghiệp.

- Đánh giá kết quả người học đã được triển khai thực hiện đa dạng, phong phú đảm bảo đánh giá công bằng, khách quan. Tuy vậy, rubic trong đánh giá tiểu luận, quá trình thực hành còn cần được quan tâm, cải tiến.

- Việc cập nhật các phương pháp giảng dạy mới, chuyển đổi hình thức sang giảng dạy trực tuyến chưa thuận lợi; Công tác đổi mới phương pháp đánh giá sinh viên cần tiếp tục được cải thiện.

- Cơ sở vật chất, hệ thống wifi của Nhà trường mặc dù đang được nâng cấp nhưng vẫn còn một số vấn đề về tốc độ và hạn chế về diện tích.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Để khắc phục những tồn tại trên, Khoa Môi trường và Nhà trường đã có kế hoạch từ năm học 2023 - 2024 đến năm 2028 - 2029 trở đi như sau:

- Cơ chế và quy trình thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được nghiên cứu và cải tiến nhằm thuận tiện cho việc thu thập và tổng hợp, hỗ trợ tốt cho các hoạt động nâng cao chất lượng.

- Tiếp tục định kỳ rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTDH, CDR trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan, nhất là theo đối tượng sử dụng lao động và dự đoán diễn biến của nhu cầu xã hội.

- Tiếp tục sáng tạo, cập nhật các phương pháp giảng dạy mới, đổi mới giáo dục, chuyển đổi hình thức sang giảng dạy trực tuyến cần linh hoạt, phù hợp với quy định, bổ sung kịp thời vào đề cương chi tiết các học phần; Công tác đổi mới phương pháp đánh giá sinh viên cần tiếp tục được cải thiện.

- Đổi mới công tác đánh giá kết quả người học; tổ chức xây dựng ngân hàng câu hỏi thi giữa kỳ và cuối kỳ, đánh giá sát thực kết quả người học, đảm bảo công bằng, khách quan. Rubric, công cụ hỗ trợ cho đánh giá tiểu luận, quá trình thực hành tiếp tục được hoàn thiện trong thời gian tới.

- Nâng cấp cơ sở vật chất, hệ thống wifi của Nhà trường nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên trong toàn trường.

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

Căn cứ vào bộ Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường đại học của Bộ GD&ĐT, tổng hợp kết quả đánh giá của 11 tiêu chuẩn gồm 51 tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá nhận thấy cả 51 tiêu chí đều đạt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

GS.TSKH. Vũ Hoàng Linh

PHỤ LỤC

Phụ lục 6a: Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá

(Theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học)

Tên cơ sở giáo dục: Trường Khoa học Tự nhiên

Mã: QHT96

Tên CTĐT: Khoa học và Công nghệ thực phẩm

Mã CTĐT: 7540110

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>						3		6	3	100
Tiêu chí 1.1						X				
Tiêu chí 1.2						X				
Tiêu chí 1.3						X				
<i>Tiêu chuẩn 2</i>						3		6	3	100
Tiêu chí 2.1						X				
Tiêu chí 2.2						X				
Tiêu chí 2.3						X				
<i>Tiêu chuẩn 3</i>						2	1	6,33	3	100
Tiêu chí 3.1							X			
Tiêu chí 3.2						X				
Tiêu chí 3.3						X				
<i>Tiêu chuẩn 4</i>					2	1		5,33	3	100
Tiêu chí 4.1						X				
Tiêu chí 4.2					X					
Tiêu chí 4.3					X					
<i>Tiêu chuẩn 5</i>					5			5	5	100
Tiêu chí 5.1					X					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 5.2					X			6	7	100
Tiêu chí 5.3					X					
Tiêu chí 5.4					X					
Tiêu chí 5.5					X					
Tiêu chuẩn 6						7				
Tiêu chí 6.1						X		6	7	100
Tiêu chí 6.2						X				
Tiêu chí 6.3						X				
Tiêu chí 6.4						X				
Tiêu chí 6.5						X				
Tiêu chí 6.6						X				
Tiêu chí 6.7						X				
Tiêu chuẩn 7						5		6	5	100
Tiêu chí 7.1						X				
Tiêu chí 7.2						X				
Tiêu chí 7.3						X				
Tiêu chí 7.4						X				
Tiêu chí 7.5						X				
Tiêu chuẩn 8								6	5	100
Tiêu chí 8.1						X				
Tiêu chí 8.2						X				
Tiêu chí 8.3						X				
Tiêu chí 8.4						X				
Tiêu chí 8.5						X				
Tiêu chuẩn 9				1	3	1		5	5	100
Tiêu chí 9.1				X						
Tiêu chí 9.2						X				

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 9.3					X			5,5	6	100
Tiêu chí 9.4					X					
Tiêu chí 9.5					X					
Tiêu chuẩn 10					3	3		5,5	6	100
Tiêu chí 10.1						X				
Tiêu chí 10.2						X				
Tiêu chí 10.3					X					
Tiêu chí 10.4						X				
Tiêu chí 10.5					X					
Tiêu chí 10.6					X			6	5	100
Tiêu chuẩn 11						5				
Tiêu chí 11.1						X				
Tiêu chí 11.2						X				
Tiêu chí 11.3						X				
Tiêu chí 11.4						X				
Tiêu chí 11.5						X				
Đánh giá chung CTĐT								5,74	50	100

Phụ lục 7. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/8/2024

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
 - Tiếng Anh: VNU University of Science
 2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: VNU-HUS
 - Tiếng Anh: VNU-HUS
 3. Tên trước đây (nếu có):
 4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Đại học Quốc gia Hà Nội
 5. Địa chỉ: 334 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội
 6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: (84)243-8584615/8581419; Số fax: (84)243-8583061
 7. E-mail: hus@vnu.edu.vn Website: <http://hus.vnu.edu.vn>
 8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 15/10/1956
 9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 15/10/1956
 10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1958-1959
 11. Loại hình cơ sở giáo dục:
 - Công lập Bán công Dân lập Tư thục
- Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: Khoa Môi trường

- Tiếng Anh: Faculty of Environmental Sciences

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

- Tiếng Việt: KMT

- Tiếng Anh: FES

14. Tên trước đây (nếu có):.....

15. Tên CTĐT

- Tiếng Việt: Khoa học và công nghệ thực phẩm

- Tiếng Anh: Food Science and Technology

16. Mã CTĐT: 7540110 (Ngành đào tạo thí điểm)

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Khoa Môi trường, Tầng 2 nhà T2, trường Đại học Khoa học Tự nhiên, số 334 đường Nguyễn Trãi, Hà Nội

19. Số điện thoại liên hệ: (84)02438584995 Số fax:

20. E-mail: fes@hus.edu.vn Website: <http://fes.hus.vnu.edu.vn>

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1995

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2020

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2024

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Khoa Môi trường được thành lập năm 1995, qua 29 năm xây dựng và phát triển, Khoa Môi trường đã trở thành đơn vị cấp Khoa hàng đầu trong cả nước về đào tạo cán bộ từ trình độ đại học, thạc sĩ đến tiến sĩ cũng như về nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực khoa học môi trường, công nghệ môi trường, khoa học và công nghệ

thực phẩm, môi trường, sức khỏe và an toàn lao động... Khi mới thành lập, Khoa chỉ có 18 cán bộ (trong đó có 1 giáo sư, 3 phó giáo sư, 8 tiến sĩ), đến nay Khoa Môi trường có 57 cán bộ cơ hữu, phân bổ trong 6 bộ môn, 2 phòng thí nghiệm và 5 phòng thí nghiệm chuyên đề. Trong số 57 cán bộ cơ hữu hiện tại, Khoa có 02 giáo sư, 16 Phó giáo sư, 24 Tiến sĩ, 12 thạc sĩ và 03 cử nhân.

Từ khi thành lập đến nay, Khoa đã đào tạo cho xã hội một nguồn nhân lực lớn với chất lượng cao gồm: hơn 3500 cử nhân, gần 1000 thạc sĩ và 100 tiến sĩ. Trong những năm gần đây, quy mô đào tạo 600-900 sinh viên, 50-100 học viên cao học và 30-50 nghiên cứu sinh.

Năm 2020, chương trình đào tạo cử nhân khoa học ngành Khoa học và Công nghệ thực phẩm được bắt đầu đào tạo. Các hướng chuyên sâu trong CTĐT đại học ngành KHCNTP bao gồm:

- (i) Khoa học thực phẩm
- (ii) Công nghệ sản xuất và chế biến thực phẩm
- (iii) Kiểm nghiệm và đánh giá an toàn thực phẩm
- (iv) Dinh dưỡng thực phẩm
- (v) Văn hóa ẩm thực và dịch vụ lễ hành

Với tiềm lực mạnh về đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất nên trong nhiều năm qua cán bộ Khoa Môi trường được Nhà nước, các cấp, các ngành giao cho chủ trì triển khai nhiều đề tài nghiên cứu khoa học. Chỉ tính từ năm 2021 đến nay, Khoa Môi trường đã và đang chủ trì thực hiện rất nhiều đề tài các cấp từ cơ sở đến cấp Nhà nước, với tổng kinh phí mỗi năm khoảng từ 10-15 tỷ đồng (năm 2023 tổng kinh phí từ các hoạt động nghiên cứu đề tài các cấp, HĐ tư vấn, chuyển giao NCKH,... đạt trên 25 tỷ đồng). Hàng năm, Khoa Môi trường công bố trên dưới 70 bài báo trên các tạp chí quốc tế, 30-70 báo cáo khoa học trong nước và nhiều bài đăng tại các hội nghị khoa học quốc tế và trong nước, 5-10 sở hữu trí tuệ/giải pháp hữu ích. Khoa Môi trường đã thiết lập được mối quan hệ chặt chẽ với nhiều Trường Đại học và Viện nghiên cứu trong nước và quốc tế (Hoa Kỳ, Thụy Điển, Đức, Tây Ban Nha, Đan Mạch, Phần Lan, Hungary, Bỉ, Nga, Úc, Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Indonesia, Thái Lan...).

Trong quá trình phát triển, các cán bộ trong Khoa Môi trường đã được nhiều khen thưởng, bao gồm:

- Về tập thể: Huân chương Lao động hạng Nhất (2020), Nhì (2015), Ba (2010), Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, Bằng khen Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Bộ KH&CN; Bộ TN&MT; Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN; Cờ thi đua của Chính phủ/ĐHQGHN/Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giải thưởng môi trường quốc gia... và liên tục là tập thể lao động xuất sắc. Nhiều bộ môn, đơn vị trong Khoa được công nhận là tập thể Lao động xuất sắc, được tặng Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN.

- Cá nhân: 1 Giáo sư nguyên là cán bộ của Khoa được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân và 5 cán bộ ở Khoa được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Ưu tú. Nhiều cán bộ trong Khoa được tặng thưởng Huân chương lao động, Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, Bộ GD&ĐT, Bộ KH&CN, ĐHQGHN

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

Cơ cấu tổ chức của Khoa Môi trường được mô tả ở hình sau:

- Trưởng Khoa: GS.TS. Nguyễn Mạnh Khải; Các phó trưởng Khoa: TS. Trần Thiện Cường, PGS.TS. Phạm Thị Thúy.

- Các đơn vị Bộ môn gồm: Bộ môn Quản lý môi trường: 5 cán bộ, Bộ môn Tài nguyên và Môi trường đất: 9 cán bộ, Bộ môn Sinh thái môi trường: 9 cán bộ, Bộ môn Công nghệ môi trường: 12 cán bộ, Bộ môn Môi trường và Phát triển bền vững: 6 cán bộ, Bộ môn Khoa học và Công nghệ thực phẩm: 8 cán bộ, Văn phòng Khoa: 3 cán bộ, Phòng thí nghiệm Nghiên cứu môi trường: 5 cán bộ và Phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ xanh: 1 cán bộ kiêm nhiệm.

Sơ đồ tổ chức của Khoa Môi trường

26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					

1		Vũ Hoàng Linh	1968	PGS. TSKH, Hiệu trưởng	091306 2989	linhvh@vnu.edu.vn
2		Ngọc An Bang		PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	091244 5352	ngacانبang@hus.edu. vn
3		Lê Thanh Sơn		GS.TS, Phó Hiệu trưởng	090323 6282	lethanhson@hus.edu. vn
4		Trần Quốc Bình		PGS. TS, Phó Hiệu trưởng	091285 6926	tranquocbinh@hus.ed u.vn
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I.	Lãnh đạo Khoa					
1		Nguyễn Mạnh Khải	1975	GS.TS, Trưởng khoa	091336 9778	<u>nguyenmanhkhai@hu s.edu.vn</u>

2		Phạm Thị Thúy	1980	PGS.TS, Phó Trưởng khoa	098288 8499	phamthithuy@hus.edu.vn
3		Trần Thiện Cường	1976	TS, Phó Trưởng khoa	093518 8666	tranthiencuong@hus.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	Chi bộ					
		Nguyễn Mạnh Khải	1975	GS.TS, Bí thư chi bộ	091336 9778	nguyenmanhkhai@hus.edu.vn
		Nguyễn Ngọc Minh	1979	GS.TS, Phó bí thư chi bộ	097996 5353	minhnn@hus.edu.vn

		Phạm Thị Thúy	1980	PGS.TS, Chi ủy viên	098288 8499	phamthithuy@hus.edu.vn
2.	Liên chi đoàn Khoa					
		Đặng Thị Hải Linh	1993	ThS, Bí thư liên chi	096863 5699	linhdth@hus.edu.vn
		Hà Thanh Bình	2003	Sinh viên, Phó bí thư	095485 5190	Hathanhbinh_t66@hus.edu.vn
		Cán Minh Hoàng	2003	Sinh viên, Ủy viên BTV	098661 3671	Canminhhoang_t66@hus.edu.vn
3.	Công đoàn Khoa					
		Nguyễn Xuân Huân	1980	TS, Chủ tịch công đoàn	098366 5756	huannx@hus.edu.vn

		Phạm Thị Thu Hà	1977	TS, Phó chủ tịch công đoàn	0948813688	thuhaee@hus.edu.vn
		Lê Thị Hoàng Oanh	1982	TS, Ủy viên công đoàn	0948453495	hoangoanh.le@hus.edu.vn
		Phạm Anh Hùng	1982	TS, Ủy viên công đoàn	0989661615	phamanhhung@hus.edu.vn
		Đinh Thị Dịu		ThS, Ủy viên công đoàn	0986771186	diudt@hus.edu.vn
4.	Hội sinh viên					
III.	Các phòng, ban					
1.	Phòng Chính trị và Công tác sinh viên					

		Nguyễn Thanh Bình		TS, Trưởng phòng	024.355 81226	binhnt@hus.edu.vn
		Phạm Thị Lệ Thủy		ThS, Phó Trưởng phòng		
2	Phòng Đào tạo					
		Nguyễn Thị Hồng Minh		PGS.TS, Trưởng phòng	090410 1065	
		Chu Hồng Đức		ThS, Phó trưởng phòng		
		Phạm Tiến Đức		TS, Phó trưởng phòng	098305 6784	tienduchphn@gmail.com
3	Hợp tác và phát triển					

		Nguyễn Văn Hà		PGS.TS, Trưởng phòng		
		Lê Hữu Tuyền		TS, Phó trưởng phòng		
4	Khoa học – Công nghệ					
		Hoàng Thị Minh Thảo		PGS.TS, Trưởng phòng	024.385 88579	hoangminhthao@gmail.com
		Đình Nho Thái		TS, Phó trưởng phòng	024.385 88579	dinhnhothai@vnu.edu.vn
5	Kế hoạch – Tài chính					

		Lê Thị Vân		ThS, Trưởng phòng		
		Vũ Thị Minh Hào		ThS, Phó Trưởng phòng		
6	Quản trị - Bảo vệ					
		Trần Tùng		ThS, Trưởng phòng		tungt@vnu.edu.vn
		Phạm Hoàng Long		ThS, Phó trưởng phòng		phamhoanglong@hus.edu.vn
		Phạm Đình Việt		ThS, Phó trưởng phòng		
7	Tổ chức cán bộ - Hành chính					

		Trần Mạnh Cường		TS, Trưởng phòng		
		Nguyễn Thị Hồng Doan		TS, Phó trưởng phòng		
8	Thanh tra pháp chế và đảm bảo chất lượng					
		Nguyễn Thị Hoàng Liên		PGS.TS, Trưởng phòng	093623 4533	nguyenthihoanglien@ hus.edu.vn
		Bùi Thanh Tú		TS, Phó trưởng phòng	096811 0113	buihanhtu@hus.edu.v n
9	Trung tâm công nghệ					

	thông tin và truyền thông					
		Lê Trọng Vĩnh		PGS.TS, Trưởng phòng		vinhlt@gmail.com
		Nguyễn Tuấn Anh		ThS, Phó trưởng phòng		nguyentuananh@hus. edu.vn
IV.	Các bộ môn trong Khoa					
1.	Bộ môn Quản lý môi trường					
		Hoàng Anh Lê	1977	PGS.TS, Trưởng bộ môn	091357 0406	leha@hus.edu.vn

		Phạm Thị Việt Anh	1971	TS, Phó trưởng bộ môn	091308 9909	phamthivietanh@hus.edu.vn
2.	Bộ môn Sinh thái môi trường					
		Nguyễn Kiều Băng Tâm	1972	PGS.TS, Trưởng bộ môn	090418 8999	tamkb@hus.edu.vn
		Phạm Thị Thu Hà	1977	TS, Phó Trưởng bộ môn	091234 9668	thuhaee@hus.edu.vn
3.	Bộ môn Công nghệ môi trường					
		Trần Văn Sơn	1986	TS, Trưởng bộ môn	098748 3211	transon_mt@hus.edu.vn

		Nguyễn Minh Phương	1986	TS, Phó Trưởng bộ môn	0966123284	nmpuong.hn@hus.edu.vn
4.	Bộ môn Môi trường và Phát triển bền vững					
		Phạm Thị Thu Hà	1977	PGS.TS, Trưởng bộ môn	0912234242	phamthithuha@hus.edu.vn
		Trần Thị Minh Hằng	1980	TS, Phó Trưởng bộ môn	0902168955	hangttm@hus.edu.vn
5.	Bộ môn Tài nguyên và môi trường đất					
		Trần Thị Tuyết Thu	1978	PGS.TS, Phó	0912733285	tranthituyetthu@hus.edu.vn

				Trưởng bộ môn		
6.	Bộ môn Khoa học và công nghệ thực phẩm					
		Nguyễn Văn Lợi		PGS.TS, Trưởng bộ môn	098659 2378	nguyenvanloi@hus.edu.vn
		Trần Thị Huyền Nga	1982	TS, Phó Trưởng bộ môn	098307 7505	tranthihuyennga@hus.edu.vn
7.	Phòng thí nghiệm Nghiên cứu môi trường					
		Nguyễn Xuân Huân	1980	TS, Trưởng phòng	098366 5756	huannx@hus.edu.vn

8.	Phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ xanh					
		Nguyễn Mạnh Khải	1975	GS.TS, Giám đốc	091336 9778	nguyenmanhkhai@hust.edu.vn

(Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: ... 04.....

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ:04.....

Số lượng ngành đào tạo đại học:04.....

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng:0.....

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):0.....

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Từ xa

Liên kết đào tạo với nước ngoài

Liên kết đào tạo trong nước

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....

29. Tổng số các ngành đào tạo: 054

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

30.1. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	26	31	57
I.1	Cán bộ trong biên chế	19	23	42
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	7	8	15
II	Các cán bộ khác	16	8	24

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

	Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)			
	Tổng số	42	39	81

30.2. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu của CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu³ <i>Trong đó:</i>	12	13	25
I.1	Cán bộ trong biên chế	9	10	19
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	3	3	6
II	Các cán bộ khác	10	6	16

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

	Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ⁴)			
	Tổng số	22	19	41

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

31. Thống kê, phân loại giảng viên

31.1. Thống kê, phân loại giảng viên của đơn vị

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ⁵ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	4	1	0	1	2	0
2	Phó Giáo sư	23	15	0	1	7	0

⁴Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

⁵Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ⁵ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	35	18	5	1	11	0
5	Thạc sĩ	13	3	6	0	4	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	75	37	11	3	24	0

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 51 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 89,5 %

31.2. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu của CTĐT

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ⁶ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	3	1	0	1	1	0
2	Phó Giáo sư	11	7	0	0	4	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	21	9	2	1	10	0
5	Thạc sĩ	4	0	3	0	1	0
6	Đại học	2	1	1	0	0	0

⁶Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ⁶ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	41	18	6	2	16	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 25 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu = 43,9 %

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường đại học, học viện).

32.1. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị

T T	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượn g GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				<i>GV trong biên ché trực tiếp giảng dạy</i>	<i>GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy</i>	<i>GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý</i>			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1	1	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5	4	1	0	1	2	0	8,5
2	Phó Giáo sư	3	23	15	0	1	7	0	50,1
3	Tiến sĩ khoa học	3	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	35	18	5	1	11	0	51
5	Thạc sĩ	1	13	3	6	0	4	0	9,8
6	Đại học	0,5	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		75	37	11	3	24	0	119,4

32.2. Quy đổi số lượng giảng viên cơ hữu của CTĐT

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên ché trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1	1	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5	3	1	0	1	1	0	7,5
2	Phó Giáo sư	3	11	7	0	0	4	0	23,4
3	Tiến sĩ khoa học	3	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	21	9	2	1	10	0	26,6
5	Thạc sĩ	1	4	0	3	0	1	0	3,2
6	Đại học	0,5	2	1	1	0	0	0	1
	Tổng		41	18	6	2	16	0	61,7

Cách tính: $Cột\ 10 = cột\ 3 * (cột\ 5 + cột\ 6 + 0,3 * cột\ 7 + 0,2 * cột\ 8 + 0,2 * cột\ 9)$

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

33.1 Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu đơn vị theo trình độ, giới tính và độ tuổi

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	2	3,9	2	0	0	0	1	0	0
2	Phó Giáo sư	16	31,4	8	8	0	0	8	6	2
3	Tiến sĩ khoa học	0	0,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	24	47,1	11	12	0	8	13	2	0
5	Thạc sĩ	9	17,6	4	5	0	6	2	1	0
6	Đại học	0	0,0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	51	100	25	25	0	14	24	9	2

33.2 Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu CTĐT theo trình độ, giới tính và độ tuổi

TT	Trình độ / học vị	Số lượng người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30- 40	41- 50	51- 60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	2	7,7	2	0	0	0	2	0	0
2	Phó Giáo sư	7	26,9	4	7	0	0	5	5	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	12	46,2	6	10	0	4	12	0	0
5	Thạc sĩ	3	11,5	4	3	0	6	1	0	0
6	Đại học	2	7,7	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	26	100	16	20	0	10	20	5	1

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 44,26 tuổi

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 82,4%

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 17,6%

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	90	95
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	5	5
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	5	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)

	(người)					được tuyển	
2020- 2021	631	104	16,5	90	14,4	25,19	0
2021- 2022	658	128	19,5	93	25,45	25,89	0
2022- 2023	773	83	10,7	80	24,7	25,5	0
2023- 2024	782	91	11,6	88	24,35	24,92	0

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh				
2. Học viên cao học				
3. Sinh viên đại học				
Trong đó:				
Hệ chính quy	90	93	80	88
Hệ không chính quy				

Các tiêu chí	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
4. Sinh viên cao đẳng Trong đó:				
Hệ chính quy				
Hệ không chính quy				
5. Học sinh TCCN Trong đó:				
Hệ chính quy				
Hệ không chính quy				
6. Khác...				

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học			
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)				
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)				
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	7	7		
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)				

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học			
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)				
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên				

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp			
	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ				
2. Học viên tốt nghiệp cao học				
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:				
Hệ chính quy				
Hệ không chính quy				
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:				
Hệ chính quy				
Hệ không chính quy				
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:				
Hệ chính quy				
Hệ không chính quy				
6. Khác...				

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp			
	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).				61
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).				61/90
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:				
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).				
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).				

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp			
	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp				
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:				
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).				
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.				
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.				
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%) (sau 12 tháng tốt nghiệp)				
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.				

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp			
	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
<p>5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:</p> <p>A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống kết thúc bảng này.</p> <p>B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:</p>				
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).				
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).				
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).				

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	6	3	4	1	2	32
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	2	6	4	2	3	17
3	Đề tài cấp trường	0,5	5	1	4	3	3	8
4	Tổng		13	10	12	6	8	58

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 58.

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) được nghiệm thu trong 5 năm gần đây trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 1.02

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2019	25.150	95,2	465,7
2	2020	28.000	96,11	518,5
3	2021	25.387	96,57	470,1
4	2022	30.125	94,3	528,5
5	2023	46.821	95,7	821,4

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	16	19	11	
Từ 4 đến 6 đề tài	2	4	-	
Trên 6 đề tài	-	-	-	
Tổng số cán bộ tham gia	18	23	11	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số* *	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Sách chuyên khảo	2,0		1	2	8	2	26
2	Sách giáo trình	1,5	3	2	1	2	1	13,5
3	Sách tham khảo	1,0		1	1		0	2
4	Sách hướng dẫn	0,5					1	0,5

5	Tổng		3	4	4	10	4	42
---	------	--	---	---	---	----	---	----

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 42

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,74

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	5	20	3	2
Từ 4 đến 6 cuốn sách	-	1	-	-
Trên 6 cuốn sách	-	-	-	-
Tổng số cán bộ tham gia	5	21	3	2

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	38	65	72	76	67	477
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	29	51	47	74	41	242
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5						
	Tổng		67	116	119	150	108	719

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 719

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 12,6

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	30	17	-
Từ 6 đến 10 bài báo	7	22	-
Từ 11 đến 15 bài báo	4	5	-
Trên 15 bài báo	3	2	-
Tổng số cán bộ tham gia	44	46	

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	44	27	28	13	4	116
2	Hội thảo trong nước	0,5	14	23	14	1	16	34
3	Hội thảo cấp trường	0,25						
4	Tổng		58	50	42	14	20	150

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 150

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,63

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỹ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	<i>Hội thảo quốc tế</i>	<i>Hội thảo trong nước</i>	<i>Hội thảo ở trường</i>
Từ 1 đến 5 báo cáo	10	14	
Từ 6 đến 10 báo cáo	-	-	
Từ 11 đến 15 báo cáo	2	-	
Trên 15 báo cáo		-	
Tổng số cán bộ tham gia	12	14	

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2018-2019	- Giải pháp hữu ích, Số: 115790/QĐ-SHTT ngày 23/12/2019, Nguyễn Mạnh Khải, Phạm Thị Thúy
2019-2020	- Độc quyền sáng chế, số 1-2020-00835 ngày 17/02/2020, Nguyễn Mạnh Khải/ Nguyễn Mạnh Khải, Phạm Thị Thúy, Phạm Đức Thắng, Nguyễn Trung Kiên, Ngô Huy Khoa, Lê Hồng Duyên
2020-2021	- Giải pháp hữu ích, Số 5618w/QĐ-SHTT ngày 20/5/2020, Nguyễn Văn Huống, Nguyễn Văn Hoàng, Tô Văn Thiệp, Nguyễn Mạnh Khải - Độc quyền sáng chế, Số 14139w/QĐ-SHTT, ngày 22/9/2020, Nguyễn Mạnh Khải
2021-2022	- Bằng độc quyền sáng chế số 31676, cấp theo Quyết định số 4305w/QĐ-SHTT ngày 16/3/2022, Nguyễn Văn Lợi - Bằng độc quyền sáng chế số 32469, cấp theo Quyết định số 4487w/QĐ-SHTT ngày 09/6/2022, Nguyễn Văn Lợi

	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng độc quyền sáng chế- Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ số 15316w/QĐ-SHTT ngày 29/9/2021, Nguyễn Văn Lợi, Nguyễn Mạnh Khải - Bằng độc quyền sáng chế- Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ số 4537w/QĐ-SHTT ngày 21/03/2022, Nguyễn Văn Lợi, Nguyễn Mạnh Khải - Bằng độc quyền sáng chế - Công văn 7670w/SHTT-SC ngày 13/4/2022, Nguyễn Mạnh Khải, Phạm Thị Thúy, Nguyễn Xuân Huân, Nguyễn Thị Hà.
2022-2023	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng sáng chế Công văn dự định cấp bằng số 84139/SGTT-SC.ip ngày 31/10/2023, Nguyễn Kiều Băng Tâm - Giải pháp hữu ích. Chấp nhận đăng số 43733/QĐ-SHTT ngày 19/6/2023 Trần Thị Huyền Nga - Giải pháp hữu ích Chấp nhận đăng số 109017/QĐ-SHTT ngày 29/11/2023 - Bằng độc quyền sáng chế số 36659, cấp theo Quyết định số 53058/QĐ-SHTT ngày 10/7/2023 của Cục Sở hữu Trí tuệ- Bộ Khoa học và Công nghệ, Nguyễn Văn Lợi - Bằng độc quyền sáng chế số 37774, cấp theo Quyết định số 92482/QĐ-SHTT ngày 02/11/2023 của Cục Sở hữu Trí tuệ- Bộ Khoa học và Công nghệ, Nguyễn Văn Lợi - Giải pháp hữu ích. Chấp nhận đơn hợp lệ số 119049/QĐ-SHTT, ngày 15/12/2023, Ngô Thị Tường Châu, Lê Văn Thiện, Đào Văn Huy - Độc quyền sáng chế: Chấp nhận đơn hợp lệ số 3371/QĐ-SHTT, ngày 12 tháng 1 năm 2024. Nguyễn Văn Lợi, Lê Anh Tuấn, Đỗ Thị Hạnh

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	53	70	14	
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				

Tổng số người học tham gia				
----------------------------	--	--	--	--

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2018.- 2019	2019.- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	9	13	12	11	10
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố					

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 27.440

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 27.440

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 13.610 Nơi học: 7555 Nơi vui chơi giải trí: 710

56. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 7555

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 6,43

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 110.647

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 5

- Dùng cho người học học tập: 30

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 1:8

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 51 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): $51 * 100 / 57 = 89,5 \%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): $35 * 100 / 41 = 85,4\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): $39 * 100 / 41 = 95,1\%$

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): $90 + 93 + 80 + 88 = 351$

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: $351 / 50 = 7,02$

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%):

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%):

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%):

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ):.....

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):.....

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):.....

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) được nghiệm thu trong 5 năm gần đây trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 1.02

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:

$(465,7+518,5+470,1+528,5+821,4)/5=560,84$ triệu VNĐ/người

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,74

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 12,6

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,63

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 18

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 6,43

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy:.....

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền)

